

KINH HOA NGHIÊM
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
GIẢNG GIẢI
TẬP 9



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 9

Hòa Thượng **TUYÊN HOÁ**

Giảng giải



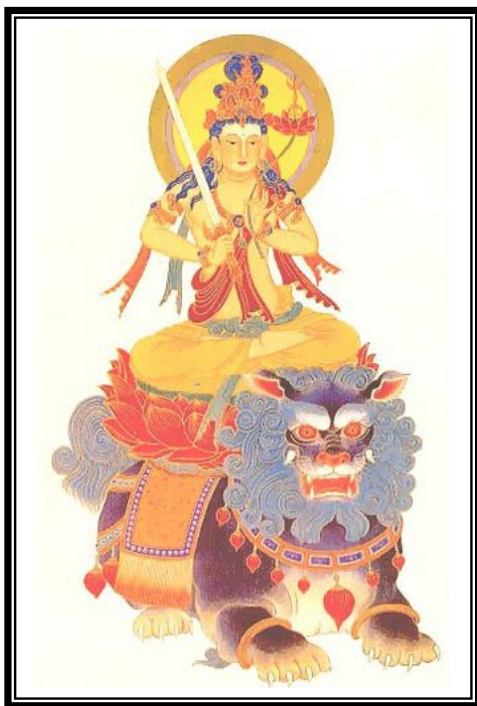
Chùa/Pagode Kim Quang
75 Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./Fax : 01.48.69.01.24
e-mail : kimquangtu@hotmail.com
website: chuakimquang.com



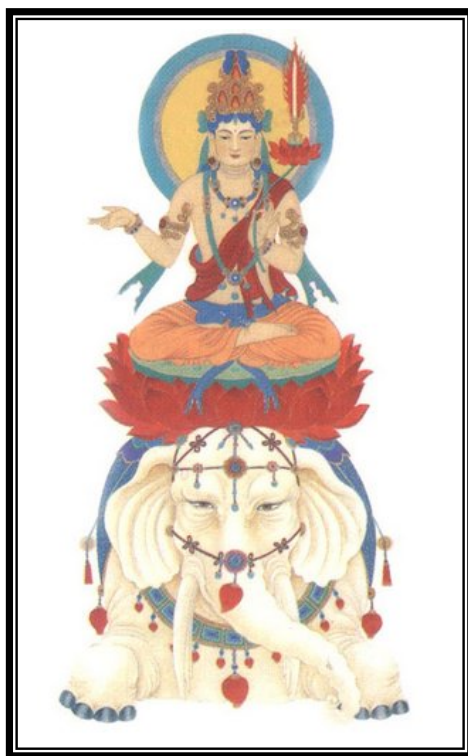
NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



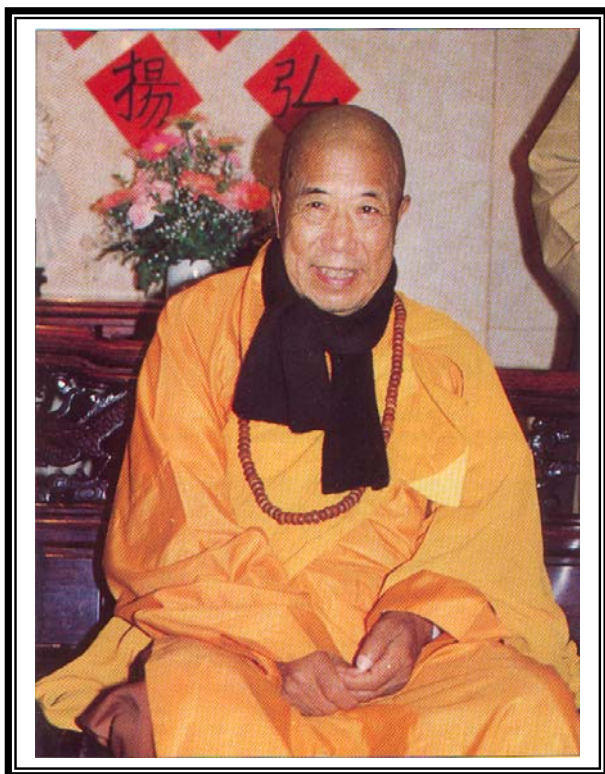
NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG
HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI TRÍ VẤN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỀN BỒ TÁT



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

QUYỂN MƯỜI SÁU

Phẩm thăng lên đỉnh Tu Di thứ mười ba.....	9
Phẩm kệ khen ngợi trên đỉnh Tu Di thứ mười bốn.....	22
Phẩm Thập Trụ thứ mười lăm.....	118

QUYỂN MƯỜI BẢY

Phẩm phạm hạnh thứ mười sáu.....	241
Phẩm công đức ban đầu phát tâm thứ mười bảy.....	281



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định
Hoà thượng Tuyên Hoá giảng giải

QUYỂN MƯỜI SÁU

PHẨM THĂNG LÊN ĐỈNH NÚI TU DI THỨ MƯỜI BA

Núi Tu Di nằm chính giữa bốn đại châu (Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lư Châu), dùng kim cang làm nền móng. Trong biển có tám vạn bốn ngàn do tuần. Phía ngoài núi Tu Di là biển Hương Thủy (biển nước thơm), bao bọc núi Tu Di. Có bảy tầng biển Hương thủy chảy chung quanh, có bảy tầng núi vàng bao bọc. Phía ngoài núi vàng của tầng thứ bảy thì có biển nước mặn. Phía ngoài của biển nước mặn thì có núi Thiết Vi.

Diện tích tầng thứ hai là tám ngàn do tuần. Diện tích của tầng thứ ba là bốn ngàn do tuần. Diện tích của tầng thứ tư là hai ngàn do tuần. Lại có bốn thứ màu sắc, đó là: Màu vàng, màu bạc, màu kim cang, màu lưu ly.

Trời Tứ Thiên Vương ở lưng chừng giữa núi Tu Di. Trời Đao Lợi ở trên đỉnh núi Tu Di. Đỉnh núi này đều là nơi người trời và bậc Thánh nhân ở. Vì chưa lìa khỏi đất, cho nên gọi là địa cư Thiên.

Tu Di dịch là Diệu Cao. Từ hai chữ diệu cao mà nhìn, thì tòa núi này khả hữu khả vô (có thể có, có thể không). Lúc nhìn thấy thì chẳng thấy đỉnh của nó; lúc chẳng thấy thì núi vẫn sừng sững. Tại sao ? Vì là diệu cao ! Đỉnh núi đó ngoài các vị tiên và Thánh nhân dùng thần thông mới đến được đỉnh, còn các phàm phu chẳng đến đỉnh được. Vì nó là cảnh giới diệu không thể tả, cho nên gọi là núi Diệu Cao.

Phật Thích Ca Mâu Ni, từ Điện Phổ Quang Minh thăng lên đỉnh núi Tu Di, để vì chư Thiên mà diễn nói diệu pháp của kinh Hoa Nghiêm. Song Ngài chẳng động tòa ngòai, vẫn ngòai ở dưới cội bồ đề nhập định. Ở trong định phóng quang minh, gia bị cho các Bồ Tát đại biểu diễn nói, phẩm Thăng Lên Đỉnh Núi thuộc về thứ mười ba.

Bấy giờ, do oai thần lực của Như Lai, mười phương tất cả thế giới, mỗi mỗi tứ Thiên hạ trong cõi Diêm Phù Đề, đều thấy Như Lai ngòai dưới cội bồ đề, đều có Bồ Tát nương thần lực của Phật mà diễn nói pháp, hết thấy đều cho rằng mình luôn ở trước Phật.

Khi nói xong hội thứ hai thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện ra đại oai thần lực. Trong mười phương vô lượng

vô biên thế giới, trong cõi Nam Diêm Phù Đề (Nam Thiệm Bộ Châu của một tứ thiên hạ (bốn đại châu), mười phương thế giới chúng sinh, đều thấy Phật ngồi dưới cội bồ đề thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Bên thân của mỗi vị Phật, đều có vô lượng vô biên Bồ Tát, nương đại oai thần lực của Phật, để diễn nói tất cả các pháp. Mỗi vị Bồ Tát và tất cả chúng sinh, đều nói như vậy: “Phật luôn đối diện với mình mà nói pháp.” Đây cũng giống như mặt trăng: Chúng sinh ở bốn hướng đông tây nam bắc, đều nói mặt trăng ở trước họ, chiếu sáng họ.

Ví như thuyền chạy ở trong biển. Thuyền chạy về hướng đông, thì cảm thấy mặt trăng đi theo họ để chiếu sáng họ. Thuyền chạy về hướng tây, thì cảm thấy mặt trăng đi theo họ để chiếu sáng họ. Thuyền đậu tại chỗ, thì cảm thấy mặt trăng trụ ở trong hư không để chiếu sáng họ. Chúng sinh cõi Nam Diêm Phù Đề, cảm thấy Phật đang ở trước họ để vì họ nói pháp. Chúng sinh cõi Nam Diêm Phù Đề trong mười phương thế giới, cũng đều nghĩ như thế.

Bấy giờ, đức Thế Tôn chẳng lìa khỏi dưới tất cả cội bồ đề, mà thăng lên đỉnh núi Tu Di, hướng về cung điện của trời Đế Thích.

Khi đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng lìa khỏi dưới tất cả cội bồ đề, vẫn an nhiên nhập định. Pháp thân của Phật dùng pháp giới làm thể tướng, hay ở khắp mọi nơi. Cho nên chẳng động bản tòa, mà thăng lên đỉnh núi Tu Di, hướng về cung điện của trời Đế Thích.

Bấy giờ, trời Đế Thích ở trước điện Diệu Thắng, xa trông thấy đức Phật đến, bèn dùng thần lực, trang nghiêm cung điện đó, trang trí tòa sư tử Phổ quang minh tạng. Tòa đó đều dùng diệu báu làm thành.

Lúc đó, trời Đế Thích ở trước điện Diệu Thắng, xa trông thấy Phật Thích Ca Mâu Ni đến, bèn dùng sức thần thông để trang nghiêm điện Diệu Thắng. Trang trí tòa sư tử Phổ Quang Minh Tạng. Tòa đó dùng tất cả diệu báu làm thành.

Có mười ngàn tầng cấp, rất đẹp trang nghiêm. Mười ngàn lưới vàng, giăng che phía trên. Mười ngàn thứ幔, mười ngàn thứ lọng, bày trí chung quanh. Mười ngàn lụa thêu thòng rủ khắp nơi. Mười ngàn chuỗi châu báu xen kẽ khắp bốn phía. Mười ngàn y phục phôi bày khắp trên tòa. Mười ngàn Thiên tử, mười ngàn Phạm Vương vây quanh trước sau. Mười ngàn quang minh chiếu sáng.

“Mười” là bắt đầu vô lượng số, biểu thị ý nghĩa trùng trùng vô tận. Cảnh giới của kinh Hoa Nghiêm tức là trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng, diệu không thể tả. Tòa sư tử đó có mười ngàn tầng cấp trùng trùng vô tận, rất

trang nghiêm đặc biệt thù thắng lại có mười ngàn lưới vàng trùng trùng vô tận, để giăng che ở phía trên tòa sư tử. Lại có mười ngàn thứ màn báu, lại có mười ngàn thứ lọng báu, bày bố trí khắp chung quanh. Lại có mười ngàn lụa thêu thòng rũ xuống, để làm đồ trang sức. Lại có mười ngàn chuỗi châu báu trùng trùng vô tận, xen kẽ nhau khắp bốn phía. Lại có mười ngàn thứ y phục phôi bày trên tòa báu. Lại có mười ngàn vị Thiên tử và mười ngàn vị Phạm Vương vây quanh trước sau Đức Phật. Lại có mười ngàn ánh sáng trùng trùng vô tận, từ các báu phóng ra để chiếu sáng tòa sư tử.

Bấy giờ, trời Đế Thích vì Như Lai trang trí tòa xong rồi, cúi mình chấp tay cung kính, hướng về đức Phật mà bạch rằng: Thiện lai đức Thế Tôn ! Thiện lai đức Thiện Thệ ! Thiện lai đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác. Xin nguyện Ngài thương xót mà vào cung điện này.

Lúc đó, trời Đế Thích vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trang trí tòa sư tử xong rồi, bèn khom mình chấp tay, biểu thị thân cung kính. Mặt mày tươi cười cung cung kính kính, khẩn khẩn thiết thiết hướng về Đức Phật, đây là biểu thị ý cung kính. Mà bạch rằng, là biểu thị miệng cung kính. Thân miệng ý đều thanh tịnh, mà nói với đức Phật: “Thế Tôn ! Ngài đến đúng thời, thật là đúng lúc. Đấng Thiện Thệ Ngài đã đến, thật hợp thời, Đức Như Lai đã đến. Hiện tại con cầu xin Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác thương xót,

phát tâm đại từ bi vào điện Diệu Thắng, để vì chư Thiên diễn nói diệu pháp của Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn thọ nhận lời thỉnh cầu, đi vào điện Diệu Thắng. Trong mười phương tất cả thế giới, cũng đều như thế.

Lúc đó, đức Phật thấy trời Đế Thích rất thành khẩn thỉnh cầu Ngài trụ ở Điện Diệu Thắng, bèn thọ nhận lời thỉnh cầu của trời Đế Thích, vào điện Diệu Thắng, thăng lên tòa sư tử. Trong mười phương hết thấy thế giới trong mỗi cõi Diêm Phù Đề, Đức Phật Thích Ca dưới cội bồ đề đều cùng nhau thăng lên đỉnh núi Tu Di, nhận lời thỉnh cầu của trời Đế Thích mà vào điện Diệu Thắng.

Bấy giờ, Đế Thích nương thần lực của đức Phật, trong các cung điện, hết thấy âm nhạc đều tự nhiên ngừng lại. Liên tự nghĩ nhớ ở chỗ chư Phật quá khứ, trông các căn lành mà nói kệ rằng.

Lúc đó, trời Đế Thích nương đại oai thần lực của Phật, ở trong hết thấy cung điện, tất cả tiếng âm nhạc đều tự nhiên im bật. Lúc đó, trời Đế Thích hồi tưởng lại nhân duyên trong quá khứ, đã từng ở chỗ đạo tràng của chư Phật, gieo trồng tất cả căn lành, bèn dùng kệ để nói rõ nhân duyên đời quá khứ.

**Ca Diếp Như Lai đủ đại bi
Trong những cát tường vô thượng nhất
Phật đó từng vào cung điện này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Ca Diếp dịch là "âm quang", vì Ngài hay che lấp tất cả ánh sáng. Hết thấy ánh sáng đều chẳng sáng bằng ánh sáng của Ngài; đó là ánh sáng nơi thân Ngài. Lại hay che khuất tất cả tà quang, đó là bi quang của Ngài. Vị Phật đó đầy đủ đại bi quang minh, ở trong tất cả việc cát tường là cát tường vô thượng nhất. Phật Ca Diếp đó, trong quá khứ đã từng vào điện Diệu Thắng, để vì chư Thiên diễn nói Hoa Nghiêm pháp lớn. Do nhân duyên đó, nên nói đạo tràng điện Diệu Thắng này là cát tường nhất.

**Câu Na Mâu Ni thấy vô ngại
Trong những cát tường vô thượng nhất
Phật đó từng vào cung điện này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Câu Na Mâu Ni dịch là "kim tịch", kim có quang minh, tịch là vô ngại. Chỗ thấy của vị Phật đó, chẳng có chướng ngại. Trong tất cả việc cát tường, là cát tường vô thượng nhất. Vị Phật Câu Na Mâu Ni đó, đã từng vào trong điện Diệu Thắng, để vì chư Thiên diễn nói Kinh Hoa Nghiêm. Do nhân duyên đó, cho nên nói điện Diệu Thắng là đạo tràng cát tường nhất.

Ca La Cưu Đà như núi vàng

**Trong những cát tường vô thượng nhất
Phật đó từng vào cung điện này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Ca La Cưu Đà dịch là "phiên nào đã đoạn sạch". Thân thể của vị Phật đó, như là núi vàng, vàng thì thanh tịnh, núi thì chẳng động. Trong tất cả việc cát tường là cát tường vô thượng nhất. Vị Phật Ca La Cưu Đà, trong quá khứ đã từng vào điện Diệu Thắng để vì chư Thiên diễn nói Kinh Hoa Nghiêm. Vì nhân duyên đó, cho nên nói điện Diệu Thắng là đạo tràng cát tường nhất.

**Phật Tỳ Xá Phù sạch ba cầu
Trong những cát tường vô thượng nhất
Phật đó từng vào cung điện này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Tỳ Xá Phù dịch là "biến nhất thiết tự tại". Vị Phật đó chẳng có ba cầu. Ba cầu tức là nghiệp hiện tại, hạt giống quá khứ, tập khí thưở xưa. Cũng có thể nói thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh, chẳng có một chút nhiễm bụi. Vị Phật Tỳ Xá Phù trong quá khứ đã từng vào điện Diệu Thắng, để vì chư Thiên diễn nói Hoa Nghiêm pháp lớn. Do nhân duyên đó, cho nên nói đạo tràng điện Diệu Thắng cát tường nhất.

**Thi Khí Như Lai là phân biệt
Trong những cát tường vô thượng nhất
Phật đó từng vào cung điện này**

Thế nên nơi này cát tường nhất.

Thi Khí dịch là "trì kê". Vị Phật đó như minh châu trong búi tóc, lìa khỏi tất cả sự phân biệt, đầy đủ đại trí huệ, chiếu thấu các pháp thật tướng. Ngài đến nơi nào thì nơi đó cát tường. Như Lai Thi Khí đó đã từng vào điện Diệu Thắng, để vì chư Thiên diễn nói Hoa Nghiêm pháp lớn. Do nhân duyên đó, cho nên điện Diệu Thắng là cát tường nhất.

Phật Tỳ Bà Thi như trăng rằm Trong những cát tường vô thượng nhất Phật đó từng vào cung điện này Thế nên nơi này cát tường nhất.

Tỳ Bà Thi có bốn ý nghĩa, đó là: Tịnh quán, thắng quán, thắng kiến, biến kiến. Giống như mặt trăng tròn trí đầy, đây là biến kiến tức là thấy khắp. Phá sạch hoặc hết, đây là tịnh quán. Vừa tròn và tịnh, đây là thắng quán thắng kiến. Vị Phật đó như đêm trăng rằm, chiếu khắp tất cả. Ngài đến nơi nào thì nơi đó cát tường. Vị Phật Tỳ Bà Thi đó, trong quá khứ đã từng vào điện Diệu Thắng, để vì chư Thiên diễn nói Hoa Nghiêm pháp lớn. Do nhân duyên đó, cho nên điện Diệu Thắng là cát tường nhất.

Phật Sa thâu rõ đệ nhất nghĩa Trong những cát tường vô thượng nhất Phật đó từng vào cung điện này Thế nên nơi này cát tường nhất.

Phật Sa dịch là "Tăng thịnh", tức cũng là nghĩa lý thù thắng. Vị Phật đó minh bạch thông đạt đạo lý đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa, tức là trước một niệm chưa sinh. Nếu có một niệm thì chẳng phải đệ nhất nghĩa.

Một ngày nọ, Bồ Tát Văn Thù hỏi Ngài Duy Ma Cật rằng:

- "Gì là đệ nhất nghĩa"?

- Ông Duy Ma Cật im miệng chẳng nói.

Do đó có câu:

“Bất nhị pháp môn hựu khai khẩu
Đệ nhất nghĩa đế mạc vong đàm.”

Một khi nói ra tức là đệ nhị. Đệ nhất nghĩa đế là một câu cũng chẳng có. Trong những cát tường là vô thượng cát tường nhất. Vị Phật Phật Sa đó, trong quá khứ đã từng vào điện Diệu Thắng, để vì chư Thiên diễn nói diệu pháp Kinh Hoa Nghiêm. Do nhân duyên đó, cho nên điện Diệu Thắng là cát tường nhất.

**Đề Xá Như Lai biện vô ngại
Trong những cát tường vô thượng nhất
Phật đó từng vào cung điện này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Đề Xá dịch là "độ thuyết". Muốn độ thoát tất cả chúng sinh, thì phải thuyết pháp nói giáo. Vị Phật đó khéo về nói pháp, cho nên biện tài vô ngại. Trong tất cả những việc cát tường, là cát tường vô thượng nhất. Vị Như Lai Đề Xá trong quá khứ, đã từng vào điện Diệu Thắng, để vì chư

Thiên diễn nói diệu pháp của Kinh Hoa Nghiêm. Do nhân duyên đó, cho nên điện Diệu Thắng là cát tường nhất.

**Phật Ba Đầu Ma tịnh vô cầu
Trong những cát tường vô thượng nhất
Phật đó từng vào cung điện này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Ba Đầu Ma dịch là "hoa sen đỏ", thân tâm của vị Phật đó, thanh tịnh giống như hoa sen, chẳng có nhiễm bụi bặm. Trong những việc cát tường, là cát tường vô thượng nhất. Vị Phật Ba Đầu Ma đó, trong quá khứ đã từng vào điện Diệu Thắng, để vì chư Thiên diễn nói diệu pháp kinh Hoa Nghiêm. Do nhân duyên đó, cho nên điện Diệu Thắng là cát tường nhất.

**Nhiên Đăng Như Lai đại quang minh
Trong những cát tường vô thượng nhất
Phật đó từng vào cung điện này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Nhiên Đăng Như Lai lúc ban đầu phát tâm, thì thân phóng quang minh giống như đèn sáng. Về sau, đời đời kiếp kiếp, tu phước tu huệ. Khi tu hạnh Bồ Tát thì, siêng tu sáu độ, rộng hành vạn hạnh. Trong mỗi một đời, thân đều phóng đại quang minh, cho nên gọi là Nhiên Đăng Như Lai. Vị Phật đó, chẳng những có đại quang minh, mà còn đầy đủ trí huệ. Ngài là vị Phật thứ ba trong kiếp Hiền, Ngài đã từng thọ ký cho Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong những

việc cát tường là cát tường vô thượng nhất. Vị Phật Nhiên Đăng đó, đã từng vào điện Diệu Thắng, để vì chư Thiên diễn nói diệu pháp Kinh Hoa Nghiêm. Do nhân duyên đó, cho nên điện Diệu Thắng là cát tường nhất.

Đa số các vị Phật đều dùng đức lập tên. Giống như Phật Thích Ca, dịch là "Năng nhân tịch mặc". Năng nhân tức là động, tịch mặc tức là tĩnh. Năng nhân, khắp giáo hóa tất cả chúng sinh, có từ bi hỷ xả bốn tâm vô lượng. Tịch mặc tức là thường lạc ngã tịnh bốn đức Niết Bàn.

Như trong thế giới này, vua trời Đao Lợi do nhờ nương thần lực của Như Lai, dùng kệ khen ngợi hết thảy công đức của mười vị Phật. mười phương thế giới, các vua trời Đế Thích cũng đều như thế, khen ngợi công đức của Phật.

Trong thế giới Ta Bà, vua trời Đao Lợi tức cũng là trời Đế Thích, nương đại oai thần lực của Phật, dùng kệ để tán thán khen ngợi công đức của mười vị Phật. Hết thảy vua trời Đao Lợi trong mười phương thế giới cũng đều giống như trời Đế Thích ở cõi Ta Bà, dùng kệ để khen ngợi công đức của mười vị Phật.

Bấy giờ, đức Thế Tôn vào điện Diệu Thắng ngồi kiết già, thì điện đó bỗng nhiên rộng lớn vô cùng, như chỗ ở của các chư Thiên. Mười phương thế giới cũng đều như thế.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tiến vào điện Diệu Thắng, ngồi kiết già phu trên tòa sư tử làm bằng các

báu phổ quang minh tạng. Lúc đó, điện Diệu Thắng bỗng nhiên rộng lớn vô cùng, có thể dung nạp hết thầy các Thiên chúng đến lắng nghe Phật Thích Ca Mâu Ni diễn nói diệu pháp của kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật. Trong mười phương thế giới, hết thầy trời Đạo Lợi điện Diệu Thắng cũng đều như thế.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYÊN MƯỜI SÁU

PHẨM KỆ KHEN NGỌI TRÊN ĐỈNH TU DI THỨ MƯỜI BỐN

Phẩm này là đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trên trời Đao Lợi, điện Diệu Thắng, diễn nói pháp môn Thập Trụ, thuộc về phẩm thứ mười bốn. Cho nên gọi là Phẩm Kệ Khen Ngợi Trên Đỉnh Tu Di.

Bấy giờ, do thần lực của Phật, mười phương đều có một vị đại Bồ Tát. Mỗi vị đều cùng với các Bồ Tát, nhiều như số hạt bụi cõi Phật tụ lại. Từ ngoài cõi nước nhiều như số hạt bụi trăm cõi Phật, trong các thế giới đồng tụ tập đến.

Sau khi nói xong Phẩm Thăng Lên Đỉnh Núi Tu Di thì lúc đó, nhờ Phật hiển hiện sức đại thần thông, cho nên mười phương thế giới, đều có một vị đại Bồ Tát. Đây là biểu pháp, dùng để hiển pháp Thập Trụ. Đại Bồ Tát là thượng thủ trong Bồ Tát, là lãnh tụ. Mỗi vị đại Bồ Tát đều

xuất lãnh các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi cõi Phật, cùng nhau đến trời Đao Lợi điện Diệu Thắng. Các Ngài từ ngoài cõi nước nhiều như số hạt bụi trăm cõi Phật, trong các thế giới mà tụ tập đến, gần gũi Phật Thích Ca Mâu Ni.

Tên của các Ngài là: Bồ Tát Pháp Huệ. Bồ Tát Nhất Thiết Huệ. Bồ Tát Thắng Huệ. Bồ Tát Công Đức Huệ. Bồ Tát Tinh Tấn Huệ. Bồ Tát Thiện Huệ. Bồ Tát Trí Huệ. Bồ Tát Chân Thật Huệ. Bồ Tát Vô Thượng Huệ. Bồ Tát Kiên Cố Huệ.

Lúc Phật nói pháp tại điện Diệu Thắng thì có mười vị đại Bồ Tát đến đạo tràng, tùy hỷ công đức, khen ngợi công đức của Phật, trợ giúp Phật hoằng dương Phật pháp. Đây là danh hiệu mười vị đại Bồ Tát trong mười phương:

1). Phương đông là Bồ Tát Pháp Huệ. Ngài minh bạch Phật pháp, khai mở đại trí huệ.

2). Phương nam là Bồ Tát Nhất Thiết Huệ. Ngài thấu hiểu tất cả Phật pháp, chứng được nhất thiết trí huệ.

3). Phương tây là Bồ Tát Thắng Huệ. Ngài có trí huệ thù thắng.

4). Phương bắc là Bồ Tát Công Đức Huệ. Ngài có đủ thứ công đức mà được chân thật trí huệ.

5). Phương đông bắc là Bồ Tát tinh tấn huệ. Ngài chuyên tu pháp môn tinh tấn, đắc được đại trí huệ.

6). Phương đông nam là Bồ Tát Thiện Huệ. Ngài chuyên làm việc thiện mà khai mở trí huệ.

7). Phương tây nam là Bồ Tát Trí Huệ. Ngài chuyên tu pháp môn Bát Nhã mà đắc đại trí huệ.

8). Phương tây bắc là Bồ Tát Chân Thật Huệ. Ngài được trí huệ từ sự tu giới luật, chẳng nói dối mà đắc được trí huệ chân thật.

9). Phương dưới là Bồ Tát Vô Thượng Huệ. Trí huệ của Ngài vô thượng, chẳng ai cao hơn Ngài.

10). Phương trên là Bồ Tát Kiên Cố Huệ. Trí huệ của Ngài kiên cố như kim cang vừa quang minh, vừa sắc bén.

Từ cõi nước đến, đó là: Thế giới Nhân Đà La Hoa. Thế giới Ba Đầu Ma Hoa. Thế giới Bảo Hoa. Thế giới Ưu Bát La Hoa. Thế giới Kim Cang Hoa. Thế giới Diệu Hương Hoa. Thế giới Duyệt Ý Hoa. Thế giới A Lư Na Hoa. Thế giới Na La Đà Hoa. Thế giới Hư Không Hoa.

Mười vị đại Bồ Tát đó từ cõi nước nào đến ?

- 1). Từ thế giới Nhân Đà La Hoa đến.
- 2). Từ thế giới Ba Đầu Ma đến.
- 3). Từ thế giới Bảo Hoa đến.
- 4). Từ thế giới Ưu Bát La Hoa đến.
- 5). Từ thế giới Kim Cang Hoa đến.
- 6). Từ thế giới Diệu Hương Hoa đến.
- 7). Từ thế giới Duyệt Ý Hoa đến.
- 8). Từ thế giới A Lư Na Hoa đến.
- 9). Từ thế giới Na La Đà Hoa đến.
- 10). Từ thế giới Hư Không Hoa đến.

Đây cũng là mười phương thế giới.

Các vị Bồ Tát đó, ở chỗ chư Phật tịnh tu phạm hạnh. Đó là: Phật Thù Đặc Nguyệt. Phật Vô Tận Nguyệt. Phật Bất Động Nguyệt. Phật Phong Nguyệt. Phật Thủy Nguyệt. Phật Giải Thoát Nguyệt. Phật Vô Thượng Nguyệt. Phật Tinh Tú Nguyệt. Phật Thanh Tịnh Nguyệt. Phật Minh Liễu Nguyệt.

Mười vị đại Bồ Tát, mỗi vị ở tại đạo tràng của Phật, tu phạm hạnh thanh tịnh. Các Ngài gần gũi mười vị Phật. Danh hiệu của mười vị Phật đó, dùng chữ nguyệt làm đại biểu. Tại sao ? Đây là đại biểu trí đức viên dung, phước huệ vô ngại. Trí huệ và phước đức đều viên mãn, cho nên giống như trăng rằm.

Mười vị Phật đó là:

- 1). Phật Thù Đặc Nguyệt, nhờ mười điều khó mà được pháp, nên gọi là thù đặc.
- 2). Phật Vô Tận Nguyệt, phát mười tâm lớn, không thể cùng tận.
- 3). Phật Bất Động Nguyệt, quán nơi không đều bình đẳng nên chẳng lay động.
- 4). Phật Phong Nguyệt, biết rõ nghiệp hạnh, sinh tử Niết Bàn, như gió chẳng trụ.
- 5). Phật Thủy Nguyệt, lợi ích an lạc tất cả chúng sinh, như nước thấm nhuần khắp.

6). Phật Giải Thoát Nguyệt, nghe mười thứ pháp mà tâm định chẳng động.

7). Phật Vô Thượng Nguyệt, nghe thập bát thối, nên gọi là vô thượng.

8). Phật Tinh Tú Nguyệt, ba nghiệp chẳng lỗi lầm, như sao sáng thanh tịnh.

9). Phật Thanh Tịnh Nguyệt, khéo biết phiền não, tập khí, cho nên được thanh tịnh.

10). Phật Minh Liễu Nguyệt, quán sát căn dục của chúng sinh, hoàn toàn thấu rõ.

Các Bồ Tát đó, đến chỗ Phật rồi, đánh lễ dưới chân Phật, theo phương của mình đến, ai nấy đều hóa làm tòa sư tử Tỳ Lô Giá Na Tạng và ngồi kiết già trên tòa đó.

Mười vị đại Bồ Tát đó, xuất lãnh các Bồ Tát quyến thuộc đến điện Diệu Thắng, chỗ Phật đang ngự rồi, đánh lễ chân Phật, nhiễu bên phải ba vòng. Tùy theo phương của mình đến, ai nấy đều biến hóa ra tòa sư tử Tỳ Lô Giá Na Tạng và ngồi kiết già trên tòa đó, lắng nghe Phật nói Hoa Nghiêm pháp lớn.

Như trong thế giới này, trên đỉnh Tu Di, các Bồ Tát đều tụ tập đến. Trong tất cả thế giới, cũng đều như thế. Các Bồ Tát đó, hết thấy danh hiệu, thế giới, danh hiệu Phật, cũng đều giống nhau không khác.

Trong thế giới Ta Bà này, các Bồ Tát tụ tập trên đỉnh núi Tu Di. Trong mười phương thế giới, hết thấy trên đỉnh núi Tu Di cũng đều như thế, hết thấy Bồ Tát cũng đều tụ tập. Danh hiệu của mười vị đại Bồ Tát đó, tên của mười thế giới, danh hiệu của mười vị Phật, cũng đều hoàn toàn giống nhau.

Bấy giờ, đức Thế Tôn từ các ngón chân của hai bàn chân, phóng ra trăm ngàn ức quang minh sắc đẹp, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới. Trên đỉnh Tu Di, trong cung điện trời Đế Thích, Phật và đại chúng thấy đều hiện ra.

Lúc đó, từ các ngón của hai bàn chân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng ra trăm ngàn ức quang minh màu sắc tuyệt đẹp, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới. Trên đỉnh núi Tu Di, trong cung điện của trời Đế Thích.

Thế giới này, thế giới kia, cõi nước này, cõi nước kia, vô lượng cõi nước chư Phật, trong mỗi thế giới, đều có Phật và đại chúng đều hiện ra. Tóm lại, tình hình Phật nói pháp ở thế giới Ta Bà, thì trong mười phương đều như thế.

Bấy giờ, Bồ Tát Pháp Huệ, nương thân lực của đức Phật, quán khắp mười phương mà nói kệ rằng.

Lúc đó, Bồ Tát Pháp Huệ ở phương đông, Ngài nương đại oai thân lực của Phật Thích Ca gia trì, mà quán

khấp căn tánh nhân duyên của chúng sinh mười phương, dùng kệ để nói công đức của Phật.

**Phật phóng tịnh quang minh
Khấp thấy Thế Đạo Sư
Trên đỉnh núi Tu Di
Ngự trong điện Diệu Thắng.**

Quang minh thanh tịnh của Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng ra từ các ngón hai bàn chân, hết thấy Bồ Tát và tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, đều thấy được đấng Đại Đạo Sư (Phật) của thế gian, đang ở trên đỉnh núi Tu Di ngự trong điện Diệu Thắng.

**Tất cả trời Đế Thích
Thỉnh Phật vào cung điện
Đều dùng mười kệ hay
Khen ngợi các Như Lai.**

Trong mười phương thế giới, hết thấy tất cả vua trời Đế Thích, đều thỉnh đức Phật Thích Ca Mâu Ni tiến vào điện Diệu Thắng. Đều dùng mười bài kệ hay, để tán thán khen ngợi công đức của chư Phật. Hết thấy tất cả đều giống như ở điện Diệu Thắng, trên đỉnh núi Tu Di nơi thế giới Ta Bà không khác.

**Trong các đại hội đó
Hết thấy chúng Bồ Tát
Đều từ mười phương đến**

Hóa tòa ngồi trên đó.

Trong đại pháp hội của chư Phật đó, hết thảy tất cả chúng Bồ Tát, đều đến từ mười phương thế giới, mỗi vị Bồ Tát tự mình hóa ra tòa sư tử Tỳ Lô Giá Na Tạng mà ngồi yên trên đó, lắng nghe Hoa Nghiêm pháp lớn.

**Các Bồ Tát hội đó
Danh hiệu đồng chúng tôi
Đến từ các thế giới
Danh từ cũng như vậy.**

Trong các thế giới nhiều như số hạt bụi trăm cõi Phật, danh hiệu của các Bồ Tát trong hết thảy pháp hội, đều giống như danh hiệu của chúng tôi. Tên của các thế giới mà các Ngài đến, cũng giống như tên của thế giới Ta Bà Nam Diêm Phù Đề.

**Cõi nước các Thế Tôn
Danh hiệu cũng đồng nhau
Mỗi vị ở nước mình
Tịnh tu hạnh vô thượng.**

Danh hiệu của các Đức Phật, cõi nước của các vị Bồ Tát đó đến, cũng giống nhau. Mỗi vị ở cõi nước của mình, đều tu hạnh môn thanh tịnh từ bi vô thượng.

**Phật tử ! Ông nên quán
Tự tại của Như Lai**

Tất cả cõi Diêm Phù Đều nói Phật trong đó.

Bồ Tát Pháp Huệ gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Các vị mọi người nên quán xem, phải biết đó đều là sức thần thông tự tại thành tựu của Như Lai, hết thấy tất cả trong thế giới Nam Diêm Phù Đề, đều nói Phật đang ở trong đó chuyển đại pháp luân, giáo hóa tất cả chúng sinh.

Chúng ta nay thấy Phật Trụ trên đỉnh Tu Di Mười phương cũng như thế Sức tự tại Như Lai.

Chúng ta mọi người hiện tại thấy được Phật, trụ ở trên đỉnh núi Tu Di. Chúng sinh trong hết thấy mười phương thế giới, cũng đều nhìn thấy Phật ngự ở trên đỉnh núi Tu Di. Cảnh giới đó là do sức thần thông tự tại thành tựu của Như Lai.

Trong mỗi mỗi thế giới Phát tâm cầu Phật đạo Nương vào nguyện như vậy Tu tập hạnh bồ đề.

Trong hết thấy tất cả mười phương thế giới, mỗi vị Bồ Tát trong quá khứ đã phát tâm cầu Phật đạo, thì nương vào nguyện đã phát mà thành tựu Phật đạo vô thượng. Các

Ngài trong đời đời kiếp kiếp tu tập hạnh bồ đề, tu hành giác đạo.

**Phật dùng đủ loại thân
Du hành khắp thế gian
Pháp giới chẳng gì ngại
Không ai trắc lượng được.**

Phật dùng đủ loại hóa thân, khắp du hành tất cả thế gian. Pháp thân của Phật là khắp cùng pháp giới, đến tất cả mọi nơi mà chẳng chướng ngại, cũng chẳng có ai biết được cảnh giới thần thông diệu dụng của Phật.

**Huệ quang luôn chiếu khắp
Đời tối đều trừ diệt
Tất cả chẳng sánh bằng
Làm sao dò biết được !**

Trí huệ quang của Phật, luôn luôn chiếu khắp thế giới, dần dần tiêu diệt trừ sạch tất cả tham sân si đen tối của thế gian. Chẳng có ai sánh bằng Phật. Làm sao có thể trắc lượng biết được cảnh giới của Phật ? Cảnh giới của Phật chẳng dễ gì biết được.

**Bấy giờ, Bồ Tát Nhất Thiết Huệ,
nương oai lực của đức Phật, quán khắp
mười phương, mà nói kệ rằng.**

Lúc đó, Bồ Tát Nhất Thiết Huệ ở phương nam, nương đại oai thần lực gia trì của đức Phật, quán sát khắp nhân duyên và căn tánh của mười phương chúng sinh, dùng kệ để khen ngợi công đức của Phật.

**Giả sử trăm ngàn kiếp
Thường thấy đức Như Lai
Chẳng nương nghĩa chân thật
Mà quán bậc Cứu Thế.**

Nếu như trong trăm ngàn kiếp, luôn luôn thấy được Phật, song chẳng y chiếu nghĩa chân thật (lià tướng) để quán sát Phật, thì thường chấp chặt vào ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp của Phật, cho rằng đó là mặt mày chân thật của Phật.

**Người đó trụ các tướng
Tăng thêm lưới si hoặc
Trói chặt ngục sinh tử
Mù tối chẳng thấy Phật.**

Tuy nhiên người đó thấy Phật, song trụ vào các tướng, chẳng biết rằng tướng là không, thì chỉ tăng thêm lưới si hoặc, mà bị dây thừng sinh tử trói chặt, vĩnh viễn thoát chẳng khỏi sáu nẻo luân hồi. Nốt ở trong lao ngục sinh tử, thì cũng như người mù tối, vĩnh viễn chẳng thấy được mặt mày chân thật của Phật.

Chúng ta nên phá tan chấp trước, đừng chấp trước có, cũng đừng chấp trước không. Chấp có, chấp không, thì

roi vào hai bên. Chấp có thì thủ lấy các tướng, chấp không thì roi vào không (chẳng có gì hết). Không, có, chẳng chấp trước, tức là trung đạo.

Người chân chánh học Phật pháp thì phải lia tướng, lia tướng tức là bỏ đề. Nếu không thể lia tướng, mà chấp trước tướng, thì chỉ là ngày càng ngu si, không thể khai mở trí huệ. Khai mở trí huệ thì thấy Phật, chẳng khai mở trí huệ thì ngu si, ngu si thì thấy quý. Người học Phật pháp, nên càng học càng thông minh, không thể càng học càng hồ đồ.

Hiện tại là thời kỳ đả thiên thất, mọi người phải có tâm nhẫn nại, phải luyện tâm kim cang bất hoại, ví như sắt, trải qua rèn luyện rồi thì mới thành thép. Thép chế thành đao kiếm thì mới sắc bén. Chúng ta cũng phải trải qua một phen rèn luyện, thì mới thành Thánh Hiền. Bậc Thánh Hiền thì chẳng có tập khí ma bệnh, tất cả đều thanh tịnh. Đả thiên thất tức là trừ tập khí, khử ma bệnh. Đi hương, chạy hương, ngồi hương, tức là rèn luyện thân tâm, khiến cho thanh tịnh. Khi đến được cảnh giới, trong chẳng biết có tâm, ngoài chẳng biết có thân, xa chẳng biết có vật, thì tất cả hết thấy đều buông xả hết. Nếu buông xả được, thì tự nhiên sẽ thành Phật. Tại sao chúng ta không khai ngộ? Vì chẳng buông xả được thân tâm. Cho rằng túi da hôi thối là người bạn tốt, thì nhất định sẽ bảo hộ nó, thương tiếc nó, chẳng cho nó chịu thiệt thòi. Khát một chút cũng không được, đói một chút cũng không được, lạnh một chút, nóng một chút đều không xong. Tóm lại, luôn lúc nào cũng chiều cứ nó, xem nó là bảo bối. Song, tuy nhiên bạn thương mến nó, lo cho nó, nhưng đến lúc lâm chung, thì nó

một chút cũng chẳng trợ giúp bạn, xuôi tay mà đi. Lúc đó, chỉ có bạn một mình đi thọ quả báo.

**Quán sát nơi các pháp
Tự tánh chẳng chỗ có
Tướng nó vốn sinh diệt
Chỉ là giả danh nói.**

Ba quán của tông Thiên Thai, tức là quán không, quán giả, quán trung. Dùng một bài kệ để nói rõ:

“Nhân duyên sinh ra pháp
Ta nói tức là không (quán không).
Tên cũng là giả danh (quán giả).
Tên cũng nghĩa trung đạo (quán trung).”

Các pháp từ duyên sinh, các pháp từ duyên diệt. Nhân duyên sinh ra các pháp đều là không, cũng là giả; minh bạch tức là nghĩa trung đạo. Ba quán đó vốn là một, tức là quán trung. Song, trước hết phải minh bạch nó là quán không, sau đó lại minh bạch nó là quán giả, lại thấu hiểu nó là trung đạo liễu nghĩa, tức là quán trung.

Quán tất cả các pháp, đều là không tự tánh. Sinh rồi diệt, diệt rồi sinh. Tướng đó là không, nhưng là giả danh, chẳng có thật thể. Cho nên Tỳ Kheo Mã Thắng nói với tôn giả Xá Lợi Phất rằng:

“Các pháp từ duyên sinh
Các pháp từ duyên diệt.
Phật ta đại Sa Môn
Thường nói như vậy đó.”

Tức là đạo lý này.

**Tất cả pháp không sinh
Tất cả pháp không diệt
Nếu hiểu được như vậy
Chư Phật thường hiện tiền.**

Quán sát tất cả các pháp, chẳng có tướng sinh, cũng chẳng có tướng diệt, đó là đặc được vô sinh pháp nhẫn. Tức cũng là chẳng thấy chút pháp sinh, chẳng thấy chút pháp diệt, mà kham nhẫn thọ nơi tâm. Lúc đó, miệng muốn nói cũng nói không ra. Có trí huệ thấu hiểu như thế, thì chư Phật luôn hiện tiền ở trước mặt bạn. Nếu chưa chứng đắc trí huệ như thế, thì dù chư Phật ở trước mặt bạn, bạn cũng nhìn chẳng thấy; dù có nhìn thấy cũng chẳng biết. Do đó, có câu:

“Đôi diện bất thức Quán Thế Âm.”

Hà hướng là Phật, càng không thể biết được.

**Pháp tánh vốn vắng lặng
Không lấy cũng không thấy
Tánh không tức là Phật
Không thể suy lường được.**

Bản tánh của pháp là không sinh không diệt, vốn là vắng lặng, không thể nắm lấy, cũng không thể nhìn thấy, do đó:

“Nhìn mà chẳng thấy,

Thính mà chẳng nghe,
Ngửi mà chẳng có mùi.”

Nếu chúng được cảnh giới pháp tánh vắng lặng, thì tất cả đều là không. Đó tức là Phật thật hiện ở trước, là cảnh giới không thể suy lường được. Nếu suy lường được thì biến thành đê nhị nghĩa. Đê nhất nghĩa để tức là không thể nghĩ, không thể tưởng, không thể lường.

**Nếu biết tất cả pháp
Thể tánh đều như vậy
Thì người đó không bị
Phiền não làm nhiễm trước.**

Nếu như biết được bản tánh và tự tánh của tất cả các pháp, đều không sinh không diệt, thì người đó không bị tất cả phiền não làm nhiễm ô và chấp trước. Nếu biết tất cả pháp vốn không sinh, vốn không diệt, thì phiền não sẽ biến thành bồ đề. Lúc đó, chẳng có nhiễm ô, chỉ có thanh tịnh, diệu chân như tánh. Bản thể của tất cả các pháp, cũng chẳng nhiễm trước.

**Phàm phu thấy các pháp
Nhưng tùy theo tướng chuyển
Chẳng rõ pháp vô tướng
Do đó chẳng thấy Phật.**

Phàm phu thì thấy có, hàng nhị thừa thì thấy không, Bồ Tát thì thấy trung đạo bản thể. Phàm phu thấy tất cả các pháp, tức là tất cả pháp hữu vi mà chấp trước vào tất cả

tướng. Hàng nhị thừa thấy tất cả các pháp đều là không, nhưng chưa thấy trung đạo. Bồ Tát tu pháp môn trung đạo, chẳng thiên về không, chẳng rơi vào có. Phàm phu thấy các pháp, thì tùy theo tướng mà chuyển, chẳng minh bạch đạo lý pháp, là lia tất cả tướng, cho nên không thể thấy được bốn viên tự tánh thiên chân Phật.

**Mâu Ni lia ba đời
Các tướng đều đầy đủ
Trụ nơi chẳng chỗ trụ
Khắp thấy mà chẳng động.**

Phật Thích Ca Mâu Ni đã lia khỏi quá khứ, hiện tại, vị lai ba đời. Đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, các tướng đều viên mãn. Phật trụ ở chỗ chẳng chỗ trụ, tức cũng là vô tại mà vô bất tại. Do đó “Tận hư không, khắp pháp giới,” đều là pháp thân của Phật. Phật chẳng động một nơi, mà khắp mọi nơi. Tuy khắp mọi nơi, mà chẳng lia một nơi. Do đó: “Một là tất cả, tất cả là một,” cho nên nói: “Khắp hết thấy mà chẳng động.”

**Tôi quán tất cả pháp
Thấy đều thấu rõ hết
Nay thấy nơi Như Lai
Quyết định không có nghi.**

Bồ Tát Nhất Thiết Huệ nói: “Hiện tại tôi quán sát nhân duyên của tất cả các pháp, bất cứ là quán không, quán giả, quán trung, đều hoàn toàn minh bạch thấu rõ. Hiện tại

thấy Phật Thích Ca Mâu Ni, tất cả pháp đều quyết định minh bạch, chẳng có nghi hoặc.”

**Pháp Huệ trước đã nói
Như Lai chân thật tướng
Tôi từ đó biết rõ
Bồ đề khó nghĩ bàn.**

Bồ Tát Pháp Huệ trước đã nói qua thật tướng diệu lý và vô tướng công năng của tất cả chư Phật. Tôi từ bài kệ của Bồ Tát Pháp Huệ khen ngợi, mà đã thấu rõ biết được diệu lý của bồ đề, chẳng thể suy tư, chẳng thể luận bàn.

**Bấy giờ, Bồ Tát Thắng Huệ nương
thần lực của đức Phật, quán sát khắp mười
phương mà nói kệ rằng.**

Lúc đó, vị Bồ Tát Thắng Huệ ở phương tây, nương đại oai thần lực gia trì của Phật, quán sát khắp nhân duyên và căn tánh của mười phương chúng sinh, mà dùng kệ để khen ngợi công đức của Phật.

**Như Lai đại trí huệ
Ít có không thể sánh
Tất cả các thế gian
Suy tư chẳng biết được.**

Trí huệ của Phật viên mãn, phước đức cũng viên mãn, do đó “Phước huệ đều đầy đủ.” Đại trí huệ của Phật

rất ít có, chẳng thể sánh được. Hết thấy tất cả chúng sinh thế gian, tất cả chúng sinh trên trời, dù có dùng tâm suy tư, cũng không thể biết được. Tại sao ? Vì tâm lượng của chúng sinh bé nhỏ, cho nên chẳng đạt đến cảnh giới này.

**Phàm phu vọng quán sát
Giữ tướng chẳng như lý
Phật là tất cả tướng
Phàm phu chẳng thấy được.**

Phàm phu dùng vọng tưởng để quán sát cảnh giới của Phật, giữ lấy tướng, thì chẳng khế hợp với diệu lý của Phật. Phật là vô tướng, lia khỏi tất cả tướng hữu vi, chẳng phải cảnh giới của phàm phu thấy được.

**Người mê hoặc vô tri
Vọng giữ tướng năm uẩn
Chẳng rõ chân tánh đó
Người đó chẳng thấy Phật.**

Chúng sinh điên đảo, vì chẳng có trí huệ, nên bị vô minh che đậy. Liền dùng vọng làm chân, mà giữ lấy tướng năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Người chẳng có trí thức, thì cho rằng năm uẩn là thật, cho nên mê hoặc nơi năm uẩn, mà chẳng thấy rõ chân tánh của Phật, người đó chẳng thấy được Phật.

**Biết rõ tất cả pháp
Đều chẳng có tự tánh**

Hiểu pháp tánh như vậy Tức thấy Lô Xá Na.

Nếu thấu hiểu biết rõ tự tánh của tất cả pháp, vốn đều chẳng có, được như thế thì chẳng chấp trước nơi pháp, mà thấu rõ pháp tánh, tức sẽ thấy được Lô Xá Na, sẽ minh bạch cảnh giới của Phật.

Ở trước nói về năm uẩn, là cầu bên trong, giữ lấy tướng, thì chẳng thấy Phật. Hiện tại phá tướng, tức là bỏ địa phong quang. Lìa tướng lời nói, lìa tướng tâm duyên, lìa tướng văn tự. Cảnh giới của Phật là lìa tất cả tướng và tất cả pháp.

Vì do năm uẩn trước Uẩn sau khởi liên tục Nơi tánh này biết rõ Thấy Phật khó nghĩ bàn.

Trong Tâm Kinh có nói: “Bồ Tát Quán Tự Tại, khi hành sâu vào Bát Nhã Ba La Mật Đa, thì chiếu thấy năm uẩn đều không, qua khỏi tất cả khổ ách”. Năm uẩn đều là không. Cho nên nói: “Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng đều như thế.” Bốn uẩn còn lại cũng đều giống như sắc uẩn, hư huyễn chẳng có thật thể.

Năm uẩn trước sinh năm uẩn giữa, năm uẩn giữa sinh năm uẩn sau, liên tục không ngừng. Tuy liên tục không ngừng, nhưng năm uẩn trước chẳng đến năm uẩn giữa, năm uẩn giữa chẳng đến năm uẩn sau. Giống như sóng cùng nhau sanh khởi. Song, sóng phía trước chẳng đi

về phía sau, sóng phía sau cũng chẳng đi về phía sau nó. Năm uẩn trước, năm uẩn giữa, năm uẩn sau, sinh liên tục. Giống như hạt giống sinh mầm, nhưng hạt giống chẳng đến chỗ mầm.

Vì năm uẩn trước mà năm uẩn sau liên tục sinh ra. Song, năm uẩn sau chẳng đến năm uẩn trước; tức nghĩa là sóng trước chẳng đi về sóng phía sau. Nếu minh bạch pháp năm uẩn là không, thì thường thấy được Phật, minh bạch Phật là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

**Ví như báu trong tối
Không đèn chẳng thể thấy
Phật pháp chẳng người nói
Dù huệ chẳng biết được.**

Phật pháp là không thể nghĩ bàn. Ví như bảy báu trong phòng tối, nếu chẳng có đèn thì nhìn chẳng thấy được. Báu trong tối tức là Phật tánh, hàm tàng ở trong vô minh, vì vô minh, cho nên che lấp báu thật Phật tánh. Đèn là trí huệ, có trí huệ thì mới minh bạch báu thật của tự tánh. Chẳng có trí huệ thì giống như hạt châu giấu trong áo, vì chẳng ai nói với bạn, cho nên bạn chẳng biết. Vô minh che lấp Phật tánh quang minh, cho nên chẳng có trí huệ.

Phật pháp phải có thiện tri thức giảng nói thì mới minh bạch. Nếu chẳng có thiện tri thức giảng nói, thì dù bạn có trí huệ, cũng không thể minh bạch hiểu rõ. Tóm lại, dù bạn có trí huệ, song vẫn cần có người đến môi đèn trí huệ của bạn, thì bạn mới minh bạch Phật pháp.

Có bốn câu rằng:

“Một, có mắt không đèn thì chẳng thấy.
Hai, không mắt có đèn thì chẳng thấy.
Ba, không mắt không đèn thì chẳng thấy.
Bốn, có mắt có đèn thì thấy.”

Có mắt không đèn, thì chẳng thể thấy châu báu, chỉ có đèn mà không có mắt, thì nhìn cũng chẳng thấy châu báu. Nếu người nghiệp chướng quá nặng, thì đèn trí huệ mờ chẳng đặng. Giống như hàng nhị thừa, ở trong pháp hội Hoa Nghiêm mà như điếc như mù, do đó:

“Có mắt chẳng thấy Lô Xa Na
Có tai chẳng nghe giáo viên đốn.”

Người nhị thừa độn tánh, giống như người mù, chẳng thấy được trí huệ vốn có. Chẳng có đèn, chẳng có mắt, thì càng nhìn chẳng thấy tự tánh pháp bảo. Tất nhiên phải có mắt lại có đèn, thì mới thấy được tự tánh pháp bảo.

Mình có đèn trí huệ, lại có thiện trí thức để chỉ dạy, đó là có mắt, có đèn thấy pháp bảo. Chúng ta mỗi người đều có tự tánh pháp bảo, là Phật tánh. Nhưng mình chẳng biết. Giống như là mắt, kỳ thật vẫn tồn tại, bắt quá chẳng dùng nó được mà thôi.

**Cũng như mắt có màng
Chẳng thấy màu đẹp tịnh
Tâm bất tịnh như vậy
Chẳng thấy pháp chư Phật.**

Ví như con mắt có màng, nhìn sự vật thành hai. Vì trong con mắt có bệnh, cho nên chẳng thể thấy được thanh tịnh diệu pháp thân của Phật. Trong tâm nếu khởi tham sân

si ba độc, tâm nhiễm ô, tâm chướng ngại, tâm đố kỵ, tâm ích kỷ, tâm tự lợi, đó đều là tâm chướng thanh tịnh, chướng minh bạch được diệu pháp của chư Phật.

**Lại như mặt trời sáng
Kẻ mù chẳng thấy được
Tâm chẳng có trí huệ
Không thấy được chư Phật.**

Ví như mặt trời trong sáng, song người mù nhìn chẳng thấy. Trí huệ vốn có, nếu chẳng hiện ra thì thủy chung chẳng thấy được pháp thân thanh tịnh của chư Phật.

**Nếu trừ được màng mắt
Xả lìa nơi sắc tướng
Chẳng thấy nơi các pháp
Tức thấy được Như Lai.**

Nếu như chữa được màng trong con mắt, màng trong tâm cũng trừ khử đi, nghĩa là trừ sạch tham, sân, si, mạn nghi, tất cả phiền não. Nếu xả lìa được sắc pháp trong năm uẩn và tướng âm. Năm uẩn tất cả pháp đều không, mà chẳng bị năm uẩn che đậy, thì thấy được pháp thân của Như Lai.

**Nhất Thiết Huệ trước nói
Pháp bồ đề chư Phật
Tôi nghe từ nơi đó
Thấy được Lô Xá Na.**

Bồ Tát Nhất Thiết Huệ nghe được pháp của Bồ Tát Pháp Huệ nói, thì Ngài liền minh bạch rất nhiều đạo lý của Phật pháp. Bồ Tát Thắng Huệ lại nói: Ngài học được rất nhiều Phật pháp từ Bồ Tát Nhất Thiết Huệ. Đây là mỹ đức Bồ Tát khiêm nhường với nhau.

Bồ Tát Nhất Thiết Huệ trước đã nói: không, giả, trung đạo lý ba quán. Ngài nói ba đời chư Phật diễn nói pháp bồ đề, tôi nghe được diệu pháp này rồi, thì mới thấy được thân viên mãn thanh tịnh của Phật Lô Xa Na.

Bồ Tát chẳng có tâm cống cao ngã mạn, tuyệt đối chẳng nói tôi có trí huệ hơn Bồ Tát khác. Kệ của tôi nói ra cao minh hơn Bồ Tát khác, các Ngài tôn kính với nhau. Chúng ta học Phật pháp, thì phải chân thật lãnh thọ tâm của Bồ Tát, tâm của chư Phật. Hành vi của các Ngài làm, đều là mô phạm cho chúng ta. Chúng ta phải y chiếu theo pháp mà tu hành, học sự khiêm nhường của Bồ Tát, từ bi của Bồ Tát, đó mới là bản sắc của người học Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Công Đức Huệ nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Công Đức Huệ ở phương bắc, nương đại oai thần lực gia trì của Phật. Quán sát khắp nhân duyên và căn tánh của chúng sinh mười phương, mà dùng kệ để khen ngợi công đức của chư Phật.

**Các pháp chẳng chân thật
Vọng giữ tướng chân thật**

Do đó các phàm phu Luân hồi ngục sinh tử.

Các pháp tức là trăm pháp. Trăm pháp là sắc pháp mười một, tâm pháp tám, tâm sở pháp năm mươi một, bất tương ưng pháp hai mươi bốn, vô vi pháp sáu, cộng thành trăm pháp. Tất cả các pháp đều là không tịch, chẳng có thể chân thật. Đừng có ở trên pháp chẳng chân thật, mà đi tìm chân thật. Đó cũng giống như tìm lông trên thân rùa, tìm sừng trên đầu con thỏ, vĩnh viễn tìm chẳng thấy được. Dùng vọng tâm để giữ tướng chân thật, muốn trên đầu an đầu, trên chân an chân, đó là dư thừa. Phàm phu tức là làm những việc điên đảo đó, trên pháp chẳng chân thật tìm chân thật. Vì chấp trước như thế, cho nên ở trong sáu nẻo luân hồi, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, vĩnh viễn không ngừng. Giống như hạt bụi, hốt lên trời, hốt xuống đất, chẳng có nơi nào chân thật.

Lời lẽ nói các pháp Trí nhỏ vọng phân biệt Do đó sinh chương ngại Chẳng rõ nơi tâm mình.

Phàm là lời lẽ nói ra các pháp, hàng nhị thừa trí huệ nhỏ. Tuy đã phá ngã chấp, nhưng chưa phá được pháp chấp. Chỉ chứng được người không, mà chưa chứng được pháp không. Do đó, còn chấp trước nơi lời lẽ của tất cả các pháp, dùng trí nhỏ huệ nhỏ để phân biệt tất cả các pháp. Vì nguyên nhân đó, cho nên sinh ra đủ thứ chương ngại,

chẳng minh bạch pháp nói ra, là chẳng lia tâm mình. Do đó:

“Phật nói tất cả pháp
Ứng sinh tất cả tâm
Nếu không tất cả tâm
Sao dùng tất cả pháp.”

Cho nên tất cả pháp chẳng lia tâm mình. Nếu câu pháp ở ngoài tâm, đây tức là ngoại đạo. Do đó, có câu: “Tâm, Phật và chúng sinh, cả ba chẳng khác biệt.” Minh bạch tâm mình, thì chẳng phân biệt pháp chấp.

**Không thể rõ tâm mình
Làm sao biết chánh đạo
Đó do điên đảo huệ
Tăng trưởng tất cả ác.**

Người nhị thừa chẳng minh bạch đạo lý vạn pháp do tâm, do đó:

“Tâm sinh đủ thứ pháp sinh
Tâm diệt đủ thứ pháp diệt.”

Nếu chẳng thấu rõ tâm mình, thì làm sao biết được chánh đạo ? Người nhị thừa trí nhỏ, huệ nhỏ, sinh ra tâm phân biệt. Có tâm phân biệt rồi thì có chướng ngại, thì có điên đảo. Điên đảo tức là nhận thức “thị phi” chẳng rõ ràng, vì thị phi chẳng rõ ràng, cho nên dùng điên đảo huệ. Đây cũng có thể nói là thế trí biện thông, chẳng có đạo lý mà nói ra đạo lý, tức là “Cường từ đoạt lý.” Đây tức là chẳng nói về đạo lý, ngã kiến thâm sâu, ngã tướng chẳng

phá được. Có tâm phân biệt thì làm tăng trưởng tất cả các nghiệp ác.

**Chẳng thấy các pháp không
Luôn thọ khổ sinh tử
Người đó chưa có được
Pháp nhãn thanh tịnh vậy.**

Người không là chẳng còn chấp cái ta (ngã), pháp không là chẳng có chấp pháp. Ngã, pháp hai chấp chẳng dễ gì phá được. Một số phàm phu đều có chấp cái ta, ta như thế này, ta là đệ nhất, ta đều giỏi hơn mọi người. Ngày ngày vì cái ta này mà khổ sở, cũng chẳng cảm thấy khổ sở. Kỳ thật thân thể của con người đều có tên khác nhau, song tìm chẳng được cái ta (ngã) tồn tại. Vì nhìn chẳng không, cho nên mới nói có cái ta. Chúng ta có thì tướng người cũng có, tướng chúng sinh cũng có, tướng thọ mạng cũng có. Vì bốn tướng chẳng không, cho nên có tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai. Ba tâm chẳng rõ thì luôn luôn khởi vọng tưởng, khởi phân biệt. Tất cả sự vật chẳng có, thì thường tìm cách để có được. Đã có được rồi, thì lại sợ mất đi. Khi chẳng có vọng tưởng này, thì sinh ra vọng tưởng khác. Đây cũng giống như dùng giày thừng tự trói mình, chẳng đặc được giải thoát, cho nên nói chấp ta chẳng dễ gì phá được. Nếu phá được chấp ta thì chẳng còn thấy ta tướng ta. Nhưng lại có chấp pháp, sinh ra đủ thứ chấp trước đối với tất cả pháp, đủ thứ phân biệt, cho nên nói: “Chẳng thấy các pháp không.” Không thể ngộ được đạo lý: “Bỏ lai chẳng một vật, chỗ nào dính bụi bặm.” Nếu chấp trước

pháp hữu vi, thì không thể thoát khỏi ba cõi, thường thọ khổ sinh tử trong sáu nẻo luân hồi.

Người như thế, chẳng thấy được tất cả pháp không. Tại sao ? Vì chẳng đắc được pháp nhãn thanh tịnh. Nếu đắc được pháp nhãn thanh tịnh, thì thấy được tất cả pháp không sinh, tất cả pháp không diệt, do đó:

“Các pháp từng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng.”

Nghĩa là:

Các pháp vốn xưa nay
Tướng thường tự vắng lặng.

Đắc được pháp nhãn thanh tịnh, thì thấu rõ đạo lý các pháp không tướng.

**Xưa tôi thọ các khổ
Do tôi chẳng thấy Phật
Nên phải tịnh pháp nhãn
Thấy chỗ đáng được thấy.**

Bồ Tát Công Đức Huệ nói: “Thuở xưa lúc tôi chẳng biết tu hành, cho nên chịu đủ thứ khổ. Tại sao phải thọ khổ ? Vì tôi chẳng thấy được Phật, tại sao chẳng thấy được Phật ? Vì có cái ta. Thấy cái ta, tướng ta, chấp trước quá sâu, cho nên đối diện chẳng thấy Phật, chẳng thấy Bồ Tát, cho nên phải tu hành, thì mới đắc được pháp nhãn thanh tịnh, có thể thấy Phật chỗ đáng nhìn thấy.” Tại sao chúng ta chẳng thấy Phật ? Vì vọng tưởng quá nhiều.

**Nếu thấy được đức Phật
Mà tâm chẳng thủ giữ
Người đó tức thấy được
Biết pháp của Phật nói.**

Nếu như có người thấy được Phật, mà chẳng chấp trước, tức là như như bất động, tức cũng là chẳng thủ lấy tướng. Trong kinh Kim Cang có nói:

“Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó hành đạo tà
Chẳng thấy được Như Lai.”

Đó tức là thủ lấy chấp trước tướng. Nếu thấy được mà chưa thấy, nghe mà chưa nghe, thì:

“Mắt thấy hình sắc trong chẳng có
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay.”

Thấy được Phật mà tâm chẳng động, tức là chẳng thủ lấy tướng. Nếu được như thế, chẳng thấy nghĩ khác, chẳng có tâm háo kỳ, thì người đó sẽ biết được pháp của Phật nói, tức cũng là rõ ràng sáng suốt, tức cũng là trí huệ vốn có hiện tiền.

Nghĩ muốn cùng Phật tại một chỗ, thì phải như như bất động, rõ ràng sáng suốt; muốn cùng quý ở một chỗ, thì như như thường động, chẳng rõ ràng sáng suốt. Hai con đường này tự mình chọn lấy.

Người có định lực thì thấy cảnh giới tốt, vẫn như như chẳng động. Dù có thấy cảnh giới không tốt, cũng như như chẳng động, nếu như như chẳng động, thì sẽ rõ ràng

sáng suốt. Nếu rõ ràng sáng suốt thì được thăng lên tòa Như Lai, vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, đồng thể với Phật, trụ tại một chỗ.

**Nếu thấy thật pháp Phật
Tức gọi bậc đại trí
Người đó có mắt tịnh
Quán sát được thể gian.**

Nếu như thấy được thật pháp của Phật, tức là người đại trí huệ. Phải vào sâu tạng kinh thì mới được trí huệ như biển. Người đó đắc được pháp nhãn thanh tịnh, thì quán sát được nhân duyên của toàn thể giới.

Tất cả mọi người đều đầy đủ ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông. Nhưng vì chẳng tu hành, cho nên chẳng hiện tiền, nếu tu hành viên mãn thì sẽ thành Phật.

Ba thân là: Pháp thân, báo thân, ứng (hóa) thân. Pháp thân là thanh tịnh đầy khắp tất cả mọi nơi. Pháp thân của phàm phu, vì bị vô minh che lấp, cho nên chẳng hiện ra. Hóa thân có nhiều hàng trăm ngàn ức, song phàm phu không dùng được nó, chỉ có báo thân. Báo thân tức là thân thể hiện tại, là thân thọ quả báo. Pháp thân của Phật là viên mãn. Chúng ta có đại trí huệ thì mới thấy được ba thân của Phật.

Bốn trí tức là: Thành sở tác trí, diệu quán sát trí, bình đẳng tánh trí, đại viên cảnh trí. Thành sở tác trí là những gì cần làm đã làm xong, chẳng thọ thân sau nữa. Diệu quán sát trí là đắc được năm nhãn, mới có trí huệ diệu quán sát. Bình đẳng tánh trí là tất cả chúng sinh đều bình đẳng, chư Phật cũng bình đẳng. Trí huệ này ở chư Phật cũng chẳng

tăng chút nào, tại chúng sinh cũng chẳng giảm chút nào, đều là bình đẳng. Song, phàm phu bị vô minh che lấp, chẳng chứng được trí huệ tánh bình đẳng. Đại viên cảnh trí là trí huệ thanh tịnh quang minh, giống như tấm gương tròn lớn, một hạt bụi cũng chẳng nhiễm. Vật đến thì ứng, vật đi thì tịnh, chẳng lưu lại dấu vết.

Năm nhãn tức là: Nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Phật nhãn chiếu sáng như ngàn mặt trời, chiếu khắp vô lượng thế giới. Pháp nhãn quán sát tất cả các pháp. Ví như đọc kinh Hoa Nghiêm, thì chiếu thấu tất cả quyền kinh, một bộ kinh Hoa Nghiêm tám mươi quyển, chỉ một phút thì đọc xong. Huệ nhãn đầy đủ tất cả trí huệ, thấu rõ tất cả sự lý. Thiên nhãn thì thấy được người trời hành động. Nhục nhãn (chẳng phải nhục nhãn của phàm phu mà nhục nhãn khác) thấy được người, quý, thần, thấy được tướng có hình, có sắc. Phật nhãn ở chính giữa trán, pháp nhãn và huệ nhãn ở hai bên trán. Thiên nhãn và nhục nhãn ở tại huyệt thái dương. Quý cũng có đầy đủ năm nhãn này, nhưng chẳng quang minh.

Sáu thông tức là: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông. Người tu hành tu đến trình độ tương ứng, thì có thiên nhãn thông, nhìn thấy cử chỉ hành động của người trời, mà chư Thiên nói cũng nghe được rất rõ ràng. Có tha tâm thông thì biết được người đối phương muốn nói và làm việc gì. Túc mạng thông quán sát được nhân quả của chúng sinh đã làm trong quá khứ. Có thần túc thông thì có thể đi đứng ở trong hư không, đến đi tự do, chẳng bị hạn chế. Có lậu tận thông thì quét trừ tất cả phiền não, chẳng có vọng tưởng, tức thành Phật quả.

**Không thấy tức là thấy
Thấy được tất cả pháp
Nếu nơi pháp có thấy
Đó là không chỗ thấy.**

Không thấy tức là chẳng có sự thấy thức phân biệt của phàm phu. Đây tức là sự thấy trí huệ vốn có của Thánh nhân. Có thức phân biệt, là tất cả pháp hữu vi; trí chẳng có phân biệt là tất cả pháp vô vi. Trí huệ của Thánh nhân minh bạch được tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, nghĩa là thông đạt các pháp thật tướng, mà chẳng có pháp chấp trước, mới thấy được tất cả các pháp. Phàm phu nếu có sự phân biệt về pháp, thì vĩnh viễn chẳng minh bạch bản thể của tất cả các pháp. Bất cứ lúc nào cũng không thể vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển. Nếu phá được pháp chấp, thì mới minh bạch tất cả các pháp; tức là bốn địa phong quang, nhà vốn có sẵn, mặt mũi vốn có, tức là trở về cội nguồn, nghĩa là pháp thể chẳng sinh chẳng diệt.

**Tất cả các pháp tánh
Không sinh cũng không diệt
Lạ thay đại Đạo Sư
Tự giác hay giác tha.**

Tánh của tất cả các pháp, chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt, là vắng lặng bất động. Rất lạ thay đấng đại Đạo Sư (Phật) ! Ngài đã giác ngộ đạo lý tất cả các pháp, lại khiến

cho người khác cũng giác ngộ đạo lý của tất cả các pháp. Đây là ba giác viên mãn, vạn đức đầy đủ.

**Thắng Huệ trước đã nói
Pháp của Như Lai ngộ
Chúng tôi từ đó nghe
Biết được chân tánh Phật.**

Bồ Tát Công Đức Huệ nói: “Tôi nghe Bồ Tát Thắng Huệ nói kệ rồi, đắc được pháp ích, minh bạch tất cả pháp của Phật đã giác ngộ, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, chẳng có mọi sự chấp trước. Chúng tôi từ Bồ Tát Thắng Huệ nghe được diệu pháp, cho nên thấu rõ chân như tự tánh của Phật, tất cả thế gian đều là vô thường.”

**Bấy giờ, Bồ Tát Tinh Tấn Huệ nương
oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười
phương mà nói kệ rằng.**

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Tinh Tấn Huệ ở phương đông bắc, nương đại oai thần lực của Phật gia trì. Quán sát khắp nhân duyên và căn tánh của chúng sinh trong mười phương, dùng kệ để khen ngợi công đức của Phật.

**Nếu trụ nơi phân biệt
Tức hoại mất thanh tịnh
Ngu si tà kiến tăng
Vĩnh chẳng thấy chư Phật.**

Nếu như trụ ở nơi phân biệt, dù có đối diện với Phật và Bồ Tát, cũng chẳng nhận thức được. Tại sao ? Vì hư hoại mất thanh tịnh, cho nên ngày càng ngu si, tà kiến tăng thêm. Phải biết ngu si tức là súc sinh, tà kiến là ngựa quỷ. Như vậy, trước mắt chẳng nhận thức được Phật Pháp Tăng Tam Bảo, vĩnh viễn chẳng thấy được mười phương chư Phật. Lục Tổ Huệ Năng có nói: “Tin ta, thì dù cách mười vạn tám ngàn dặm, cũng giống như bên cạnh thân ta. Chẳng tin ta thì dù ở bên cạnh thân ta, cũng như cách mười vạn tám nghìn dặm.” Đây là dùng để giải thích bốn kệ tốt nhất.

Phân biệt là thức, chẳng phân biệt là trí; chuyển thức thành trí, thì mới đắc được pháp nhãn thanh tịnh. Mất thanh tịnh này, chẳng phải đắc được từ bên ngoài, mà là từ trong tâm mà chứng được. Nếu chẳng có phân biệt ta người, thị phi, thiện ác, thì lúc đó, đối với tất cả các pháp, đều chẳng có chấp trước, thì trí huệ sẽ hiện tiền, chiếu thấy pháp thể xuất thế gian.

Chúng ta học Phật pháp, nếu có tâm phân biệt, thì dù Phật Bồ Tát và thiện trí thức ở trước mặt bạn, bạn cũng chẳng nhận ra. Nếu chẳng có tâm phân biệt, thì Phật Bồ Tát thiện trí thức hiện tiền, bạn sẽ phân minh rõ ràng, thấy được rõ ràng.

**Nếu rõ được pháp tà
Như thật chẳng điên đảo
Biết vọng vốn tự chân
Thấy Phật liền thanh tịnh.**

Nếu như thấu hiểu pháp tà, tức là minh bạch chánh pháp, tức cũng là minh bạch lý thể chân như thật tướng, không làm việc điên đảo. Điên đảo tức là không nên làm mà làm, nên làm mà không làm. Không điên đảo tức là nên làm thì làm, không nên làm thì không làm. Phải biết vọng là từ chân như thật tướng mà sinh ra. Phải biết gốc rễ của vọng là chân, trừ sạch hết vọng thì chân sẽ hiện ra, chỉ cần trừ khử tâm thức phân biệt, thì trí huệ vốn có sẽ hiện tiền. Như thế sẽ đầy đủ mắt thanh tịnh, mới thấy được Phật.

Tại sao chúng ta chẳng thấu hiểu chánh pháp ? Vì vô minh đang tác quái, khởi tâm tham, có tâm dục niệm, cho nên chẳng phân chánh tà. Nếu phá được vô minh, thì chẳng còn tâm tham, chẳng còn dục niệm, thì sẽ minh bạch gì là chánh pháp ? Tất cả mọi vấn đề đều tiếp nhận mà giải.

Chúng ta vốn giống như Phật, tự tánh quang minh hay chiếu sáng ba ngàn đại thiên thế giới, vì động một niệm vô minh, mà đến thế giới Ta Bà này, hoặc đến thế giới khác đầu thai làm người. Do đó, tu hành thì có thể thành Phật, không tu hành thì phải làm quỷ.

Chỉ cần chúng ta trở về cội nguồn, khôi phục lại trí huệ vốn có, thì chẳng còn tâm phân biệt, thì sẽ minh bạch tất cả. Do đó:

“Thiện ác hai con đường
Tu thì tu, tạo nghiệp thì tạo.”

Tu phước tu huệ là Phật, tạo tội tạo nghiệp là quỷ. Phật xem tất cả chúng sinh đều là Phật. Quỷ xem chúng sinh đều là quỷ, đó là hết thảy do tâm tạo. Trong kinh này có nói:

“Nếu ai muốn biết rõ

Tất cả Phật ba đời
Hãy quán tánh pháp giới
Hết thấy do tâm tạo.”

Tất cả tánh pháp giới, đều do tâm mà tạo ra.

**Có thấy tức là cầu
Đó tức là chưa thấy
Xa lìa các sự thấy
Như vậy mới thấy Phật.**

Nếu có thấy tức là vọng tưởng. Có phân biệt thì có cầu bần. Nếu phàm phu chẳng có vọng tưởng phân biệt, thì sẽ xa lìa tất cả tâm phân biệt, tất cả tâm thấy hiểu. Như vậy sẽ thấy được Phật. Song, nghĩ muốn thấy Phật cũng là vọng tưởng. Phải đừng có vọng tưởng này thì sẽ thấy hết thấy, cũng chẳng có nghĩ thấy, cũng chẳng có không nghĩ thấy. Đến được cảnh giới này, thì sẽ thường thấy Phật.

Sự thấy của phàm phu là có nghĩ, có niệm, có phân biệt; sự thấy của bậc Thánh là không nghĩ, không niệm, không phân biệt. Do đó:

“Thiền đến không tâm tức là đạo.
Không tâm không niệm phước vô biên
Tur dục tạp niệm là tội khiên.”

Nghĩa là nói: Chẳng có tâm phân biệt là phước, có tâm phân biệt tức là tội.

**Pháp ngôn ngữ thế gian
Chúng sinh vọng phân biệt**

Biết đời đều không sinh Đó là thấy thế gian.

Chúng sinh thế gian có đủ thứ ngôn ngữ. Dùng ngôn ngữ của thế gian mà nói, thì có rất nhiều thứ. Một nước có một thứ tiếng, một tộc có ngôn ngữ của họ, một phương có ngôn ngữ của một phương, ngũ hoa bát môn, đủ loại khác nhau. Chúng sinh dùng vọng tưởng để phân biệt pháp ngôn ngữ. Kỳ thật, tất cả pháp ngôn ngữ thế gian, tất cả tướng phân biệt, đều chẳng có thật thể. Vì chẳng có thật thể, cho nên tất cả chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt. Phải lãnh ngộ đạo lý này, thì mới chân chánh minh bạch pháp thế gian.

Nếu thấy thấy thế gian Tức thấy tướng thế gian Như thật đồng không khác Đây gọi người thấy thật.

Nếu như thật minh bạch tất cả pháp thế gian, thì sự minh bạch này tức là tướng thế gian thường trụ. Song, nó không sinh không diệt, giống như thật tướng lý thể. Nếu thấy được lý này, tức là thông đạt nguồn gốc. Lục Tổ Huệ Năng có nói:

“Phật pháp tại thế gian
Chẳng lìa thế gian giác
Lìa đời cầu bồ đề
Ví như tìm sừng thỏ.”

Nghĩa là: Cũng nói như đạo lý này. Đó mới chân chánh hiểu rõ pháp thế gian và pháp xuất thế gian.

**Nếu thấy đồng không khác
Nơi vật chẳng phân biệt
Thấy đó là các hoặc
Vô lậu được tự tại.**

Nếu như minh bạch đạo lý thật tướng, thì nơi tất cả sự vật, đều chẳng sinh tâm phân biệt, thông đạt bản thể của tất cả sự vật, tức cũng là thật tướng vô tướng mà vô bất tướng, đạo lý căn bản này nếu không phân biệt, thì sẽ thấu đạt các pháp thật tướng. Pháp thế gian tức là pháp xuất thế, phiền não tức Bồ đề. Phiền não chuyển qua tức là Bồ đề. Sự thấy này chẳng có phân biệt. Là khỏi tất cả các hoặc, thì đắc được trí huệ căn bản. Nếu chẳng có tâm phân biệt, tức là vô lậu. Lậu tức là còn tất cả tập khí ma bệnh. Cảnh giới vô lậu tức là chẳng dùng thức để phân biệt, mà đắc được tự tại, cho nên nói vô lậu được tự tại. Tự tại tức là giải thoát, vô câu vô thúc, chẳng sầu chẳng lo, tiêu dao tự tại. Chúng ta học Phật pháp, tức là học pháp môn thân tự tại, tâm tự tại. Nếu thân tâm tự tại thì sẽ thành tựu.

**Pháp chư Phật mở bày
Tất cả pháp phân biệt
Đó đều bất khả đắc
Do đó tánh thanh tịnh.**

Chư Phật khai thị tất cả pháp, là đối cơ của chúng sinh mà nói tất cả pháp, do đó:

“Phật nói tất cả pháp

Ứng với tất cả tâm.
Nếu không tất cả tâm
Sao dùng tất cả pháp“?”

Vì muốn đời cơ của chúng sinh, tất cả phải có sự phân biệt, cho nên mới nói tất cả pháp phân biệt, nói Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn, đủ thứ pháp khác nhau. Có pháp đại thừa, pháp tiểu thừa, pháp bốn đế, pháp mười hai nhân duyên, pháp lục độ vạn hạnh, đó là theo bệnh cho thuốc, cho chúng sinh uống một thứ thuốc, khi bệnh lành thì không cần uống thuốc nữa. Giống như qua sông, phải cần thuyền mới qua đến bờ kia; nhưng đến bờ kia rồi, thì nên bỏ thuyền. Trong kinh Kim Cang có nói:

“Pháp còn phải xả
Hà huống là phi pháp“?”

Khi khai ngộ rồi, đắc được chân chánh căn bản trí huệ, thì tất cả các pháp đều phải buông xả, đừng có chấp pháp, cho nên mới nói, đó đều bất khả đắc. Tại sao nói bất khả đắc ? Vì lý thể của pháp là không sinh không diệt, vốn thanh tịnh. Tức là thanh tịnh, lại có gì có thể đắc ? Trong tâm kinh có nói:

“Vô trí cũng vô đắc.”

Tức là xem tất cả pháp đều không, thì minh bạch tất cả pháp không tướng. Pháp Phật nói, bản tánh đều thanh tịnh, không tướng, nhưng thuận tạp là vì độ tất cả chúng sinh mà nói, chúng sinh độ hết, thì pháp cũng sẽ hết dùng.

Pháp tánh vốn thanh tịnh

**Như không chẳng có tướng
Tất cả không thể nói
Bậc trí quán như vậy.**

“Các pháp từ xưa nay
Tướng thường tự vắng lặng.”

Pháp chân chánh thì nói chẳng ra. Do đó:

“Lời lẽ đã dứt, tâm hành đã diệt
Miệng muốn nói mà lời đã bậc
Tâm muốn duyên mà suy nghĩ chẳng còn nữa”.

Là không thể nói, không thể nói, một khi nói ra đều là pháp phương tiện.

Bản tánh của pháp là thanh tịnh, giống như hư không, chẳng có hình tướng. Tức nhiên chẳng có hình tướng, lại có gì để nói? Dùng tỷ lượng để nói, dùng hiện lượng để nói, nói mà không nói, không nói mà nói, vì phương tiện giáo hóa chúng sinh, không thể nói cũng phải nói. Giống như hư không, tuy nhiên chẳng có tướng, nhưng ở trong hư không, nhỏ như hạt bụi, lớn như núi sông, đều bao quát ở trong hư không, cũng chẳng ở ngoài hư không. Đây tức là đạo lý chân không diệu hữu, diệu hữu hiện chân không. Do đó:

“Chân không chẳng không,
Chẳng ngại diệu hữu.
Diệu hữu chẳng hữu,
Chẳng ngại chân không.”

Diệu hữu tức là chân không, chân không tức là diệu hữu, cho nên mới nói như không chẳng có tướng.

Bản thể của pháp là thanh tịnh, chẳng có gì để nói. Pháp nói ra đều là pháp phương tiện. Song, trước khi chúng sinh chưa khai ngộ, thì không thể không nói pháp phương tiện cho chúng sinh. Khi chúng sinh khai ngộ rồi, thì tất cả pháp đều chẳng cần nữa, quét tất cả pháp, lia tất cả tướng. Do đó có câu:

“Mê thì ngàn quyển ít,
Ngộ rồi một chữ vẫn nhiều.”

Khi chúng sinh mê hoặc, thì xem ngàn quyển kinh, đọc ngàn quyển kinh, lay ngàn quyển kinh, vẫn cảm thấy ít. Đến khi ngộ rồi, thì dù cho một chữ cũng chẳng có, xem vô tự chân kinh, đọc vô tự chân kinh, lay vô tự chân kinh. Đó là người có trí huệ, quán sát được như vậy.

**Xa lia nơi pháp tướng
Chẳng ưa tất cả pháp
Đó cũng không chỗ tu
Thấy được Đại Mâu Ni.**

Nếu lia được tất cả pháp tướng, thì chẳng có suy nghĩ, chẳng có phân biệt. Không tưởng tức là chân như, tức là pháp thể. Chẳng ưa thích tất cả pháp, tức là phá trừ pháp chấp. Giống như chúng ta hiện tại nghiên cứu tất cả pháp, giảng nói tất cả pháp. Vì chẳng minh bạch, cho nên còn phải giảng nói. Đến khi minh bạch thì vốn chẳng cần giảng nói. Giảng kinh gì, nói pháp gì, đó đều dư thừa.

Song, hiện tại chúng ta còn chưa minh bạch tất cả pháp, mà nghĩ không cần tất cả pháp thì chẳng đúng. Ví như muốn qua biển, đây bắt quá là nói mà thôi. Nếu nói tôi

đã qua biển rồi, kỳ thật chưa qua. Qua biển rồi mới có thể nói tôi đã qua biển rồi. Trước khi chưa chứng quả, trước khi chưa chứng đắc tự tánh chân như lý thể, mà nói tôi không cần tất cả pháp, đây là khi mình khi người. Giống như bịt tai ăn cắp chuông, là tự lường gạt mình mà thôi.

Trước khi chưa chứng quả, thì phải học tất cả pháp. Nếu thật lìa khỏi tất cả các tướng, đến được cảnh giới: “Một niệm không sinh toàn thể hiện,” thì tất cả pháp đều ở trong tự tánh, cũng chẳng cần tu, cũng chẳng cần học, cho nên mới nói, đó cũng chẳng chỗ tu, do đó: “Qua sông chẳng cần thuyền.” Khi chứng được tứ quả A la hán, thì tu mà chẳng tu, chẳng tu mà tu, đó là bậc vô học. Khi chưa chứng được tứ quả A la hán, thì vẫn phải học, vẫn phải tu hành. Khi đến được không chỗ tu, thì mới thấy được Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

**Như chỗ Đức Huệ nói
Đây gọi người thấy Phật
Hết thấy tất cả hạnh
Thể tánh đều vắng lặng.**

Bồ Tát Tinh Tấn Huệ nói: “Giống như đạo lý mà Bồ Tát Công Đức Huệ nói, phải minh bạch tất cả Phật pháp, tức là người thấy Phật. Hết thấy tất cả hạnh, thể tánh vốn có đều là vắng lặng. Phải ngộ đến cảnh giới này, thì sẽ minh bạch tự tánh của pháp.”

Bấy giờ, Bồ Tát Thiện Huệ, nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị Bồ Tát Thiện Huệ ở phương đông nam, nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật. Quán sát khắp nhân duyên và căn tánh của chúng sinh trong mười phương, rồi dùng kệ để khen ngợi công đức của Phật.

**Ít có đại dũng kiện
Vô lượng các Như Lai
Lìa cầu tâm giải thoát
Tự độ hay độ họ.**

Chúng ta tu hành phải dũng mãnh tinh tấn, siêng tu Phật đạo, dũng mãnh tinh tấn, tức là dùng thân giả huyễn này để tu Phật pháp chân chánh. Thân thể phần đoạn sinh tử của chúng ta đây, mỗi người đều có một phần, mỗi người đều có một đoạn. Vì có một phần, có một đoạn, cho nên có chấp trước. Chấp trước đây là ta, chấp trước đó là sở hữu của ta. Vì túi da hôi thối này, mà suốt ngày điên điên đảo đảo, tự lợi, ích kỷ, tham danh, tham lợi. Vì vậy mà thân thể giả này che lấp huệ mạng thật, nên không thể dũng mãnh tinh tấn. Tham sự ngủ nghỉ, ăn uống, nam nữ, danh lợi .v.v... đủ thứ chấp trước đều sinh ra. Khi chấp trước sinh ra, thì giải đãi mà chẳng tinh tấn, cuối cùng chẳng có thành tựu.

Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự trong kinh Pháp Hoa có nói như vậy: Bồ Tát Dược Vương vì cầu Phật đạo mà dùng thân mình quán vải lụa, đổ dầu thơm lên đốt làm đèn để cúng dường Phật. Vì cầu pháp mà đem thân thể bố thí cho Phật, đó mới là thật tinh tấn, thật cúng dường. Kiền thành như thế mới sớm thành Phật đạo.

Phật Thích Ca Mâu Ni trong đời quá khứ, vì cứu chúng sinh mà xả bỏ vô lượng thân mạng, cho nên nói trong ba ngàn đại thiên thế giới, chẳng có một chỗ nào nhỏ như hạt bụi, mà chẳng phải là chỗ của mười phương chư Phật xả thân. Do đó mới nói ít có đại dũng kiện. Trong Kinh Dịch có nói: “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tị cường bất tức.” Kiện, nghĩa là cang cường kiện khang. Luôn luôn hay tị cường bất tức, tức là dũng kiện. Vô lượng các Như Lai đều ít có đại dũng kiện. Chư Phật quá khứ đều tị cường bất tức, siêng tu tinh tấn, chẳng tiếc thân mạng, để cầu Phật đạo.

Lìa khỏi tất cả bụi dơ, tức cũng là lìa khỏi hai chướng. Hai chướng là gì ? Tức là có hai thứ chấp trước, chướng ngại nên không thể thành đạo. Một là phiền não chướng, hai là sở tri chướng. Phiền não chướng tức là chấp cái ta, sở tri chướng tức là chấp pháp. Chẳng có chấp ta thì phá được phiền não chướng; chẳng có chấp pháp thì phá được sở tri chướng. Nói thì dễ mà hành thì khó. Hay lìa khỏi phiền não chướng và sở tri chướng được, thì tâm sẽ giải thoát. Phá tan được hai chướng thì tức là tự độ, cũng phải độ kẻ khác. Phạm là người hành đạo Bồ Tát, thì phải độ mình độ người, giác mình giác người, lợi mình lợi người. Phạm là người thọ giới Bồ Tát, thì phải mau tu hành, hướng về ba mục tiêu lớn đó mà hành, sớm trở thành Bồ Tát.

**Tôi thấy Thế Gian Đẳng
Như thật chẳng điên đảo
Như trong vô lượng kiếp**

Chỗ thấy bậc tích trí.

Phật là Thế Gian Đẳng (Phật), vì ba cõi mà làm đèn sáng, chiếu phá đen tối của ba cõi, khiến cho ba cõi chúng sinh đều được ánh sáng. Tôi (Bồ Tát Thiện Huệ) thấy Phật chân như thật tướng, chẳng điên đảo. Cảnh giới của Phật như như chẳng động, thời thời tự tại, trong vô lượng kiếp thường tịch nhiên chẳng động. Đó là người rộng tu trí huệ phương tiện, nên minh bạch được đạo lý này.

Tất cả phàm phu làm Thấy đều mau quy tận Tánh đó như hư không Nên nói không có tận.

Phàm là người không chứng quả đều gọi là phàm phu. Hành vi của phàm phu tục tử đều là vô thường, sinh diệt. Chẳng có phàm phu nào có thể thường trụ không diệt. Bản tánh của phàm phu đều có thật tánh. Hư không tức là Phật tánh. Do đó:

“Tự tánh như hư không
Chân vọng ở trong đó
Ngộ triệt thể bản lai
Một thông thấy đều thông.”

Phàm phu cũng tốt, Thánh nhân cũng tốt, đều đầy đủ Phật tánh. Phật tánh thì chẳng sinh chẳng diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Tự tánh tức là Phật tánh, Phật tánh tức là tự tánh. Do đó chúng ta tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật. Phật tánh như thế nào ? Là

giống như hư không. Trong chân không có diêu hữu, trong diêu hữu có chân không. Chân không chẳng ngại diêu hữu, diêu hữu chẳng ngại chân không. Cho nên trong Phật tánh có chân có vọng. Phải minh bạch bản lai tự tánh và hư không đều giống nhau, minh bạch như thế thì, dần dần đều sẽ minh bạch hết, do đó: “Được một, vạn sự đều xong.” Nếu đắc được một, thì việc gì cũng đều chẳng có, việc lớn đã xong. Cho nên nói, một thông thấy đều thông. Minh bạch được một, thì tất cả đều minh bạch.

Vì Phật tánh như hư không, hư không thì vô cùng tận. Cho nên nói:

“Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh,
Đều có thể thành Phật.”

Do đó, ai ai cũng đều có tư cách làm Phật, nhưng phải tu hành, phải dụng công tu hành thì mới có thể thành Phật.

Người tu hành, chẳng dễ gì gặp được Phật Bồ Tát, bậc A la hán, tất cả thiện tri thức. Có lúc cũng có thể gặp được, nhưng chẳng nhận ra. Khi qua rồi, nhận thức thì đã muộn, đây tức là trước mắt mà bỏ lỡ cơ hội.

Lúc tôi ở tại đông bắc Trung Quốc tỉnh Cát Lâm, thì nghe được một vị lão tu hành ở trên núi kể chuyện rằng: Trước kia có người đi dạo núi, ông ta đi vào trong núi, gặp hai vị lão tóc bạc phơ, rất hiền lành, khiến cho người tự nhiên cung kính. Hai vị đó ở trong động tụ tinh hội thần để đánh cờ. Người đó ở ngoài động nhìn xem nhiều tiếng đồng hồ, tâm nghĩ muốn vào động xem thử cứu kính ai thắng ai thua. Lúc muốn cất chân bước thì chỉ nghe lão già trong động nói: “Người là phàm phu, không thể đi vào

trong động.” Nói xong dùng tay chỉ một cái thì cửa động đá tự động đóng lại. Người đó mới biết hai vị lão già đó nhất định là thần tiên. Người đó rất thành tâm quỳ ở ngoài động, cho đến chết ở ngoài động. Về sau có người phát hiện thi thể, mới đem đi mai táng ở bên động. Câu chuyện này nói rõ, cầu đạo thì chẳng dễ dàng. Người đó quỳ chết ở đó, cửa động thủy chung cũng không mở.

**Bậc trí nói vô tận
Đây cũng không chỗ nói
Vì tự tánh vô tận
Được có nan tư tận.**

Hư không chẳng có tận, cũng chẳng có cái bất tận. Chẳng có cái hết, cũng chẳng có cái không hết, nên mới nói bậc trí nói vô tận. Người có trí huệ mới nói hư không là vô tận. Vô tận tức là nói diệu hữu. Trong hư không có diệu hữu, trong chân không có diệu hữu. Trên cảnh giới có tận chẳng có tận nói chẳng ra gì, nói nó là có lại chẳng phải có, nói nó là không lại chẳng phải không. Nói nó có là nhìn không thấy, vì nó là diệu hữu. Nói nó là không lại chẳng không vì có diệu hữu. Diệu hữu lại nhìn chẳng thấy, lại là chân không. Cảnh giới vô tận vô bất tận cũng không chỗ nói. Lúc đó thì chẳng lập văn tự, nói không ra. Vì tự tánh tại hư không, tức là diệu hữu. Tại sao trong chân không có diệu hữu ? Là vì có Phật tánh. Phật tánh là vô tận. Vì nguyên nhân đó nên nói là vô tận không thể nghĩ bàn. Nói nó là thường, cũng chẳng phải thường. Nói nó là đoạn cũng chẳng phải đoạn. Chẳng phải thường, chẳng phải đoạn,

chẳng rơi vào biên kiến hai bên, tức cũng là trung đạo liễu nghĩa.

**Trong chỗ nói vô tận
Không chúng sinh khả đắc
Biết tánh chúng sinh vậy
Tức thấy Đại Danh Xưng.**

Vô tận tức là chỗ nói về hư không, vô tận vô bất tận. Không thể nói cái hữu tận, cái vô tận. Nếu nói hữu tận thì hư không sao lại hữu tận ? Nếu nói vô tận thì hư không sao lại có vô tận ? Cho nên trung đạo lý thể, thì không đoạn, không thường. Chiếu theo đạo lý này mà nói, thì chẳng có một chúng sinh khả đắc. Sao lại nói không chúng sinh khả đắc ? Vì là hư không ! Phải biết tánh của chúng sinh vốn cũng là không, chẳng có một chúng sinh khả đắc. Minh bạch được đạo lý này, thì đến được lý thể bản lai Phật tánh. Đây là nói thường thấy được Phật, mà thời khắc chẳng lìa Phật.

**Không thấy nói là thấy
Không sinh nói chúng sinh
Nếu thấy, nếu chúng sinh
Biết rõ không thể tánh.**

Trên cảnh giới chân như thật tướng, không thể nói không thể nói, không thấy cũng không chẳng thấy. Chiếu theo tri kiến của một số phàm phu nói là có cái thấy, kỳ thật, cũng chẳng có chúng sinh khả đắc, đều là như hư

không. Lý luận này hoặc nói thấy, hoặc nói chúng sinh. Nếu chân chánh thấu rõ tất cả hết thấy đều như là hư không, vậy thì không thể nói vậy.

**Năng thấy và sở thấy
Người thấy đều trừ bỏ
Chẳng hoại nơi thật pháp
Người đó biết rõ Phật.**

Tánh năng thấy và vật sở thấy, kiến giải đó đều chẳng có. Nếu chẳng có năng thấy và sở thấy, tức là bản thể của pháp như như bất động. Do đó, đều trừ khử xả lìa năng thấy và sở thấy, bèn hiện ra lý thể như như. Năng thấy và sở thấy đều không, pháp hữu vi và pháp vô vi cũng đều không, hữu lậu và vô lậu cũng đều không. Tất cả chấp trước cũng chẳng còn, đó mới là lý thể của chân chánh pháp giới.

Tại sao chúng ta không thể đạt được bản thể của pháp ? Chúng được đạo lý thật tướng vô tướng ? Là vì có sự chấp trước vào năng thấy và sở thấy, do đó không thể khế hợp với chân thật lý thể, cũng không thể thấy được Phật. Nếu khế hợp được với chân thật pháp tánh, thì người đó thấu rõ được cảnh giới của Phật, biết được đạo lý của Phật pháp.

**Nếu người biết rõ Phật
Và pháp của Phật nói
Tức chiếu được thể gian
Như Phật Lô Xá Na.**

Nếu như có người minh bạch được cảnh giới của Phật và pháp môn phương tiện của Phật nói, tức cũng là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Người đó có trí huệ quang minh mới chiếu phá trừ tất cả đen tối của thế gian. Giống như quang minh chiếu soi khắp của Viên Mãn Báo Thân ngàn trượng Lô Xa Na Phật Thích Ca Mâu Ni.

**Chánh giác khéo khai thị
Một pháp tạo thanh tịnh
Tinh Tấn Huệ đại sĩ
Diễn nói vô lượng pháp.**

Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật khéo dùng pháp phương tiện khéo léo, để diễn nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, để đối trị tám vạn bốn ngàn tập khí ma bệnh của chúng sinh. Phật đến lúc cuối cùng mới diễn nói một thừa Phật đạo. Bỏ lại một pháp cũng chẳng lập, tức là thanh tịnh bản nguyên, tánh diệu chân như. Bồ Tát Tinh Tấn Huệ Ngài đã diễn nói vô lượng pháp môn phương tiện.

**Hoặc có hoặc không có
Tưởng đó đều trừ diệt
Như vậy thấy được Phật
An trụ nơi thật tế.**

Hoặc là hữu tận, hoặc là vô tận, hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu; hoặc là pháp hữu vi, hoặc là pháp vô vi, tất cả tướng niệm đều diệt trừ. Trở về nguôi cõi, xuất hiện

thanh tịnh nguồn cội, tánh diệu chân như. Nếu có thể một niệm vọng tưởng cũng không sinh, thì lúc đó một niệm không sinh toàn thể hiện, tức sẽ thấy được Phật, luôn luôn an trụ ở cõi Tịnh Độ Thường Tịch Quang, cảnh giới chân thật. Lúc đó chúng được thật tướng lý thể, minh bạch chẳng có chút pháp sinh, chẳng có chút pháp diệt, tức là pháp chẳng sinh diệt.

Bấy giờ, Bồ Tát Trí Huệ, nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị Bồ Tát Trí Huệ ở phương tây nam, nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật, quán sát khắp nhân duyên và căn tánh của mười phương chúng sinh, dùng kệ để biểu đạt pháp muốn nói.

Trí huệ tức là Bát Nhã, Bát Nhã có ba thứ:

- 1). Văn tự Bát Nhã.
- 2). Quán chiếu Bát Nhã.
- 3). Thật tướng Bát Nhã.

Do văn tự đề khởi quán chiếu Bát Nhã, do quán chiếu Bát Nhã mà khế ngộ thật tướng Bát Nhã, bài kệ mà vị đại Bồ Tát này nói, tức là đạo lý này.

**Tôi nghe giáo tối thắng
Bèn sinh trí huệ quang
Chiếu khắp mười phương giới
Đều thấy tất cả Phật.**

Bồ Tát Trí Huệ nói: “Tôi nghe đến Phật giáo tối thắng (giáo dùng vạn tự làm giáo thể), bèn sinh ra trí huệ quang minh (khởi quán chiếu Bát Nhã thì khế hợp với thật tướng Bát Nhã). Thật tướng Bát Nhã này, chiếu trời chiếu đất, chiếu khắp mười phương thế giới tất cả vạn vật và mười phương ba đời tất cả chư Phật hợp mà làm một, cho nên thấy được pháp thân của tất cả Phật.”

**Trong đó không chút vật
Chỉ có danh tự giả
Nếu tánh có ta người
Tức là vào đường hiểm.**

Trong thế giới đó vốn là không. Vì chúng sinh chấp trước mới có pháp hữu vi này. Lục Tổ Huệ Năng nói:

“Bồ đề vốn không cây
Gương sáng cũng không đài.
Xưa nay chẳng một vật
Chỗ nào dính bụi bặm?”

Tức cũng là nói về đạo lý này.

Gì cũng chẳng có, chỉ có giả danh mà thôi. Nếu như nhất định phải nói có người, ta, chúng sinh, thọ mạng bốn tướng, thì ngày càng mê hoặc, luân chuyển trong sáu nẻo luân hồi, đây là con đường rất nguy hiểm.

Nơi chẳng có chân thật mà chấp làm chân thật, cho là chân thật, đó tức là tướng điên đảo của chúng sinh. Vì điên đảo, cho nên vào đường hiểm, chẳng dễ gì thoát khỏi ba cõi, không thể chấm dứt sinh tử.

**Phàm phu thủ chấp trước
Chấp thân là thật có
Như Lai chẳng chấp thủ
Họ trọn không thấy được.**

Phàm là người chẳng chứng quả, đều là phàm phu. Tại sao chẳng chứng quả ? Vì có sự chấp trước, có sự tham cầu. Tại sao có sự chấp trước ? Vì có thân thể. Thân thể này là do đất nước gió lửa bốn đại giả hợp mà thành. Khi bốn đại này phân tán, thì thân thể này chẳng còn nữa. Song, phàm phu chẳng minh bạch đạo lý này, vì thân thể này mà sinh ra đủ thứ sự chấp trước, cho rằng thân thể này là ta. Kỳ thật, thân thể này chẳng phải ta. Nếu là ta thì tại sao lại chết ? Ai ai đều cũng chẳng muốn chết, nhưng thân thể cuối cùng cũng có ngày phải chết, mình làm chủ chẳng đặng. Khi về già thì bốn đại phải về hưu, trở về chỗ của nó. Mắt cũng hoa, muốn nó đừng hoa cũng chẳng làm được; tai cũng điếc, răng cũng rụng, da nhăn nhó giống như da gà, tóc thì bạc giống như lông hạc. Tìm khắp thân thể này cứu kính gì là của ‘ta’ ? Tìm chẳng được. Thân thể là do bốn đại giả hợp mà thành, chỉ có thể nói thân thể này của ta, chứ không thể nói thân thể là ta. Tại sao ? Vì trong thân thể có chân như tự tánh, đó mới là chủ nhân ông.

Ví như ở trong phòng, không thể nói phòng là ta, chỉ có thể nói cái phòng này là chỗ của ta ở. Thân thể này là nơi ta ở. Chân như tự tánh mới là ta. Chân như tự tánh này ở trong thân thể, khi chết thì nó dọn nhà đi, dọn đến ở trong thân thể mới. Do nhân duyên này, cho nên đừng chấp trước thân thể này là thật có, kỳ thật đều là hư vọng.

Phật thì chẳng có chấp trước, nhưng phàm phu có sự chấp trước, cho nên không thể thấy được Phật. Nên chẳng chấp trước thì mới thấy được Phật. Phàm phu thủ trước, thủ chung chẳng thấy được mặt mũi thật của Như Lai.

Người đó không huệ nhãn Không thể thấy được Phật Ở trong vô lượng kiếp Lưu chuyển biển sinh tử.

Phàm phu chấp giữ, chẳng có mắt trí huệ, không thể thấy được chân thân của Phật. Người đó ở trong vô lượng kiếp, ở trong biển sinh tử, lưu chuyển không ngừng. Ở trong sáu nẻo luân hồi, lúc trên trời, lúc ở nhân gian, lúc làm súc sinh, lúc làm ngựa quỳ, vĩnh viễn chẳng thoát khỏi khổ trong sinh tử luân hồi. Tại sao ? Vì có sự chấp trước thủ lấy tướng, cho nên mê trong sinh tử.

Chúng ta người tu đạo, phải chú ý ! Chú ý cái gì ? Chú ý về số “0”, có thể trở về nguồn cội, trở về số “0”, thì sẽ thấy được mười phương ba đời tất cả chư Phật. Số “0” là gì ? Gì cũng chẳng có, không đầu, không cuối, không trong, không ngoài, không lớn, không nhỏ. Nếu phá số “0” này ra, thì biến thành số 1, đây là bắt đầu số mục. Có số 1 rồi lại thêm số 0, muốn thêm nhiều hoặc thêm ít đều được, số mục này sẽ diễn biến vô cùng tận.

Số “0” này chẳng phải, chẳng trái, không bạn, không ta, không tướng người, không tướng ta, không tướng chúng sinh, không tướng thọ mạng, gì cũng chẳng có. Tuy chẳng có, nhưng tất cả đều bao hàm ở trong số “0.” Nếu phóng mở nó thì thành số 1. Số 1 này rất quan trọng. Tại

sao trời thanh ? Vì có được số 1. Tại sao đất lại yên ? Vì có được số 1. Tại sao làm được bậc Thánh ? Vì đắc được số 1 này. Số 1 này là gì ? Tức là trở về nguồn cội. Số ‘0’ là gì ? Tức là bản thể pháp giới, nguồn gốc của Phật tánh.

Trong kinh Đạo Đức có nói:

“Trời được một thì thanh
Đất được một thì yên
Người được một thì Thánh.”

Số một này là mẹ của vạn vật, do đó:

“Được một vạn sự đều xong.”

Khi chưa đắc được một, thì tìm đông, tìm tây, điên điên đảo đảo. Đợi đến khi tìm được một, thì việc gì cũng đều xong. Nói tóm lại, sau khi đắc được một, thì mọi chấp trước gì cũng đều chẳng còn, buông xả hết tất cả. Đó tức là trở về cội nguồn, chấm dứt sinh tử, chẳng còn lưu chuyển trong biển sinh tử nữa.

**Có tranh nói sinh tử
Không tranh tức Niết Bàn
Sinh tử và Niết Bàn
Cả hai bất khả đắc.**

Có phiền não thì có tranh, không phiền não thì không tranh. Do đó:

“Tranh là tâm hơn thua
Trái ngược lại với đạo
Bèn sinh ra bốn tướng
Làm sao được tam muội“?”

Tranh là tâm hơn thua, tranh cường luận thắng, đều nghĩ ta giỏi hơn người. Có tâm háo thắng tức là tham. Có tham thì có phiền não; có phiền não thì có hơn thua. Do đó, chúng ta người tu đạo, đừng tranh cường luận thắng với người, việc tốt nhường cho người, việc xấu mình nhận, đừng có tâm hơn thua. Có người nói: “Vây, tu đạo không cần tu, tu thì có tâm tham.” Tu đạo là hướng về Phật đạo mà đi, đi đến chỗ đáng trụ. Chúng ta muốn thành Phật, đây chẳng phải là tham, tức là muốn trở về nhà. Vì chúng ta bỏ nhà đi quá xa, cho nên phải trở về nhà.

Vì có tranh, nên sinh ra tâm bốn tướng. Có tâm bốn tướng, thì có đấu tranh. Có đấu tranh thì có sinh tử. Nếu đắc được tam muội không tranh, thì chẳng còn phiền não, chẳng còn đấu tranh, tức là Niết Bàn thanh tịnh, tức cũng là lý như như.

Sao lại có sinh tử ? Là vì có Niết Bàn. Sao lại có Niết Bàn ? Cũng vì có sinh tử. Chẳng có sinh tử thì không thể nói có Niết Bàn. Không có Niết Bàn thì không thể nói có sinh tử. Đến được lý thể chân như tự tánh, thì sinh tử và Niết Bàn đều chẳng có. Vì có sinh tử, mới có Niết Bàn; có Niết Bàn mới có sinh tử. Ngộ triệt đạo lý này, thì đạt được đại quang minh tạng của tự tánh vốn có.

**Nếu truy danh tự giả
Thủ trước hai pháp này
Người đó chẳng như thật
Chẳng biết Thánh diệu đạo.**

Nếu như theo đuổi danh tự giả này, cứ dụng công phu trên sự giả dối, mà chẳng dụng công phu trên sự thật, thì cuối cùng cũng chẳng đắc được Thánh diệu đạo. Xả chẳng được sinh tử và Niết Bàn, chấp trước về danh tự giả, nếu chẳng dụng công phu trên sự thật, thì làm sao đắc được thật ? Cứ dụng công phu trên sự giả, thì cuối cùng đều là giả. Người đó chẳng minh bạch đạo lý chân như thật tướng, cũng chẳng biết đạo lý chân không diệu hữu, càng chẳng hiểu về đạo lý số ‘‘0.’’ Số ‘‘0’’ này là Thánh diệu đạo.

Số 0 này diệu không thể tả. Các vị phải nghiên cứu tỉ mỉ một phen. Số 0 này tức là chân không diệu hữu, tức là đại viên cảnh trí, bình đẳng tánh trí, diệu quán sát trí, thành sở tác trí, đều bao hàm ở trong số 0 này. Nếu cứ dụng công phu trên sự giả dối, thì đạo lý thật vẫn chẳng khi nào minh bạch được.

Diệu đạo mà Phật Bồ Tát Thánh nhân đắc được, thì phàm phu không thể hiểu đặng. Nghiên cứu kinh điển là tại chỗ này, phải đặc biệt chú ý. Thánh diệu đạo này tức là trở về nguồn cội, trở về cảnh giới vốn có, chẳng có chỗ đắc. Trong Tâm Kinh có nói: ‘‘Không trí cũng không đắc,’’ tức là đạo lý này.

Có phải phàm phu làm mất đi Thánh diệu đạo chẳng ? Chẳng mất ! Một số phàm phu đều đầy đủ Thánh diệu đạo, bất quá chẳng biết xử dụng như thế nào ? Tu hành như thế nào ? Giống như máy vi tính, người đã học qua máy vi tính, thì mới biết xử dụng. Người chẳng học qua máy vi tính, thì đương nhiên chẳng biết xử dụng, dù có máy vi tính cũng trở thành vật chết.

Thánh diệu đạo tức là máy vi tính, dụng được mới có công năng. Người tu đạo phải minh bạch trí huệ vốn có, đại

viên cảnh trí, đây tức là máy vi tính toàn năng. Nếu tu được thành công, thì đại viên cảnh trí sẽ hiện tiền, sẽ có cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Chẳng những sinh tử và Niết Bàn là danh tự giả, mà trên thế gian tất cả cũng đều danh tự giả, ví như trẻ con mới sinh ra chẳng có tên, thì gọi là trẻ con. Đợi khi cha mẹ đặt tên, thì đứa bé đó có tên, có người khen ngợi y, thì y vui mừng, có người phê bình y, thì y buồn xả chẳng đặng, thậm chí sẽ sinh nóng giận. Có tên rồi thì ôm chặt chẳng buông tay, trước khi tôi đi xuất gia là họ Bạch, về sau thủ hiệu ba năm ở tại mộ phần mẹ, một số người gọi là Bạch hiệu tử. Pháp danh xuất gia gọi là An Từ, về sau lại gọi là Độ Luân, bây giờ gọi là Tuyên Hóa, đây đều gọi là giả, các bạn ! Đừng chấp trước vào danh tự giả, có người mắng bạn, có người đánh bạn, thậm chí có người giết bạn, cũng chẳng động tâm, phải có định lực, đừng bị cảnh giới làm lay chuyển, đây mới là chân công phu tu đạo.

**Nếu sinh tướng như vậy
Đây Phật đây tối thắng
Điên đảo chẳng thật nghĩa
Không thấy được Chánh Giác.**

Nếu như nghĩ như vậy: vị Phật đó là thù thắng nhất, đây tức là điên đảo chấp trước, chưa thấu hiểu mười phương ba đời tất cả chư Phật, là cùng một pháp thân, là bình đẳng, chẳng có vị Phật nào là tối thắng, cũng chẳng có vị Phật nào là tối liệt, đều như nhau, chẳng có khác biệt. Nếu phân ra thắng liệt thì đều là điên đảo, chẳng phải đạo lý thật tướng. Phật Phật giống nhau, bất quá lời nguyện

phát ra khác nhau và có duyên với chúng sinh cũng khác nhau, ví như Phật A Di Đà phát bốn mươi tám đại nguyện để tiếp dẫn chúng sinh. Các Đức Phật khác không phát 48 nguyện để tiếp dẫn chúng sinh, nhưng không thể nói Phật A Di Đà là tối thắng, còn các vị Phật khác là tối liệt. Phật là bình đẳng, pháp là bình đẳng, mười phương Hiền Thánh Tăng cũng là bình đẳng, không thể dụng công phu trên sự hư vọng, bằng không thì thủy chung không thể đắc được trí huệ chánh tri chánh kiến.

Chúng ta đừng dụng công phu trên sự giả, phải dụng công phu trên sự chân như thật tướng; đừng dụng công trên vật chết, phải dụng công phu trên sự sống, nếu dụng công phu trên sự sống, thì chứng được quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ thấy được Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

**Biết được thật thể này
Tướng tịch diệt chân như
Thì thấy đấng Chánh Giác
Vượt khỏi đường ngôn ngữ.**

Biết được lý thể chân thật, tức cũng là đạo lý thật tướng vô tướng, vô sở bất tướng và là chân không diệu hữu. Lý thể chân thật này, tuy nhiên tịch nhiên không động, song cảm mà toại thông. Nếu ngộ được đạo lý chân như thật tướng, do đó:

‘‘Bỏ lại chẳng một vật
Chỗ nào dính bụi bặm’’?

Bỏ lai chẳng có phiền não, lại đến nơi nào cầu bồ đề ? Nếu mình bạch được cảnh giới này, thì thấy được mười phương Phật. Song, chỗ diệu này chẳng phải lời lẽ nói ra được, phải lia tướng văn tự, lia tướng danh tự, lia tâm duyên tướng. Tóm lại, lia tất cả tướng và tất cả pháp, thấu rõ đạo lý này, thì thường thấy được mười phương chư Phật.

**Ngôn ngữ nói các pháp
Không hiểu được thật tướng
Bình đẳng mới thấy được
Như pháp Phật cũng thế.**

Trên thế gian tất cả vạn sự vạn vật, đều đang nói diệu pháp. Mỗi loài chúng sinh nói pháp của loài đó: Trời thì nói pháp trời, người thì nói pháp người, súc sinh thì nói pháp súc sinh, ngựa quý thì nói pháp ngựa quý, A tu la thì nói pháp A tu la, địa ngục thì nói pháp địa ngục. Mười pháp giới đều đang nói pháp, mỗi pháp giới, dùng ngôn ngữ mà họ hiểu, để diễn nói các pháp.

Thanh Văn thì nói pháp Thanh Văn, Duyên Giác thì nói pháp Duyên Giác, Bồ Tát thì nói pháp Bồ Tát, Phật thì nói pháp Phật. Pháp gồm có tám vạn bốn ngàn thứ, là đối trị tập khí mao bệnh của chúng sinh. Chúng sinh có mao bệnh này, thì Phật dùng phương pháp này để đối trị. Khi chúng sinh chẳng còn tập khí mao bệnh nữa, thì tất cả pháp cũng phải buông xả. Pháp khế hợp còn phải buông xả, pháp không khế hợp càng phải buông xả. Trong kinh Kim Cang có nói:

“Pháp còn phải bỏ, hà huống là phi pháp”?

Ngôn ngữ chỉ là nói pháp quyền xảo phương tiện, để giáo hóa chúng sinh. Lý thể thật tướng, chân như tự tánh, không thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt được, dùng ngôn ngữ văn tự, thì không thể hiển được đạo lý thật tướng. Vậy phải làm thế nào ? Phải học chú Phật bình đẳng, chứng được tánh trí huệ bình đẳng vốn có, thì mới minh bạch đạo lý thật tướng. Nếu hay bình đẳng, thì mới có thể trở về cội nguồn. Nếu không bình đẳng, thì không thể minh bạch đạo lý chân như thật tướng.

Chánh Giác đời quá khứ Vị lai và hiện tại Vĩnh đoạn gốc phân biệt Cho nên gọi là Phật.

Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, nhị thừa là Chánh Giác. Chánh giác mà nói ở đây, là chỉ Phật mà nói. Phật trong đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, vĩnh viễn đoạn tuyệt gốc phân biệt, tức cũng là thức. Phật đã chuyển tám thức thành bốn trí, đã hoàn toàn đoạn trừ thức tâm phân biệt, chỉ tồn tại trí huệ. Trí huệ hay chiếu thấy tất cả các pháp thật tướng. Phật là bậc đại giác, phước huệ đều đủ nên viên mãn, cho nên gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, mười danh hiệu.

Bấy giờ, Bồ Tát Chân Thật Huệ, nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Chân Thật Huệ ở phương tây bắc, nương đại oai thần lực gia trì của Phật, quán sát khắp nhân duyên và căn tánh của mười phương chúng sinh mà dùng kệ để diễn đạt pháp muốn nói.

**Thà thọ khổ địa ngục
Được nghe tên chư Phật
Không thọ vô lượng vui
Mà chẳng nghe tên Phật.**

Thà tôi chịu đủ thứ sự thống khổ trong địa ngục, mà thường được nghe danh hiệu của chư Phật. Nhưng chẳng muốn hưởng thụ vô lượng sự an vui, mà chẳng được nghe danh hiệu của chư Phật. Tóm lại, thà là chịu khổ, muốn nghe tên Phật. Chẳng muốn thọ vui mà chẳng nghe được tên Phật.

Chúng ta sinh vào nạn Phật trước Phật sau, một trong tám nạn, tuy nhiên sinh ra vào thời sau Phật, nhưng vẫn còn nghe được pháp, nghe được hồng danh của Phật. Có người một đời chẳng nghe được tên của Phật. Giống như người ở Bắc Câu Lưu Châu, tuổi thọ rất dài, có thể sống đến một ngàn tuổi, đời sống rất sung sướng, nhưng chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng gặp Tăng, vĩnh viễn chẳng nghe được tên Phật, cũng là một trong tám nạn.

Cho nên trong quá khứ

**Chịu khổ vô số kiếp
Lưu chuyển trong sinh tử
Vì không nghe tên Phật.**

Vì không nghe tên Phật, cho nên quá khứ trong vô lượng kiếp thường lưu chuyển, thọ hết các sự khổ, luân hồi trong sinh tử. Nếu nghe được tên Phật, y pháp tu hành, thì sẽ thoát khỏi ba cõi, chẳng còn thọ khổ nữa.

**Nơi pháp không điên đảo
Như thật mà hiện chứng
Lìa các tướng hòa hợp
Đó gọi Vô Thượng Giác.**

Nếu không dùng tâm dục làm việc, thì nơi pháp chẳng điên đảo. Nếu một niệm không sinh, thì sẽ chứng được chân như thật tướng. Nếu lìa khỏi tất cả tướng giả hòa hợp, thì đây gọi là vô thượng giác đạo.

Trong kinh Địa Tạng có nói: “Chúng sinh Nam Diêm Phù Đề, khởi tâm động niệm đâu chẳng phải là nghiệp, đâu chẳng phải là tội.” Vậy có người làm việc thiện cũng có nghiệp, cũng có tội chẳng ? Không sai ! Có nghiệp có tội, song làm việc thiện nếu vô tâm, thì mới là chân thiện, nếu có tâm thì là tội ác. Người xưa nói:

“Có tâm làm thiện, tuy thiện không thưởng,
Vô tâm làm ác, tuy ác không phạt.”

Cổ ý đi làm việc thiện mà hy vọng đắc được quả báo tốt, đây tức là tội nghiệp, tại sao ? Vì đắc được quả báo tốt, lại hay tạo nghiệp ác, ví như người nghèo, một đồng không

xả, không thể đánh bạc, càng không thể hút nha phiến. Người có tiền thì có thể đánh bạc, có thể hút độc, tại sao ? Vì có tiền.

Có người nghĩ, tôi đi đánh bạc, đem tiền đánh bạc ăn được tạo một ngôi chùa lớn. Tư tưởng này tức là ác, bạn tạo chùa chẳng thanh tịnh, e rằng chẳng có ai tu hành. Hoặc có người nghĩ, tôi tạo chùa là cầu phước báo, tương lai sẽ đắc được quả báo tốt, đây cũng là tội nghiệp, vậy làm thế nào mới có công đức ? Phải làm mà đừng có chấp trước, chẳng có xí đồ, tạo chùa làm tháp là làm hết trách nhiệm của mình, đừng cầu mong quả báo gì hết, đừng động tâm niệm, động tâm tức là điên đảo, làm mà không động niệm, làm mà không có tâm phân biệt, làm mà không có vọng tưởng, đây tức là pháp không điên đảo. Nếu có tâm niệm đi làm việc, hy vọng đắc được quả báo tốt thì đó là tâm tham. Ví như có người lạy Phật, muốn cầu con cái. Có người lạy Phật muốn cầu phát tài. Hoặc cầu vạn sự như ý, tất cả cát tường. Nếu Phật là như vậy, đó chẳng phải là Phật tham ô hối lộ chẳng ?

Chúng ta cúi đầu lạy Phật là cung kính Phật. Vì Phật là vạn đức viên dung, đáng đánh lễ cung kính, chẳng tính quả báo, chẳng cầu quả báo, đó mới là không điên đảo. Như sinh một tâm niệm, tức là điên đảo. Như sinh một tâm niệm, tức là điên đảo, chưa có thể xa lìa điên đảo mộng tưởng.

Chúng ta tu hành đừng nghĩ muốn khai ngộ, càng nghĩ thì càng không khai ngộ. Tại sao ? Vì muốn khai ngộ, tức là vọng tưởng. Do đó có câu:

“Chỉ hỏi trông trọt, đừng hỏi thu hoạch.”

Đến lúc gieo giống thì đi gieo giống, đừng màng thu hoạch như thế nào ? Hết mình trồng trọt, tưới nước, bón phân. Trồng được phần nào, thì sẽ thu hoạch được phần ấy. Đừng động niệm, động niệm tức là vọng tưởng. Do đó:

“Có tâm là vọng tưởng
Vô tâm là cảm ứng.”

Mình tự hỏi mình, một ngày có thời gian dài bao lâu một niệm không sinh ? Tâm của chúng ta như ngựa, như khí, chẳng nhìn đông thì ngó tây, đây tức là khởi vọng tưởng, tức cũng là điên đảo. Gì là điên đảo ? Tức là đáng làm mà không làm, không đáng làm mà làm. Nếu không khởi vọng tưởng, tức là nơi pháp chẳng điên đảo.

**Hiện tại chẳng hòa hợp
Khứ lai cũng như thế
Tất cả pháp vô tướng
Đó là chân thể Phật.**

Tướng là do các duyên giả hòa hợp mà thành, gọi là tướng hòa hợp. Ví như một hạt bụi, tập nhiều mà thành núi cao. Thật tế lý thể của Phật, chẳng phải hòa hợp mà thành. Nhưng hiện tại chẳng phải, tức là quá khứ và vị lai cũng chẳng phải. Tại sao ? Vì tất cả các pháp chẳng có thể tướng. Chẳng có thể tướng mới là bản lai diện mục thật tướng lý thể của Phật.

**Nếu quán sát như vậy
Nghĩa các pháp thâm sâu
Tất thấy tất cả Phật**

Tướng pháp thân chân thật.

Tất cả tướng hư vọng hòa hợp, đừng chấp trước nó. Nếu như hay quán sát như thế, thì sẽ quét tất cả pháp, lia tất cả tướng. Một niệm không sinh, thì vạn vật đều đủ nơi ta, đây tức là nghĩa chân thật của pháp vi diệu thâm sâu vô thượng, tức cũng là chân như thật tướng, tức là một niệm không sinh, cũng chẳng có niệm thiện, cũng chẳng có niệm ác. Lục Tổ Huệ Năng nói: ‘‘Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính lúc đó là bản lai diện mục của thượng tọa Huệ Minh.’’ Lúc không nghĩ thiện không nghĩ ác, còn có gì ? Tức là bản lai diện mục của mỗi người. Cảnh giới này nói thì dễ, nhưng làm thì khó. Nếu trong khoảng năm phút mà chẳng sinh một niệm, thì công đức này còn hơn là tạo tháp bảy báu nhiều như số cát sông Hằng, do đó có câu:

‘‘Nếu ai tĩnh tọa trong chốc lát,
Hơn tạo tháp bảy báu nhiều như số cát sông Hằng.’’

Tức là đạo lý này. Tại sao ? Vì tài bồi pháp thân huệ mạng, tưới nước, bón phân, trồng trọt, cho nên công đức lớn nhất, tức là cảnh giới nghĩa các pháp thâm sâu.

Nếu như được như thế, thì tức là thấy được mười phương ba đời tất cả chư Phật. Tại sao ? Vì minh bạch đạo lý pháp thân chân như thật tướng của Phật; như vậy thì Phật thường tại một chỗ với bạn.

Tại sao chúng ta không thể trở về nguồn cội ? Là vì có sự chấp trước, có sự điên đảo. Trong kinh Địa Tạng có nói: ‘‘Tất cả chúng sinh, khởi tâm động niệm, đâu chẳng phải là nghiệp, đâu chẳng phải là tội.’’ Một số người thấy chúng sinh ba đường ác làm đều là điên đảo, đều chẳng

hợp pháp. Song, người trên trời thấy người ở nhân gian, bất cứ làm việc thiện, hoặc việc ác, cũng đều là điên đảo mà chẳng hợp pháp. Chúng ta cảm thấy mình làm đều là việc thiện. Ta tu hành, ăn cơm niệm Phật, tụng kinh, lễ sám, cho rằng là dụng công tu hành, song người trời nhìn thì đều là điên đảo mộng tưởng. Tại sao ? Vì có sở xí đồ. Ăn chay muốn được quả báo, niệm Phật muốn được quả báo, tụng kinh muốn được quả báo, lễ sám muốn được quả báo. Hy vọng tương lai làm quan, phát tài, mạnh khỏe, sống lâu. Kỳ thật, đó đều là điên đảo ! Có niệm thì có khổ, không cầu gì mới là phước. Có tâm niệm là có mong cầu, không có tâm niệm, thì không có mong cầu. Do đó có câu:

“Không tâm không niệm phước vô biên
Tư dục tạp niệm là tội khiên.”

Phàm là có sự mong cầu, có tâm niệm đều là điên đảo. Cầu làm việc lành cũng là điên đảo. Tại sao ? Vì làm việc lành, thì được quả báo tốt. Đợi đến khi được quả báo tốt thì lại mê hoặc. Do đó:

“Bần cùng bố thí khó,
Phú quý học đạo khó.”

Người nghèo khổ, dạy họ bố thí thì rất là khó, vì chẳng có tiền. Người có tiền, dạy họ tu hành thì rất là khó, vì muốn hưởng thụ vui năm dục. Không thể tu hành mà còn tạo đủ thứ tội nghiệp, tương lai sẽ đọa vào địa ngục thọ khổ. Khi bần cùng thì muốn bố thí làm việc thiện, nhưng đến lúc giàu có, thì ngược lại làm những chuyện chẳng hợp pháp, sẽ đọa lạc thọ khổ. Đây chẳng phải là tướng điên đảo chẳng ?

Chúng ta người tu hành, thì không cầu đời sau quả báo tốt, không cầu quả báo sinh về trời. Tại sao ? Vì khi hưởng hết phước trời, thì cũng phải thọ khổ. Phải học không niệm, không cầu, không tham, đây mới là giàu sang thật, do đó:

“Không tham giàu sang thật
Biết đủ là thần tiên.”

Phải siêng tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si thì sẽ thoát khỏi ba cõi, chấm dứt sinh tử, đây mới là tự tại thật sự.

**Nơi thật thấy chân thật
Không thật thấy không thật
Như vậy hiểu rốt ráo
Thề nên gọi là Phật.**

Phật là giác cứu kính, lia khỏi tất cả điên đảo, chấp trước, phân biệt, vọng tưởng, cho nên trên thật tướng chân như, chứng được cảnh giới chân như thật tướng. Tất cả điên đảo chấp trước, phân biệt vọng tưởng, đều là hư vọng, chẳng có thể tánh chân thật. Gì là hiểu cứu kính ? Tức là nơi thật thấy chân thật, tại lý thể chân như thật tướng, chứng đắc cảnh giới này, thì sẽ minh bạch đạo lý này. Lý như như này, dùng trí như như để khế hợp. Do đó cho nên gọi là Phật.

**Phật pháp không thể giác
Rõ đây gọi giác pháp
Chư Phật tu như vậy**

Một pháp không thể được.

Phật nói tất cả pháp, là pháp chấp trước của chúng sinh. Chúng sinh chẳng còn chấp trước, thì Phật pháp cũng chẳng dùng nữa. Nếu chúng ta chẳng có mọi chấp trước, thì một niệm chẳng sinh, tức là trở về nguồn cội, trở về nhà thật vốn có. Nếu còn một phần chấp trước, thì vẫn phải dùng một phần pháp để đối trị, để không chế nó.

Phật pháp đều là như như, chẳng có cái biết, hoặc không biết, đều đến trên cảnh giới vốn có. Chúng ta chẳng đạt được cảnh giới, như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt, cho nên phải tu phải học. Đến được cứu kính thì một pháp chẳng lập, vạn pháp đều không. Nói ra được đều chẳng phải, hay cảm giác được cũng chẳng phải, cho nên Phật nói pháp không thể giác. Không thể dùng tư tưởng để cảm giác nó, phát hiện nó. Nếu minh bạch được lý chân như thật tướng, thì chẳng có cái giác, cũng chẳng có cái không giác. Minh bạch đạo lý này, thì minh bạch Phật pháp.

Chư Phật tu đạo đều tu mà chẳng tu, chứng mà chẳng chứng, chẳng tu chẳng chứng. Tham sân si đều thanh tịnh rồi, thì đạt đến lý thể như như, một pháp chẳng sinh, vạn pháp đều không, gì cũng chẳng có, cho nên nói một pháp không thể được.

**Biết do một nên nhiều
Biết do nhiều nên một
Các pháp chẳng chỗ nương
Nhưng từ hòa hợp khởi.**

Phải biết hết thủy tất cả, đều từ một tập tụ mà thành nhiều, lại phải biết nhiều là do rất nhiều mà thành tụ. Ở trên có nói về số 0, đó là vượt khỏi ngoài số, do đó:

‘‘Vượt ra ngoài ba cõi
Chẳng ở trong ngũ hành.’’

Ba cõi tức là dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Ngũ hành tức là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Tất cả mọi người đều ở trong ngũ hành, tướng mạo của mỗi người, đều đầy đủ ngũ hành. Má gầy thân cao, thuộc về hình cây (mộc). Đầu nhọn cằm rộng, thuộc về hình lửa (hỏa). Mặt vuông sắc vàng, thuộc về hình thổ (đất). Mặt trắng thuộc về hình kim. Mặt đen mà mập thuộc về hình thủy (nước). Có người là mộc hỏa thổ, có người là mộc hỏa kim. Có người bản thân kim mộc khắc với nhau, mình và mình đấu tranh. Hình thủy và hình hỏa ở cùng chỗ, thì thường phát sinh đấu tranh. Hình mộc và hình thổ ở cùng chỗ, thì thường phát sinh đấu tranh. Nhưng số 0 vượt ngoài những số mục này.

Một số người cho rằng vận mạng có sự an bài nhất định, do đó: ‘‘Mạng có tám thước, khó cầu một trượng.’’ Không sai ! Nhưng đây là chỉ người bình thường mà nói. Nếu người tu đạo thì chẳng ở trong số này. Người tu đạo không cần hỏi Kinh Dịch, đó là một số phạm phu tục tử sử dụng, sinh tử của người tu đạo còn chấm dứt được, hà huống là những số khác ? Càng vượt khỏi được, cho nên đừng tin. Nói về ngũ hành, bất quá minh bạch lý của nó mà thôi, kỳ thật nhận chân mà tu hành, thì bất cứ đạo lý gì cũng sẽ minh bạch. Số 0 này là pháp môn rất quan trọng ! Các vị phải đối với số 0 mà dụng công, nghiên cứu tử tế một phen, thì tương lai nhất định sẽ có biện pháp, vì nó

chẳng ở trong số. Số mục bắt đầu thì có một, song số 0 cho đến một cũng chẳng có.

Biết một nhiều rồi, tức là nhiều. Biết nhiều là do một mà thành. Do đó có câu:

“Một gốc tán làm vạn thù
Vạn thù quy về một gốc”
“Một làm vô lượng
Vô lượng làm một.”

Tại sao có vô lượng ? Vì có một, tại sao có một ? Vì có vô lượng. Nếu là một sinh ra, thì có rất nhiều chuyện rắc rối; từ một sinh ra hai, ba, bốn, cho đến tám, chín, mười, số mục vô cùng vô tận theo đó mà ra. Nếu chẳng có một, thì nhiều đương nhiên cũng chẳng có. Cho nên nói: “Một mà không thì nhiều là không, nhiều mà không thì một là không.” Một hạt bụi chẳng có, thì tất cả hạt bụi cũng chẳng có; nhiều hạt bụi không, thì một hạt bụi cũng không có.

Các pháp chẳng có thể tánh, cho nên chẳng có chỗ nương tựa, nhưng là từ giả hòa hợp với nhau mà thành tựu tất cả pháp phương tiện.

**Không năng tác sở tác
Do từ nghiệp tướng sinh
Sao lại biết như vậy
Vì khác đây không có.**

Trong trời đất, tất cả vạn sự vạn vật, có những người nói ở trong minh minh có chủ thể thao túng ! Đây là năng tác. Tất cả vạn sự vạn vật, đây là sở tác. Có chủ thể thì năng

tác tất cả vạn sự vạn vật, tất cả vạn sự vạn vật là sở tác ra. Một số tôn giáo đều là nói như thế. Song, nói về sự thật thì chẳng có người nào làm chủ tất cả vạn sự vạn vật, cho nên mới nói không năng tác sở tác, chẳng có một người năng tác, cũng chẳng có vật sở tác. Đây là như thế nào ? Hết thấy tất cả đều là khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo. Nghiệp là từ đâu mà sinh ra ? Là từ vọng tưởng tạo ra. Lúc ban đầu là không giác (không hiểu biết), không giác tức là vô minh, vì vô minh nên sinh ra mê hoặc. Nếu chẳng có vô minh, thì chẳng có mê hoặc. Có mê hoặc rồi, thì sinh ra vọng tưởng. Có vọng tưởng thì tạo ra đủ thứ nghiệp.

Nghiệp tạo ra, nếu trồng nhân lành, thì có quả báo lành. Nếu nghiệp ác, thì có quả báo ác. Nếu là nghiệp không thiện, không ác, thì có quả báo không thiện không ác. Cho nên những gì chúng sinh gặp, đều là do mình đã tạo ra, chẳng có ai đến chi phối tạo ra; cho đến chuyển đi chuyển lại ở trong luân hồi, không thể thoát khỏi, theo nghiệp mà thọ quả báo; sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh, vĩnh viễn không thoát khỏi sinh tử. Làm thế nào biết được là như vậy ? Nếu lìa khỏi đạo lý này, thì chẳng có đạo lý khác để nói.

Có tôn giáo chủ trương, tất cả thế gian là do thần chi phối, vậy thì làm thiện làm ác với mình chẳng có quan hệ gì. Song, đến lúc thọ quả báo, thì mình vẫn phải đi thọ, thần chẳng màng đến. Đây là đạo lý chẳng hợp lý. Vì nhân duyên đó, cho nên nói là từ nghiệp tướng của mình sinh ra. Giống như có người sai người khác đi giết người. Kẻ giết người tuy là phạm tội, song người sai khiến cũng có tội. Nếu thần chi phối chúng ta, thì tất cả đều do thần đến làm chủ, vậy thì nghiệp mà chúng ta tạo ra, thần cũng phải có

một nửa tội nghiệp, mới hợp tình hợp lý. Nếu chẳng phải như vậy, thần dạy chúng ta làm việc, tội nghiệp thì của chúng ta, còn công đức thì của thần, như vậy thì chẳng bình đẳng, chẳng hợp lý.

Tội nghiệp mình tạo ra, với người khác chẳng có quan hệ gì. Làm việc thiện thì được quả báo thiện; làm việc ác thì được quả báo ác, đây là nhân quả rất hợp lý. Cho nên chúng ta cứ chỉ hành động, đừng để người khác đến chi phối. Nếu thật là do thần chi phối, thì không nên dạy chúng ta làm đủ thứ chuyện ác, chỉ làm các chuyện tốt, như thế mới đúng. Vì thần chẳng muốn người làm việc ác, mong muốn người làm việc thiện. Nếu thần chẳng có năng lực này, thì mình làm ác mình thọ quả báo. Làm công đức là thân, làm ác là mình phải nhận, đây thật chẳng hợp lý chút nào.

Tất cả pháp không trụ Định xứ không thể được Chư Phật trụ nơi đây Rốt ráo chẳng giao động.

Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều là pháp phương tiện, là để đối trị tham sân si của chúng sinh. Cho nên nói bản thể của tất cả pháp là không chỗ trụ. Không trụ nơi có, cũng không trụ nơi không. Do đó, chẳng có xứ sở nhất định. Pháp chẳng có thật thể, đều là nhân duyên sinh ra, cho nên là không. Tức nhiên là không, còn có chỗ nào để trụ ? Chư Phật trụ ở trong đạo lý thể chẳng không chẳng có. Pháp thân của Phật là vô tướng, vô tại vô bất tại; Phật

là như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt, cho nên rốt ráo chẳng giao động.

Bấy giờ, Bồ Tát Vô Thượng Huệ, nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Vô Thượng Huệ ở phương dưới, nương đại oai thần lực của Phật gia trì, quán sát khắp nhân duyên và căn tánh của mười phương chúng sinh, dùng kệ để nói pháp mà Ngài muốn nói.

**Vô thượng Ma Ha Tát
Xa lìa chúng sinh tướng
Không có ai hơn được
Nên hiệu là Vô Thượng.**

Vị đại Bồ Tát Vô Thượng Huệ, trí huệ, tu hành, nguyện lực, thần thông .v.v... của Ngài đều là vô thượng. Pháp của Ngài nói cũng là vô thượng. Ngài không những là vị đại Bồ Tát, mà còn là thượng thủ trong Bồ Tát. Lãnh đạo tất cả Bồ Tát để đến chốn Phật, đến điện Diệu Thắng để nghe diệu pháp kinh Hoa Nghiêm.

Vị đại Bồ Tát Vô Thượng Huệ này, hết thấy tất cả Ngài đều đã đạt đến cực điểm, chẳng có ai vượt qua Ngài được, cho nên gọi là Vô thượng Ma ha tát.

Bồ Tát là nửa tiếng Phạn, đầy đủ là "bồ đề tát đỏa". Bồ đề dịch là "giác", tát đỏa dịch là "hữu tình". Tức cũng là giác hữu tình, còn gọi là hữu tình giác, ý nghĩa giống nhau, chẳng có khác biệt.

Gì gọi là “giác hữu tình”? Tức là dùng đạo lý mà mình giác ngộ, phương pháp mà mình minh bạch, để giác ngộ mười phương tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được sự giác ngộ. Đây là tư tưởng tự giác giác tha của Bồ Tát.

Gì gọi là “hữu tình giác”? Bồ Tát vốn cũng là chúng sinh, vì tu lục độ vạn hạnh, cho nên thành Bồ Tát, đó là một bậc giác ngộ trong hữu tình. Chẳng những Bồ Tát là chúng sinh, mà chư Phật cũng do chúng sinh giác ngộ mà thành Phật.

Phàm là có tri giác, có khí huyết, đều là chúng sinh, là chúng duyên hòa hợp mà sinh. Phật Bồ Tát trong quá khứ, đều giống như chúng ta chúng sinh, bất quá Phật Bồ Tát siêng tu lục độ vạn hạnh, cho nên thành Phật thành Bồ Tát; còn chúng ta lười biếng, chẳng chịu tu hành, cho nên vẫn là chúng sinh.

Tuy nhiên hiện tại chúng ta tu hành, nhưng chẳng tinh tấn, giống như phát nguyện tu hành, đợi ngày mai mới tu, ngày mai lại đợi ngày mai. Một ngày rồi một ngày, đợi đến già rồi cũng chẳng tu hành, cũng chẳng thành tựu. Có người nói, tôi tuổi còn trẻ, đợi tôi lớn tuổi mới tu. Song, sau khi lớn tuổi thì bị lưới thế gian ràng buộc, chẳng chịu tu hành. Đến tuổi già thì càng chẳng có thời gian để tu hành. Đợi đến lúc chết thì càng không thể tu hành, là vì có tư tưởng như thế, từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng phát tâm bồ đề, chẳng hành đạo Bồ Tát, chẳng tu lục độ vạn hạnh, thì làm sao liễu sinh thoát tử? Do đó mà sinh sinh tử tử, lưu chuyển không ngừng ở trong luân hồi. Nếu chúng ta chẳng lười biếng, giống như chư Phật, Bồ Tát, A la hán,

dũng mãnh tinh tấn, thì sớm sẽ thành Phật thành Bồ Tát thành La Hán, mà trở thành bậc giác ngộ trong hữu tình.

Bồ Tát còn dịch là "đại đạo tâm", vì tâm đạo đặc biệt lớn, chẳng sợ mọi sự khổ, chẳng sợ mọi sự khó, tinh tấn tu Phật pháp, hết mình hành đạo Bồ Tát. Còn gọi là Đại Sĩ, là đại trượng phu. Do đó "Nam Hải Đại Sĩ," tức là biệt danh của Bồ Tát Quán Thế Âm; còn gọi là Khai Sĩ, chẳng có ích kỷ, tướng ta, thấy cái ta, chẳng đố kỵ người khác, cũng chẳng chướng ngại người khác.

Bồ Tát xa lìa hết thấy vọng tưởng của chúng sinh. Những gì chúng sinh nghĩ, đều là vì mình mà tính toán, để làm thế nào mình được lợi ích. Hết thấy vọng tưởng của Bồ Tát, đều nghĩ ta muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh, ta muốn giáo hóa tất cả chúng sinh, ta muốn cứu độ tất cả chúng sinh, đó là tư tưởng của Bồ Tát xả mình vì người.

Tư tưởng của Bồ Tát với tư tưởng của chúng sinh đều trái ngược nhau. Chúng sinh nghĩ ích kỷ, Bồ Tát thì nghĩ lợi người. Có người nói: "Tôi hiện tại hành đạo Bồ Tát, tôi cũng là Bồ Tát." Không sai, bạn là Bồ Tát, song là Bồ Tát mới phát tâm, chứ chẳng phải là lão Bồ Tát. Lão Bồ Tát là từ vô lượng kiếp đến nay tu lục độ vạn hạnh. Bạn vừa mới bước đi trên con đường Bồ Tát, là mới phát tâm Bồ Tát mà thôi. Do đó có câu:

“Ngư tử nài ma la
Bồ Tát ban đầu phát tâm
Tam sự nhân trung đa
Nhu kỳ kết quả thiêu.”

Nghĩa là: Cá tuy đẻ trứng rất nhiều, nhưng thành cá thì rất ít. Cây nài ma la nở hoa rất nhiều, nhưng kết trái thì

rất ít. Bồ Tát mới phát tâm, chẳng biết là bao nhiêu ? Do đó: “Phát tâm thì dễ, mãn nguyện thì khó.” Chân chánh hành đạo Bồ Tát, thành tựu quả Bồ Tát thì rất ít. Ba việc này tại nhân địa rất là nhiều, tại quả địa rất là ít. Tuy chúng ta là Bồ Tát mới phát tâm, thì nên phát tâm Bồ Tát vĩnh viễn, đừng phát tâm Bồ Tát năm phút, qua năm phút rồi, thì thôi thất tâm Bồ Tát, điểm này rất quan trọng, hy vọng mọi người chú ý, phải có trước có sau, quán triệt thủy chúng.

**Chỗ chư Phật đắc được
Vô tác vô phân biệt
Thô lớn không chỗ có
Vi tế cũng như thế.**

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, lại có thể nói là Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đắc được Niết Bàn mà chẳng chỗ được. Tại sao ? Vì bản giác là tự nhiên, không cần tạo tác, hoặc thêm công phu để đắc được Niết Bàn, tức cũng là giác ngộ vốn có, cho nên nói vô tác vô phân biệt. Vì chẳng tạo tác, không thể dùng thức để phân biệt. Không có thức thì đắc được trí huệ vốn có. Chẳng những sáu tướng thô hoàn toàn không có mà tướng tam tế cũng chẳng có. Đây là Phật chứng đức bên trong, chính mình chứng được đức hạnh này bên trong. Bài kệ này có sáu câu, còn hai câu kệ phía sau là khen hóa đức bên ngoài, là đức tánh giáo hóa tất cả chúng sinh. Chứng đức bên trong, hóa đức bên ngoài là một thứ đức hạnh của Phật.

Tướng tam tế là gì ? Tức là:

- 1). Tướng nghiệp.
- 2). Tướng thấy được.

3). Tướng cảnh giới.

Còn nói là tướng nghiệp, tướng hiện, tướng chuyển. Tướng tế này rất là vi tế, chẳng dễ gì giác được, chẳng dễ gì minh bạch, chẳng dễ gì biết được.

1). Tướng nghiệp: Tạo nghiệp như thế nào ? Tức là nương bắt giác. Vô minh sinh ra tướng tam tế, do đó: “Một niệm không giác sinh tam tế, cảnh giới là duyên lớn lục thô.” Lại nói: “Vô minh là nhân sinh tam tế, cảnh giới là duyên sinh lục thô.” Tại sao chúng ta đến làm người ? Vì tạo nghiệp làm người, cho nên đến làm người. Mèo tạo nghiệp mèo, chó tạo nghiệp chó, cho nên đến làm chó mèo, đây là tự làm tự thọ. Do đó chúng ta vì một niệm vô minh mà đến làm người, vì vô minh mà tâm động, đây tức là nghiệp. Có nghiệp thì có khổ, nghiệp tạo ra phải thọ quả báo. Tạo nghiệp lành thọ quả báo lành, tạo nghiệp ác thọ quả báo ác.

Tướng nghiệp là vì một niệm vô minh mà khởi. Tóm lại, vô minh tức là sinh tử gốc rễ của ái. Vô minh trong mười hai nhân duyên, là chỉ nam nữ thấy tướng, sinh ra tâm ưa thích mà thương nhau. Có tình ái thì có hành vi. Gốc rễ sinh tử của chúng ta là từ đây mà ra.

2). Tướng thấy được: Có tướng nghiệp rồi, thì sinh ra tướng thấy được. Tức có động tác thì thấy được; nếu không động tác thì chẳng thấy được.

3). Tướng cảnh giới: Có tướng thấy rồi thì sinh ra tướng cảnh giới, không thấy thì không cảnh giới.

Vô minh tâm động, động thì có khổ. Vì quả chẳng lìa nhân, tạo nhân gì thì thọ quả đó. Có động thì có tướng thấy sinh ra, chẳng động thì chẳng có tướng thấy, do đó:

“Niệm khởi trăm việc có

Niệm dừng vạn việc không.”

Động thì có tướng thấy, thì có tướng cảnh giới, tức là cảnh giới thấy được hiện ra.

Tướng lục thô là gì ? Tức là:

- 1). Tướng trí.
- 2). Tướng tương tục.
- 3). Tướng chấp lấy.
- 4). Tướng tánh danh tự.
- 5). Tướng khởi nghiệp.
- 6). Tướng nghiệp buộc khổ.

Cảnh giới là trợ duyên, lại sinh ra sáu thứ tướng thô này. Do gốc rễ vô minh sinh ra tướng tam tế, do cảnh ngọn vô minh, mà sinh ra tướng lục thô.

1). Tướng trí: Có cảnh giới rồi thì biết cảnh giới, bèn sinh ra tâm ưa thích hoặc không ưa thích. Hai thứ tâm này, sinh sinh không ngừng, vọng sinh phân biệt.

2). Tướng tương tục: Nương trí huệ phân biệt, sinh ra hai thứ tâm, ưa và không ưa, lại sinh ra khổ và vui hai thứ tư tưởng. Hoặc ưa hoặc không ưa, hoặc khổ hoặc vui, tư tưởng như thế liên tục không ngừng.

3). Tướng chấp lấy: Vì liên tục không ngừng, nên sinh ra tướng chấp lấy, chấp trước cảnh giới khổ vui. Chẳng biết đây là hư vọng không thật, ngược lại còn sinh tâm niệm chấp lấy thâm sâu.

4). Tướng tánh danh tự: Chấp lấy cảnh giới thì tính toán rằng, đây là danh tự gì, kia là danh tự gì ? Bèn chấp trước vào danh tự hư vọng không thật, mà sinh ra phiền não phân biệt.

5). Tướng khởi nghiệp: Chấp trước cảnh giới hư vọng không thật, lại sinh ra nghiệp khổ, nghiệp vui, nghiệp

thiện, nghiệp ác đủ thứ tướng. Nương danh tự mà chấp lấy, tạo ra đủ thứ các nghiệp nhiễm tịnh.

6). Tướng nghiệp buộc khổ: Tướng này sinh ra rồi, thì bị nghiệp ràng buộc mà chẳng tự tại, chẳng cách chi tháo gỡ. Giống như dạy người tu hành, thì họ nói hoàn cảnh không cho phép, trong nhà không ai lo liệu, tóm lại, có đủ thứ lý do, đây tức là tướng nghiệp buộc khổ không thoát được.

Cảnh giới chư Phật hành Trong đó chẳng có số Chánh giác xa lìa số Đây là chân pháp Phật.

Cảnh giới chư Phật giáo hóa chúng sinh, vượt ra ngoài tất cả số mục, vì Phật đã xa lìa tất cả số. Chúng sinh còn ở trong số, có số thì có lời lẽ để nói, có tư tưởng để nghĩ. Phật đã vượt ra con đường lời lẽ tư tưởng. Nếu hiểu được cảnh giới này, thì tức là pháp môn phương tiện chân chánh của Phật.

Người học Phật pháp thì đừng có tướng ta, thấy ta. Nếu có tướng ta thì có chấp trước, có thấy ta thì vẫn có chấp trước. Có sự chấp trước thì không thể minh bạch lý không. Nếu muốn minh bạch lý không, thì phải phá tất cả chấp trước. Đừng vì mình mà tính toán, phải vì chúng sinh mưu lợi ích. Đừng lo lắng, buông xả tất cả, do đó:

‘‘Buông xả thân tâm Phật tự thành.’’

Tại sao chúng ta chẳng tự tại ? Vì chẳng buông xả thân tâm. Chúng ta đối với quần áo, thức ăn uống, chỗ ở,

đừng có tâm tham dục. Quần áo đủ che lạnh là được, đừng mặc đồ đẹp. Ăn cơm no bụng thì được, đừng ăn đồ quá bổ dưỡng. Chỗ ở đủ che mưa che gió thì được, đừng ở nhà cao sang rộng rãi. Đừng vì thân thể mà lo lắng, lo đến đầu bạc. Đến lúc đó, nó cũng chẳng trợ giúp bạn. Tức nhiên là vô tình vô nghĩa như vậy, thì hà tất phải vì đồ giả này ?

**Như Lai quang chiếu khắp
Diệt trừ các đen tối
Quang đó chẳng có chiếu
Cũng lại chẳng không chiếu.**

Phật quang chiếu khắp, trí huệ quang minh của Phật chiếu khắp tất cả tâm chúng sinh. Chiếu soi tâm chúng sinh, tiêu diệt trừ sạch tham sân si, chiếu soi đen tối thành quang minh, diệt trừ tám vạn bốn ngàn tập khí mao bệnh. Chúng ta học Phật pháp, tức là diệt trừ các đen tối, đừng chấp trước vào quang minh của Phật, sao ta chẳng nhìn thấy ? Nghiên cứu Phật pháp, khai mở trí huệ, thì đây chẳng phải là quang minh của Phật chăng ? Nếu càng nghiên cứu càng hồ đồ, chẳng hiểu chân chánh đạo lý Phật pháp, như vậy thì chẳng diệt trừ được tập khí mao bệnh, không thể nói quang minh của Phật không chiếu khắp. Mình chẳng khai mở trí huệ, thì tham sân si vẫn như cũ, một chút cũng chẳng thay đổi, đây tức là cũng chẳng chỗ chiếu, cũng chẳng phải có chiếu, cũng chẳng phải không chiếu, chiếu mà không chiếu, không chiếu mà chiếu. Đây là nói trí huệ quang minh của mình hiện ra, tức là quang minh của Phật chẳng chiếu khắp.

Quang minh của Phật giống như công ty điện lực, phòng của chúng ta ở đã bắt dây điện, bóng đèn, nút mở tắt .v.v... tất cả đều đã bắt xong, đã tiếp thông với điện lực. Nhưng nếu không bật lên, thì đèn vẫn không sáng, trong phòng vĩnh viễn vẫn đen tối. Tại sao ? Vì điện chẳng thông, cho nên không khởi tác dụng, phải bật lên thì lập tức đèn sẽ sáng lên, chiếu phá đen tối. Tâm của chúng ta chúng sinh, tức là nút bật lên, khai mở bật nút tâm lên, thì quang minh của Phật sẽ chiếu sáng. Nếu nút tâm không bật lên, thì dù có quang minh của Phật, cũng chiếu chẳng đến. Tuy nhiên đây là ví dụ nông cạn, nhưng có lý giống nhau. Các vị ! Hãy mau bật nút tâm lên, để tiếp thọ trí huệ quang của Phật đến dẫn chúng, như vậy thì sẽ đắc được quang minh của Phật chiếu khắp.

Mỗi chúng sinh đều có tập khí mao bệnh của chính họ. Có người hoan hỷ ăn chua, có người hoan hỷ ăn ngọt, có người hoan hỷ ăn đắng, có người hoan hỷ ăn cay, có người hoan hỷ ăn mặn, đây là năm vị mà mọi người ưa thích. Phật nói pháp cũng giống như vậy, là vì người thí giáo. Có người hoan hỷ pháp tiểu thừa, thì Phật nói ba tạng giáo. Có người hoan hỷ pháp đại thừa, thì Phật nói Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn. Phật giáo phân ra nhiều thứ giáo, mỗi thứ giáo đều khác nhau. Chiếu theo Tông Thiên Thai mà nói, thì phân ra làm bốn giáo, tức là: Tạng, thông, biệt, viên. Chiếu theo tông Hiền Thủ mà nói, thì phân làm năm giáo, tức là : Tiểu, thủy, chung, đốn, viên. Vì con người hoan hỷ giáo khác nhau, cho nên phân ra đủ thứ giáo. Phật nói xong bộ kinh này, lại nói bộ kinh khác. Bộ kinh này nói xong, lại nói bộ kinh nọ. Mỗi bộ kinh đều là đối trị tập khí mao bệnh của chúng sinh. Chúng sinh nào

cần bộ kinh nào, thì bộ kinh đó là chân kinh. Tóm lại, đối trị cơ chúng sinh, trừ khử được mao bệnh của chúng sinh, thì tức là chân, không trừ khử được tập khí của chúng sinh, thì đều là giả.

Khi Phật sắp vào Niết Bàn, thì có người hỏi:

- “Đức Thế Tôn ! Ngài nói kinh điển nhiều như vậy, làm sao mà truyền bá”?

- Phật nói: “Ta một chữ cũng không nói, thì có kinh điển gì”?

Đây có phải là Phật nói dối chăng ? Phật nói ba tạng mười hai bộ, sao lại nói một chữ cũng không nói ? Không phải. Đây nghĩa là nói hữu dụng là thật, vô dụng là giả. Nếu chúng sinh đều không dùng, thì bộ kinh này đương nhiên một chữ cũng chẳng có.

Phật đã từng đoán trước rằng: “Vào lúc Phật pháp sắp diệt vong, thì kinh Lăng Nghiêm sẽ mất trước nhất.” Hiện tại đã phát sinh hiện tượng này. Trên toàn thế giới có rất nhiều người nói Kinh Lăng Nghiêm là ngụy tạo. Cứu kính thì thật hay là giả ? Cũng chẳng có bằng cứ gì ! Bất quá, họ chỉ là nhìn không mà bắt ảnh, loạn phê bình mà thôi, chẳng những một số học giả bình luận như vậy mà cho đến người xuất gia, cũng công khai nói kinh Lăng Nghiêm là giả. Đây là chuyện theo cảnh giới của các vị học giả. Chẳng những nói kinh Lăng Nghiêm là giả, mà từ từ hết thầy kinh điển đều là giả, chẳng có bộ kinh nào là thật, từng chút từng chút sẽ dần dần tiêu diệt. Mạt pháp ! Mạt pháp ! Tức là mạt pháp như vậy. Mọi người đều nói kinh Lăng Nghiêm là giả, thì đương nhiên Chú Lăng Nghiêm cũng là giả. Nếu một người truyền mười, mười truyền trăm, trăm truyền ngàn, ngàn truyền vạn người, tuyên

truyền như vậy, thì bốn thân Phật giáo đồ đều giao động, thì sẽ chẳng có ai học kinh Lăng Nghiêm, tụng chú Lăng Nghiêm. Như vậy thì chẳng có trí huệ để nhận thức pháp nào là thật, pháp nào là giả.

Kỳ thật, bất cứ bộ kinh nào, đối với mình có lợi ích, thì tức là chân kinh, chẳng có lợi ích, thì là kinh giả. Tuy là Phật nói, nhưng chẳng đối cơ lại có dụng gì ? Tóm lại, khế hợp tức là chân, chẳng khế hợp tức là giả.

**Nơi pháp chẳng chấp trước
Không niệm cũng không nhiễm
Không trụ không xứ sở
Chẳng hoại nơi pháp tánh.**

Tất cả pháp là vì độ tất cả chúng sinh, nếu chẳng có tất cả chúng sinh, thì tất cả pháp cũng không có. Pháp là đối với chúng sinh mà có. Kinh Phật tức là kinh chúng sinh, tức cũng là kinh trong tâm. Cho nên tất cả đều phải hỏi ngược lại tâm mình. Do đó, tâm chân thì pháp chân, tâm chân, kinh giả cũng là chân. Tại sao ? Vì chẳng có phân biệt nhiều. Nếu tâm có sự phân biệt, thì chân kinh cũng biến thành kinh giả, pháp thật cũng biến thành pháp giả. Đây với sự tụng chú cũng giống nhau, tụng chẳng có tâm phân biệt, tụng chẳng có vọng tưởng, thì tuy là âm chú có chút sai lệch, nhưng cũng sẽ có cảm ứng. Tại sao ? Vì tâm thành chuyên nhất thì linh. Nếu tụng có sự phân biệt vọng tưởng, thì dù chú linh cũng chẳng linh. Do đó có câu:

‘‘Người chánh hành pháp tà
Pháp tà cũng là chánh.

Người tà hành chánh pháp
Chánh pháp cũng là tà.”

Cho nên nói như vậy:

Người chánh đọc kinh giả,
Kinh giả cũng là thật.
Người giả đọc kinh thật,
Kinh thật cũng là giả.”

Chẳng phải kinh có thật giả, mà là người có sự phân biệt. So sánh đây là thật, kia là giả, đó là chẳng hiểu Phật pháp. Nếu hiểu Phật pháp, thì tuyệt đối chẳng dụng công phu tại chỗ này. Cho nên nói nơi pháp không chấp trước, tức nghĩa là chẳng có tâm phân biệt. Chẳng có niệm tịnh, cũng chẳng có niệm nhiễm, tịnh nhiễm đều chẳng lập, thường gặp xe trâu trắng. Nếu nhiễm tịnh đều không, thì luôn luôn gặp được pháp chân thật. Pháp này là tận hư không biến pháp giới, không trụ mà không chỗ không trụ. Nhưng đều bao quát ở trong tự tánh. Đây tức là chẳng hoại nơi pháp tánh. Pháp tánh là tận hư không biến pháp giới, chẳng phải chỗ nhỏ này là ta, chỗ kia lớn chẳng phải ta. Hoặc chỗ lớn này là ta, chỗ kia nhỏ chẳng phải ta. Chẳng có cái ta, đều không vượt ra ngoài pháp giới, đều bao quát ở trong pháp tánh.

**Trong đây không có hai
Cũng lại không có một
Bậc đại trí khéo thấy
Như lý khéo an trụ.**

Đây chẳng phải là hai pháp môn, tức là tự tánh không hai. Tức cũng chẳng có một, thậm chí cho đến một cũng chẳng lập, do đó:

“Một pháp chẳng lập,
Vạn pháp đều không.”

Một cũng chẳng có, hai cũng chẳng có. Nghĩa là chẳng có một, chẳng có hai niệm, cho đến niệm cũng chẳng có. Nếu còn có hai niệm, thì đó vẫn là quái ngại, vẫn là hư vọng, vẫn là có niệm. Niệm cũng chẳng có, thì đây mới là cảnh giới :

“Chân không chẳng ta người
Đại đạo không hình tướng.”

Bậc đại trí huệ thì khéo thấy tất cả lý, tức là đạo lý chân không diệu hữu. Đây là trụ mà không trụ vi diệu không thể nghĩ bàn, cho nên gọi là an trụ.

**Trong không chẳng có hai
Chẳng hai cũng lại không
Ba cõi tất cả không
Đó là chư Phật thấy.**

Trong không đừng có hai niệm, nếu có hai niệm thì chẳng có không. Chẳng có hai niệm, tức là một không sinh. Một niệm không sinh, thì hợp với pháp giới lý thể, cho nên mới nói ba cõi tất cả không. Không tức là đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không, thì lúc đó sẽ hợp với pháp giới mà làm một. Pháp giới tức là tự tánh của chúng ta, tự

tánh tức là pháp giới; đây tức là cùng chung một kiến giải của chư Phật, một thứ cảnh giới.

**Phàm phu chẳng giác hiểu
Phật khiến trụ chánh pháp
Các pháp chẳng chỗ trụ
Ngộ đây thấy thân mình.**

Tri kiến của phàm phu, đều có sự chấp trước và quái ngại, chẳng có trí huệ chân chánh, cho nên đối với hết thấy tất cả đều chẳng minh bạch. Vì phàm phu chẳng giác chẳng hiểu, cho nên Phật giáo hóa tất cả chúng sinh, trụ vào chánh pháp, đừng có tà tri tà kiến. Chúng sinh trụ vào chánh pháp thì pháp trụ vào đâu ? Vì các pháp vốn không, cho nên các pháp chẳng chỗ trụ, nếu minh bạch đạo lý này thì phá được hết thấy mọi chấp trước, sẽ chân chánh nhận thức được bản lai diện mục của chính mình.

**Không thân mà nói thân
Không khởi mà hiện khởi
Không thân cũng không thấy
Là Phật vô thượng thân.**

Trong kinh Kim Cang có nói: “Phật nói không thân, là gọi thân lớn.” Nếu là thân thì chẳng phải thân lớn, thân lớn tức là pháp thân, pháp thân nói là thân; trên thật tế thì chẳng có hình thể, nó là lớn mà không ở ngoài, nhỏ mà không ở trong, cho nên Phật nói không thân, gọi là thân lớn. Chẳng có thân thể chân thật, mà chỉ nói thân thể. Phật

là như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt, vô tại vô bất tại, chẳng có gì mà không biết, chẳng có nơi nào mà không chiếu đến, chẳng có nơi nào mà không hiện, cho nên nói chẳng khởi mà hiện khởi. Chẳng phải như phạm phu, phân biệt có khởi không khởi, có động không động. Phật thì tĩnh chẳng ngại động, động chẳng ngại tĩnh, động tĩnh như một, đây là đạo lý chẳng khởi mà hiện khởi.

Tức nhiên chẳng có thân, sao lại có thấy ? Không thân không thấy, tức là thân vô thượng thấy vô thượng của Phật; pháp thân vô thượng thì chẳng có hình tướng. Phải biết, chẳng có hình tướng thì giống như hư không, do đó:

“Nếu ai muốn biết cảnh giới Phật
Hãy tịnh ý mình như hư không.”

Trong ý niệm chẳng những chẳng có pháp nhiệm ô, mà pháp thanh tịnh cũng chẳng sinh, cho nên tất cả đều là bản lai đầy đủ, bản lai viên mãn, đây tức là thân vô thượng của Phật.

Như vậy Thật Huệ nói Chư Phật diệu pháp tánh Nếu người nghe pháp này Sẽ được mắt thanh tịnh.

Giống như các đạo lý đã nói ở trên, là nghe được từ Bồ Tát Chân Thật Huệ, Ngài nói như vậy, tôi (Bồ Tát Vô Thượng Huệ) cũng nói như vậy, đây tức là diệu pháp tánh của mười phương ba đời tất cả chư Phật nói, nếu có người nghe được diệu pháp tánh này, thì sẽ đắc được đại trí huệ, đắc được pháp nhãn thanh tịnh.

**Bấy giờ, Bồ Tát Kiên Cố Huệ nương
oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười
phương, mà nói kệ rằng.**

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Kiên Cố Huệ ở phương trên, nương đại oai thần lực gia trì của Phật, quán sát khắp nhân duyên và căn tánh của mười phương chúng sinh, dùng kệ để nói ra pháp muốn nói.

**Vĩ đại đấng quang minh
Dũng kiện vô thượng sĩ
Vì lợi ích quần mê
Mà xuất hiện ra đời.**

Đức Phật rất vĩ đại ! Trí huệ đại quang minh của Ngài đã đạt đến tột đỉnh, Phật là dũng mãnh cường kiện, đối với lục độ vạn hạnh rất là dũng kiện. Phật có mười hiệu, Vô Thương Sĩ là một trong mười hiệu, Phật là Đại Sĩ tôn quý nhất, trên hết, chẳng có ai trên Ngài. Tại sao Phật xuất hiện ra thế giới Ta Bà ? Là vì lợi ích cho tất cả quần mê chúng sinh. Phật khiến cho chúng sinh, bỏ mê về với giác ngộ, cải tà về chánh, trở về cội nguồn, thấy được bộ mặt chân thật. Phật vì giáo hóa tất cả chúng sinh, lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử nên mới hiện ra thế gian.

Thế gian có ba thứ:

- 1). Khí thể gian.
- 2). Hữu tình thế gian.
- 3). Chánh giác thế gian.

Khí thể gian là gì ? Tức là sông núi đất đai, nhà cửa phòng xá. Gì là hữu tình thể gian ? Tức là nơi tất cả chúng sinh ở. Gì là chánh giác thể gian ? Tức là nơi tất cả bậc Thánh ở. Tại hữu tình thể gian có thành Phật, có thành Bồ Tát, có thành A la hán, thể gian của các Ngài ở gọi là chánh giác thể gian.

Thể gian mà hiện tại đang nói, bao quát cả ba thể gian. Phật đến thể gian này để giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ rõ tâm thấy tánh, rốt ráo thành Phật, đây là tâm nguyện của Phật, cũng là tâm từ bi của Phật.

Phật dùng tâm đại bi Quán khắp các chúng sinh Thấy ở trong ba cõi Luân hồi thọ các khổ.

Phật dùng tâm đại bi, quán sát khắp hết thấy tất cả mười phương chúng sinh, thấy tất cả chúng sinh đang ở trong ba cõi thọ sinh tử, ở trong luân hồi thọ mọi sự khổ, thật là rất thương xót, cho nên đến thế giới này để giáo hóa chúng sinh thoát khỏi biển khổ, đắc được an lạc của Niết Bàn.

Phật giáo hóa chúng sinh, dùng từ bi hỷ xả bốn tâm vô lượng, do đó:

“Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi.”

Thế nào là vô duyên đại từ ? Tức là gặp người vô duyên, phải dùng tâm từ để đối đãi với họ, để cảm hóa họ, như vậy mới kết duyên lành. Nếu đối với người vô duyên, mà chẳng kết duyên, chẳng chú ý họ, chẳng gần gũi họ, thì

cuối cùng vẫn chẳng có duyên với người. Thế nào là đồng thể đại bi ? Tức là phải nhìn mình không đúng, đừng nhìn họ không đúng. Phật thấy chúng sinh không đúng, thì coi như mình không đúng. Tôi thường nói bài kệ này:

“Hãy nhận là mình sai
Đừng nói lỗi người quấy.
Lỗi người tức lỗi mình
Đồng thể gọi đại bi.”

Các bạn đại khái vẫn chưa dùng được, cho nên vẫn thường nói người khác không đúng. Nếu có thể nghĩ như vậy: Họ không đúng tức là mình không đúng. Tội nghiệp của họ, tức là tội nghiệp của mình, đừng có phân biệt đó đây, nhìn thành một thể, đây tức là tâm đại bi.

Tại sao chúng ta có sinh tử ? Là vì có dục niệm. Dục niệm là gốc rễ của sinh tử. Mục đích chúng ta tu đạo, tức là chấm dứt sinh tử, tu như thế nào ? Phương pháp rất đơn giản, tức là đoạn dục khởi ái. Nếu tu hành thành tựu triệt để, thì sinh tử sẽ chấm dứt, chẳng còn dục niệm, thì sẽ đóng chặt cửa địa ngục lại. Cho nên người tu đạo, quan trọng là tu chẳng còn dục niệm, còn dục niệm thì còn lậu, còn lậu thì còn sinh tử. Không còn dục niệm thì không còn lậu, không còn lậu thì không còn sinh tử.

Phật thấy chúng sinh trong dục giới, sắc giới, vô sắc giới, sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh, đời này sinh làm con nhà họ Trương, đời sau nữa sinh làm con nhà họ Lý. Đời sau nữa sinh làm cha họ Triệu, hoặc làm ông nhà họ Vương. Cứ chìm nổi như vậy, chẳng có ngừng nghỉ. Có lúc kiếp trước là cha con, đời này là anh em, hoặc kiếp trước làm ông, đời này làm cháu. Điên đảo như vậy là nhân

duyên khác biệt. Có lúc làm việc thiện được sinh về cõi trời, có lúc làm ác, đọa vào địa ngục, ở trong luân hồi, chuyển lại chuyển đi.

Chúng sinh trong dục giới, đặc biệt dục niệm rất nặng, cho nên chẳng chứng quả. Ở sắc giới vẫn còn hình sắc có thể thấy. Ở cõi vô sắc tuy không hình sắc có thể thấy, nhưng có thức phân biệt. Vì có thức thì vẫn chưa thoát khỏi ba cõi, vì gốc phân biệt vẫn chưa đoạn sạch. Chúng sinh chưa thoát khỏi ba cõi thì vẫn phải thọ các khổ. Khổ có ba thứ khổ:

- 1). Khổ khổ.
- 2). Hoại khổ.
- 3). Hành khổ.

Lại có tám thứ khổ:

- 1). Sinh khổ.
- 2). Già khổ.
- 3). Bệnh khổ.
- 4). Tử khổ.
- 5). Ái biệt ly khổ.
- 6). Oán tắng hội khổ.
- 7). Cầu bất đắc khổ.
- 8). Ngũ ấm xí thạnh khổ.

Ngoài ra còn có vô lượng thứ khổ, suốt thuở vị lai cũng nói không hết.

Chúng sinh phải thọ vô lượng khổ. Có một người mà họ thọ nhiều thứ khổ, trải qua rất nhiều khổ nạn; hoặc có nhiều người mà thọ một thứ khổ, ví như chiến tranh, nhiều người chẳng cơm ăn, chẳng áo mặc, chẳng nhà ở, mọi người cùng thọ một tai nạn. Đủ thứ khổ, khó mà nói hết được.

Ngoại đạo chẳng chấp đoạn, thì chấp thường, đều là chủ trương cực đoạn, chẳng phải lý luận trung đạo. Người chấp đoạn, thì cho rằng người chết đi như đèn tắt, gì cũng chẳng còn nữa, chẳng có nhân quả, chẳng có luân hồi, làm thiện làm ác đều chẳng có báo ứng. Đây là tà kiến chấp đoạn. Người chấp thường, thì cho rằng người chết rồi thì ở đời sau vẫn làm người, không thể làm súc sinh; súc sinh thì vĩnh viễn làm súc sinh, không thể làm người. Đây là tà kiến chấp thường. Họ chẳng minh bạch nhân quả tuần hoàn báo ứng, cho nên lưu chuyển trong luân hồi mà thọ các khổ, vĩnh viễn chẳng được giải thoát.

**Chỉ trừ Chánh Đẳng Giác
Đấng Đạo Sư đủ đức
Tất cả các người, trời
Không ai cứu hộ được.**

Phật dùng tâm đại bi, diệt trừ khổ của chúng sinh. Phật thấy chúng sinh ở trong ba cõi, luân hồi thọ tất cả khổ. Chỉ có Phật mới cứu được chúng sinh lìa khổ được vui. Tất cả các người trời, không thể giải cứu được chúng sinh khổ. Phật là đấng đại Đạo Sư đầy đủ phước huệ, tức cũng là bậc cứu hộ của ba cõi. Chúng ta cải ác hướng thiện, cải tà về chánh, sửa lỗi làm mới, chúng ta hồi quang phản chiếu, bỏ mê về giác, thì đều được Phật cứu hộ, thoát khỏi biển khổ, đến được bờ kia.

**Nếu chư Phật Bồ Tát
Chẳng hiện ra thế gian**

Chẳng có chúng sinh nào Đắc được sự an lạc.

Phật thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, xuất hiện ra đời. Tất cả hiền Thánh Tăng chúng, cũng xuất hiện ra đời, các Ngài ban niềm vui thật sự cho tất cả chúng sinh. Gì là niềm vui thật sự ? Tức là chẳng có khổ, chỉ có vui.

Nếu ai thấy Như Lai Sẽ được lợi lành lớn Nghe tên Phật liền tin Tức là pháp thế gian.

Tại sao nghĩ muốn thấy Phật ? Vì muốn đắc đượ lợi lành lớn, nghĩa là muốn đắc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu nghe được danh hiệu của mỗi vị Phật, đều sinh tâm tín ngưỡng, thì người đó là đèn tháp của thế gian, hay chiếu sáng tối tăm, dẫn đường chúng sinh mê đồ, đến được chỗ an lạc.

Chúng tôi thấy Thế Tôn Vì được lợi ích lớn Nghe diệu pháp như vậy Tất sẽ thành Phật đạo.

Mục đích chúng ta, mọi người muốn thấy được đấng Thế Tôn, là muốn đắc được lợi ích lớn. Nghe được diệu

pháp không thể nghĩ bàn của đức Thế Tôn nói, thì tương lai đều sẽ thành Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói:

“Gọi một tiếng Nam Mô Phật
Đều đã thành Phật đạo.”

Lại nói:

“Nếu người tâm tán loạn
Cho đến dùng cành hoa
Cúng dường nơi tượng Phật
Dần thấy vô số Phật.
Hoặc có người lạy Phật
Hoặc lại chỉ chấp tay
Cho đến gơ một tay
Hoặc lại chỉ cúi đầu
Dùng đũa cúng dường tượng
Dần thấy vô lượng Phật.”

Chúng ta đi vào chùa tháp, hoặc chỉ chấp tay, hoặc chỉ cúi đầu, lại niệm được Nam Mô Phật, mười phương ba đời tất cả Phật; Nam Mô Pháp, tất cả tôn Pháp của chư Phật nói; Nam Mô Tăng, mười phương tất cả hiền Thánh Tăng. Chẳng những niệm đầy đủ danh hiệu Tam Bảo, mà chỉ niệm một tiếng Nam Mô Phật, thì tương lai sẽ thành Phật đạo.

**Các Bồ Tát quá khứ
Nhờ Phật oai thần lực
Được huệ nhãn thanh tịnh
Rõ cảnh giới chư Phật.**

Hết thầy Bồ Tát đến được Bồ đề đạo tràng, thì các Ngài trong quá khứ, đã nhờ đại oai thần lực của mười phương ba đời tất cả chư Phật gia trì, mà đắc được mắt trí huệ thanh tịnh, chiếu rõ các pháp thật tướng, cho nên thấu rõ cảnh giới của tất cả chư Phật. Cảnh giới chư Phật như hư không, song vẫn có diệu hữu. Không chẳng ngại hữu, hữu chẳng ngại không, không hữu chẳng hai, đây tức là cảnh giới của chư Phật.

**Nay thấy Lô Xá Na
Liên thêm tin thanh tịnh
Trí Phật không bờ mé
Diễn nói không hết được.**

Hiện tại chúng ta thấy được, Viên Mãn Báo Thân ngàn trượng Lô Xá Na Phật, liền tăng thêm niềm tin thanh tịnh. Có người thấy tượng Phật trang nghiêm mà tin Phật, sự tin này chẳng thanh tịnh. Có người học Phật pháp, chẳng phải muốn hoằng dương Phật pháp, mà muốn làm đại pháp sư, biện tài vô ngại, đắc được thắng lợi, đây cũng chẳng thanh tịnh. Tin thanh tịnh tức là tin khấn thành thân thiết, chẳng có pháp nhiệm ô xen tạp vào bên trong, chỉ có niềm tin thanh tịnh.

Trí huệ của Phật chẳng có bờ mé, dù có diễn nói thế nào, cũng không thể nói hết được, trí huệ của Phật vượt hơn tất cả, không thể dùng lời để nói. Phật là chẳng gì mà không biết, chẳng gì mà không thấy.

**Thắng Huệ các Bồ Tát
Và ta Kiên Cố Huệ**

Trong vô số ức kiếp Nói cũng không hết được.

Bồ Tát Kiên Cố Huệ nói: “Phương tây Bồ Tát Thắng Huệ và các Bồ Tát tám phương kia, và ta Kiên Cố Huệ, dù ở trong vô số ức đại kiếp, để nói trí huệ và cảnh giới của Phật, cũng không thể nào nói hết được.”



KINH HOA NGHIÊM

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYÊN MƯỜI SÁU

PHẨM THẬP TRỤ THỨ MƯỜI LĂM

Địa vị của Bồ Tát có bốn mươi hai cấp bậc, tức là: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Vì Bồ Tát có bốn mươi hai phần vô minh hoặc, cho nên phải từ Thập Trụ mà bắt đầu, tu hành viên mãn một pháp môn, thì bớt một phần vô minh, mà tăng thêm một phần pháp thân, liền thăng lên một bậc. Cho đến bậc Đẳng Giác, thì vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa dứt. Nếu đoạn hết thì là Diệu Giác Bồ Tát, tức cũng là Phật.

Phẩm này nói về Thập Trụ của Bồ Tát. Thập (mười) là đại biểu cho vô lượng số mục. Mười hay sinh trăm, trăm hay sinh ngàn, ngàn hay sinh vạn. Kinh Hoa Nghiêm dù có nói pháp gì, cũng đều nói mười thứ, biểu thị cảnh giới của pháp, là trùng trùng vô tận, viên dung vô ngại. Trụ là an trụ. Do đó: “Huệ trụ nơi ý, được vị bất thối, mà gọi là trụ.” Huệ là năng trụ, lý là sở trụ, được vào chánh vị, vị chẳng giao động. Gì là Thập Trụ ? Tức là:

- 1). Ban đầu phát tâm trụ.
- 2). Trị địa trụ.
- 3). Tu hành trụ.
- 4). Sinh quý trụ.

- 5). Cụ túc phương tiện trụ.
- 6). Chánh tâm trụ.
- 7). Bất thối trụ.
- 8). Đồng chân trụ.
- 9). Pháp vương tử trụ.
- 10). Quán đánh trụ.

Thập Trụ này là pháp môn bắt đầu tu của Bồ Tát. Nghĩa lý của Thập Trụ giải thích rất tỉ mỉ ở phía sau. Phẩm này thuộc phẩm thứ mười lăm trong Kinh Hoa Nghiêm, cho nên gọi là Phẩm Thập Trụ thứ mười lăm.

Bấy giờ, Bồ Tát Pháp Huệ nương oai lực của đức Phật, nhập vào tam muội Bồ Tát vô lượng phương tiện.

Sau khi nói xong phẩm thứ mười bốn, thì lúc đó có vị Bồ Tát Pháp Huệ, Ngài nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật gia trì, ở trong định quán sát nhân duyên của tất cả chúng sinh, đáng dùng pháp gì độ được, thì liền nói pháp đó, để giáo hóa chúng sinh.

Bất cứ là Phật, hoặc là Bồ Tát, trước khi nói pháp, thì trước hết phải nhập định. Vị Bồ Tát Pháp Huệ này, Ngài nhập tam muội Bồ Tát vô lượng phương tiện. Bồ Tát là giác hữu tình, giác ngộ hữu tình; còn gọi là hữu tình giác, bậc giác ngộ trong hữu tình, phương tiện là quyền xảo phương tiện. Quyền là thiện quyền, xảo là xảo diệu. Tam muội là chánh định chánh thọ. Bồ Tát đang quán sát pháp môn mà chúng sinh hoan hỷ để nói pháp, khiến cho chúng

sinh đặc được pháp hỷ sung mãn. Pháp phương tiện này có vô lượng vô biên.

Do giới mà sinh định, do định mà phát huệ. Cho nên trước khi giảng kinh, phải tĩnh tọa một lúc, để cho tâm thanh tịnh, chẳng có tạp niệm. Đến lúc giảng kinh thì trí huệ chân chánh sẽ hiện tiền, từ tự tánh mà chảy ra. Giống như giòng nước, thao thao bất tuyệt; khiến cho người nghe kinh cảm thấy ý vị dồi dào, muôn thoi cũng không được. Nếu trước khi giảng kinh mà không thể tĩnh tọa, thì đạo lý giảng kinh sẽ khô khan vô vị, khiến cho người nghe chẳng khởi cảm ứng, cho nên trước phải nhập định, thanh tịnh thân tâm, quét trừ tạp niệm, thì mới được biện tài vô ngại.

Nhờ sức tam muội, mà ngoài các thế giới, nhiều như số hạt bụi ngàn cõi Phật trong mười phương, đều có các đức Phật, nhiều như số hạt bụi ngàn cõi Phật, đều đồng danh hiệu là Pháp Huệ, đều hiện ra ở trước bảo Bồ Tát Pháp Huệ rằng: Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Ông nhập vào được tam muội Bồ Tát vô lượng phương tiện này.

Bồ Tát Pháp Huệ nhập định, nhờ sức lực của định, mà ngoài các thế giới, nhiều như số hạt bụi ngàn cõi Phật trong mười phương, lại có các đức Phật nhiều như số hạt bụi ngàn cõi Phật. Tuy Phật nhiều như thế, nhưng đồng một danh hiệu, đó là Phật Pháp Huệ, các Ngài khắp hiện ra

ở trước Bồ Tát Pháp Huệ mà nói rằng: ‘’Lành thay ! Lành thay ! Ông là thiện nam tử tốt nhất ! Ông vì giáo hóa chúng sinh mà nhập vào tam muội Bồ Tát vô lượng phương tiện. Sau khi xuất định sẽ nói pháp giáo hóa chúng sinh. Đây là một việc công đức tốt vô cùng.’’

Thiện nam tử ! Các đức Phật nhiều như số hạt bụi ngàn cõi Phật trong mười phương, đều dùng thần lực cùng gia bị cho ông và oai thần lực, nguyện lực thưở xưa của Như Lai Tỳ Lô Giá Na, cùng với sức căn lành của ông tu, nên nhập vào tam muội này, khiến cho ông nói pháp.

Phật Pháp Huệ nhiều như số hạt bụi ngàn cõi Phật, đồng thời nói với Bồ Tát Pháp Huệ: Ông là vị nam tử rất tốt ! Chúng ta chư Phật nhiều như số hạt bụi ngàn cõi Phật trong mười phương, mỗi vị Phật đều xuất lãnh các Bồ Tát, nhiều như số hạt bụi ngàn cõi Phật, cùng nhau đến đây. Dùng đại oai thần lực trí huệ quang minh, cùng nhau gia trì cho ông, khiến cho ông nhập vào tam muội Bồ Tát vô lượng phương tiện. Khi ông xuất định thì sẽ nói vô lượng phương tiện pháp môn. Chẳng những chúng ta chư Phật đến gia trì cho ông, mà còn có Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Phật cũng gia trì cho ông. Vì thưở xưa Phật Tỳ Lô Giá Na đã từng phát nguyện lớn, dùng đại oai thần lực để gia trì cho người nói pháp. Đây cũng là lực của ông tu đủ thứ căn lành trong quá khứ, mới nhập vào được tam muội Bồ Tát vô lượng phương tiện, khiến cho ông ở trong pháp

hội Hoa Nghiêm, mà vì chúng sinh diễn nói diệu pháp Hoa Nghiêm.

Vì để tăng trưởng trí của Phật. Vì vào sâu pháp giới. Vì khéo biết rõ chúng sinh giới. Vì chỗ nhập vào vô ngại. Vì chỗ thực hành không chướng ngại. Vì được vô đẳng phương tiện. Vì vào tất cả trí tánh. Vì giác ngộ tất cả pháp. Vì biết tất cả căn tánh. Vì hay trì nói tất cả pháp. Đó là phát khởi mười thứ trụ của Bồ Tát.

Bồ Tát Pháp Huệ nhập định, trụ định, xuất định, đều là nhờ mười phương chư Phật gia trì, mới có cảnh giới này. Bồ Tát Pháp Huệ, tại sao phải nói pháp ? Vì:

1). Khiến cho tin hiểu Bồ Tát nghe pháp tăng trưởng trí huệ của Phật.

2). Vì khiến cho tin hiểu Bồ Tát vào sâu pháp giới. Tuy chúng ta chúng sinh là một phần tử trong pháp giới, nhưng chẳng hợp với pháp giới mà làm một thể, chẳng thấu hiểu tánh pháp giới, chẳng minh bạch lý pháp giới, cho nên không thể vào được pháp giới.

3). Vì khiến cho tin hiểu Bồ Tát khéo biết rõ chúng sinh giới. Chúng sinh trong chín pháp giới, nhân duyên quả báo đều khác nhau.

4). Vì khiến cho tin hiểu Bồ Tát chỗ nhập vào chẳng có chướng ngại, thấu rõ tất cả chân lý, các pháp thật tướng thì chẳng có chướng ngại.

5). Vì khiến cho tin hiểu Bồ Tát nghiệp tu hành chẳng có nghiệp chướng.

6). Vì khiến cho tin hiểu Bồ Tát đắc được pháp môn phương tiện không gì có thể sánh bằng.

7). Vì khiến cho tin hiểu Bồ Tát hay thâm nhập tánh nhất thiết trí huệ.

8). Vì khiến cho tin hiểu Bồ Tát giác ngộ tất cả pháp.

9). Vì khiến cho tin hiểu Bồ Tát biết tất cả căn tánh.

10). Vì khiến cho tin hiểu Bồ Tát có thể, bên trong trì tất cả pháp, bên ngoài nói tất cả pháp.

Đây là nói về phát khởi tâm bồ đề của Bồ Tát, sở tu mười pháp môn Thập Trụ.

Thiện nam tử ! Ông hãy nương oai thần lực của Phật, mà diễn nói pháp này.

Phật Pháp Huệ nhiều như số hạt bụi ngàn cõi Phật, đồng thời nói: “Thiện nam tử ! Hiện tại ông được chư Phật gia trì. Chư Phật dùng thân ý để khen ngợi ông, khiến cho ông đắc được lợi ích và thần lực. Ông hãy nương đại oai thần lực của chư Phật, mà diễn nói diệu pháp Thập Trụ, khiến cho tất cả chúng sinh phát bồ đề tâm.”

Bấy giờ, chư Phật liền ban cho Bồ Tát Pháp Huệ, trí vô ngại, trí vô trước, trí vô đoạn, trí vô si, trí vô dị, trí vô thất, trí vô lượng, trí vô thắng, trí vô giải, trí vô đoạt. Tại sao vậy, vì sức tam muội này, pháp như vậy.

Lúc đó, mười phương chư Phật đồng thời ban cho Bồ Tát Pháp Huệ mười thứ trí huệ. Mười thứ trí huệ gì ? Đó là:

1). Trí vô ngại: Trí huệ chẳng có gì chướng ngại. Có từ vô ngại, nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, nhạo thuyết vô ngại bốn thứ trí vô ngại biện. Từ vô ngại biện, là ngôn từ nói ra vô lượng vô biên, biện tài vô ngại. Nghĩa vô ngại biện, là nghĩa lý nói ra vô lượng vô biên, biện tài vô ngại. Pháp vô ngại biện, là pháp nói ra vô lượng vô biên, biện tài vô ngại. Nhạo thuyết vô ngại biện, là thích nói pháp, tùy thời tùy lúc tuyên nói Phật pháp, khiến cho tất cả chúng sinh nghe pháp tu hành, do tu mà chứng.

2). Trí vô trước: Trí huệ chẳng chỗ chấp trước. Tuy có trí huệ vô ngại, nhưng không thể mắt nhìn tất cả đều không, coi ai chẳng ra gì. Bằng không tức là chấp trước, thì chẳng được giải thoát. Phải có trí huệ vô trước, thì mới đắc được tự tại.

3). Trí vô đoạn: Trí huệ chẳng có sự gián đoạn. Trí huệ có lúc có, thì đột nhiên thông minh. Có lúc đoạn thì lại ngu si. Tóm lại, trí huệ không thể thường thường hiện tiền, tức là trí đoạn. Trí vô đoạn tức là trí huệ tương tục không đoạn, đều hiện tiền.

4). Trí vô si: Trí huệ chẳng có sự ngu si. Có trí huệ thì thông minh, không trí huệ thì ngu si. Thường tu học Phật thì trí huệ sẽ hiện tiền. Do đó: “Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển.” Lúc này chẳng còn ngu si, chẳng còn vô minh, chẳng còn đen tối, luôn luôn hiện ra trí huệ quang minh.

5). Trí vô dị: Trí huệ chẳng có biến đổi. Trí huệ thủy chung vẫn là một, chẳng thể biến thành hai dạng không giống nhau.

6). Vô thất trí: Trí huệ chẳng có sai mất. Đạo lý nói ra đều là chánh quyết chẳng có sai lầm.

7). Vô lượng trí: Trí huệ chẳng có hạn lượng. Trí huệ này, lấy chẳng hết được, dùng cũng chẳng cạn. Nguồn suối của trí huệ, tuôn trào chảy ra, vĩnh viễn chẳng gián đoạn.

8). Vô thắng trí: Trí huệ chẳng có gì thắng được. Trí huệ thù thắng này, chẳng có gì thắng qua được trí huệ này. Trí huệ này có năm thứ đức.

a. Đức thứ nhất, thâm sâu như sấm: Thứ trí huệ này, giống như tiếng sấm lúc trời tạnh, khiến cho chúng sinh mê hoặc tỉnh ngộ.

b. Đức thứ hai, thanh triệt viễn văn: Thứ trí huệ này, chẳng những thanh triệt mà còn ở nơi rất xa cũng nghe được.

c. Đức thứ ba, âm thanh thương nhã: Âm thanh này, khiến cho người thương xót và lại hòa nhã. Giống như tiếng chim Ca Lăng Tần Già (chim tiếng hay), rất là êm tai; ai nghe cũng đều hoan hỷ.

d. Đức thứ tư, hay khiến cho chúng sinh, sinh tâm kính ái: Khiến cho chúng sinh nghe được âm thanh này, thì thâm nhập vào trong tâm, mà sinh ra tư tưởng cung kính ái mộ.

e. Đức thứ năm, ai nghe được đều hoan hỷ không nhàm: Phạm là chúng sinh nghe được âm thanh thù thắng này, thì luôn luôn hoan hỷ mà chẳng nhàm chán. Đầy đủ năm đức này, cho nên là vô thắng.

9). Vô giải trí: Trí huệ chẳng có sự giải đãi. Phàm là lười biếng chẳng tu hành, tức là giải đãi. Nếu đắc được trí huệ vô giải, thì bất cứ lúc nào cũng đều tinh tấn.

10). Vô đoạt trí: Trí huệ không thể đoạt lấy. Trí huệ này, dù gặp cảnh giới gì, cũng chẳng bị cảnh giới đoạt mất trí huệ.

Tại sao phải nói mười thứ trí huệ này ? Vì dùng mười thứ trí huệ này, gia bị cho Bồ Tát Pháp Huệ, khiến cho Ngài nhập vào tam muội Bồ Tát vô lượng phương tiện, đợi khi xuất định, thì liền vì tất cả chúng sinh mà nói pháp. Quy tắc nói pháp phải như vậy.

Bấy giờ, chư Phật đều duỗi tay phải ra, xoa đánh Bồ Tát Pháp Huệ. Bồ Tát Pháp Huệ bèn từ định mà dậy, bảo các Bồ Tát rằng: Phật tử ! Trụ xứ của Bồ Tát rộng lớn đồng với pháp giới hư không.

Phật tử ! Bồ Tát trụ nơi nhà ba đời chư Phật.

Lúc đó, Phật Pháp Huệ nhiều như số hạt bụi ngàn cõi Phật, mỗi vị Phật đều duỗi tay phải ra, để xoa đánh đầu Bồ Tát Pháp Huệ. Lúc này có người khởi vọng tưởng: “Bồ Tát Pháp Huệ chỉ có một đánh đầu, vậy nhiều vị Phật như thế, đồng thời duỗi tay phải ra để xoa đánh, là xoa như thế nào?” Đây tức là đạo lý một nhiều vô ngại. Chư Phật đồng thời xoa đánh, chẳng có trước sau, đây là đạo lý không động mà đến, vô vi mà thành. Tức cũng là cảnh giới nhiều chẳng ngại một, một chẳng ngại nhiều. Một nhiều vô ngại,

cùng nhau lợi ích. Tác dụng của sự xoa đánh là trừ khử ngu si, tăng trưởng trí huệ, tức cũng là khử nghiệp chướng tăng căn lành. Đây là trực tiếp lợi ích Bồ Tát Pháp Huệ, cũng là gián tiếp lợi ích tất cả chúng sinh. Vì Bồ Tát Pháp Huệ đắc được trí huệ, lại vì tất cả chúng sinh mà nói pháp, khiến cho chúng sinh lia khổ được vui.

Bồ Tát Pháp Huệ ở trong định, được chư Phật xoa đánh, liền từ tam muội mà xuất định, nói với các Bồ Tát đến từ mười phương rằng: “Các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát phát tâm bồ đề, chỗ trụ của các Ngài rộng lớn vô biên, đối với pháp giới hư không.” Pháp thân của Bồ Tát cũng tận hư không khắp pháp giới, đầy khắp tất cả mọi nơi.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng: “Các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát là trụ ở trong nhà của mười phương ba đời tất cả chư Phật.” Vì Phật là đấng Pháp Vương, Bồ Tát là con của đấng Pháp Vương, gọi là Pháp Vương tử. Bồ Tát phải thiệu long Phật vị, kế thừa địa vị Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên nói Bồ Tát trụ nhà ba đời chư Phật.

Nay tôi sẽ nói chỗ trụ của Bồ Tát. Các Phật tử ! Chỗ Bồ Tát trụ có mười thứ. Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, đã nói nay nói và sẽ nói.

Bồ Tát phát tâm bồ đề, trụ ở địa vị, tôi (Bồ Tát Pháp Huệ) hiện tại sẽ nói ra: “Các vị đệ tử của Phật ! Địa vị của Bồ Tát trụ, có mười thứ trụ. Chư Phật quá khứ đã nói đạo lý Thập Trụ của Bồ Tát. Chư Phật hiện tại phải nói đạo lý Thập Trụ của Bồ Tát. Chư Phật vị lai cũng sẽ nói Thập Trụ của Bồ Tát.”

Những gì là mười ? Đó là: Ban đầu phát tâm trụ, trị địa trụ, tu hành trụ, sinh quý trụ, cụ túc phương tiện trụ, chánh tâm trụ, bất thối trụ, đồng chân trụ, pháp vương tử trụ, quán đảnh trụ. Đó là tên Thập Trụ của Bồ Tát, quá khứ hiện tại vị lai chư Phật đều nói.

Gì là Thập Trụ ? Đó là:

1). Ban đầu phát tâm trụ: Tức là căn lành của Bồ Tát đã gieo trồng trong quá khứ, đã tu đạo Bồ Tát, đã hành lục độ vạn hạnh, căn lành chín mùi, phát tâm đại bồ đề, trụ ở bậc này, cho nên gọi là ban đầu phát tâm.

2). Trị địa trụ: Tức là Bồ Tát trong quá khứ đã tu trị tham sân si ở trong tâm. Vô minh, phiền não, chấp trước, tập khí v.v... từng chút, từng chút, dần dần trừ sạch mà trụ ở bậc này, cho nên gọi là trị địa trụ. Phiền não của Bồ Tát có bớt mà chẳng tăng, còn phiền não của chúng ta phàm phu, thì có tăng mà chẳng giảm. Bớt một phần phiền não, thì tăng thêm hai phần phiền não, cho nên càng ngày càng nhiều, có tới tám vạn bốn ngàn phiền não, đây là chẳng có trị địa.

3). Tu hành trụ: Tức là Bồ Tát siêng tu đủ thứ pháp môn, đối với tất cả tri kiến đều thấu suốt. Do đó:

“Siêng tu giới định huệ
Tức diệt tham sân si”.

Cho nên gọi là tu hành trụ.

4). Sinh quý trụ: Bồ Tát vì tu hành, có đủ thứ căn lành, cho nên sinh vào nhà Phật tôn quý, tất cả đều tương đồng với Phật, cho nên gọi là sinh quý trụ.

5). Cụ túc phương tiện trụ: Túc nhiên Bồ Tát sinh vào nhà Phật, nên đầy đủ tất cả phương tiện pháp môn để giáo hóa chúng sinh, cho nên gọi là cụ túc phương tiện trụ.

6). Chánh tâm trụ: Lúc này Bồ Tát trụ vào tam muội chánh tâm, đạo tâm tương đồng với Phật, cho nên gọi là chánh tâm trụ.

7). Bất thối trụ: Túc là niệm bất thối, hành bất thối, vị bất thối. Niệm bất thối là chẳng thối tâm bồ đề, hành bất thối là tinh tấn tu hành, vị bất thối là chẳng thối lùi về hàng nhị thừa. Bồ Tát có ba thứ bất thối này, mà dũng mãnh hướng về trước, cho nên gọi là bất thối trụ.

8). Đồng chân trụ: Túc là thể đồng tử chân thật, tức cũng là chẳng có kết hôn. Bồ Tát đời đời kiếp kiếp giữ gìn bản lai diện mục (đồng thể), cho nên gọi là đồng chân trụ.

9). Pháp vương tử trụ: Bồ Tát là con của đấng Pháp Vương, có quyền lợi kế thừa Phật vị, cho nên gọi là pháp vương tử trụ.

10). Quán đảnh trụ: Pháp Vương tử khi sắp thành Phật, thì phải tiếp thọ mười phương chư Phật dùng pháp thủy (nước pháp) để quán đảnh, khiến cho đầy đủ từ bi hỷ xả bốn tâm vô lượng, cho nên gọi là quán đảnh trụ.

Đó là nghĩa lý Thập Trụ, kinh văn ở phía dưới sẽ giải thích tỉ mỉ hơn. Ở trong mỗi trụ, Bồ Tát đối với chúng sinh phải phát mười thứ tâm, khuyến khích chúng sinh học tập mười thứ pháp môn. Hiện tại chỉ là nói sơ lược.

Đây là Thập Trụ vị của Bồ Tát. Trong quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật đều nói pháp môn này, dạy cho hết

thấy những người đến nghe pháp, khiến cho hết thấy mọi người đều phát tâm bồ đề, tương lai sẽ đắc được mười thứ Thập Trụ này.

Phật tử ! Thế nào là Bồ Tát phát tâm trụ ? Bồ Tát này thấy Phật Thế Tôn, dung nhan sinh đẹp, sắc tướng viên mãn, người đều ưa thấy, rất khó gặp được, có oai nghi lớn, hoặc thấy thần túc, hoặc nghe thọ ký, hoặc nghe răn dạy, hoặc thấy chúng sinh thọ các sự quá khổ, hoặc nghe Như Lai rộng nói Phật pháp, mà phát tâm bồ đề, cầu nhất thiết trí.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ ? Tức là phải phát tâm bồ đề, tu vô thượng đạo, hành Bồ Tát đạo, cho nên gọi là ban đầu phát tâm trụ. Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ, thấy được Phật Thế Tôn, có mười thứ duyên.

1). Dung nhan xinh đẹp: Dung nhan của Phật rất trang nghiêm xinh đẹp, do đó: “Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.”

2). Sắc tướng viên mãn: Sắc tướng của Phật rất trang nghiêm viên mãn, do đó có câu:

“Phật diện do như tịnh mãn nguyệt
Diệc như thiên nhật phóng quang minh.”

Nghĩa là:

“Mặt Phật sáng tựa như trăng rằm
Cũng như ngàn mặt trời chiếu sáng.”

3). Người đều ưa thấy: Vì tướng của Phật viên mãn, cho nên ai ai cũng đều muốn thấy Phật.

4). Rất khó gặp được: Phật phải trải qua trăm ngàn vạn kiếp, mới xuất hiện ra đời, để lợi ích chúng sinh, cho nên chẳng dễ gì gặp được Phật.

5). Có oai lực lớn: Phật có mười lực vô úy, hàng phục được thiên ma, chế các ngoại đạo.

6). Hoặc thấy thần túc: Thần thông biến hóa của Phật không thể nghĩ bàn, hoặc thấy được thần túc thông của Phật.

7). Hoặc nghe thọ ký: Hoặc nghe được Phật thọ ký cho.

8). Hoặc nghe răn dạy: Hoặc nghe được Phật răn dạy, biết ác nên đoạn trừ, thiện thì tiến tu.

9). Hoặc thấy chúng sinh thọ các sự quá khổ: Hoặc thấy chúng sinh thọ khổ thì sinh tâm đại bi, thế chúng sinh thọ khổ.

10). Hoặc nghe Như Lai nói Phật pháp rộng lớn, có cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Ở trên là nói về mười thứ duyên, Bồ Tát nghe thấy rồi mà phát tâm Bồ đề, cầu nhất thiết trí huệ của Phật, mà trụ ở địa vị ban đầu phát tâm trụ.

Bồ Tát này duyên mười thứ pháp khó được mà phát tâm. Những gì là mười ? Đó là: Trí xứ phi xứ. Trí thiện ác nghiệp báo. Trí các căn thẳng liệt. Trí đủ thứ giải khác

biệt. Trí đủ thứ giới khác biệt. Trí nhất thiết chí xứ đạo. Trí các thiền giải thoát tam muội. Trí túc mạng vô ngại. Trí thiên nhãn vô ngại. Trí ba đời lậu đều sạch. Đó là mười.

Bồ Tát ban đầu phát tâm, thì y chiếu mười thứ pháp đắc được mà phát tâm. Mười pháp này ở tại phần Bồ Tát mà nói là mười trí. Tại phần của Phật mà nói là mười lực. Vì định lực của Bồ Tát vẫn chưa kiên cố, chỉ có thể nói là mười trí, chứ không thể nói là lực. Định lực của Phật đến nơi rốt ráo, cho nên trí biến thành lực. Gì là mười thứ pháp khó được ? Tức là:

1). Trí xứ phi xứ: Xứ là hợp lý, phi xứ là chẳng hợp lý. Hợp lý thì đắc được sự giác ngộ, chẳng hợp lý tức là mê hoặc. Còn có thể nói xứ là nơi thoát khỏi ba cõi, phi xứ là ở trong sáu nẻo luân hồi. Trí là trí huệ, đây chẳng phải lý luận phân biệt mà minh bạch đây là xứ phi xứ.

2). Trí thiện ác nghiệp báo: Phạm là lợi ích đối với người gọi là làm thiện, còn tổn hại người gọi là làm ác, do đó:

“Đừng cho rằng thiện nhỏ mà không làm
Đừng cho rằng ác nhỏ mà làm.”

Tuy thiện nhỏ không thể không làm; tuy ác nhỏ, không thể đi làm. Do đó:

“Núi Thái do tích tụ từng hạt bụi mà thành
Biển cả do từng giọt nước mà thành.”

Làm thiện phải làm từng chút từng chút, tập ít thành nhiều. Ác cũng do từng chút từng chút mà thành nhiều. Cho nên nói dù ác có nhỏ bé cũng đừng làm. Do đó có câu: “Thiện có thiện báo, ác có ác báo; thiện ác chung hữu báo, bất báo, thời thần mạng đảo.” Tại sao người tu hành phải giữ giới ? Tức là ngừa ác phòng điều quấy. Ngừa ác tức là không làm các điều ác, phòng điều quấy. Ngừa ác tức là không làm các điều ác, phòng điều quấy tức là làm các việc lành. Có trí huệ này thì không thể điên đảo thị phi, thiện ác bất phân.

3). Trí các căn thẳng liệt: Bồ Tát chẳng những biết các căn thẳng liệt của chúng sinh, mà cũng biết các căn thẳng liệt của mình. Bồ Tát có trí huệ này. Trí huệ thì chẳng có phân biệt, tâm thức mới có phân biệt. Các căn phân biệt này, chẳng phải do tâm phân biệt mà minh bạch, mà là do trí huệ chiếu thấu.

4). Trí đủ thứ giải khác biệt: Bồ Tát đối với tất cả các pháp đều thấu hiểu, nhận thức được đạo lý thật tướng của các pháp. Bồ Tát có trí huệ này.

5). Trí đủ thứ giới khác biệt: Bất cứ là cõi chúng sinh nào, Bồ Tát đều nhận thức được rõ ràng, tuy có đủ thứ cảnh giới khác nhau, nhưng đều biết hết. Bồ Tát có trí huệ này.

6). Trí nhất thiết chí xứ đạo: Tức là trí huệ nhất thiết cứu kính. Biết hạnh môn năm giới mười thiện, lại biết pháp môn bốn đế mười hai nhân duyên và sáu độ vạn hạnh.

7). Trí các thiên giải thoát tam muội: Các thiên là bốn thiên tám định, giải thoát có tám giải thoát. Tam muội là định, có chín thứ lớp định, đó là bốn thiên, bốn không và

diệt tận định. Diệt tận định là diệt tận thức thứ bảy, đây là định của bậc Thánh nhân tu. Bồ Tát có trí huệ này.

8). Trí túc mạng vô ngại: Túc mạng là nhân duyên quả báo kiếp trước. Bồ Tát biết quả báo của chúng sinh tu hành đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. Trí huệ chẳng có chướng ngại này, Bồ Tát đã đầy đủ.

9). Trí Thiên nhãn vô ngại: Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ đã đắc được thiên nhãn thông, quán sát được căn tánh của chư Thiên và thiện ác của chúng sinh nhân gian, chẳng có chướng ngại. Bồ Tát có trí huệ này.

10). Trí ba đời lậu đều sạch: Ba đời tức là đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai. Tuy người ở đời này nhưng có quan hệ với ba đời. Có quan hệ gì ? Tức là quan hệ nghiệp báo. Lậu tức là tập khí mao bệnh, lậu của ba đời chảy vào trong ba cõi. Ba cõi tức là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Tại sao lại có lậu ? Vì có dục niệm, có vô minh. Nếu chẳng còn dục niệm và vô minh thì gọi là vô lậu. Bồ Tát đã trừ sạch hết lậu ba đời, cho nên có trí huệ này.

Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ, duyên mười thứ pháp khó được này, mà phát tâm bồ đề, trụ ở địa vị ban đầu phát tâm trụ.

Phật tử ! Bồ Tát này nên khuyên học mười pháp. Những gì là mười ? Đó là: Siêng cúng dường Phật. Ưa thích trụ nơi sinh tử. Chủ trì dẫn dắt thế gian, khiến cho tiêu trừ nghiệp ác. Dùng diệu pháp thù thắng, để thường hành giáo hóa. Khen ngợi

pháp vô thượng. Học công đức của Phật. sinh ở trước chư Phật, luôn được Phật nhiếp thọ. Phương tiện diễn nói, tịch diệt tam muội. Khen ngợi xa lìa sinh tử luân hồi. Vì chúng sinh khổ mà làm chỗ nương tựa.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ, nên khuyên nói chúng sinh để học tập mười thứ pháp môn này, song mình cũng phải học tập mười thứ pháp môn này. Gì là mười pháp ? Đó là:

1). Siêng cúng dường Phật: Giáo hóa chúng sinh rộng tu cúng dường tất cả chư Phật. Có người khởi vọng tưởng: “Phật có nhiều vô lượng, làm sao tôi có thể ở trước mỗi vị Phật để cúng dường ? Dù là một đời cũng không thể mãn nguyện cúng dường chư Phật. Vậy, làm thế nào mới mãn nguyện?” Phải dùng pháp giới làm tâm, dùng pháp giới làm thể. Do đó:

“Lễ lạy một vị Phật,
Tức là lễ lạy vô lượng Phật.
Cúng dường một vị Phật,
Tức là cúng dường vô lượng Phật.”

Chỉ cần thành tâm quán tưởng: “Con đang cúng dường một vị Phật, tức là cúng dường vô lượng Phật.” Hoặc là cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni, hoặc cúng dường Phật A Di Đà, hoặc các vị Phật khác. Dù cúng dường một, tức là cúng dường tất cả; cúng dường tất cả,

tức là cúng dường một. Lại phải quán tưởng thân mình là tận hư không khắp pháp giới, đều ở trước chư Phật rộng tu cúng dường, đây là siêng cúng dường Phật.

2). Ưu thích trụ nơi sinh tử: Bồ Tát là cam tâm tình nguyện trụ nơi sinh tử, do đó: “Thừa nguyện tái lai.” Nghĩa là: “Thừa nguyện trở lại.” Tuy trụ nơi sinh tử, mà chẳng chấp trước tướng sinh tử. chẳng giống như hàng nhị thừa, nhất định phải chấm dứt sinh tử. Do đó:

“Quán ba cõi như ngục tù,
Xem chúng sinh hư oan gia.”

Bồ Tát là phổ độ chúng sinh thường trụ sinh tử. Tôi thường nói với các vị: "Phàm là thấy được mặt tôi, nghe được tên tôi, hoặc quy y với tôi, hoặc tín chúng nghe tôi giảng kinh", tôi từng phát nguyện: "Họ phải thành Phật trước tôi; nếu còn một người chưa thành Phật thì tôi cũng không thành Phật". Đợi họ thành Phật hết rồi, thì tôi mới thành Phật. Dù một đời, trăm đời, tôi cũng phải đợi. Thậm chí một kiếp hoặc trăm kiếp, cũng phải đợi chờ. Như vậy, tức tại tướng sinh tử, tức tại sinh tử mà chấm dứt sinh tử. Do đó: “Sinh tử tức Niết Bàn,” đều như nhau.

3). Chủ trì dẫn dắt thế gian, khiến cho tiêu trừ nghiệp ác: Làm chủ nương tựa của chúng sinh, dẫn dắt chúng sinh thế gian, khiến cho họ tiêu trừ tất cả nghiệp ác, cải tà về chánh, bỏ mê về với giác ngộ.

4). Dùng diệu pháp thù thắng để thường hành giáo hóa: Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ, dùng diệu pháp thù thắng để giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh không làm các điều ác mà làm các điều lành.

5). Khen ngợi pháp vô thượng: Ca ngợi pháp vi diệu thâm sâu vô thượng.

6). Học công đức của Phật: Phải học tập công đức của chư Phật.

7). Sinh ở trước chư Phật, luôn được nhiếp thọ: Phải sinh vào thời đại Phật còn ở đời, luôn luôn được chư Phật nhiếp thọ giáo hóa.

8). Phương tiện diễn nói, tịnh tĩn tam muội: Dùng pháp môn quyền xảo phương tiện, để diễn nói tất cả giáo lý, tu định vắng lặng.

9). Khen ngợi xa lìa sinh tử luân hồi: Bồ Tát tuy mình ưa trụ nơi sinh tử, nhưng khen ngợi xa lìa sinh tử luân hồi.

10). Vì khổ chúng sinh mà làm chỗ nương tựa: Vì hết thấy chúng sinh thọ khổ mà làm chỗ nương tựa cho họ.

Tại sao ? Vì muốn khiến cho Bồ Tát ở trong Phật pháp, tâm thêm rộng lớn. những pháp được nghe, liền tự thấu hiểu, chẳng do người khác dạy.

Nguyên nhân gì phải khuyến học mười thứ pháp môn này ? Vì muốn khiến cho Bồ Tát, ban đầu phát tâm trụ ở trong Phật pháp, tâm Bồ Tát càng ngày càng tăng thêm rộng lớn. Bất cứ ở trong pháp hội của vị Phật nào, nghe pháp của Phật nói, thì tự mình hốt nhiên quán thông, khai ngộ thấu hiểu tất cả thật tướng của các pháp, nghe một biết mười, phát tâm đại bồ đề, cầu đạo vô thượng.

Trong Đại Tạng Kinh, có bộ Kinh Pháp Diệt Tận. Bộ kinh này nói về tình hình diệt pháp như thế nào. Nội

dung nói, đến lúc thời đại mạt pháp thì Kinh Lăng Nghiêm sẽ mất đi trước nhất, kế tiếp là Kinh Phật Lực Tam Muội. Hai bộ kinh này là đại biểu cho sự biểu hiện của thời đại chánh pháp.

Tại sao Kinh Lăng nghiêm lại diệt trước nhất ? Vì Kinh Lang Nghiêm nói về mao bệnh của con người quá rõ ràng. Người có tà tri tà kiến, thì không thể tồn tại. Vì nếu kinh Lăng Nghiêm tồn tại, thì ai ai cũng đều có chánh tri chánh kiến, không thể không giữ giới luật. Nếu chẳng còn kinh Lăng Nghiêm tồn tại, thì có thể tùy tiện, muốn làm gì thì làm. Còn các kinh khác thì chẳng nói rõ ràng như kinh Lăng Nghiêm.

Đại sư Ngẫu Ích nói: “Có người nói kinh Lăng Nghiêm là giả, tôi nhận rằng là Phật nói. Nếu chẳng phải Phật nói, thì sao kinh vẫn có ngành thớ không rời, thuận tự có thứ lớp ? Nếu như Phật Thích Ca Mâu Ni hiện thân ra trước, nói với tôi rằng kinh Lăng Nghiêm là giả, thì tôi cũng không tin”! Chúng ta muốn hộ trì chánh pháp, thì phải tin sâu kinh Lăng Nghiêm, không thể có tư hào hoài nghi. Cho nên kinh Lăng Nghiêm là đại biểu cho thời đại chánh pháp. Tóm lại, còn kinh Lăng Nghiêm tức là thời đại chánh pháp; không còn kinh Lăng nghiêm, tức là thời đại mạt pháp.

Phàm là người xuất gia, hoặc người tại gia, ở chùa Kim Sơn, thì đối với Kinh Lăng Nghiêm không thể có sự hoài nghi. Đừng tin lời của một số người vô tri vô thức, chẳng có chánh tri chánh kiến, nói bậy kinh Lăng Nghiêm là ngụy tạo. Không thể tin những lời nói bậy bạ ! Song, người có đặc tánh, nói với họ chánh pháp, thì họ chẳng dễ gì tin, còn nói với họ bất chánh, thì họ tin rất dễ dàng. Ví

như học những việc chẳng tốt, thì không thầy mà tự thông, còn dạy họ việc tốt, thì họ cũng chẳng tin. Tánh kỳ quái của con người là như thế. Cho nên người chánh tri chánh kiến thì ít, còn người tà tri tà kiến thì nhiều. Phật từng nói rằng: “Chúng sinh dễ độ, người khó độ”. Tuy con người là một loài trong chúng sinh, nhưng con người là thứ linh trong vạn vật, vì quá linh, cho nên khó độ. Do đó: “Thà độ chúng sinh không độ người.” Tâm con người quá phức tạp, vọng tưởng quá nhiều, nên chẳng dễ gì độ được. Cổ đức có nói:

“Cửa Phật tuy rộng
Chẳng độ người vô duyên”.

Tức là đạo lý này.

Phật tử ! Thế nào là trị địa trụ ? Bồ Tát này đối với các chúng sinh phát mười thứ tâm. Những gì là mười ? Đó là: Tâm lợi ích. Tâm đại bi. Tâm an lạc. Tâm an trụ. Tâm thương xót. Tâm nhiếp thọ. Tâm thủ hộ. Tâm đồng như mình. Tâm sư. Tâm đạo sư. Đó là mười.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là làm Bồ Tát trị địa trụ ? Bồ Tát này dùng mười thứ tâm, để tu trị tâm địa của mình, y pháp tu trì, cho nên gọi là trị địa trụ. Bồ Tát trị địa trụ, phải phát mười thứ tâm để giáo hóa tất cả chúng sinh. Gì là mười thứ tâm ? Đó là :

1). Tâm lợi ích: Phải lợi ích tất cả chúng sinh, chẳng phải lợi ích cho mình.

2). Tâm đại bi: Đối với tất cả chúng sinh đều có tâm đại bi. Bi hay cứu khổ, hay diệt trừ thống khổ của chúng sinh.

3). Tâm an lạc: Lúc chúng sinh chẳng an lạc, thì Bồ Tát phát tâm đại bi, khiến cho họ an lạc, mà chẳng có lo âu.

4). Tâm an trụ: Khiến cho chúng sinh an trụ nơi bờ đề giác đạo.

5). Tâm thương xót: Bồ Tát có tâm thương xót chúng sinh, thấy chúng sinh điên đảo, ngu si, vô tri, thật đáng thương xót mà sinh tâm cứu hộ.

6). Tâm nhiếp thọ: Bồ Tát thường sinh tâm nhiếp thọ chúng sinh, khiến cho chúng sinh trừ khử đi tập khí ma bệnh không tốt, dần dần cải ác hướng thiện.

7). Tâm thủ hộ: Bồ Tát có tâm thủ hộ chánh pháp, khiến cho chánh pháp trụ lâu dài không diệt.

8). Tâm đồng như mình: Bồ Tát có tâm từ bi, thấy chúng sinh chịu đói chịu lạnh, thì giống như mình chịu đói chịu lạnh.

9). Tâm sư: Bồ Tát có tâm giáo hóa chúng sinh, làm thiện tri thức.

10). Tâm đạo sư: Tức là tâm Phật. Tâm của Bồ Tát từ bi giống như tâm Phật, phổ độ chúng sinh.

Đó là mười thứ tâm của Bồ Tát phải phát.

Phật tử ! Bồ Tát này nên khuyên học mười pháp. Những gì là mười ? Đó là: Tụng tập đa văn. Rảnh rang tịch tĩnh. Gần

gửi thiện tri thức. Nói lời hòa nhã. Nói phải biết thời. Tâm không khiếp sợ. Thấu rõ các nghĩa. Như pháp tu hành. Xa lìa ngu mê. An trụ chẳng động.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát trị địa trụ, nên khuyến hóa chúng sinh học mười thứ pháp môn, tự mình cũng phải học tập mười pháp. Gì là mười pháp ? Đó là:

1). Tụng tập đa văn: Phải đọc tụng kinh điển đại thừa, học tập kinh điển đại thừa, đa văn kinh điển đại thừa. Bồ Tát chẳng những tự mình như thế, mà cũng phải khuyến hóa chúng sinh làm như vậy.

2). Rảnh rang tịch tĩnh: Trụ nơi vắng lặng để tu hành.

3). Gần gũi thiện tri thức: Phải luôn luôn gần gũi thiện tri thức, phải xa lìa ác tri thức.

4). Nói lời hòa nhã: Bồ Tát nói lời rất hòa nhã, khiến cho người nghe sinh tâm hoan hỷ.

5). Nói phải biết thời: Bồ Tát nói thì biết thời, đến lúc nói mới nói, chẳng tùy tiện nói bậy.

6). Tâm chẳng khiếp sợ: Trong tâm của Bồ Tát chẳng có khiếp sợ, cũng khuyên chúng sinh khác trong tâm chẳng khiếp sợ.

7). Thấu rõ các nghĩa: Bồ Tát đối với tất cả kinh điển và tất cả nghĩa lý, đều minh bạch thấu hiểu nghĩa chân thật của nó.

8). Như pháp tu hành: Chiếu theo Phật pháp mà tu hành, chẳng tu khổ hạnh vô ích.

9). Xa lìa ngu mê: Bồ Tát hay xa lìa tất cả ngu si mê hoặc, tức cũng là phá tan vô minh, cũng giáo hóa chúng sinh xa lìa ngu mê.

10). An trụ chẳng động: Thường thường tu định, quán trí chiếu lý, quyết định cứu kính, cho nên an trụ chẳng động.

Tại sao? Vì muốn khiến cho Bồ Tát đối với các chúng sinh tăng trưởng đại bi. Nếu có nghe pháp, thì tự thấu hiểu, chẳng do họ dạy.

Tại sao phải khuyên tu mười pháp này ? Là muốn khiến cho Bồ Tát trị địa trụ, đối với tất cả chúng sinh tăng trưởng tâm đại bi. Nếu có nghe được tất cả Phật pháp, thì tự mình khai ngộ thấu hiểu, không cần thiện tri thức chỉ dạy.

Phật tử ! Thế nào là Bồ Tát tu hành trụ? Bồ Tát này dùng mười thứ hạnh để quán sát tất cả các pháp. Những gì là mười? Đó là: Quán tất cả pháp vô thường. Tất cả pháp khổ. Tất cả pháp không. Tất cả pháp vô ngã. Tất cả pháp vô tác. Tất cả pháp vô vị. Tất cả pháp chẳng như danh. Tất cả pháp không xứ sở. Tất cả pháp lìa

phân biệt. Tất cả pháp không kiên thật. Đó là mười.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Thế nào là Bồ Tát tu hành trụ ? Bồ Tát này trụ, y chiếu theo pháp của Phật nói mà tu hành. Biết pháp hữu vi là vô thường, khổ, không, vô ngã, cho nên gọi là tu hành trụ. Bồ Tát tu hành trụ, dùng mười thứ phương pháp tu hành, để quán sát tất cả các pháp thật tướng. Pháp môn tu hành của Bồ Tát là lục độ vạn hạnh. Lục độ là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ.

1). Phải thường tu hành bố thí, bố thí cho người, đừng dạy người bố thí cho mình.

2). Phải thường tu hành trì giới, tức là ngừa ác phòng quấy. Không làm các điều ác, siêng làm các điều lành.

3). Phải thường tu hành nhẫn nhục, nhẫn đói khát, nhẫn nóng lạnh, nhẫn mưa gió, tất cả phải nhẫn chịu, không bị cảnh giới làm lay chuyển.

4). Phải thường tu hành tinh tấn, thân tinh tấn, tâm tinh tấn, ngày đêm thường tinh tấn. Thân tinh tấn tức là tham gia khóa lễ sáng, tối, nhận chân ngòai thiền. Tâm tinh tấn, tức là siêng tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si.

5). Phải thường tu hành thiền định. Tại sao phải tu tập thiền định ? Vì do định mà sinh ra trí huệ. Do đó: “Ngồi lâu có thiền.” Phải trải qua thời gian lâu dài để ngồi thiền, mới có sự thành tựu.

6). Phải thường tu hành Bát Nhã, nỗ lực nghiên cứu kinh điển, mới minh bạch Phật pháp. Do đó: “Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển.” Mục đích tu hành là đối trị phiền não, không chế vọng tưởng. Tất cả việc chẳng như ý đều

nhẫn thọ được hết, do đó “Nghịch đến thuận thọ.” Tài bồi quả bồ đề của mình, thì sẽ đạt đến được bờ bên kia. Người tu hành chỉ sợ giải đãi lười biếng, nếu giải đãi chẳng tinh tấn, thì làm cho quả bồ đề khô héo, mất đi cơ hội thành đạo.

Gì là mười thứ pháp môn tu hành ? Đó là:

1). Quán tất cả pháp vô thường: Gì là vô thường ? Tức là niệm trước sinh, niệm sau diệt; niệm sau sinh, niệm sau nữa diệt, niệm niệm đều vô thường, niệm niệm sinh diệt.

Thuở xưa, khi Phật Thích Ca tu đạo Bồ Tát, thì vì nửa bài kệ mà xả thân mạng, do đó: “Vi pháp quên mình.” Một ngày nọ, Phật Thích Ca (trong một đời hành đạo Bồ Tát) ngồi tĩnh tọa ở dưới gốc cây, thì tai nghe có người nói: “Các hành vô thường, là pháp sinh diệt,” mở mắt xem thì thấy quỷ La Sát (dùng người làm thức ăn) đứng ở trước. Trong tâm Bồ Tát nghĩ, bài kệ đều là bốn câu, bèn nói với quỷ La Sát: “Xin người hãy nói ra hai câu còn lại có được chăng?”

- Quỷ La sát nói: “Ông muốn nghe pháp, mà tôi thì đói, đã ba ngày chưa ăn người, chẳng còn sức lực để nói ra hai câu kia. Nếu ông có thể dâng thân thể của ông, cúng cho tôi, thì tôi mới nói ra.”

- Bồ Tát nghe, liền đáp rằng: “Điều kiện này tôi sẵn sàng, xin người hãy nói đi.”

- Quỷ La sát nói: “Sinh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui.” Nói xong rồi thì quỷ La sát chẳng khách sáo muốn ăn Bồ Tát.

- Bồ Tát yêu cầu nói: “Xin ông hãy đợi chốc lát, để tôi khắc bài kệ này lên cây, để cho người sau này, có thể y pháp tu hành.”

- Quỷ La sát nói: “Được”!

Do đó, bèn khắc bài kệ lên cây. Lại nghĩ: “Chữ khắc lên cây thì bị mưa gió sẽ mai một đi, tốt hơn là khắc lên đá được lâu dài hơn, lợi ích được nhiều người hơn. Lại nói với quỷ La sát theo ý của mình.

- Quỷ La sát nói: “Ông hãy mau khắc lên, tôi đói chịu hết nổi rồi.”

Bồ Tát cấp tốc khắc lên đá bài kệ mười sáu chữ rằng:

“Các hành vô thường
Là pháp sinh diệt
Sinh diệt diệt rồi
Tịch diệt là vui.”

- Tâm nguyện đã hoàn thành, bèn nói với quỷ La sát: “Xin ông hãy đến ăn tôi đi.” Nói xong tâm vắng lặng chẳng nghĩ gì, nhắm mắt đợi quỷ La Sát đến ăn, trải qua khoảng năm phút, chẳng nghe tiếng của quỷ La sát, mở mắt ra nhìn thì quỷ La sát đã vọt lên hư không, hiện ra thân trời Đế Thích mà nói rằng: “Lành thay ! Lành thay ! Ngài là người rất tinh tấn tu hành, vì nửa bài kệ mà chịu xả tánh mạng.” Nói xong đặng không mà đi. Nguyên lai là người trời đến khảo nghiệm, xem thử công phu tu hành của Phật Thích Ca như thế nào ?

Phàm là pháp sinh diệt đều là vô thường. Pháp không sinh diệt cũng là vô thường. Tất cả pháp thế gian đều là vô thường. Căn bản chẳng có thường, cũng chẳng có

cái không thường. Nói theo pháp chân chánh, thì lý thể thật tướng chẳng có cái thường, cũng chẳng có cái không thường.

Tu hành có mười hạnh môn quán tưởng: Một là vô thường. Hai là khổ. Ba là vô ngã. Bốn là ăn bất tịnh. Năm là tất cả thế gian. Sáu là chết. Bảy là bất tịnh (quán xương trắng). Tám là đoạn. Chín là lìa. Mười là nghĩ tận. Quán tất cả pháp vô thường, tức là quán tưởng một trong mười pháp quán tưởng.

2). Tất cả pháp khổ: Khổ có vô lượng vô biên. Nói tóm lại thì có ba thứ khổ và tám thứ khổ. Ba thứ khổ là : Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Tám thứ khổ là: Sinh khổ, bệnh khổ, già khổ, chết khổ, thương yêu xa lìa khổ, ghét gặp nhau khổ, năm âm thiêu đốt khổ. Tuy có vô lượng khổ, song chúng sinh ở thế giới Ta Bà mê mắt tự tánh chẳng nhận thức khổ, cho nên nhiễm khổ làm vui.

3). Tất cả pháp không: Các pháp do duyên sinh, các pháp do duyên diệt, chẳng có tự tánh. Phàm là pháp từ nhân duyên sinh ra, thì đều là không, cho nên nói tất cả pháp không.

4). Tất cả pháp vô ngã: Phàm là chấp trước cái ta, chẳng buông bỏ cái ta: Đây là ta, kia là của ta. Nếu biết được đạo lý tất cả pháp không, thì tất cả pháp chẳng có ngã, cũng chẳng có ngã sở, cho nên đừng chấp trước có cái ngã.

5). Tất cả pháp vô tác: Tức nhiên tất cả pháp vô ngã, thì tất cả pháp cũng chẳng có ai tạo tác.

6). Tất cả pháp vô vị: Vì tất cả pháp vô tác, cho nên tất cả pháp chẳng có vị đạo đáng ưa thích.

7). Tất cả pháp chẳng như danh: Tất cả pháp cũng chẳng có danh tự chân thật.

8). Tất cả pháp không xứ sở: Vì tất cả pháp vô ngã, cho nên tất cả pháp cũng chẳng có xứ sở.

9). Tất cả pháp lìa phân biệt: Tất cả pháp nên lìa khỏi tâm phân biệt. Nếu không có tâm phân biệt, thì lý thể thật tướng của tất cả pháp sẽ hiện tiền.

10). Tất cả pháp chẳng kiên thật: Tất cả pháp đều là hư vọng mà sinh, hư vọng mà diệt, chẳng có chân thật kiên cố bất hoại. Đây là mười thứ hạnh môn mà Bồ Tát tu hành trụ phải quán.

Phật tử ! Bồ Tát này nên khuyên học mười pháp. Những gì là mười ? Đó là: Quán sát chúng sinh giới. Pháp giới. Thế giới. Quán sát địa giới. Thủy giới. Hỏa giới. Phong giới. Quán sát dục giới. Sắc giới. Vô sắc giới.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát tu hành trụ, nên khuyên hóa chúng sinh học mười thứ pháp môn, tự mình cũng phải học mười thứ pháp môn. Gì là mười thứ pháp môn ? Đó là:

1). Chúng sinh giới: Chúng sinh giới tức là Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A tu la, súc sinh, ngựa quỳ, địa ngục chín pháp giới. Dùng trí huệ quán chiếu để quán sát vô lượng vô biên chúng sinh giới. Phải minh bạch nhân duyên của chúng sinh giới, mới độ được chúng sinh. Do đó: “Tận nhân tánh, tận kỹ tánh, tận vật tánh.” Phải

biết giới hạn của nhân tánh, giới hạn ngã tánh, giới hạn vật tánh, cho nên nói chúng sinh giới là vô lượng vô biên.

2). Pháp giới: Tức là chân tâm của con người, lớn mà chẳng ngoài, nhỏ mà chẳng trong. Tận hư không biến pháp giới, vô tận vô biên.

3). Thế giới: Thế giới này, thế giới kia, vô lượng thế giới. Quán sát kỹ thì đều là vô lượng. Song, phải minh bạch tất cả thế giới không lìa tất cả tâm, do đó: “Mười pháp giới không lìa một tâm niệm.” Vậy những chúng sinh giới, pháp giới, thế giới, từ đâu mà tạo thành ? Là từ tâm của chúng sinh mà ra. Do đó có câu:

“Nếu ai muốn biết rõ
Tất cả Phật ba đời
Hãy quán tánh pháp giới
Tất cả do tâm tạo.”

Chẳng những phải quán sát chúng sinh giới, thế giới, pháp giới, mà còn quán sát nhân duyên của địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, bốn đại.

4). Địa giới: Đất có đoạn tiết (cắt đứt) sắc vọng tướng đại chủng, sinh ra địa giới trong ngoài. Trong tức là thân thể, ngoài tức là núi sông.

5). Thủy giới: Nước có thấm nhuần vọng tướng đại chủng, bèn sinh ra trong ngoài thủy giới. Trong là nước của thân thể, ngoài là nước của đại địa.

6). Hỏa giới: Lửa có kham năng vọng tướng đại chủng, nó hay kham khiến cho tất cả vật thành nhiệt, mà sinh ra hỏa giới trong ngoài. Trong là lửa của thân thể, ngoài là lửa của hư không.

7). Phong giới: Gió có sự thổi động vọng tưởng đại chúng, mà sinh ra phong giới trong ngoài. Trong là khí bên trong thân thể, ngoài là khí của hư không. Đất nước gió lửa bốn đại hòa hợp mà thành thân thể, tan ra thì trở về chỗ của nó. Tánh cứng thì trở về đất, tánh ướt thì trở về nước, tánh nóng thì trở về lửa, tánh động thì trở về gió.

8). Dục giới: Quán sát chúng sinh dục giới, có nhân duyên vô lượng. Chúng sinh dục giới có dục niệm, vật chất, tâm thức.

9). Sắc giới: Quán sát chúng sinh sắc giới, có vô lượng nhân duyên. Sắc giới tuy có sắc tướng, nhưng hình chất chẳng chân thật. Song, mắt thịt của phàm phu chúng ta nhìn chẳng thấy, nếu chứng được thiên nhãn thông, thì mới thấy được hành động và cảnh giới của người trời sắc giới.

10). Vô sắc giới: Người trời ở cõi này cho đến hình sắc cũng chẳng có, chỉ có thức. Bồ Tát tu hành trụ nên khuyên chúng sinh học mười pháp quán sát này.

Tại sao ? Vì muốn khiến cho Bồ Tát trí huệ thấu rõ. Nếu có nghe pháp, thì liền tự khai ngộ hiểu biết, chẳng do người khác dạy.

Tại sao phải khuyên tu tập mười pháp này ? Vì muốn khiến cho Bồ Tát tu hành trụ, trí huệ sáng suốt, bất cứ ở trong đạo tràng của vị Phật nào, nếu có nghe pháp, thì tự mình khai ngộ thấu hiểu, chẳng cần Phật phải chỉ dạy, vì Bồ Tát có trí huệ nghe một biết mười.

Phật tử ! Thế nào là Bồ Tát sinh quý trụ. Bồ Tát này sinh từ trong Thánh giáo, thành tựu mười pháp. Những gì là mười ? Đó là: Vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Ở chỗ các đức Phật sinh tâm tin thanh tịnh sâu xa. Khéo quán sát pháp. Biết rõ chúng sinh, cõi nước, thế giới, nghiệp hành, quả báo, sinh tử, Niết Bàn. Đó là mười.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Gì gọi là Bồ Tát sinh quý trụ ? Bồ Tát này trụ, sinh ở nơi phú quý, trụ ở vị phú quý, cho nên gọi là sinh quý trụ. Bồ Tát sinh quý trụ là sinh ra từ trong Thánh giáo pháp của Phật nói. Bồ Tát trụ này thành tựu mười thứ pháp. Gì là mười pháp ? Đó là:

1). Vĩnh viễn chẳng thoái chuyển: Bồ Tát tu hành, chỉ tinh tấn hướng về trước, tuyệt đối chẳng thoái lui. Siêng tu lục độ vạn hạnh, đắc được trụ bất thối, niệm bất thối. Địa vị tại sinh quý trụ, chẳng lui về nhị thừa. Đòi đòi kiếp kiếp hành Bồ Tát đạo, trong niệm niệm phát tâm bồ đề, chẳng bị tham sân si làm lay chuyển. Vì có ba ý chí bất thối, cho nên vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.

2). Ở chỗ các đức Phật, sinh tâm tin thanh tịnh sâu xa: Bồ Tát thường ở trong đạo tràng của chư Phật, lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu cúng dường, thường học theo Phật. Tu pháp môn này, thì sinh ra tâm tin thanh tịnh sâu xa. Đối với Phật pháp chẳng có tư hào hoài nghi, nên đắc được tương ưng.

3). Khéo quán sát pháp: Khéo quán sát về pháp giới, minh bạch tánh pháp giới chẳng ra khỏi tâm mình.

4). Biết rõ chúng sinh: Bồ Tát biết rõ căn tánh của tất cả chúng sinh.

5). Cõi nước: Bồ Tát biết rõ hết thảy mười phương cõi nước, thành như thế nào, hoại như thế nào.

6). Thế giới: Bồ Tát biết rõ quá trình thành, trụ, hoại, không, bốn kiếp của tất cả thế giới.

7). Nghiệp hành: Bồ Tát biết rõ đủ thứ nghiệp hành của tất cả chúng sinh tạo ra, là nghiệp thiện hay là nghiệp ác.

8). Quả báo: Chúng sinh thọ tất cả quả báo.

9). Sinh tử: Chúng sinh sanh như thế nào ? Chết như thế nào ? Làm thế nào để liễu sinh tử ? Bồ Tát đều thấu rõ. Sinh tử có hai loại: Một là phần đoạn sinh tử và một là biến dịch sinh tử. Phần đoạn sinh tử, tức là mỗi người đều có một phần, có một đoạn. Biến dịch sinh tử là niệm niệm sinh, niệm niệm diệt, niệm niệm không ngừng. Hàng nhị thừa đã dứt được phần đoạn sinh tử, mà chưa dứt được biến dịch sinh tử. Bồ Tát đã dứt được biến dịch sinh tử, do đó “nhị tử vĩnh vong.” Đã dứt được phần đoạn và biến dịch sinh tử.

10). Niết Bàn: Tức là không sinh không diệt, một số người cho rằng viên tịch là Niết Bàn. Kỳ thật, Niết Bàn có bốn cảnh giới thường, lạc, ngã, tịnh. Đây là Bồ Tát sinh quý trụ phải thành tựu mười thứ pháp.

Sinh tử của con người thì chiếu theo nghiệp của mình tạo mà quyết định. Tạo nghiệp lành thì đi lên, tạo nghiệp ác thì đọa đi xuống. Khi người chết thì thức thứ tám lìa khỏi thân thể cuối cùng. Đi từ trên thân thì chứng minh

sinh vào ba đường lành, đi từ dưới thân thì chứng minh sinh vào ba đường ác. Làm sao biết được ? Chỗ thức thứ tám ra khỏi thân thì có độ nóng. Ví như nóng cuối cùng ở lòng bàn chân, thì đây là hiện tượng sinh vào địa ngục. Nếu nóng ở trên đỉnh đầu, thì đây là hiện tượng sinh về cõi trời. Tóm lại, lúc còn sống làm việc lành, thì nhất định sinh về ba đường lành, lúc còn sống mà làm ác, thì nhất định sinh về ba đường ác. Đây là luật nhân quả vĩnh viễn không bao giờ thay đổi.

Sau khi người chết rồi, thì trong vòng bốn mươi chín ngày ở trong địa phủ, phải trải qua nhiều phen thẩm phán. Thẩm phán rồi, nghiệp thiện nặng thì sinh về đường lành; nghiệp ác nặng, thì sinh về đường ác, đây là tình hình đại khái về sinh tử của con người. Do đó có câu:

“Nếu ai muốn không chết
Hãy làm người sống như đã chết.”

Nghĩa là gì ? Nghĩa là muốn không chết, thì phải làm người sống như người đã chết, nghĩa là mắt chẳng nhìn sự vật, tai chẳng nghe âm thanh, miệng chẳng nói, tâm chẳng nghĩ, thì tựa như người sống như đã chết. Nếu đạt được cảnh giới này, thì chấm dứt sinh tử. Người sống như đã chết, chẳng để gì làm thành công. Do đó:

“Mắt thấy hình sắc bên trong chẳng có
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay.”

Đây là tiêu chuẩn của người sống như đã chết.

**Phật tử ! Bồ Tát này nên khuyên học
mười pháp. Những gì là mười ? Đó là: Biết**

rõ tất cả Phật pháp quá khứ, hiện tại, vị lai. Tu tập tất cả Phật pháp quá khứ, vị lai, hiện tại. Viên mãn tất cả Phật pháp quá khứ, vị lai, hiện tại. Biết rõ tất cả chư Phật bình đẳng.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát sinh quý trụ nên khuyên chúng sinh học mười pháp, mình cũng phải học mười pháp; bằng không thì trở thành khẩu đầu thiên. Những gì là mười ? Đó là:

1). Phải thấu rõ biết tất cả Phật pháp của chư Phật nói trong quá khứ.

2). Phải thấu rõ biết tất cả Phật pháp của chư Phật nói thưở vị lai.

3). Phải thấu rõ biết tất cả Phật pháp của chư Phật nói trong hiện tại. Nhưng đối với Phật pháp chẳng những thấu rõ mà còn phải cung hành thật tiến, biết một chút Phật pháp thì tu hành một chút. Biết hai chút thì tu hành hai chút. Tóm lại, biết bao nhiêu Phật pháp thì tu hành bấy nhiêu. Tập ít thành nhiều, tụ cát thành tháp, công đáo tự nhiên thành. Tu pháp môn lục độ, thì tu từng độ từng độ, trì từng hạnh từng hạnh.

4). Phải tu tập tất cả Phật pháp của chư Phật quá khứ.

5). Phải tu tập tất cả Phật pháp của chư Phật vị lai.

6). Phải tu tập tất cả Phật pháp của chư Phật hiện tại.

7). Phải viên mãn tất cả Phật pháp của chư Phật quá khứ.

8). Phải viên mãn tất cả Phật pháp của chư Phật vị lai.

9). Phải viên mãn tất cả Phật pháp của chư Phật hiện tại. Biết Phật pháp rồi thì phải tu hành Phật pháp. Tu hành mới chứng được viên mãn.

10). Phải thấu rõ biết tất cả chư Phật là bình đẳng, tất cả Phật pháp cũng bình đẳng.

Tại sao ? Vì muốn khiến cho tăng tấn trong ba đời tâm được bình đẳng. Nếu có nghe pháp, liền tự hiểu biết, chẳng do người khác dạy.

Tại sao phải khuyên học mười pháp này ? Vì muốn khiến cho Bồ Tát sinh quý trụ tăng thêm tinh tấn, đối với ba đời tâm đều được bình đẳng. Nếu có nghe pháp thì lập tức tự khai ngộ thấu hiểu, chẳng cần thiện trí thức chỉ dạy. Do đó: “Nghe một biết mười,” có trí huệ như thế.

Phật tử ! Thế nào là Bồ Tát cụ túc phương tiện trụ ? Bồ Tát này tu căn lành, đều vì cứu hộ tất cả chúng sinh. Lợi ích tất cả chúng sinh. An lạc tất cả chúng sinh. Thương xót tất cả chúng sinh. Độ thoát tất cả chúng sinh. Khiến cho tất cả chúng sinh lìa các tai nạn. Khiến cho tất cả chúng sinh thoát khỏi khổ sinh tử. Khiến cho tất cả chúng sinh phát sinh niềm tin thanh tịnh.

Khiến cho tất cả chúng sinh đều được điều phục. Khiến cho tất cả chúng sinh đều chứng Niết Bàn.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là Bồ Tát cụ túc phương tiện trụ ? Bồ Tát này vào sâu pháp môn phương tiện khéo léo, tu hành thành công, đầy đủ công đức, cho nên gọi là cụ túc (đầy đủ) phương tiện trụ. Bồ Tát cụ túc phương tiện trụ, tu lục độ vạn hạnh, tu phước huệ, tu tất cả căn lành, đều vì chúng sinh mà tu. Các bạn nên chú ý ! Khi đọc đoạn kinh văn này thì nên hồi quang phản chiếu, kiểm thảo sự tu hành của mình, mình trồng các căn lành có phải vì chúng sinh chăng ? Phải làm được mười pháp môn dưới đây:

1). Phải cứu hộ tất cả chúng sinh: Phải phát tâm từ bi của Bồ Tát, phải hành đạo Bồ Tát cứu chúng sinh. Đừng làm tự liễu hán, đừng có tư tưởng ích kỷ lợi mình, tất cả đều vì cứu hộ chúng sinh thoát khỏi biển khổ.

2). Lợi ích tất cả chúng sinh: Bất cứ như thế nào, cũng phải lợi ích chúng sinh, đừng lợi ích chính mình. Phạm là việc có lợi ích cho chúng sinh, thì làm hết mình, làm đến tận thiện tận mỹ mới ngừng.

3). An lạc tất cả chúng sinh: Chúng sinh có tai nạn, thì phải đi cứu hộ họ. Chúng sinh có khốn khổ, thì phải đi lợi ích cho họ. Chúng sinh có sầu lo, thì khiến cho họ được an lạc. Bồ Tát hành Bồ Tát đạo chỉ biết có chúng sinh mà chẳng biết có mình. Tinh thần hy sinh như thế thật là vĩ đại. Chúng ta người tu đạo, nên hướng về Bồ Tát mà học tập. Có tâm Bồ Tát tức là Bồ Tát, có tâm Phật tức là Phật. Do đó có câu:

“Chí nơi Thánh hiền, tức là Thánh hiền;
Chí nơi hào kiệt, tức là hào kiệt.”

Chí nơi trung thần hiếu tử, tức là trung thần hiếu tử; chí tại vĩ nhân triết sĩ, tức là vĩ nhân triết sĩ. Chí tại Bồ Tát, tức là Bồ Tát; chí tại thành Phật, thì sẽ thành Phật. Phật là người thành, Bồ Tát cũng là người thành. Vậy chúng ta cũng là người, tại sao không thể thành Phật, thành Bồ Tát ? Vì chẳng phát chí nguyện thành Phật thành Bồ Tát. Phát tâm như thế nào ? Thì phải cứu hộ, lợi ích, an lạc, thương xót, độ thoát, tất cả chúng sinh.

4). Thương xót tất cả chúng sinh: Thấy chúng sinh chẳng có cơm ăn, chẳng có quần áo mặc, chẳng có chỗ ở, đang thọ tất cả sự khổ, thì giống như mình đang thọ khổ. Phải tận hết khả năng của mình, đi trợ giúp chúng sinh thọ khổ, hoặc dùng lời hay ý đẹp, đi an ủi chúng sinh thọ khổ, phải có tâm thương xót như thế.

5). Độ thoát tất cả chúng sinh: Bất cứ chúng sinh có thống khổ gì, thì đều tìm cách độ thoát, khiến cho họ được giải thoát.

6). Khiến cho tất cả chúng sinh lìa các tai nạn, ở trong sự chẳng có biện pháp, cũng phải nghĩ biện pháp. Khiến cho chúng sinh lìa khỏi tất cả tai nạn. Đây là tâm trạng của Bồ Tát.

7). Khiến cho tất cả chúng sinh thoát khổ sinh tử: Tôn giả A Nan ở trong pháp hội Lăng Nghiêm có phát nguyện rằng: “Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, thì tuyệt đối chẳng thủ chứng quả vị Nê Hoàn.” Đại nguyện của Ngài A Nan, là khiến cho tất cả chúng sinh

thoát khỏi khổ sinh tử. Bồ Tát tu căn lành, tức là khiến cho chúng sinh chúng được Niết Bàn bờ bên kia.

8). Khiến cho tất cả chúng sinh phát sinh niềm tin thanh tịnh: Khiến cho hết thảy chúng sinh đều phát tâm tin thanh tịnh, chẳng có tư hào hoài nghi.

9). Khiến cho tất cả chúng sinh đều được điều phục: Khiến cho tất cả chúng sinh chẳng có phiền não, chúng sinh cương cường đều hoàn toàn bị điều phục, biết cải tà quy chánh, bỏ mê về giác.

10). Khiến cho tất cả chúng sinh đều chứng Niết Bàn: Khiến cho tất cả chúng sinh đều chứng được diệu lý của Niết Bàn, chân khoái lạc thường lạc ngã tịnh.

Phật tử ! Bồ Tát này nên khuyên học mười pháp. Những gì là mười ? Đó là: Biết chúng sinh vô biên. Biết chúng sinh vô lượng. Biết chúng sinh vô số. Biết chúng sinh không nghĩ bàn. Biết chúng sinh vô lượng sắc. Biết chúng sinh không thể lường. Biết chúng sinh là không. Biết chúng sinh không ai làm ra. Biết chúng sinh không chỗ có. Biết chúng sinh không tự tánh.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát cụ túc phương tiện trụ, nên khuyên chúng sinh học tập mười thứ pháp môn. Song, mình cũng phải

học tập mười thứ pháp môn này. Gì là mười thứ pháp môn ? Đó là:

1). Biết chúng sinh vô lượng: Bồ Tát phải biết mười hai loài chúng sinh, đều là vô biên.

2). Biết chúng sinh vô lượng: Phải biết chúng sinh chẳng có số lượng, chẳng cách gì tính được có bao nhiêu ?

3). Biết chúng sinh vô số: Phải biết chúng sinh chẳng có số mục nhất định.

4). Biết chúng sinh không nghĩ bàn: Biết chúng sinh là không bờ mé, vô số lượng, chẳng có số mục, lại biết chúng sinh là diệu không thể tả. Tất cả chúng sinh điên đảo vọng tưởng là không thể nghĩ bàn, tu hành đạo quả cũng không thể nghĩ bàn.

5). Biết chúng sinh vô lượng sắc: Lại biết chúng sinh có vô lượng sắc tướng, thân hình cũng khác nhau.

6). Biết chúng sinh không thể lường: Lại biết chúng sinh là không thể dùng tâm để suy lường.

7). Biết chúng sinh không: Lại biết chúng sinh có sinh, trụ, dị, diệt, bốn tướng, cuối cùng đều hoàn không.

8). Biết chúng sinh không ai làm ra: Lại biết chúng sinh vốn là không, sao lại có người làm ra ? Cho nên chẳng có năng làm, cũng chẳng có sở làm, càng không thể nói tất cả chúng sinh là thượng đế tạo ra. Vậy thượng đế lại do ai tạo ra ? Vốn chẳng có ai tạo ra.

9). Biết chúng sinh không chỗ có: Chúng sinh tự tánh vốn không, cho nên biết chúng sinh vốn chẳng chỗ có.

10). Biết chúng sinh không tự tánh: Biết chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, chúng sinh vốn chẳng có tự tánh.

Tại sao ? Vì muốn khiến cho tâm của Bồ Tát này càng tăng thêm thù thắng hơn, chẳng có nhiễm trước. Nếu có nghe pháp thì liền thấu hiểu, chẳng do người khác dạy.

Tại sao phải khuyên học mười pháp này ? Vì muốn khiến cho Bồ Tát cụ túc phương tiện trụ, tâm càng tăng thêm thù thắng hơn trước. Trí tuệ thù thắng, tu tưởng thù thắng, tất cả hết thấy đều thù thắng, chẳng có tư tưởng nhiễm ô, chẳng có dục vọng ái tình. Ai chẳng có tư tưởng nhiễm ô chấp trước này, thì người đó là Bồ Tát cụ túc phương tiện trụ. Song, dạy người chẳng có tâm nhiễm ô, đây chẳng phải là việc dễ dàng, chẳng có tâm nhiễm ô nhiều, thì vẫn có tâm nhiễm ô ít. Dù chẳng có tâm nhiễm ô ít, nhưng ở trong ruộng tám thức vẫn còn hạt giống nhiễm ô, cho nên nói không dễ gì làm cho nó hoàn toàn không có. Vậy làm thế nào mới không còn nhiễm trước ? Thì phải tu hành, giữ gìn giới luật, phát tâm bồ đề, hành đạo Bồ Tát. Bồ Tát này, bất cứ ở đạo tràng nào, nghe Phật nói pháp, liền tự khai ngộ thấu hiểu nghĩa chân thật, không cần người khác chỉ dạy.

Trước kia ở Thái Lan có vị cao Tăng, là vị thiên sư tu pháp tiểu thừa. Vị thiên sư này ở trong thâm sơn, suốt năm chẳng xuống núi, ăn rễ, lá cây, uống nước suối, để duy trì mạng sống. Do đó đời sống “Bữa ăn chẳng no, ở chẳng cầu an.”

Một ngày nọ, ở trong định có một cảnh giới đến, tai nghe có người nói với ông ta rằng: “Ngày mai vợ cũ (vợ

trong kiếp trước) của ông sẽ đến tìm ông, gây phiền phức cho ông, xem thử ông làm như thế nào" ? Tôi thường nói:

“Tất cả là khảo nghiệm
Xem thử làm thế nào ?
Trước mắt không nhận thức,
Phải luyện lại từ đầu.”

Vị thiền sư đó sẽ phải đối đầu với sự khảo nghiệm, xem thử định lực của ông ta đến trình độ nào ? Vào trưa ngày thứ hai, quả nhiên có một người đàn ông trung niên đến, khoảng hơn năm mươi tuổi, hình dáng nhã nhặn như một giáo sư. Dắt theo một cô thiếu nữ, khoảng hơn hai mươi tuổi. Hai người đó đến trước vị thiền sư chấp tay lại thăm hỏi. Vị giáo sư đó hỏi vị thiền sư tu hành như thế nào ? Vị thiền sư đều trả lời. Vị giáo sư khen ngợi sự tu khổ hạnh của bậc tu hành, thật là đáng cung kính.

- Lúc đó, con gái của ông ta hướng về vị thiền sư yêu cầu: “Cha ! Con muốn cưới vị thiền sư này.”

- Ông ta rất kinh ngạc ! Bèn hỏi cô con gái: “Tại sao vậy”?

- Con gái của ông ta nói: “Vì vị thiền sư quá khổ ! Chẳng có ai chăm sóc, đến lúc già thì càng khổ nữa, cho nên con quyết định kết hôn với vị thiền sư, lo cho thiền sư suốt đời.”

- Thiền sư nghe rồi rất kinh ngạc, bèn nói: “Không thể được ! Tôi là người xuất gia, không thể kết hôn.”

- Cô gái đó nghe rất là thất vọng, bèn khóc lóc, muốn yêu cầu vị thiền sư trả lời sự kết hôn với cô ta.

Thiền sư kiên quyết không đồng ý. Cô ta khổ sở buồn rầu, nhưng vị thiền sư chẳng động tâm. Ông giáo sư

nổi trận lôi đình, mang hết đồ đạc của vị thiền sư đi. Song, định lực của vị thiền sư, đã đạt đến trình độ không bị cảnh giới làm lay chuyển. Ngài vẫn như như chẳng động, ngồi yên tham thiền. Tâm chẳng nào loạn, quyết định “đã thất đối.” Lúc bắt đầu thì chẳng ăn chẳng uống, song hình bóng của cô thiếu nữ cứ hiện ra ở trước mặt ông ta, khóc lóc rơi lệ nhất định muốn cưới ông ta.

Ngày thứ hai cũng hiện ra cảnh giới đó. Ngày thứ ba lúc ăn lúc hiện. Ngày thứ tư thì hình bóng thiếu nữ chẳng hiện nữa, mới khôi phục lại sự thanh tịnh như trước, đó là định lực khắc phục cảnh giới. Vị thiền sư từ đó về sau, chuyên tâm tham thiền, chẳng có mọi sự chấp trước, chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển.

Do đó có thể thấy, nghiệp báo của chúng sinh là không thể nghĩ bàn. Chúng ta người tu đạo, nhất định phải đoạn dục khử ái, dùng định lực để khắc chế ý niệm dâm dục, đừng sinh ra tư tưởng chẳng thanh tịnh. Phải học tập tác phong của vị thiền sư này, mỹ nữ trước mặt chẳng động tâm. Nếu định lực không đủ, thì giới luật chẳng kiên cố, sẽ chuyển theo cảnh giới, như thế thì dễ dàng mất đi đạo nghiệp, hối hận đã quá muộn màng. Do đó có câu:

“Một khi xảy chân ngàn năm hận
Quay đầu lại trăm năm đã trôi qua.”

Phật tử ! Thế nào là Bồ Tát chánh tâm trụ ? Bồ Tát này nghe mười pháp mà tâm định chẳng động. Những gì là mười pháp ? Đó là: Nghe khen Phật hay phỉ báng Phật, ở trong Phật pháp tâm định chẳng động.

Nghe khen pháp hay phỉ báng pháp, ở trong Phật pháp, tâm định chẳng động. Nghe khen Bồ Tát hay phỉ báng Bồ Tát, ở trong Phật pháp, tâm định chẳng động. Nghe khen hay phỉ báng pháp hành của Bồ Tát, ở trong Phật pháp, tâm định chẳng động. Nghe nói chúng sinh hữu lượng vô lượng, ở trong Phật pháp, tâm định chẳng động. Nghe nói chúng sinh hữu cầu vô cầu, ở trong Phật pháp, tâm định chẳng động. Nghe nói chúng sinh dễ độ khó độ, ở trong Phật pháp, tâm định chẳng động. Nghe nói pháp giới hữu lượng vô lượng, ở trong Phật pháp, tâm định chẳng động. Nghe nói pháp giới có thành có hoại, ở trong Phật pháp, tâm định chẳng động. Nghe nói pháp giới hoặc có hoặc không, ở trong Phật pháp, tâm định chẳng động.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là Bồ Tát chánh tâm trụ ? Vì Bồ Tát này đối với Phật pháp nhận thức được rất rõ ràng, chẳng có mê hoặc. Dùng trí huệ chánh tâm để suy tư pháp này, cho nên gọi là chánh tâm trụ. Bồ Tát chánh tâm trụ có chánh định

chánh thọ, nghe được mười pháp này mà tâm định chẳng lay động, do đó:

“Tám gió thổi không lay
Ngôi vững trên hoa sen.”

Những gì là mười pháp ? Đó là:

1). Bồ Tát chánh tâm trụ, nghe được có người khen ngợi chư Phật, hoặc phỉ báng chư Phật, ở trong Phật pháp, tâm định chẳng lay động. Tại sao ? Vì sự trụ của Bồ Tát này, trong tâm chẳng có phân biệt, khen hay phỉ báng, tất cả đều bình đẳng. Người có trí huệ, được người khen cũng chẳng mừng, bị người phỉ báng, cũng chẳng phiền não. Do đó:

“Khen chê tâm chẳng động.”

Nếu là người ngu si, được người khen hay thì vui mừng không thể tả, bị người nói xấu, thì nổi phiền não, buồn rầu vô hạn. Vui mừng thì cười, buồn rầu thì khóc. Ai thường thường tươi cười, thì giống như đi đến cõi trời; còn nếu luôn luôn u sầu, thì giống như đi xuống địa ngục. Cho nên người tu hành, đừng cảm tình dụng việc, cũng đừng ý khí dụng việc. Phải có lý trí thì mới không chế được sự cảm tình. Do đó, ai phải thường cười, khi cười mới có lý trí, phân biệt thiện ác mới rõ ràng. Cười là bí quyết sống lâu, do đó có câu:

“Từ xưa thân tiên chẳng phép gì khác
Luôn sinh hoan hỷ chẳng sầu lo.”

Đây là danh ngôn rất chí lý.

2). Bồ Tát chánh tâm trụ, nghe có người khen ngợi các pháp, hoặc phỉ báng các pháp. Đối với trong Phật pháp tâm định chẳng giao động.

3). Bồ Tát chánh tâm trụ, nghe có người khen ngợi Bồ Tát (Tăng), hoặc phỉ báng Bồ Tát. Đối với trong Phật pháp tâm định chẳng giao động. Tóm lại, nghe khen ngợi Tam Bảo, hoặc phỉ báng Tam Bảo, cũng đừng hoan hỷ, cũng đừng nổi giận. Đây là chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển, tức cũng là định lực kiên cố.

5). Bồ Tát chánh tâm trụ, nghe có người nói chúng sinh hữu lượng hoặc vô lượng. Ở trong Phật pháp tâm định chẳng giao động.

6). Bồ Tát chánh tâm trụ, nghe có người nói chúng sinh hữu cấu hoặc vô cấu, ở trong Phật pháp tâm định chẳng giao động.

7). Bồ Tát chánh tâm trụ, nghe có người nói pháp giới hữu lượng hoặc vô lượng. Ở trong Phật pháp tâm định chẳng giao động.

8). Bồ Tát chánh tâm trụ, nghe có người nói chúng sinh dễ độ hoặc khó độ. Ở trong Phật pháp tâm định chẳng giao động.

9). Bồ Tát chánh tâm trụ, nghe có người nói pháp giới có thành hoặc có hoại. Ở trong Phật pháp tâm định chẳng giao động.

10). Bồ Tát chánh tâm trụ, nghe có người nói pháp giới hoặc có, hoặc không. Ở trong Phật pháp tâm định chẳng giao động. Đây là mười pháp không bị cảnh giới làm lay chuyển.

Có người khởi vọng tưởng: "Bồ Tát chánh tâm trụ, chẳng phải người gỗ, cũng chẳng phải người đá, tại sao tâm

chẳng động" ? Vì sự trụ của Bồ Tát này, đã chứng được chánh định chánh thọ, nên chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển. Do đó:

“Người chuyên được cảnh giới
Cảnh giới không chuyển được người.”

Bồ Tát chánh tâm trụ đã tu đến trình độ này.

Phật tử ! Bồ Tát này nên khuyên học mười pháp. Những gì là mười ? Đó là: Tất cả pháp không tướng. Tất cả pháp không thể. Tất cả pháp không thể tu. Tất cả pháp chẳng chỗ có. Tất cả pháp không chân thật. Tất cả pháp không. Tất cả pháp không tánh. Tất cả pháp như huyễn. tất cả pháp như mộng. Tất cả pháp không phân biệt.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát chánh tâm trụ, nên khuyên chúng sinh học mười pháp môn này. Nhưng mình cũng phải học, nếu không thì là khẩu đầu thiên. Dạy người tu hành mà mình chẳng tu hành, thì chẳng có ích gì. Phải lấy thân làm khuôn phép, cung hành thật tiền, thật thà mà tu hành, thì mới có hiệu quả. Những gì là mười pháp ? Đó là:

1). Tất cả pháp vô tướng: Pháp vốn chẳng có tướng. Nếu có sự chấp trước thì pháp tướng tồn tại. Nếu chẳng chấp trước thì người cũng không, pháp cũng không, đây tức là không tướng.

2). Tất cả pháp không thể: Tất cả pháp tức là tướng là tướng, chẳng có thể tánh chân thật. Cho nên trong kinh Kim Cang có nói:

‘Pháp còn phải xả, hà huống phi pháp.’”

Nghĩa là chánh pháp cũng phải xả bỏ, hà huống là chẳng phải pháp, càng phải xả bỏ. Có sự chấp trước có bản thể, đó là sai lầm.

3). Tất cả pháp không thể tu: Không chấp trước pháp gì có thể tu hành, pháp gì không thể tu hành. Tất cả pháp chẳng có cái có thể tu, hoặc cái không thể tu. Tu không tu là tại con người, chứ chẳng phải tại pháp. Pháp chẳng có cái tu, không tu. Có người nói: ‘Tất cả pháp không thể tu, vậy chúng ta không cần tu hành.’ Vì bản thân của pháp, không cần tu, hay không tu, song chúng ta phải y theo pháp tu hành, thì mới trừ khử tập khí mao bệnh.

4). Tất cả pháp chẳng chỗ có: Tất cả pháp vốn gì cũng chẳng có, đều là không.

5). Tất cả pháp không chân thật: Pháp là phương pháp, pháp là quy tắc, cho nên tất cả pháp chẳng có thể chân thật.

6). Tất cả pháp không: Chúng được tất cả pháp không, gì cũng chẳng có. Đây tức là Lục Tổ Huệ Năng nói:

‘Vốn chẳng có một vật
Chỗ nào dính bụi bặm’”?

Đây là cảnh giới tất cả pháp không, đến được cảnh giới này, thì còn có gì để chấp trước ? Tham, sân, si, mạn, nghi, năm thứ phiền não cũng chẳng còn, chỉ có thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức Niết Bàn.

7). Tất cả pháp không tánh: Tại sao nói tất cả pháp không ? Vì tất cả pháp không có tự tánh. Có người nói pháp, có pháp mới có dụng. Người không thì pháp cũng vô dụng. Do đó: “Người hoằng pháp chứ pháp không hoằng người.”

8). Tất cả pháp như huyễn: Tất cả pháp như huyễn hóa, chẳng chân thật.

9). Tất cả pháp như mộng: Tất cả pháp như giấc mộng, cũng chẳng chân thật. Do đó có câu:

“Đời người một giấc mộng
Người chết mộng một giấc
Trong mộng thân vinh quý
Tỉnh mộng tại quê nghèo
Sớm tối đều nằm mộng
Không giác mộng hoàng lương
Trong mộng nếu không tỉnh
Uổng thay mộng một giấc.”

10). Tất cả pháp không phân biệt: Hết thấy tất cả pháp, đều chẳng có phân biệt. Chúng ta nghe kinh, đừng dùng tâm phân biệt để nghe. Tại sao ? Vì tất cả pháp chẳng có phân biệt.

Đoạn kinh văn này là dạy chúng ta đừng chấp trước pháp, nếu có pháp chấp thì nặng giống như ngã chấp (chấp cái ta). Do đó có câu:

“Thấy việc tỉnh việc xuất thế gian
Thấy việc mê việc đọa trầm luân.”

Ở giữa mê và ngộ, chấp trước thì chìm đắm trong sáu nẻo, không chấp trước thì ra khỏi ba cõi. Tức cũng là

“tức tướng lìa tướng,” ở nơi tướng mà lìa khỏi tướng; “tại trần xuất trần,” ở tại trần thế mà vượt khỏi trần thế. Do đó: “Thân tại trần mà tâm thoát trần,” trong tâm chẳng có vọng tưởng chấp trước. Đây gọi là một bụi trần không nhiễm, vạn tư lự đều không. Cảnh giới này thật là tự tại biết bao !

Tại sao ? Vì muốn khiến cho Bồ Tát tâm càng tăng thêm tinh tấn, được không thối chuyển vô sinh pháp nhẫn, nếu có nghe pháp thì liền thấu hiểu, không do người khác chỉ dạy.

Tại sao phải phá pháp chấp ? Vì muốn khiến cho Bồ Tát chánh tâm trụ và chúng sinh được giáo hóa, càng tăng thêm tinh tấn, tức là chẳng có quái ngại. Người tu hành, phải khởi lên tâm niệm tu hành. Đến lúc thành công, thì càng phải buông xả một niệm. Một niệm cũng chẳng còn, thì còn có gì để lo âu ? Còn có gì quái ngại ? Nếu chẳng có quái ngại, thì xa lìa điên đảo mộng tưởng. Tại sao có điên đảo mộng tưởng ? Vì có quái ngại. Nếu không có quái ngại, thì sẽ đắc được vị bất thối, đắc được tất cả chẳng thối chuyển. Bất thối chuyển gì ? Tức là bất thối chuyển vô minh pháp nhẫn. Gì gọi là vô minh pháp nhẫn ? Tức là “chẳng thấy chút pháp sinh, chẳng thấy chút pháp diệt.” Đây tức là cảnh giới pháp không. Người cũng không, pháp cũng không, tự tánh rõ ràng ở trong đó. Lúc này rõ ràng sáng suốt, nhẫn nơi tâm. Cảnh giới này có chút thọ chẳng đặng, có chút nhẫn chẳng đặng, nhưng vẫn phải thọ nhẫn.

Đừng cho rằng chẳng thấy chút pháp sinh, chẳng thấy chút pháp diệt, cảnh giới này là việc dễ dàng, là rất khó chứng được cảnh giới này. Nếu đến được cảnh giới này, thì chẳng sầu chẳng lo, xa lìa điên đảo mộng tưởng, cứu kính Niết Bàn.

Lúc này, Bồ Tát chánh tâm trụ, nghe tất cả pháp, liền lập tức khai ngộ thấu hiểu, do đó: “Thô ngôn tế ngữ, giai quy đệ nhất nghĩa.” Nghĩa là: “Lời thô lỗ tế, đều thuộc về đệ nhất nghĩa.” Đến được cảnh giới này, có ai mắng bạn, hoặc có ai khen bạn, tâm cũng chẳng giao động. Nghĩa là cũng chẳng có hoan hỷ, cũng chẳng có nóng giận, cũng chẳng có bi ai, cũng chẳng có khoái lạc. Bốn thứ cảm tình này, lúc chẳng phát sinh, tức là trung đạo, tức cũng là định. Pháp nghe được khế hợp với chân lý, không cần người khác chỉ dạy.

Phật tử ! Thế nào là Bồ Tát bất thối trụ ? Bồ Tát này nghe mười pháp, kiên cố bất thối. Những gì là mười ? Đó là: Nghe có Phật không có Phật, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Nghe có pháp không có pháp, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Nghe có Bồ Tát không có Bồ Tát, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Nghe có Bồ Tát hạnh không có Bồ Tát hạnh, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Nghe có Bồ Tát tu hành

thoát khỏi tu hành không thoát khỏi, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Nghe quá khứ có Phật quá khứ không có Phật, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Nghe vị lai có Phật vị lai không có Phật, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Nghe hiện tại có Phật hiện tại không có Phật, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Nghe trí Phật hữu tận trí Phật vô tận, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Nghe ba đời một tướng ba đời chẳng phải một tướng, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Đó là mười.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là Bồ Tát Bất thối trụ ? Tức là chẳng thối tâm bồ đề, trụ nơi tâm bồ đề. Gì gọi là tâm bồ đề ? Nghĩa là tâm giác ngộ; chẳng có vô minh, phiền não, ngu si. Giác ngộ tất cả pháp hữu vi là vô thường, khổ không, vô ngã, đây gọi là bất thối trụ. Bồ Tát bất thối trụ, tại sao phải nghe mười pháp này ? Vì muốn cho tâm bồ đề kiên cố, chẳng thối chuyển tâm bồ đề. Gì là mười pháp ? Đó là:

1). Bồ Tát bất thối trụ, nghe có người nói ba đời có Phật, hoặc ba đời chẳng có Phật. Ở trong Phật pháp, chẳng thối chuyển tâm bồ đề.

2). Bồ Tát bất thối trụ, nghe có người nói có Phật pháp, hoặc không có Phật pháp. Ở trong Phật pháp, chẳng thối chuyển tâm bồ đề.

3). Bồ Tát bất thối trụ, nghe có người nói có Bồ Tát, hoặc chẳng có Bồ Tát. Ở trong Phật pháp, chẳng thối chuyển tâm bồ đề.

4). Bồ Tát bất thối trụ, nghe có người nói có Bồ Tát hạnh, hoặc chẳng có Bồ Tát hạnh. Ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Người tiểu thừa chẳng thừa nhận có chư Phật, chỉ thừa nhận có Phật Thích Ca, cũng chẳng thừa nhận có Bồ Tát, chỉ thừa nhận có A la hán. Bồ Tát đại thừa là cước đạp thật địa hành Bồ Tát đạo, cứu độ chúng sinh. Bất cứ ai nói gì cũng đều như như chẳng động, chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển, chẳng bị lời lẽ chi phối, có sự nhận thức rất thâm sâu đối với Phật pháp, cho nên thuận cảnh, hoặc nghịch cảnh đều tinh tấn, chẳng thối chuyển.

5). Bồ Tát bất thối trụ, nghe có người nói Bồ Tát tu hành, được thoát khỏi ba cõi. Ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển.

6). Bồ Tát bất thối trụ, nghe có người nói quá khứ có Phật trụ thế, hoặc quá khứ chẳng có Phật trụ thế. Ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển.

7). Bồ Tát bất thối trụ, nghe có người nói vị lai có Phật trụ thế, hoặc vị lai chẳng có Phật trụ thế. Ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển.

8). Bồ Tát bất thối trụ, nghe có người nói hiện tại có Phật trụ thế, hoặc chẳng có Phật trụ thế. Ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển.

9). Bồ Tát bất thối trụ, nghe có người nói trí huệ của Phật có lúc cùng tận, hoặc có lúc chẳng cùng tận. Ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển.

10). Bồ Tát bất thối trụ, nghe có người nói ba đời là một tướng, hoặc nói ba đời chẳng phải một tướng. Ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Phạm phu nghe được những lý luận này, chẳng biết thế nào là tốt ? Một niệm vô minh nổi lên thì chẳng minh bạch, bèn sinh tâm thối chuyển. Bồ Tát chẳng có một niệm vô minh, ở trong Phật pháp, tâm chẳng thối chuyển. Đó là mười pháp.

Giáo nghĩa của Phật giáo là tận hư không, khắp pháp giới, chẳng có hạt bụi nào chẳng phải là Phật giáo ở tại đó. Tất cả tôn giáo đều không chạy ra khỏi phạm vi của Phật giáo. Bất cứ Thiên chúa giáo, Ki tô giáo, Hồi giáo, Đạo giáo, Do thái giáo, Ấn độ giáo, đều ở trong pháp giới, chẳng qua công việc làm khác nhau mà thôi. Mỗi tôn giáo làm việc của mình, đều là khuyên người hướng thiện, cải tà về chánh. Vì đạo lý này, cho nên người người đều có thể thành Phật. Phật đã từng nói:

“Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh
Đều có thể thành Phật.”

Đó là lời từ miệng Đức Phật nói ra, tuyệt đối chẳng nói dối. Tông chỉ của tôi là chúng sinh tin Phật, cũng thành Phật. Hôm nay chẳng tin Phật, ngày mai sẽ tin Phật. Đời này không tin, đời sau sẽ tin Phật. Kiếp này không tin Phật, kiếp sau sẽ tin Phật. Cuối cùng sẽ có một ngày tin Phật. Chỉ cần tin Phật thì sẽ có cơ hội thành Phật. Phật giáo dùng pháp giới làm thể, làm dụng, làm tông, làm giáo, gì cũng đều là pháp giới. Ví như có người ghét mặt trăng cứ đi theo

họ, đi đến đâu thì mặt trăng theo đến đó. Do đó anh ta chạy đến Đông Thắng Thần Châu, nhìn xem thì mặt trăng vẫn ở trên đầu anh ta. Anh ta lại chạy đến Nam Thiệm Bộ Châu, nhìn xem thì mặt trăng vẫn ở trên đầu anh ta, cho đến chạy đến Tây Ngưu Hóa Châu và Bắc Câu Lư Châu, nhìn xem thì mặt trăng vẫn ở trên đầu ông ta. Chạy đi khắp nơi đông tây nam bắc, cuối cùng cũng thấy mặt trăng chạy theo anh ta. Người có mắt thì nghĩ muốn mặt trăng dừng theo họ, nhưng chẳng có cách chi để không nhìn thấy mặt trăng.

Phật giáo giống như mặt trăng, chẳng màng bạn chạy thế nào, cũng chạy không ra khỏi ngoài Phật giáo, đều bao quát ở trong trí huệ quang minh Phật giáo. Cho nên người hồ đồ thì làm việc hồ đồ, người sáng suốt thì làm việc sáng suốt. Vốn chẳng có cái hồ đồ, cái sáng suốt, vốn chẳng có việc, do đó:

“Thiên hạ vốn không việc
Người ngu tự rầu lo.”

Hết thấy mọi người trên thế gian này, làm việc gì cũng đều là trả nợ. Khi trả hết nợ thì không cần làm nữa. Hết thấy tất cả tôn giáo, có thể nói đều là vì Phật giáo mà làm công việc. Giống như mỗi nước, hết thấy nhân dân đều vì chính phủ mà làm việc, cũng đồng lý ấy, nhưng có người chẳng minh bạch đạo lý này.

Người hành đạo Bồ Tát thì muốn lợi ích người, chẳng muốn tổn hại người. Mình tự hỏi mình, tại sao muốn tổn người hại người ? Tất cả hết thấy phải nghĩ thế cho kẻ khác, phải có lợi ích đối với kẻ khác. Đây tức là Bồ Tát phát tâm, Bồ Tát là hy sinh chính mình để thành tựu cho kẻ khác. Đây là tư tưởng của Bồ Tát, cũng là hành vi của Bồ

Tát. Chúng ta mỗi người đều phải tự hỏi mình, tại sao ta đến thế giới này ? Có phải vì ăn cơm mặc quần áo chẳng ? Đến tìm sự hưởng thụ chẳng ? Nếu nghĩ như thế thì làm người chẳng có giá trị gì, chẳng có ý nghĩa gì. Chúng ta đến thế giới này thì nên giúp đỡ cho thế giới này, khiến cho thế giới càng ngày càng tốt đẹp thêm. Đừng ở trong thế giới tranh, tham ! Chỉ biết có mình mà chẳng biết có người khác, ngàn vạn đừng như thế. Nếu có tư tưởng này thì hãy mau sửa đổi, đừng nên suốt đời hồ đồ. Chúng ta làm người phải có công với đời, có đức với dân, có sự cống hiến đối với thiên hạ nước nhà, có lợi ích đối với hết thảy tất cả chúng sinh, làm người như vậy mới có ý nghĩa.

Trước kia có lão tu hành, ăn cơm no chẳng có việc làm, nói chuyện tiêu với vị đệ tử. Một ngày nọ, ông thầy nói với vị đệ tử: “Ai ai cũng đều hoan hỷ số một, việc gì cũng giỏi hơn người, muốn có danh vọng tốt, muốn có địa vị tốt. Hôm nay chúng ta hai người nói xem thử ai thua. Nếu ai nói không ra, tức là thua, bị phạt mua kẹo mời khách.” Vị đệ tử có biện tài vô ngại, đồng ý biện pháp đó của ông thầy.

- Ông thầy nói: “Tôi là con chó.”

- Vị đệ tử nói: “Tôi là con dòi trong đồng phân của con chó.”

- Ông thầy nói: “Con ở trong đó làm gì?”

- Đệ tử nói: “Con tắm rửa trong phân con chó.”

- Ông thầy hết lời để nói, thừa nhận là thua, bèn mời đệ tử ăn kẹo. Tuy đó là lời đùa giỡn, nhưng có triết lý. Đây là nói đạo lý bất cầu bất tịnh (không dơ không sạch). Nếu trong tâm một khi sinh tâm phân biệt thì sẽ nôn ra. Do đó:

“Tâm tịnh nhất thiết tịnh

Tâm uế nhất thiết uế.”

Nghĩa là:

“Tâm sạch thì tất cả đều sạch,
Tâm bẩn thì hết thảy đều dơ.”

Chúng ta tu đến cảnh giới không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, thì sẽ có sự thành tựu.

Phật tử ! Bồ Tát này nên khuyên học mười pháp rộng lớn. Những gì là mười ? Đó là: Nói một tức nhiều. Nói nhiều tức một. Văn tùy nơi nghĩa. Nghĩa tùy nơi văn. Chẳng có tức có. Có tức chẳng có. Không tướng tức là tướng. Tướng tức là không tướng. Không tánh tức là tánh. Tánh tức là không tánh.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát bất thối trụ, nên khuyến hóa chúng sinh, tu học mười thứ pháp rộng lớn, nhưng mình cũng phải học mười pháp rộng lớn này. Gì là mười pháp rộng lớn ? Tức là:

1). Nói một tức nhiều. 2). Nói nhiều tức một. Nói một pháp tức là tất cả pháp, nói tất cả pháp cũng là một pháp. Nói tất cả hạt bụi, cũng là do một hạt bụi mà thành tựu. Đem tất cả hạt bụi phân ra thì vẫn là một hạt bụi. Một

hạt bụi tập tụ nhiều hạt bụi lại, đây là nhiều hạt bụi. Nói nhiều tức là một, do đó:

“Một gốc tán làm vạn thù,
Vạn thù lại trở về một gốc.”

Một gốc ví như đại địa, vạn thù là tất cả hoa cỏ cây cối, ngũ cốc đủ loại, sum la vạn tượng do đại địa sinh trưởng thành tựu. Nhiều thứ như vậy, tương lai cũng vẫn trở về đại địa.

Thân thể của chúng ta cũng có một cái một. Một tán làm vô lượng, vô lượng trở về một. Nếu làm số một thành số 0, thì những phiền phức gì cũng chẳng còn nữa. Do đó:

“Vốn chẳng một vật
Chỗ nào dính bụi bặm.”

Ngộ được lý không này, thì sẽ chứng được lý không, ở nơi lý không mà nhập định không, tất cả phiền não cũng chẳng còn. Tất cả hết thảy đều chẳng còn nữa. Đây là đạo lý một nhiều không hai, một tức là nhiều, nhiều tức là một.

3). Văn tùy nơi nghĩa. 4). Nghĩa tùy nơi văn. Kinh văn phải thuận với nghĩa lý để diễn nói, do kinh văn mà sinh ra nghĩa lý. Nghĩa lý lại phải tùy thuận kinh văn, phải văn nghĩa đều vô ngại. Ví như trong kinh văn nói: “Trời Đao Lợi năng Thiên chủ.” Nếu không dùng văn tùy nơi nghĩa để nói thì liền nói vua Diêm La trụ ở trời Đao Lợi, ở đó quản lý quý. Đây tức là giảng sai nghĩa. Nếu giảng trời Đao Lợi năng làm chủ, ở đó thống lý một bốn thiên hạ, bốn thiên hạ tức là nghĩa, đây tức là văn tùy nơi nghĩa. Vậy, năng làm chủ thống lý bốn thiên hạ, đây là quy về để

giảng, vẫn là giảng năng Thiên chủ. Đây tức là nghĩa tùy nơi vẫn.

5). Chẳng có tức có. 6). Có tức chẳng có. Chẳng có tức có, tức là diệu hữu, có tức chẳng có, tức là chân không. Chân không chẳng ngại diệu hữu, cho nên chẳng có. Diệu hữu chẳng có, cho nên chẳng ngại chân không. Chân không diệu hữu, diệu hữu chân không, cùng nhau vô ngại. Do đó:

“Sắc tức là không, không tức là sắc.”

7). Không tướng tức là tướng. 8). Tướng tức là không tướng. “Lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp.” Lìa khỏi tất cả tướng, tức là tất cả pháp. Ở nơi tướng muốn lìa tướng, nhìn nó thành không, đây tức là đạo lý không tướng tức tướng, tức tướng không tướng.

9). Không tánh tức là tánh. 10). Tánh tức là không tánh. Vì tánh tướng không hai, cho nên ở nơi tướng phải hiểu rõ tánh, ở nơi tánh cũng phải xem nó là không. Ở trong tướng tức là tánh, ở trong tánh tức là tướng, tánh tướng không hai, tánh tướng nhất như. Đạo lý này là lý rộng lớn không thể nghĩ bàn, chẳng phải phạm phu có thể minh bạch được.

Tại sao ? Vì muốn khiến cho tăng thêm tinh tấn, nơi tất cả pháp khéo thoát khỏi. Nếu có nghe pháp thì tự thấu hiểu, không do người khác chỉ dạy.

Tại sao vậy ? Vì muốn khuyên chúng sinh học mười pháp rộng lớn này, vì muốn khiến cho Bồ Tát bất thối trụ, từng bước càng tinh tấn hơn, đối với tất cả các pháp khéo

thoát khỏi được mà thấu hiểu. Nếu có nghe pháp thì tự mình thấu hiểu, không cần thiện trí thức chỉ dạy.

Phật tử ! Thế nào là Bồ Tát đồng chân trụ. Bồ Tát này trụ mười thứ nghiệp. Những gì là mười ? Đó là: Thân hành không lỗi. Ngữ hành không lỗi. Ý hành không lỗi. Tùy ý thọ sinh. Biết chúng sinh đủ thứ dục. Biết chúng sinh đủ thứ sự hiểu biết. Biết chúng sinh đủ thứ loài. Biết chúng sinh đủ thứ nghiệp. Biết thế giới thành hoại. Thân tức tự tại, sở hành vô ngại. Đó là mười.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Thế nào là Bồ Tát đồng chân trụ ? Vì Bồ Tát này thân như đồng thể (đồng tử), tư tưởng thuần chân, chẳng có tập khí không tốt, cho nên gọi là đồng chân trụ. Bồ Tát đồng chân trụ, thường trụ nơi mười nghiệp mà không có lỗi lầm. Gì là mười nghiệp ? Đó là:

1). Thân hành không lỗi: Thân thể làm gì cũng chẳng có sai lầm hoặc có lỗi.

2). Ngữ hành không lỗi: Nói lời nào ra cũng đều đúng đắn không có giả dối. Tuyệt đối chẳng nói dối, hai lưỡi, thù dật, chửi mắng.

3). Ý hành không lỗi: Trong tâm nghĩ gì cũng đều thanh tịnh, nhân từ, sáng lạng, tuyệt đối chẳng có tư tưởng nhiễm ô, cũng chẳng có vọng tưởng lỗi lầm.

4). Tùy ý thọ sinh: Tùy theo ý nghĩ của mình mà đi thọ sinh. Đời sau muốn làm gì thì làm cái đó, tức cũng là toại tâm như ý.

5). Biết chúng sinh đủ thứ dục: Biết rõ ràng đủ thứ dục niệm của chúng sinh.

6). Biết chúng sinh đủ thứ sự hiểu biết: Biết tất cả chúng sinh hiểu biết về cái gì ?

7). Biết chúng sinh đủ thứ giới: Biết mỗi chúng sinh giới làm gì. Con ong của loài ong, là biết hút mật hoa về làm mật. Con kiến của loài kiến, là biết đi tìm thức ăn đem về hang. Trong mười hai loại chúng sinh, mỗi loại đều khác nhau, sinh hoạt cũng khác nhau.

8). Biết chúng sinh đủ thứ nghiệp: Biết hết thấy chúng sinh tạo ra đủ thứ nghiệp. Chó tại sao lại làm chó ? Vì tạo nghiệp làm chó. Mèo tại sao phải làm mèo ? Vì tạo nghiệp mèo. Tóm lại, tạo nghiệp gì thì thọ quả báo đó.

9). Biết thế giới thành hoại: Biết thế giới thành như thế nào ? Hoại như thế nào ? Còn biết người sinh ra sao ? Quá trình chết như thế nào ?

10). Thần túc tự tại, sở hành vô ngại: Có thần túc thông thì tùy ý đi lại, tự tại biến hóa vô cùng, toại tâm như ý, làm gì cũng chẳng có chướng ngại.

Đây là mười pháp của Bồ Tát đồng chân trụ.

Phật tử ! Bồ Tát này nên khuyên học mười pháp. Những gì là mười ? Đó là: Biết tất cả cõi Phật. Chân động tất cả cõi Phật. Hộ trì tất cả cõi Phật. Quán sát tất cả cõi Phật. Đến tất cả cõi Phật. Du hành vô số

thế giới. Lãnh thọ vô số Phật pháp. Hiện biến hóa thân tự tại. Vang ra âm thanh rộng lớn đầy khắp. Trong một sát na, thừa sự cúng dường vô số các đức Phật.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát đồng chân trụ, nên khuyến hóa chúng sinh học mười thứ pháp này. Gì là mười pháp ? Đó là:

1). Biết tất cả cõi Phật: Bồ Tát đồng chân trụ nên biết mười phương ba đời tất cả cõi nước của chư Phật.

2). Chấn động tất cả cõi Phật: Biết tất cả cõi Phật rồi, còn phải chấn động cõi Phật nào đó, phải biết cõi Phật nào đó, phải biết cõi Phật đó, vị nào làm giáo chủ.

3). Hộ trì tất cả cõi Phật: Cõi Phật cũng có thành, trụ, hoại, không, bốn giai đoạn, đến lúc nên đến hộ trì cõi nước của mỗi vị Phật.

4). Quán sát tất cả cõi Phật: Tuy nhiên hộ trì tất cả cõi Phật, nhưng còn phải quán sát nhân duyên của tất cả cõi Phật, có nên đến hộ trì chăng ?

5). Đến tất cả cõi Phật: Nên hộ trì cõi Phật đó, thì liền đến cõi Phật đó.

6). Du hành vô số thế giới: Bồ Tát đồng chân trụ, đều có thần thông tự tại, có thể du hành đến vô lượng vô số thế giới.

7). Lãnh thọ vô số Phật pháp: Đến vô số thế giới để làm gì ? Để lãnh thọ tất cả pháp của chư Phật nói.

8). Hiện biến hóa thân tự tại: Hiện ra tự không hóa có, tự có hóa không; tự nhỏ hóa lớn, tự lớn hóa nhỏ; tự ít

hóa nhiều; tự nhiều hóa ít, toại tâm như ý, biến hóa vô cùng, đó là thân tự tại.

9). Vang ra âm thanh rộng lớn đầy khắp: Thè tướng lưỡi rộng dài, vang ra âm thanh rộng lớn, đầy khắp các cõi Phật, diễn nói Phật pháp.

10). Trong một sát na, thừa sự cúng dường vô số các đức Phật: Ở trong một niệm, đi đến mười phương thế giới để thừa sự cúng dường mười phương ba đời tất cả các đức Phật. Bồ Tát có thần lực diệu dụng như thế.

Tại sao ? Vì muốn khiến cho tăng thêm tinh tấn, nơi tất cả pháp đắc được sự khéo léo. Nếu có nghe pháp thì liền thấu hiểu, chẳng do người khác chỉ dạy.

Tại sao phải khuyên học mười pháp này ? Vì muốn khiến cho Bồ Tát đồng chân trụ, tăng thêm tinh tấn. Đối với tám vạn bốn ngàn pháp môn Phật nói ra, mỗi một pháp môn, đều đắc được trí huệ phương tiện khéo léo. Bất cứ ở trong pháp hội của vị Phật nào nghe thuyết pháp, thì tự mình khoát nhiên thông đạt, khai ngộ thấu hiểu đạo lý thật tướng của các pháp, không cần Phật phải giải thích tỉ mỉ, đến giáo hóa.

Phật tử ! Thế nào là Bồ Tát pháp vương tử trụ ? Bồ Tát này khéo biết mười pháp. Những gì là mười pháp ? Đó là: Khéo biết các chúng sinh thọ sanh. Khéo biết các phiền não hiện khởi. Khéo biết tập

khí liên tục. Khéo biết sở hành phương tiện. Khéo biết vô lượng pháp. Khéo hiểu biết các oai nghi. Khéo biết thế giới khác nhau. Khéo biết việc trước sau. Khéo biết diễn nói thế đế. Khéo biết diễn nói đệ nhất nghĩa đế. Đó là mười.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là Bồ Tát pháp vương tử trụ ? Vì Phật là Pháp Vương, Bồ Tát là Pháp Vương tử (con của đấng Pháp Vương). Có quyền kế thừa đấng Pháp Vương, cho nên gọi là Pháp Vương tử trụ. Bồ Tát pháp vương tử trụ, khéo biết mười thứ pháp môn. Những gì là mười ? Đó là:

1). Khéo biết các chúng sinh thọ sinh: Ngài khéo biết tất cả chúng sinh tạo nghiệp như thế nào ? Thọ sinh tử ra sao ? Mỗi loài chúng sinh đều có nhân duyên đặc biệt của họ, Ngài hoàn toàn thấu rõ.

2). Khéo biết các phiền não hiện khởi: Ngài khéo biết tất cả chúng sinh tại sao hiện khởi lên phiền não.

3). Khéo biết tập khí liên tục: Ngài khéo biết tập khí của tất cả chúng sinh, giống như sóng, liên tục không ngừng. Tập khí kiếp trước của chúng sinh, sinh ra tập khí đời này; tập khí đời này, sinh ra tập khí đời sau, đời đời kiếp kiếp, liên tục không ngừng. Bồ Tát làm thế nào mà biết được ? Vì Bồ Tát chứng được trí huệ tức mạng thông, cho nên biết tập khí của tất cả chúng sinh.

4). Khéo biết sở hành phương tiện: Ngài khéo biết sở hành phương tiện: Ngài khéo biết pháp môn phương tiện nên hành. Nghĩa là nên dùng thân gì độ được, thì hiện ra

thân đó để vì họ nói pháp. Nên dùng pháp gì độ được, thì dùng phương tiện pháp môn đó, để vì họ nói pháp.

5). Khéo biết vô lượng pháp: Bồ Tát là chiếu thấu các pháp thật tướng, do đó: “Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển.” Khéo biết vô lượng diệu pháp.

6). Khéo hiểu biết các oai nghi: Ngài khéo hiểu biết ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh.

7). Khéo biết thế giới khác nhau: Ngài khéo biết thế giới thành trụ hoại không bốn kiếp, đều có những sự khác nhau.

8). Khéo biết việc trước sau: Ngài khéo biết việc trước, cũng biết việc sau này. Lại biết tâm niệm trước của chúng sinh, sanh ra như thế nào ? Tâm niệm sau sinh ra như thế nào ? Tất cả đều thấu rõ.

9). Khéo biết diễn nói thế đế: Ngài khéo biết căn tánh của chúng sinh, dùng pháp hữu vi thế gian, để vì họ diễn nói pháp thế đế.

10). Khéo biết diễn nói đệ nhất nghĩa đế: Ngài khéo biết chúng sinh có lợi căn, để vì họ diễn nói pháp vô vi xuất thế gian, khiến cho họ thấu rõ đạo lý đệ nhất nghĩa đế. Đây là mười pháp mà Bồ Tát pháp vương tử trụ khéo biết.

Phật tử ! Bồ Tát này nên khuyên học mười pháp. Những gì là mười ? Đó là: Pháp Vương xứ thiện xảo. Pháp Vương xứ quĩ độ. Pháp Vương xứ cung điện. Pháp Vương xứ thú nhập. Pháp Vương xứ quán sát. Pháp Vương quán đánh. Pháp Vương

lực trì. Pháp Vương vô úy. Pháp Vương ngủ nghỉ. Pháp Vương khen ngợi.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát pháp vương tử trụ, nên khuyến hóa chúng sinh học mười thứ pháp này. Song, mình cũng phải học mười pháp này. Những gì là mười pháp ? Đó là:

1). Pháp Vương xứ thiện xảo: Pháp Vương (Phật) xử lý phương pháp khéo léo. Cũng có thể nói chỗ ở của đấng Pháp Vương, làm thế nào xử lý tất cả phương tiện khéo léo. Pháp Vương tử phải học theo Phật.

2). Pháp Vương xứ quỹ độ: Quỹ là phép tắc, độ là pháp độ. Pháp Vương làm thế nào để xử lý tất cả nghi thức và quỹ độ, nên học tập theo.

3). Pháp Vương xứ cung điện: Cung là chỗ nghỉ ngơi, điện là chỗ nghị sự. Khi Pháp Vương ở nội cung, thì Pháp Vương tử nên hành tử lễ, khi Pháp Vương ở ngoại cung, thì Pháp Vương tử nên hành thần lễ. Đây cũng có quỹ độ nhất định.

4). Pháp vương xứ thú nhập: Khi pháp vương thú nhập tất cả lễ nghi thì nghi thức thế nào cũng phải học theo.

5). Pháp Vương xứ quán sát: Khi Pháp Vương tại vị thì Pháp Vương tử phải quán sát tất cả nhân duyên. Do đó: “Vào thì nhìn phụ vương, xem nhan sắc tiếng nói của ông ta. Ra thì nhìn quần thần, biết kẻ hiền người ngu.” Bồ Tát vào thì quán Phật giáo lý, ra thì xem cơ được chăng ?

6). Pháp Vương quán đánh: Lúc Pháp Vương tử thọ chức Pháp Vương, thì phải trải qua nghi thức quán đánh.

Mười phương chư Phật dùng nước pháp để quán đánh, khiến cho phát bốn tâm vô lượng, để giáo hóa chúng sinh.

7). Pháp Vương lục trì: Pháp vương làm thế nào lục trì tất cả pháp ? Pháp Vương tử phải học theo. Bồ Tát lục độ tứ nhiếp, vạn hạnh tổng trì, đây là ý nghĩa về lục.

8). Pháp Vương vô úy: Pháp Vương vô sở úy như thế nào ? Bồ Tát tu hành thì lia năm thứ sợ hãi, đặc được mười thứ vô úy (không sợ hãi).

9). Pháp Vương ngũ ngi: Pháp vương ngũ như thế nào ?

10). Pháp Vương khen ngợi: Pháp Vương nên khen ngợi gì ? Bồ Tát nên kính ngưỡng khen ngợi đức của Phật. Mười pháp này, pháp vương tử trụ Bồ Tát đều nên biết, phải học tập những pháp này.

Tại sao ? Vì muốn khiến cho tăng thêm tinh tấn, tâm chẳng chướng ngại. Nếu có nghe pháp thì liền tự thấu hiểu, không do người khác chỉ dạy.

Bồ Tát Pháp Vương tử, vì sao phải học mười thứ pháp này ? Vì muốn khiến cho tăng thêm tinh tấn, trong tâm chẳng có mọi chướng ngại và chấp trước nào. Phạm là ở trong đạo tràng của chư Phật, nghe pháp thì tự mình thấu hiểu, không cần Phật phải chỉ dạy.

Phật tử ! Thế nào là Bồ Tát quán đánh trụ ? Bồ Tát này được thành tựu mười thứ trí. Những gì là mười trí ? Đó là: Chấn

động vô số thế giới. Chiếu sáng vô số thế giới. Trụ trì vô số thế giới. Đi đến vô số thế giới. Nghiêm tịnh vô số thế giới. Khai thị vô số chúng sinh. Quán sát vô số chúng sinh. Biết căn tánh vô số chúng sinh. Khiến cho vô số chúng sinh hướng về. Khiến cho vô số chúng sinh điều phục. Đó là mười.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là Bồ Tát quán đánh trụ ? Vì khi Bồ Tát kế thừa vị Pháp Vương tử, thì trước hết phải thọ nghi thức quán đánh, mười phương chư Phật đến quán đánh, cho nên gọi là quán đánh trụ. Bồ Tát phải thành tựu mười trí huệ không thể nghĩ bàn này, mới đắc được bậc quán đánh. Gì là mười thứ trí huệ ? Đó là:

1). Chấn động vô số thế giới: Bồ Tát quán đánh trụ, có trí huệ đại oai thần lực, biết thế giới nào nên chấn động, thì hiện sáu thứ chấn động, để nhiếp phục tất cả chúng sinh.

2). Chiếu sáng vô số thế giới: Bồ Tát quán đánh trụ, có đại trí huệ, đại quang minh, chiếu soi đến vô số thế giới.

3). Trụ trì vô số thế giới: Bồ Tát quán đánh trụ, dùng sức thần thông để hộ trì vô số thế giới, khiến cho thế giới an trụ lâu dài, chẳng bị hủy hoại.

4). Đi đến vô số thế giới: Bồ Tát quán đánh trụ, phải đi đến đạo tràng của mười phương tất cả chư Phật, để thừa sự cúng dường hết thầy chư Phật.

5). Nghiêm tịnh vô số thế giới: Bồ Tát quán đánh trụ, trang nghiêm thanh tịnh vô số thế giới.

6). Khai thị vô số thế giới: Bồ Tát quán đánh trụ, dùng trí huệ không thể nghĩ bàn của Ngài, để khai đạo tất cả chúng sinh, để chỉ dạy tất cả chúng sinh, khiến cho vô số chúng sinh phát tâm bồ đề, tương lai sẽ thành Phật đạo.

7). Quán sát vô số chúng sinh: Bồ Tát quán đánh trụ, khéo quán sát nhân duyên của vô số chúng sinh, dùng đủ thứ phương tiện để giáo hóa.

8). Biết căn tánh vô số chúng sinh: Bồ Tát quán đánh trụ, biết căn tánh của vô số chúng sinh. Căn tánh của chúng sinh khác nhau, người gieo căn lành nhiều thì thông minh; người gieo căn lành ít thì ngu si. Biết căn tánh của chúng sinh rồi, thì phải dùng phương pháp để cứu độ, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui.

9). Khiến cho vô số chúng sinh hướng về: Bồ Tát quán đánh trụ hay khiến cho vô số chúng sinh hướng về đạo bồ đề.

10). Khiến cho vô số chúng sinh điều phục: Bồ Tát quán đánh trụ, dùng đại trí huệ để điều phục chúng sinh cương cường. Do đó “Chúng sinh cương cường khó điều phục.” Song, Bồ Tát này đều có thể điều phục được vô số chúng sinh, phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng.

Đây là mười thứ trí huệ của Bồ Tát quán đánh trụ.

Phật tử ! Thân của Bồ Tát này và nghiệp thân, thần thông, biến hiện, trí huệ quá khứ, trí huệ vị lai, trí huệ hiện tại, thành tựu cõi Phật, tâm cảnh giới, trí cảnh

giới, đều không thể biết được, cho đến Bồ Tát Pháp Vương tử cũng không biết được.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Thân của Bồ Tát quán đánh trụ và thân nghiệp tạo ra, đều là do thần thông biến hóa. Ngài có cảnh giới không thể nghĩ bàn. Dùng trí huệ đã tu trong quá khứ, trí huệ tu hành thuở vị lai, trí huệ tu hành trong hiện tại, thành tựu tất cả cõi nước chư Phật, trang nghiêm tất cả cõi nước chư Phật, thanh tịnh tất cả cõi nước chư Phật. Tất cả cảnh giới của tâm chúng sinh, cảnh giới của tất cả trí chúng sinh, đều không thể biết được cảnh giới này. Cho đến Bồ Tát Pháp Vương tử trụ cũng không thể hiểu những cảnh giới vừa nói ở trên của Bồ Tát quán đánh trụ.

Phật tử ! Bồ Tát này nên khuyên học mười thứ trí của chư Phật. Những gì là mười ? Đó là: Trí ba đời. Trí Phật pháp. Trí pháp giới vô ngại. Trí pháp giới vô biên. Trí sung mãn tất cả thế giới. Trí chiếu khắp tất cả thế giới. Trí biết tất cả chúng sinh. Trí biết tất cả pháp. Trí biết vô biên chư Phật.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng, các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát quán đánh trụ nên khuyên hóa chúng sinh học mười thứ trí huệ của chư Phật. Tự mình cũng phải học mười thứ trí huệ này. Những gì là mười thứ trí huệ ? Đó là:

- 1). Trí ba đời: Tức là trí huệ quá khứ, vi lai, hiện tại ba đời.
- 2). Trí Phật pháp: Trí huệ Phật pháp mà chư Phật nói.
- 3). Trí pháp giới vô ngại: Lý sự vô ngại pháp giới, sự sự vô ngại pháp giới, trí huệ này.
- 4). Trí pháp giới vô biên: Pháp giới chẳng có bờ mé, trí huệ này.
- 5). Trí sung mãn tất cả thế giới: Trí huệ này hay đầy khắp tất cả thế giới.
- 6). Trí chiếu khắp tất cả thế giới: Trí huệ này hay chiếu soi khắp tất cả thế giới.
- 7). Trí trụ trì tất cả thế giới: Thứ trí huệ này hay trụ trì tất cả thế giới.
- 8). Trí biết tất cả chúng sinh: Trí huệ biết tất cả chúng sinh.
- 9). Trí biết tất cả pháp: Trí huệ biết tất cả pháp.
- 10). Trí biết vô biên chư Phật: Trí huệ biết vô biên các đức Phật.

Tại sao ? Vì muốn khiến cho tăng trưởng tất cả trí huệ, nếu có nghe pháp, liền tự thấu hiểu, không do người khác chỉ dạy.

Tại sao phải học mười thứ trí huệ của chư Phật ? Là vì muốn khiến cho Bồ Tát quán đánh trụ tăng trưởng tất cả trí huệ. Nếu có nghe pháp thì tự khai ngộ thấu hiểu, không cần chư Phật chỉ dạy.

Bấy giờ, nhờ thần lực của Phật, trong mười phương, mỗi phương có các thế giới nhiều như số hạt bụi một vọn cõi Phật, đều sáu thứ chấn động. Đó là: Động, biến động, đẳng biến động. Khởi, biến khởi, đẳng biến khởi. Dũng, biến dũng, đẳng biến dũng. Chấn, biến chấn, đẳng biến chấn. Hồng, biến hồng, đẳng biến hồng. Kích, biến kích, đẳng biến kích.

Lúc đó, vì nhờ oai thần lực của Phật Thích Ca Mâu Ni. Mỗi phương trong mười phương, đều có các thế giới nhiều như số hạt bụi một vọn cõi Phật. Mỗi thế giới, đều có sáu thứ chấn động phát sinh ra. Nhưng chẳng phải khiến cho chúng sinh thọ tổn hại, mà là khiến cho chúng sinh tỉnh ngộ. Gì là sáu thứ chấn động ? Tức là: Động, dũng, khởi (thuộc về hình), chấn, hồng, kích (thuộc về tiếng). Sáu thứ hiện tượng này lại biến thành mười tám thứ hiện tượng.

1). Động: Đây động mà kia chẳng động, hoặc kia động mà đây chẳng động, là động cục bộ.

2). Biến động: Là động khắp hết, cả thế giới đều động.

3). Đẳng biến động: Đồng thời hết thay thế giới, cùng lúc động khắp hết.

4). Khởi: Ở tại chỗ này có khởi, mà chỗ khác chẳng có khởi. Hoặc ở chỗ này chẳng có khởi, mà chỗ kia có khởi.

5). Biến khởi: Ở thế giới này khắp nơi đều khởi, mà thế giới khác chẳng khởi.

6). Đẳng biến khởi: Đồng thời ở hết thủy thế giới, cùng lúc khắp nơi đều khởi.

7). Dững: Ở tại chỗ này có hiện tượng dững (nhảy), mà ở chỗ khác chẳng có hiện tượng dững.

8). Biến dững: Cả thế giới khắp nơi đều dững.

9). Đẳng biến dững: Đồng thời ở hết thủy thế giới, cùng lúc khắp mọi nơi đều dững.

10). Chấn: Ở chỗ này có cảm giác chấn động, nhưng ở chỗ khác chẳng có cảm giác chấn động.

11). Biến chấn: Toàn thế giới khắp nơi đều chấn động.

12). Đẳng biến chấn: Đồng thời ở tại hết thủy thế giới, cùng lúc đều có cảm giác chấn động.

13). Hống: Ở chỗ này có tiếng hống, mà ở chỗ khác chẳng có tiếng hống.

14). Biến hống: Ở khắp thế giới đều có tiếng hống.

15). Đẳng biến hống: Đồng thời ở tại hết thủy thế giới, cùng lúc khắp nơi đều có tiếng hống.

16). Kích: Ở chỗ này có tiếng kích (tiếng khua), mà ở thế giới khác chẳng có tiếng (khua) kích.

17). Biến kích: Toàn thế giới khắp nơi đều có tiếng kích.

18). Đẳng biến kích: Đồng thời ở tại hết thủy thế giới, cùng lúc khắp nơi đều có tiếng kích. Đây là tình hình mười tám thứ chấn động.

Mưa xuống hoa trời đẹp. Hương bột trời. Tràng hoa trời. Tạt hương trời. Y

báu trời. Mây báu trời. Đồ trang nghiêm trời. Các âm nhạc trời, không tấu mà tự vang lên. Phóng ánh sáng trời và âm thanh vi diệu.

Khi đại địa sáu thứ chấn động, thì từ trong hư không mưa xuống hoa trời quý đẹp. Hương bột trên trời, tràng hoa trời, tap hương trên trời, y báu của người trời mặc, mây báu trên trời, đồ trang nghiêm tốt đẹp ở trên trời. Âm nhạc trên trời đều tự nhiên vang ra tiếng hay vi diệu, không cần diễn tấu. Lại phóng ra hết thấy ánh sáng trên trời và hết thấy tiếng hay vi diệu trên trời.

Như ở đỉnh núi Tu Di tứ thiên hạ này, trong điện Đế Thích, nói pháp Thập Trụ, hiện các thần thông biến hóa. Hết thấy tất cả mười phương thế giới cũng đều như thế.

Như ở đỉnh núi Tu Di tứ thiên hạ của thế giới Ta Bà này, trong cung điện của trời Đế Thích, diễn nói pháp Thập Trụ, hiện ra đủ thứ thần thông biến hóa. Ở trong mười phương hết thấy thế giới, cũng đều như ở thế giới Ta Bà, Phật Thích ca ở trên đỉnh núi Tu Di, cung điện trời Đế Thích nói pháp Thập Trụ.

Lại nhờ thần lực của Phật, mỗi phương trong mười phương, qua khỏi các thế giới, nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật.

Có các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi mười cõi Phật, đều đi đến đây, đầy khắp mười phương, nói như vậy: Lành thay ! Lành thay ! Phật tử ! Khéo nói pháp này.

Hết hảy Bồ Tát trong mười phương, lại nhờ đại oai thần lực của đức Phật, mỗi phương trong mười phương, qua khỏi các thế giới nhiều như số hạt bụi một vạn cõi Phật, có các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật, đều đến thế giới Ta Bà trên đỉnh núi Tu Di, cung điện trời Đê Thích, đầy khắp mười phương, các Ngài cùng lúc nói: “Lành thay ! Lành thay ! Phật tử ! Ông khéo nói diệu pháp Thập Trụ.”

Chúng tôi mọi người đều đồng hiệu là Pháp Huệ. Đến từ cõi nước đồng tên là Pháp Vân. Đức Như Lai ở cõi đó, đều đồng hiệu là Diệu Pháp. Chúng tôi ở chỗ đức Phật cũng nói Thập Trụ, chúng hội quyền thuộc, văn, câu nghĩa, cũng đều như vậy, chẳng có thêm bớt.

Những Bồ Tát này nói: Chúng tôi mọi người đều đồng pháp hiệu, đều gọi là Pháp Huệ. Cõi nước của chúng tôi đến cũng đồng tên, đều gọi là Pháp Vân. Danh hiệu Phật trong hết thấy cõi nước Pháp Vân đều gọi là Phật Diệu Pháp. Chúng tôi ở chỗ Phật cũng nói diệu pháp Thập Trụ. Đại chúng trong pháp hội và hết thấy quyền thuộc đều

như nhau. Câu văn và nghĩa lý pháp Thập Trụ cũng giống như ở thế giới Ta Bà, một chữ không thêm, một chữ cũng không bớt. Do đó:

“Ba đời mười phương Phật
Đều cùng một pháp âm.”

Đều nói diệu pháp này.

Phật tử ! Chúng tôi nương thần lực của Phật, đến vào hội này để làm chứng minh cho Ngài. Như nơi hội này, mười phương hết thấy tất cả thế giới, cũng đều như thế.

Bồ Tát nhiều như số hạt bụi mười cõi Phật, đến pháp hội Hoa Nghiêm nói với Bồ Tát Pháp Huệ: “Phật tử ! Chúng tôi mọi người nương đại oai thần lực của Phật Thích Ca Mâu Ni, đến thế giới Ta Bà, vào pháp hội Hoa Nghiêm, là để chứng minh Ngài nói pháp Thập Trụ. Trong mười phương hết thấy tất cả thế giới, đều giống như pháp hội này, chẳng có gì khác biệt, đều đang nói pháp Thập Trụ.”

Bấy giờ, Bồ Tát Pháp Huệ nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương khắp cùng pháp giới, mà nói kệ rằng.

Lúc đó vị Bồ Tát Pháp Huệ, nương đại oai thần lực của Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của mười phương tất cả chúng sinh, cho đến nhân duyên của

hết thấy pháp giới chúng sinh, mà nói ra một trăm bài kệ, để giáo hóa pháp giới chúng sinh.

**Thấy Tôi Thắng Trí thân tốt đẹp
Tướng tốt trang nghiêm đều đầy đủ
Tôn trọng như vậy rất khó gặp
Bồ Tát dũng mãnh sơ phát tâm.**

Bồ Tát Pháp Huệ nói: Hiện tại tôi thấy được trí huệ tôi thù thắng của Phật, lại thấy thân Phật vi diệu không thể nghĩ bàn. Vì thân Phật biến hóa vô cùng, ẩn hiển khó dò. Lại có ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp, rất trang nghiêm xinh đẹp. Phước cũng đầy đủ, huệ cũng đầy đủ, do đó gọi là “Lưỡng Túc Tôn.” (Phước huệ đều đầy đủ). Một số chúng sinh tôn trọng Phật, cúng dường Phật, vì thân tốt đẹp của Phật chẳng dễ gì gặp được. Có lúc sinh ở trước Phật, có lúc sinh ra sau Phật. Được sinh vào thời Đức Phật cũng rất khó gặp Phật. Vì nhân duyên đó, cho nên Bồ Tát dũng mãnh ban đầu phát tâm, tinh tấn tu đạo vô thượng.

**Thấy đại thần thông không sánh bằng
Nghe nói thọ ký và dạy bảo
Chúng sinh các cõi vô lượng khổ
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Thấy được đại thần thông không ai sánh bằng của Phật, nghe được pháp thọ ký của Phật nói, pháp quyền xảo

phương tiện, pháp chân thật để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh không làm ác mà làm các điều lành. Do đó:

“Đừng làm các điều ác
Hãy làm các điều lành.”

Chúng sinh trong sáu nẻo, đều có vô lượng khổ. Mỗi nẻo chúng sinh đều có khổ của họ. Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ, thấy được tình hình như vậy, muốn cứu chúng sinh thọ khổ, được an lạc, cho nên phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng.

**Nghe các Như Lai đấng Phổ Thắng
Tất cả công đức đều thành tựu
Ví như hư không chẳng phân biệt
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Lại nghe được tất cả Như Lai đấng Phổ Thắng, hết thấy công đức, đều thành tựu. Công đức của Phật, cứu kính có bao nhiêu ? Chẳng cách chi nói được. Do đó có câu:

“Sát trần tâm niệm khả sở tri
Đại hải trung thủy khả ẩm tận
Hư không khả lượng phong khả khế
Vô năng thuyết tận Phật công đức.”

Nghĩa là:

“Hạt bụi tâm niệm đếm biết được
Nước trong biển cả uống hết được
Hư không lường được, gió buộc được
Không thể nói hết công đức Phật.”

Cho nên nói tất cả công đức của Phật đều thành tựu. Công đức của Phật giống như hư không, chẳng khác biệt. Hư không chẳng gì mà không dung được, chẳng gì mà không bao quát hết, hay dung nạp tất cả vạn sự vạn vật. Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ, ngưỡng mộ công đức tu hành của Phật, công đức thành tựu của Phật. Do nhân duyên đó mà phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng.

**Ba đời quả báo gọi là xứ
Tự tánh chúng tôi là phi xứ
Đều muốn biết rõ nghĩa chân thật
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Nhân quả đời quá khứ, nhân quả đời vị lai, nhân quả đời hiện tại, gọi là xứ sở thọ quả báo. Do đó có câu:

“Dục tri tiền thế nhân
Kim sinh thọ giả thị
Dục tri lai thế quả
Kim sinh tác giả thị.”

Nghĩa là:

“Muốn biết nhân đời trước
Là đời nay mình thọ
Muốn biết quả vị lai
Là đời này mình làm.”

Đây là nói rõ nhân quả ba đời. Đời trước trồng nhân gì, thì đời này kết quả đó. Trồng nhân lành thì kết quả lành, trồng nhân ác thì kết quả ác. Trồng nhân chẳng thiện chẳng ác, thì kết quả không thiện không ác. Muốn biết quả đời

sau như thế nào, thì hãy nhìn đời này làm gì? Đời này cứ làm việc lành, thì đời sau sẽ kết quả lành. Đời này cứ làm việc ác, thì đời sau sẽ kết quả ác. Cho nên nhân quả tơ hào chẳng sai. Nhân quả là mình tạo, chứ chẳng phải Phật, Bồ Tát tạo; chẳng giống như tôn giáo khác, chủ trương có thần đến chủ tế, đến chi phối vận mạng. Đó là tư tưởng sai lầm, mà càng sai lầm. Giống như mình đi đường, muốn đến hướng đông, thì đi theo hướng đông; muốn đến hướng tây, thì đi theo hướng tây, đều tùy tâm niệm của mình mà đi. Nhân quả cũng như vậy, cho nên nói ba đời nhân quả gọi là xứ. Tự tánh của chúng ta là không, chẳng có gì, tức là hợp với pháp giới mà làm một. Đây là chân không, cũng là diệu hữu. Chân không diệu hữu là tự tánh, tự tánh thì tìm chẳng được xứ sở nhất định. Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ, muốn chân chính minh bạch đạo lý chân thật này, mà phát tâm Bồ đề, siêng tu Phật đạo vô thượng.

**Đời quá khứ vị lai hiện tại
Hết thấy tất cả nghiệp thiện ác
Đều muốn biết rõ vô bất tận
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, đây là ba đời. Tâm quá khứ, tâm vị lai, tâm hiện tại, đây cũng là ba đời. Niệm quá khứ, niệm vị lai, niệm hiện tại, đây cũng là ba đời. Ba đời có ba đời thời gian dài, lại có ba thời gian ngắn. Nghiệp tạo ra trong ba đời là thiện ác lẫn lộn. Có lúc trong thiện có chút ác, hoặc trong ác có chút thiện. Chẳng phải nghiệp thiện thuần tịnh, cũng chẳng phải nghiệp ác thuần tịnh, là nghiệp thiện ác hỗn hợp. Bồ Tát muốn thấu hiểu tất

cả đạo lý, cho đến chẳng có chỗ nào mà chẳng hiểu. Do nhân duyên đó, cho nên Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

**Các thiên giải thoát và tam muội
Tạp nhiễm thanh tịnh vô lượng thứ
Đều muốn biết rõ nhập trụ xuất
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bốn thiên, tám giải thoát, chín định thứ lớp, tạp nhiễm thanh tịnh, đều có vô lượng vô biên thứ loại. Bồ Tát muốn biết rõ nhập định, trụ định, xuất định, đủ thứ cảnh giới. Vì quan hệ như vậy, cho nên Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng.

**Tùy các chúng sinh căn lợi độn
Như vậy đủ thứ sức tinh tấn
Đều muốn thấu đạt muốn phân biệt
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Có chúng sinh sanh ra thì thông minh, đây là lợi căn; có chúng sinh sanh ra thì ngu si, đây là độn căn. Cho nên căn tánh chúng sinh đều khác nhau. Nhưng bất luận là lợi căn, hoặc độn căn, đều phải dũng mãnh tinh tấn, mới có sự thành tựu. Có đủ thứ phương pháp tinh tấn. Muốn hoàn toàn thấu rõ thông đạt, phân biệt biết căn tánh lợi độn của chúng sinh. Do nhân duyên đó, Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

Tất cả chúng sinh đủ thứ giải

**Tâm họ ưa thích đều khác nhau
Như vậy vô lượng dục đều biết
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Tất cả chúng sinh có đủ thứ tri kiến, đủ thứ hiểu biết. Sự hoan hỷ trong tâm mỗi chúng sinh đều khác nhau. Vô lượng vô biên kiến giải như vậy, vì muốn hoàn toàn biết rõ, Bồ Tát nhờ đây mà trụ nơi bậc ban đầu phát tâm, phát bồ đề tâm, tu đạo vô thượng.

**Chúng sinh các loài đều khác nhau
Tất cả thế gian vô số lượng
Đều muốn biết rõ thể tánh họ
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Chúng sinh do chúng duyên hòa hợp mà sinh. Chúng sinh có mười hai loài, đó là: Thai, noãn, thấp, hóa, có tướng, không tướng, có sắc, không sắc, chẳng có tướng, chẳng có sắc, chẳng không tướng, chẳng không sắc. Phân tích tỉ mỉ mà nói, thì trong mỗi loài chúng sinh, lại có vô lượng vô biên chúng sinh. Chúng sinh giới đều khác nhau. Chúng sinh trong tất cả thế gian, chẳng có số lượng. Bồ Tát muốn thấu rõ hoàn toàn chúng sinh giới và thể tánh chúng sinh, do nhân duyên đó, nên Bồ Tát trụ nơi bậc Bồ Tát ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng.

**Tất cả hữu vi các hạnh đạo
Mỗi mỗi đều có chỗ nơi đến
Đều muốn biết rõ thật tánh đó**

Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.

Hết thấy tất cả đạo hữu vi tu hành, mỗi thứ đạo hạnh, đều có một chỗ nơi đến, tức là nơi tương lai sẽ đến. Bồ Tát muốn biết rõ tánh chân thật đó mà trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

Tất cả thế giới các chúng sinh Tùy nghiệp trôi nổi chẳng tạm ngừng Muốn được thiên nhãn đều thấy rõ Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.

Mười phương hết thấy tất cả thế giới chúng sinh, đều do khởi hoặc, đi tạo nghiệp, và thọ lấy quả báo, cho nên tùy theo nghiệp đã tạo ra mà trôi nổi. Lúc lên trời, lúc ở dưới đất, lưu chuyển trong sáu nẻo luân hồi, chẳng có lúc nào ngừng. Bồ Tát muốn được trí huệ thiên nhãn vô ngại, mới thấy rõ cảnh giới này. Do nhân duyên đó, mà trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

Trong đời quá khứ đã từng có Thể tánh như vậy tướng như vậy Đều muốn biết rõ đời trước kia Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.

Trong đời quá khứ, đã từng có thể tánh như vậy và tướng như vậy. Bồ Tát vì muốn biết rõ, thấu hiểu nhân duyên đời quá khứ, cho nên trụ ở bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

**Tất cả chúng sinh các kiết hoặc
Liên tục hiện khởi và tập khí
Đều muốn biết rõ rốt ráo hết
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Hết thấy tất cả chúng sinh, đều có kết nghiệp của mình tạo ra và có sự mê hoặc, đều liên tục không ngừng. Hiện khởi và tập khí chẳng gián đoạn. Bồ Tát muốn minh bạch biết rõ, những kết hoặc liên tục hiện khởi tập khí đủ thứ vấn đề, cứu kính đoạn sạch như thế nào ? Do nhân duyên đó, cho nên trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

**Tùy các chúng sinh chỗ an lập
Đủ thứ đàm luận đường ngôn ngữ
Như pháp thế để đều muốn biết
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Tùy thuận tất cả chúng sinh chỗ an lập, có đủ thứ đàm luận, có đủ thứ đường ngôn ngữ. Mỗi loại chúng sinh đều có đường đàm luận ngôn ngữ của họ. Theo loài người mà nói, thì toàn thế giới có rất nhiều văn tự và ngôn ngữ. Mỗi nước đều có một thứ văn tự và mấy thứ tiếng. Chúng tộc của chúng sinh khác nhau, văn tự cũng khác nhau, hết thấy pháp tục để thế gian, thập thụ Bồ Tát đều muốn biết. Do nhân duyên đó, cho nên trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề tu đạo vô thượng.

Tất cả các pháp là lời nói

**Tánh không vắng lặng chẳng tạo tác
Đều muốn thông đạt nghĩa thật này
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Hết thấy tất cả các pháp, phàm là nói ra được, đều chẳng phải pháp chân thật. Pháp chân thật là lìa tướng lời nói, lìa tướng văn tự, lìa tướng duyên tâm. Nó là quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, cho nên nói “Tất cả pháp lìa lời nói.” Nếu là pháp chân đế, thì đều lìa khỏi lời nói, do đó:

“Đường lời nói đã dứt
Chỗ tâm hành đã diệt.”

Đây tức là thật tướng lý thể của pháp. Tự tánh của tất cả pháp là không, chẳng có thật thể, cho nên “Tánh không vắng lặng chẳng tạo tác,” chẳng có cái năng tác, cũng chẳng có sở tác. Bồ Tát muốn thấu rõ thông đạt nghĩa chân thật này, cho nên trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

**Đều muốn chấn động mười phương cõi
Nghiêng đổ tất cả các biển cả
Đầy đủ chư Phật đại thần thông
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bồ Tát đều muốn mười phương cõi nước, đều có sáu thứ chấn động, có thể nghiêng đổ tất cả các biển cả. Tại sao lại có sức lực như vậy ? Đó là đầy đủ đại thần thông lực của chư Phật. Bồ Tát nhờ đây mà trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

**Muôn một lỗ lông phóng quang minh
Chiếu khắp mười phương vô lượng cõi
Trong mỗi quang minh giác tất cả
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bồ Tát muốn trong một lỗ chân lông, phóng ra đại quang minh, chiếu khắp hết thấy mười phương vô lượng các cõi Phật. Trong mỗi lỗ chân lông đều có thể phóng quang. Trong mỗi luồng quang minh, giác ngộ được tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều phát tâm bồ đề. Bồ Tát do nhân duyên cảnh giới này, mà trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

**Muôn đem các cõi Phật khó nghĩ
Đều để trong tay mà không động
Biết rõ tất cả như huyễn hóa
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bồ Tát muốn đem các cõi Phật không thể nghĩ bàn, hoàn toàn để vào trong lòng bàn tay mà chẳng giao động. Mười phương các cõi Phật cũng chẳng nhỏ, bàn tay của Bồ Tát cũng chẳng lớn, đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tại sao được như vậy ? Tri kiến của phàm phu chẳng thể minh bạch được. Khi nào chứng được ngũ nhãn lục thông, thì nhẹ mà dễ nâng lên, sẽ minh bạch đạo lý của nó. Bồ Tát thấu rõ tất cả các pháp như huyễn, như hóa, chẳng có tánh chân thật. Do nhân duyên đó, cho nên trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

**Muốn đem chúng sinh vô lượng cõi
Để đầu sợi lông chẳng đè nén
Đều biết không người không có ta
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bồ Tát muốn đem vô lượng vô biên chúng sinh trong các cõi Phật, hoàn toàn để trên đầu một sợi lông, mà chẳng đè nén, nghĩa là chẳng chật hẹp. Tại sao lại được như vậy ? Vì Bồ Tát đều biết cảnh giới không người, không ta. Bồ Tát nhờ đây mà trụ nơi bậc ban đầu phát tâm, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

**Muốn dùng sợi lông chấm nước biển
Tất cả biển cả đều khô cạn
Thấy đều phân biệt biết số giọt
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bồ Tát muốn dùng một sợi lông để chấm nước biển cả, khiến cho tất cả biển cả đều hoàn toàn khô cạn hết (Bồ Tát có thần thông diệu dụng này, không thể không tin). Bồ Tát lại biết được dùng bao nhiêu lần sợi lông chấm nước biển, làm cho biển khô cạn, nghĩa là biết rõ bao nhiêu giọt. Bồ Tát nhờ thần thông diệu dụng này, mà trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

**Không thể nghĩ bàn các cõi nước
Nghiền hết làm bụi không bỏ sót
Đều muốn phân biệt biết số bụi**

Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.

Mười phương hết thấy các thế giới, nhiều không thể nghĩ bàn. Nếu đem hết thấy cõi nước không thể nghĩ bàn nghiền nát thành bụi, chẳng có bỏ sót. Bồ Tát đều muốn phân biệt để biết có bao nhiêu hạt bụi ? Vì nhân duyên đó, cho nên Bồ Tát trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

Quá khứ vị lai vô lượng kiếp Tất cả thế gian tướng thành hoại Đều muốn thông đạt tột bờ mé Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.

Quá khứ vô lượng kiếp, vị lai vô lượng kiếp, hiện tại vô lượng kiếp, hết thấy thế gian thành như thế nào ? Trụ ra sao ? Hoại ra sao ? Không ra sao ? Tướng bốn kiếp này, Bồ Tát đều muốn thấu hiểu, thông đạt tột cùng cảnh giới của nó. Do nguyên nhân này, Bồ Tát trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

Ba đời hết thấy các Như Lai Tất cả Độc Giác và Thanh Văn Muốn biết pháp đó hết không dư Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.

Ba đời hết thấy tất cả chư Phật, tất cả Độc Giác, tất cả Thanh Văn, Bồ Tát muốn biết thế nào tu mà thành Phật ? Thế nào mà tu thành Độc Giác ? Thế nào mà tu thành

Thanh Văn ? Do nguyên nhân này, Bồ Tát trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

**Vô lượng vô biên các thế giới
Muốn dùng sợi lông để nâng lên
Như thể tướng đó đều biết rõ
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Có vô lượng vô biên thế giới. Bồ Tát muốn dùng một sợi lông để nâng lên. Thế giới đó, hoặc là thể, hoặc là tướng, Bồ Tát đều hoàn toàn biết rõ. Thập Trụ Bồ Tát, nhờ thần thông diệu dụng này mà phát tâm bồ đề, trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ.

**Vô lượng vô số núi Luân Vi
Đều muốn để vào trong lỗ lông
Như núi lớn nhỏ đều biết được
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Có vô lượng vô số núi Luân Vi, Bồ Tát muốn để vào trong một lỗ chân lông. Núi Luân Vi đó lớn hoặc nhỏ, ở trong một lỗ chân lông đều biết được. Bồ Tát muốn tu thần thông diệu dụng này, cho nên trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ, hướng về trước cầu thẳng định, tu đạo vô thượng.

**Muốn dùng một diệu âm tịch tĩnh
Ứng khắp mười phương tùy loại nói
Như vậy đều khiến hiểu thanh tịnh
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bồ Tát muốn dùng một thứ âm thanh vi diệu, ứng khắp hết thảy mười phương tất cả chúng sinh, tùy loài mà diễn nói diệu pháp không thể nghĩ bàn. Do đó:

“Phật dùng một âm diễn nói pháp
Chúng sinh tùy loài đều hiểu rõ.”

Giống như vậy, khiến cho tất cả chúng sinh đều hiểu thanh tịnh pháp âm đó. Vì Bồ Tát cũng muốn đắc được thần thông diệu dụng này, cho nên phát tâm bồ đề, trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ.

**Pháp ngôn ngữ tất cả chúng sinh
Một lời diễn nói đều hết cả
Đều muốn biết rõ tự tánh đó
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Hết thảy tất cả pháp ngôn ngữ của tất cả chúng sinh, ngôn ngữ của loài người và ngôn ngữ của súc sinh. Bồ Tát có thần thông, dùng một câu thì tất cả ngôn ngữ đều hoàn toàn nói hết. Bồ Tát muốn hoàn toàn thấu rõ và biết tự tánh của ngôn ngữ, cho nên Thập Trụ Bồ Tát phát tâm bồ đề, trụ nơi ban đầu phát tâm trụ.

**Tiếng nói thế gian đều nói được
Đều khiến họ hiểu chứng tịch diệt
Muốn được như vậy căn lữi diệu
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bồ Tát đối với tất cả ngôn ngữ âm thanh thế gian, đều nói được tất cả. Khiến cho hết thấy mỗi loài chúng sinh đều minh bạch mà chúng được pháp chân thường tịch diệt. Bồ Tát muốn đắc được căn lữ vi diệu này, hay diễn nói tất cả diệu pháp. Thập Trụ Bồ Tát, vì nhân duyên này mà phát tâm bồ đề, trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ.

**Muốn khiến mười phương các thế giới
Có tướng thành hoại đều thấy được
Thấy đều biết từ phân biệt sinh
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bồ Tát muốn khiến cho mười phương hết thấy tất cả thế giới, có thành, trụ, hoại, không, bốn tướng này, thì đều thấy được, mà còn biết được thành trụ hoại không, đều do chúng sinh phân biệt suy nghĩ mà thành tựu. Do đó, cho nên Thập Trụ Bồ Tát phát tâm bồ đề, trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ.

**Tất cả mười phương các thế giới
Vô lượng Như Lai đều thấy khắp
Đều muốn biết rõ pháp Phật đó
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Mười phương hết thấy tất cả thế giới, ở trong mỗi thế giới, đều có Phật đang ở đó giáo hóa chúng sinh, cho nên nói: “Vô lượng Như Lai đều thấy khắp.” Bồ Tát muốn biết tất cả pháp của chư Phật nói, cho nên Thập Trụ Bồ Tát phát tâm bồ đề, trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ.

**Đủ thứ biến hóa vô lượng thân
Tất cả thế giới nhiều như bụi
Đều muốn thông đạt từ tâm khởi
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bồ Tát muốn đắc được đủ thứ biến hóa vô lượng vô biên hóa thân. Hy vọng hóa thành nhiều như hết thảy hạt bụi của tất cả thế giới. Cảnh giới thần thông diệu dụng này, vẫn chẳng lìa khỏi một tâm niệm, đều từ tâm mà sinh ra. Thập Trụ Bồ Tát, vì muốn thông đạt đạo lý từ tâm khởi, cho nên phát tâm bồ đề, trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ.

**Đời quá khứ vị lai hiện tại
Vô lượng vô số các Như Lai
Muốn nơi một niệm đều biết rõ
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, có vô lượng vô số chư Phật. Bồ Tát muốn nơi một tâm niệm, đều thấu hiểu biết rõ số mục của chư Phật, Thập Trụ Bồ Tát vì nhân duyên này, mà phát tâm bồ đề, trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ.

**Muốn diễn nói đủ một câu pháp
A tăng kỳ kiếp không hết được
Mà khiến văn nghĩa đều khác nhau
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Bồ Tát muốn diễn nói đầy đủ viên mãn một câu Phật pháp, dù vô lượng vô biên kiếp cùng tận, cũng nói không xong một câu pháp. Hết thấy văn nghĩa đều khác nhau. Có lúc văn tùy nghĩa, có khi nghĩa tùy văn. Thập Trụ Bồ Tát vì muốn mãn tâm nguyện này, cho nên phát tâm bồ đề, trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ.

**Mười phương tất cả các chúng sinh
Tùy sự lưu chuyển tướng sinh diệt
Muốn nơi một niệm đều thông đạt
Bồ Tát nhờ đây sơ phát tâm.**

Mười phương thế giới hết thấy tất cả chúng sinh, đều sinh rồi chết, chết rồi sinh, sinh tử ở trong luân hồi, kết thúc rồi bắt đầu, tuần hoàn không ngừng, lưu chuyển tướng sinh diệt. Bồ Tát muốn ở trong một niệm, đều thấu rõ thông đạt tướng sinh diệt của chúng sinh. Làm thế nào khiến cho chúng sinh chẳng lưu chuyển ở trong luân hồi sinh tử, mà nhập vào dòng Thánh nhân pháp tánh. Thập Trụ Bồ Tát muốn đắc được trí huệ nhãn này, cho nên phát tâm bồ đề, mà trụ nơi bậc ban đầu phát tâm trụ.

**Muốn dùng thân lời và ý nghiệp
Đến khắp mười phương chẳng chướng ngại
Biết rõ ba đời đều không tịch
Bồ Tát nhờ đây ban đầu phát tâm.**

Bồ Tát muốn dùng thân, lời, ý ba nghiệp, ở trong một niệm, đến khắp mười phương gần gũi chư Phật, cúng

dường chư Phật. Giáo hóa chúng sinh, phổ độ chúng sinh. Ba nghiệp này đến mười phương chẳng có chướng ngại. Do đó, nguyện như thế nào thì như thế ấy. Bồ Tát muốn mình bạch biết ba đời đều là không tịch. Do đó:

“Tâm quá khứ bất khả đắc
Tâm hiện tại bất khả đắc
Tâm vị lai bất khả đắc.”

Thập Trụ Bồ Tát, do nhân duyên này mà phát tâm bồ đề, trụ ở quả vị ban đầu phát tâm trụ.

**Bồ Tát phát tâm như vậy rồi
Hãy nên đi đến mười phương cõi
Cung kính cúng dường các Như Lai
Nhờ đây khiến cho chẳng thối chuyển.**

Bồ Tát Thập Trụ phát những đại tâm bồ đề rồi, thì nên đến mười phương thế giới cõi nước chư Phật, để cung kính cúng dường chư Phật. Bồ Tát vì muốn dưỡng mãi tinh tấn mà phát tâm đại bồ đề, vĩnh viễn chẳng thối chuyển.

**Bồ Tát dưỡng mãi cầu Phật đạo
Trụ nơi sinh tử chẳng nhàm chán
Vì họ khen ngợi khiến thuận hành
Như vậy khiến cho chẳng thối chuyển.**

Bồ Tát trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Trong mỗi niệm đều phát tâm bồ đề mà chẳng khởi vọng niệm khác. Tuy Bồ Tát trụ nơi sinh tử, mà chẳng nhàm chán sinh tử. Tại sao ? Vì Bồ Tát có tâm từ bi, nhận rằng đó là trách

nhiệm của mình, cho nên tâm cam tình nguyện trụ nơi sinh tử, để giáo hóa chúng sinh, lìa khổ được vui. Song, người nhị thừa chẳng có tư tưởng này. Họ xem ba cõi như lao ngục, thấy sinh tử như oan gia. Cho nên mau mau thoát khỏi sinh tử. Tư tưởng của Bồ Tát ở nơi sinh tử tức là Niết Bàn, chẳng có hai lối nghĩ, cho nên chẳng nhàm chán sinh tử, vì chúng sinh mà khen ngợi siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, đây tức là thuận hành. Vì Bồ Tát thuận hành tinh tấn tu hành, cho nên ngày càng tinh tấn tiến về trước, chứ chẳng thối lùi về sau.

**Mười phương thế giới vô lượng cõi
Đều ở trong đó làm tôn chủ
Vì các Bồ Tát nói như vậy
Nhờ đây khiến cho chẳng thối chuyển.**

Mười phương thế giới vô lượng vô biên cõi nước, ở trong mỗi cõi nước, đều có Phật ở trong đó giáo hóa chúng sinh. Vì Thập Trụ Bồ Tát mà diễn nói pháp môn Thập Trụ, khiến cho Thập Trụ Bồ Tát phát tâm đại bồ đề, chẳng thối chuyển quả vị này.

**Tối thắng tối thượng tối đệ nhất
Pháp thâm sâu vi diệu thanh tịnh
Khuyên các Bồ Tát nói cho người
Dạy như vậy khiến lìa phiền não.**

Pháp là thù thắng nhất, cao thượng nhất, là bậc nhất. Bài kệ khai kinh có nói rằng:

“Pháp vi diệu thâm sâu vô thượng
Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được
Nay con thấy nghe được thọ trì
Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai.”

Pháp này là pháp thâm sâu vi diệu thanh tịnh. Pháp này phải nói mới vi diệu được. Nếu không nói thì có vi diệu cũng không vi diệu. Cho nên Phật mong tất cả Bồ Tát, đem pháp thâm sâu vi diệu thanh tịnh này, diễn nói cho mọi người nghe, khiến cho họ minh bạch pháp vi diệu này. Vì Bồ Tát trợ giúp Phật để giáo hóa chúng sinh. Do đó, quay thuyền từ bi trở lại, đến thế giới Ta Bà, giáo hóa chúng sinh, lìa khỏi phiền não, đắc được tự tại.

**Tất cả thế gian không gì bằng
Nơi không thể khuynh động thối phục
Vì họ Bồ Tát thường khen ngợi
Dạy như vậy khiến chẳng thối chuyển.**

Tâm kim cương kiên cố này, tất cả thế gian chẳng có gì sánh được. Cũng không thể khuynh động, cũng không thể thối phục, vì Thập Trụ Bồ Tát luôn luôn khen ngợi dũng mãnh tinh tấn bồ đề tâm. Giống như vậy, Phật giáo khiến cho Bồ Tát và chúng sinh chẳng thối chuyển tâm bồ đề.

**Phật là đại lực chủ thế gian
Đầy đủ tất cả các công đức
Khiến các Bồ Tát trụ trong đó
Nhờ đây dạy thành thẳng trượng phu.**

Phật là chủ nhân đại hùng đại lực, đã đầy đủ hết thảy tất cả công đức, khiến cho tất cả Bồ Tát phát tâm bồ đề, trụ ở trong đại lực, trụ ở trong công đức, nhờ nhân duyên đó mà giáo hóa Bồ Tát và chúng sinh trở thành bậc trượng phu thù thắng, tức cũng là bậc đại trượng phu.

**Vô lượng vô biên chỗ chư Phật
Đều được đi đến để gần gũi
Thường được chư Phật luôn nhiếp thọ
Dạy như vậy khiến chẳng thối chuyển.**

Ở chỗ vô lượng vô biên các đức Phật, Bồ Tát đều đi đến đạo tràng của các Đức Phật, để gần gũi Phật, luôn luôn được chư Phật nhiếp thọ. Như vậy, Phật giáo khiến cho tất cả Bồ Tát chẳng thối tâm bồ đề, dũng mãnh tinh tấn, cầu đạo vô thượng.

**Hết thảy tịch tĩnh các tam muội
Thấy đều diễn xướng không còn sót
Vì họ Bồ Tát nói như vậy
Nhờ đây khiến họ chẳng thối chuyển.**

Hết thảy tịch tĩnh tất cả tam muội, luôn luôn đều diễn nói diệu pháp này mà chẳng còn sót. Phật thường vì Thập trụ Bồ Tát mà nói diệu pháp này, khiến cho Bồ Tát chẳng thối chuyển tâm bồ đề, cũng khiến cho chúng sinh chẳng thối chuyển tâm bồ đề.

Phá tan các cõi vòng sinh tử

**Chuyển bánh xe diệu pháp thanh tịnh
Tất cả thế gian chẳng chấp trước
Vì các Bồ Tát nói như vậy.**

Phá tan luân hồi sinh tử các cõi. Các cõi tức là tam giới hai mươi lăm cõi, có sinh có tử. Muốn chuyển bánh xe diệu pháp thanh tịnh, do đó "Pháp luân thường chuyển". Khiến cho tất cả chúng sinh thế gian chẳng còn chấp trước, lại vì tất cả Bồ Tát nói pháp lớn không chấp trước, khiến cho Thập Trụ Bồ Tát chuyển bánh xe diệu pháp vô thượng không thể nghĩ bàn.

**Tất cả chúng sinh đọa đường ác
Vô lượng khổ nặng vây bức bách
Làm chỗ nương tựa cứu hộ họ
Vì các Bồ Tát nói như vậy.**

Bồ Tát Pháp Huệ nói: Tất cả chúng sinh tại sao hay đọa vào ba đường ác ? Vì tham sân si quá nặng, cho nên tạo ra tội nghiệp. Có tội nghiệp thì đương nhiên phải đọa vào ba đường ác, phải chịu vô lượng vô biên khổ nặng. Trong đại địa ngục phải thọ cực hình, trên núi đao dưới chảo dầu sôi, khát thì uống nước sắt nóng, đói thì ăn hoàn sắt nóng, có các sự khổ nặng nói không hết được, nào trời buộc, nào bức bách nào hại. Bồ Tát vì cứu chúng sinh thọ khổ, cũng là chỗ nương tựa của chúng sinh. Vì tất cả Bồ Tát nói pháp nên cứu hộ chúng sinh.

Đây là Bồ Tát phát tâm trụ

**Một hướng chí cầu đạo vô thượng
Như pháp dạy bảo tôi vừa nói
Tất cả chư Phật cũng như vậy.**

Đây là trụ thứ nhất trong Thập Trụ, Bồ Tát phát tâm trụ. Vì một hướng chí cầu đạo vô thượng, cho nên trụ nơi ban đầu phát tâm trụ. Giống như tôi (Pháp Huệ Bồ Tát) vừa nói pháp Thập Trụ, là pháp dạy bảo Bồ Tát và chúng sinh, tất cả chư Phật cũng như vậy.

**Thứ hai Bồ Tát trị địa trụ
Phải nên phát khởi tâm như vậy
Mười phương tất cả các chúng sinh
Nguyện đều thuận Như Lai giáo hóa.**

Trụ thứ hai là trị địa trụ. Bồ Tát trụ tại trị địa trụ, phải nên phát khởi tâm như vậy (tâm nói dưới đây), nguyện hết thảy chúng sinh mười phương thế giới, đều thuận theo đạo lý của Như Lai giáo hóa, y theo pháp mà tu hành.

**Tâm lợi ích đại bi an lạc
Tâm an trụ thương xót nhiếp thọ
Thủ hộ chúng sinh đồng tâm mình
Tâm sư cùng với tâm đạo sư.**

Bồ Tát trị địa trụ, đối với chúng sinh phải phát mười thứ tâm. Tức là tâm lợi ích, tâm đại bi, tâm an lạc, tâm an trụ, tâm thương xót, tâm nhiếp thọ, tâm thủ hộ, tâm đồng

mình, tâm sư, tâm đạo sư. Tóm lại, Bồ Tát nơi nơi đều vì chúng sinh mà phát các thứ tâm từ bi.

**Mình trụ tâm thẳng diệu như vậy
Kế khiến tụng tập cầu đa văn
Thường ưa vắng lặng chánh tư duy
Gần gũi tất cả thiện tri thức.**

Bồ Tát nhị trụ tự mình trụ tâm thù thắng vi diệu không thể nghĩ bàn như đã nói ở trên, cầu đạo vô thượng. Kế tiếp, khiến cho tất cả Bồ Tát và tất cả chúng sinh tụng kinh tập pháp, cầu học rộng hiểu nhiều. Tức cũng là tụng kinh chép kinh, thọ trì kinh điển, nghe nhiều Phật pháp. Phải thường vắng lặng, nguyện tu tập thiền định, đây là pháp môn tư duy tu. Lại phải gần gũi tất cả thiện tri thức, xa lìa ác trí thức. Tại sao ? Vì thiện tri thức có thể dạy bạn tu hành như thế nào, trừ khử tập khí mao bệnh như thế nào ? Ác trí thức dạy bạn chẳng tu hành, làm tăng thêm tập khí mao bệnh của bạn. Cho nên phải gần gũi thiện tri thức, xa lìa ác trí thức.

**Nói lời hòa duyệt lìa thô bạo
Nói phải biết thời chẳng sợ hãi
Thấu đạt nơi nghĩa như pháp hành
Xa lìa ngu mê tâm chẳng động.**

Bất cứ lúc nào nói lời nói phải hòa nhan duyệt sắc, không thể nói lời thô bạo, càng không thể nói lời chẳng có lẽ nghĩa. Lúc cần nói thì nói, chẳng có sự sợ hãi. Lúc

không nên nói thì đừng nói lời bậy bạ, phải cẩn thận lời nói. Người xưa có nói:

“Bệnh từ miệng mà vào
Họa do miệng mà ra.”

Đây là triết lý kinh nghiệm. Phải thấu rõ tất cả nghĩa lý, y theo phương pháp tu hành, phải xa lìa ngu mê. Lúc này tâm có định lực thì chẳng giao động, chẳng bị cảnh bên ngoài làm lay chuyển. Do đó có câu:

“Núi Thái dù đổ trước mặt chẳng kinh sợ
Người đẹp trước mắt chẳng giao động.”

**Đây là ban đầu học hạnh bồ đề
Hay hành hạnh này chân Phật tử
Nay tôi nói hạnh họ nên hành
Như vậy Phật tử nên siêng học.**

Đây là Bồ Tát ban đầu phát tâm, tu tập hạnh bồ đề. Hay tu hành thứ hạnh môn này, tức là Phật tử chân chánh. Tôi (Bồ Tát Pháp Huệ) hiện tại vì Bồ Tát ban đầu phát tâm, mà nói hạnh bồ đề nên tu hành. Pháp như vậy, tất cả Phật tử, nên siêng năng tinh tấn, đừng giải đãi.

**Bồ Tát tu hành trụ thứ ba
Nên y Phật dạy siêng quán sát
Các pháp vô thường khổ và không
Chẳng có ta người chẳng động tác.**

Trụ thứ ba là Bồ Tát tu hành trụ. Bồ Tát trụ tại tu hành trụ, nên y chiếu theo pháp của Phật dạy mà siêng quán sát, y giáo tu hành. Phải biết các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã. Chẳng những chẳng có cái ta, chẳng có người, cũng chẳng có động tác. Phá tan mọi chấp trước thì chẳng còn chấp ta và chấp pháp. Chấp ta tức là phiền não chướng, chấp pháp tức là sở tri chướng.

**Tất cả các pháp không đáng ưa
Chẳng có danh tự chẳng xứ sở
Chẳng có phân biệt chẳng chân thật
Hay quán như vậy gọi Bồ Tát.**

Tất cả các pháp, đều chẳng đáng ưa, cũng chẳng có danh tự, cũng chẳng có xứ sở, cũng chẳng có phân biệt (tâm thức có phân biệt, trí tâm chẳng có phân biệt), cũng chẳng có chân thật, tất cả đều là hư vọng. Hay quán sát được như thế thì gọi là Bồ Tát.

**Lại khiến quán sát chúng sinh giới
Và khuyên quán sát nơi pháp giới
Thế giới khác nhau không sót thừa
Nơi đó đều nên khuyên quán sát.**

Lại nữa, khiến cho Bồ Tát quán sát tất cả chúng sinh giới và khuyên quán sát pháp giới. Hết thấy thế giới, khác nhau như thế nào, đều phải minh bạch thấu rõ. Hết thấy chúng sinh giới, pháp giới, thế giới, đều nên khuyên quán sát.

**Mười phương thể giới và hư không
Hết thủy đất nước và gió lửa
Dục giới sắc giới vô sắc giới
Đều khuyên quán sát khiến cùng tận.**

Mười phương thể giới và hư không giới, cùng với hết thủy đất nước gió lửa bốn đại, cho đến dục giới, sắc giới, vô sắc giới, đều nên khuyên Bồ Tát và chúng sinh quán sát tỉ mỉ. Tất cả pháp này, phải biết tất cả đều là tướng khác nhau.

**Quán sát giới đó đều khác nhau
Và thể tánh đó đều rất ráo
Được dạy như vậy siêng tu hành
Đây tức gọi là chân Phật tử.**

Quán sát hết thủy chúng sinh giới, pháp giới, thể giới, dục giới, sắc giới, vô sắc giới và đất nước gió lửa bốn đại giới, đều là tướng khác nhau. Và thể tánh của mỗi giới, rất ráo thấu rõ, hay được sự dạy khuyên tu hành như vậy, quán sát nhân duyên của tất cả pháp, hay thấu suốt tất cả pháp, thì gọi đó là Phật tử chân chánh.

**Thứ tư Bồ Tát sinh quý trụ
Từ các Thánh giáo mà sinh ra
Thấu suốt các cõi chẳng chỗ có
Vượt qua pháp đó sinh pháp giới.**

Trụ thứ tư là Bồ Tát sinh quý trụ. Bồ Tát sinh quý trụ, là từ trong tất cả Thánh giáo sinh ra. Hay thông đạt tất cả các cõi đều là không, chẳng có thể tánh chân thật. Vượt qua tất cả pháp hữu vi, dùng pháp giới làm thể.

**Tin Phật vững chắc không thể hoại
Quán pháp vắng lặng tâm an trụ
Tùy các chúng sinh đều biết rõ
Thể tánh hư vọng không chân thật.**

Tâm tin Phật phải kiên cố hơn là kim cương, không thể phá hoại được. Quán sát tất cả các pháp, đều là tướng vắng lặng, trong tâm chẳng sợ hãi, an trụ nơi pháp. Tùy thuận chúng sinh giới đều thấu rõ biết được, thể tánh đều là hư vọng, chẳng có chân thật.

**Cõi nước thế gian nghiệp và báo
Sinh tử Niết Bàn đều như vậy
Phật tử nơi pháp quán như vậy
Từ Phật thân sinh gọi Phật tử.**

Thế gian có chánh giác, hữu tình, khí, ba thế gian. Chỗ của Phật, Bồ Tát, Thánh nhân ở, gọi là chánh giác thế gian, chỗ của tất cả chúng sinh ở, gọi là hữu tình thế gian. Tất cả sông núi đất đai, nhà cửa phòng ốc, đều gọi là khí thế gian. Thế gian cõi nước của chúng sinh, vì một niệm vô minh mà sinh ra mê hoặc. Mê hoặc thì đi tạo nghiệp, tạo nghiệp thì phải thọ quả báo. Tạo nghiệp thiện thì thọ báo thiện, tạo nghiệp ác thì thọ báo ác. Sinh tử và Niết Bàn đều

như nhau. Có phiền não thì có sinh tử, biến phiền não thành bồ đề, tức là Niết Bàn. Đệ tử của Phật, đối với tất cả các pháp, đều phải quán sát như vậy. Nếu chẳng có mọi sự chấp trước, thì giống như từ thân Phật tự sinh ra, gọi là đệ tử của Phật.

**Đòi quá khứ vị lai hiện tại
Trong đó hết thấy các Phật pháp
Biết rõ tích tập và viên mãn
Như vậy tu tập khiến rất ráo.**

Đòi quá khứ, đòi vị lai, đòi hiện tại, trong ba đời này, Phật pháp của chư Phật nói, đều thấu rõ biết được, là do ít tích tập thành nhiều, từ chỗ không biết mà biết ít, từ chỗ biết ít mà biết nhiều, từ chỗ biết nhiều mà viên mãn. Tu học sáu độ vạn hạnh như vậy, khiến cho đến được quả vị rất ráo.

**Ba đời tất cả các Như Lai
Hay tùy quán sát đều bình đẳng
Đủ thứ khác nhau bất khả đắc
Người quán như vậy thấu ba đời.**

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, hay tùy theo nhân duyên để quán sát tất cả chúng sinh, đều là bình đẳng. Đủ thứ khác nhau đều là không thể được. Quán sát như vậy chẳng có chấp trước, thì sẽ thông đạt đạo lý ba đời vô ngại.

Như tôi tán dương khen ngợi họ

**Đây là các công đức tứ trụ
Nếu hay y pháp siêng tu hành
Sớm thành Phật bồ đề vô thượng.**

Giống như tôi (Bồ Tát Pháp Huệ) tán thán khen ngợi tất cả Bồ Tát, đây tức là hết thảy tất cả công đức của Bồ Tát đệ tứ trụ (trụ thứ tư). Nếu hay y pháp siêng năng tu hành, thì sớm sẽ thành tựu quả vị bồ đề của Phật.

**Từ đây các Bồ Tát thứ năm
Gọi là cụ túc phương tiện trụ
Vào sâu vô lượng xảo phương tiện
Phát sinh nghiệp công đức rất ráo.**

Trụ thứ năm là Bồ Tát cụ túc phương tiện trụ. Bồ Tát cụ túc phương tiện trụ, vào sâu vô lượng vô biên pháp môn phương tiện khéo léo, tu hành thành công thì sẽ phát sinh đủ thứ công đức rất ráo, đắc được nghiệp báo viên mãn.

**Các công đức của Bồ Tát tu
Đều vì cứu hộ các quần sinh
Chuyên tâm lợi ích và an lạc
Thương xót hướng về khiến độ thoát.**

Vì Bồ Tát tu hành tất cả phước đức, cho nên có sức đại thần thông, có thể cứu hộ tất cả chúng sinh. Bồ Tát chuyên tâm lợi ích chúng sinh, khiến cho chúng sinh đắc được an lạc. Bồ Tát thương xót hướng về, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, cải tà theo chánh, phát tâm bồ đề, tu

đạo bờ đề, từ bờ sinh tử bên này, qua dòng phiền não, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia.

**Vì các thế gian trừ các nạn
Dẫn thoát chúng sinh khiến hoan hỷ
Điều phục hết thảy không bỏ sót
Đều khiến đủ đức hướng Niết Bàn.**

Bồ Tát lấy từ bi làm bản hoài, vì tất cả thế gian trừ khử tất cả tai nạn, tiếp dẫn tất cả chúng sinh thoát khỏi tất cả phiền não. Khiến cho tất cả chúng sinh đều được hoan hỷ. Mỗi chúng sinh càng cường đều bị điều phục, chẳng có chúng sinh nào bỏ sót không được điều phục, hoàn toàn đều được cứu thoát. Khiến cho tất cả chúng sinh đều đầy đủ phước đức, đi hướng về đường Niết Bàn.

**Tất cả chúng sinh chẳng bờ mé
Vô lượng vô biên không nghĩ bàn
Cho đến không thể xưng lượng thảy
Nghe thọ pháp Như Lai như vậy.**

Hết thảy tất cả chúng sinh chẳng có bờ mé, hạn lượng, số mục, có nhiều không thể nghĩ bàn, cũng không thể cân để xưng, cũng không thể dùng thước để lường. Chúng sinh nhiều như vậy, đều nghe thọ pháp cụ túc phương tiện trụ của Phật nói.

**Đây trụ thứ năm chân Phật tử
Thành tựu phương tiện độ chúng sinh**

Tất cả công đức đại trí tôn Dùng pháp như vậy để khai thị.

Chân Phật tử của trụ thứ năm, thành tựu pháp cụ túc phương tiện, để phổ độ tất cả chúng sinh thoát khỏi biển khổ. Thế Tôn tích tập tất cả công đức đại trí huệ, dùng pháp này để khai thị tất cả chúng sinh, khiến cho phát tâm bồ đề, cầu đạo vô thượng.

Thứ sáu chánh tâm viên mãn trụ Nơi pháp tự tánh chẳng mê hoặc Chánh niệm suy gẫm lià phân biệt Tất cả trời người không động được.

Trụ thứ sáu là Bồ Tát chánh tâm viên mãn trụ, Bồ Tát chánh tâm trụ, đối với Phật pháp thấu suốt, nhận thức rất rõ ràng, chẳng có tơ hào mê hoặc. Bồ Tát dùng trí huệ chánh niệm để suy gẫm pháp này, lià khỏi tâm phân biệt. Cho nên hàng trời, người, chẳng cách chi trắc lường được cảnh giới này, cũng chẳng cách chi giao động được chánh tâm niệm này.

Nghe khen chê Phật và Phật pháp Bồ Tát và hạnh Bồ Tát hành Chúng sinh hữu lượng hoặc vô lượng Hữu cầu vô cầu độ khó dễ.

Định lực của Bồ Tát chánh tâm trụ đều viên mãn, cho nên nghe khen ngợi Phật, hoặc phỉ báng Phật, khen

ngợi pháp, hoặc phỉ báng pháp, khen ngợi Bồ Tát, hoặc phỉ báng Bồ Tát, mà tâm chẳng giao động. Chẳng bị gió lời nói thổi lay động. Hạnh môn của Bồ Tát tu hành, hoặc khen ngợi, hoặc phỉ báng, đều chẳng động tâm. Hoặc chúng sinh hữu lượng, hoặc chúng sinh vô lượng, hoặc chúng sinh hữu cầu, hoặc chúng sinh vô cầu, hoặc chúng sinh khó độ, hoặc chúng sinh dễ độ, Bồ Tát chánh tâm trụ nghe được có người nói những vấn đề này, đều chẳng động tâm. Tại sao vậy ? Vì định lực của Bồ Tát chánh tâm trụ rất kiên cố, chẳng bị cảnh bên ngoài làm giao động.

**Pháp giới lớn nhỏ và thành hoại
Hoặc có hoặc không tâm chẳng động
Quá khứ vị lai và hiện tại
Xét nghĩ suy gẫm luôn quyết định.**

Có người nói pháp giới là lớn, hoặc là nhỏ, hoặc lúc thành tựu, hoặc lúc tan hoại, hoặc là có, hoặc là không, những lời nói này đều là giả, chẳng thật có, cho nên tâm chẳng động. Không màng là quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, suy xét để suy gẫm, luôn luôn quyết định.

**Tất cả các pháp đều vô tướng
Không thể không tánh không chẳng thật
Như huyễn như mộng lìa phân biệt
Luôn thích lắng nghe nghĩa như vậy.**

Hết thấy tất cả các pháp đều chẳng có hình tướng, cũng chẳng có thể, cũng chẳng có tánh, cũng chẳng thật tại,

mà là tướng vắng lặng. Giống như huyễn hóa không thật, giống như cảnh giới hư vọng ở trong mộng. Bản thể của pháp là lìa khỏi phân biệt. Bồ Tát chánh tâm trụ, luôn luôn muốn lắng nghe đạo lý không thể nghĩ bàn này.

Thứ bảy Bồ Tát bất thối chuyển Nơi Phật và pháp Bồ Tát hạnh Hoặc có hoặc không thoát không thoát Tuy nghe nói đó chẳng thối động.

Trụ thứ bảy là Bồ Tát bất thối trụ. Bồ Tát bất thối trụ, đối với Phật Pháp Tăng Tam Bảo, có người khen ngợi, hoặc phi báng, thì tâm chẳng động. Có người nói có Tam Bảo, hoặc chẳng có Tam Bảo, cũng chẳng động tâm. Có người nói tu hành được thoát khỏi ba cõi, hoặc chẳng thoát khỏi ba cõi, cũng chẳng động tâm. Tuy nhiên nghe nói những pháp này, mà tâm chẳng giao động, chẳng thối chuyển tâm bồ đề.

Đời quá khứ hiện tại vị lai Tất cả chư Phật có hoặc không Trí Phật hữu tận hoặc vô tận Ba đời một tướng đủ thứ tướng.

Có người nói ba đời có Phật, hoặc không có Phật, trí huệ của Phật hữu tận, hoặc không cùng tận, ba đời là một tướng, hoặc nhiều tướng. Nói những pháp này, Bồ Tát bất thối trụ đều chẳng động tâm.

Một tức là nhiều nhiều tức một

**Văn tùy nơi nghĩa nghĩa tùy văn
Như vậy tất cả triển chuyển thành
Bậc bất thối đấng vì họ nói.**

Một tức là nhiều, nhiều tức là một. Người có chấp trước thì nhận rằng một tức là một, nhiều tức là nhiều. Nếu nói với họ một là nhiều, thì họ chẳng tin, nói nhiều là một, thì họ càng không tin. Tại sao ? Vì có sự chấp trước. Nếu như người chẳng chấp trước, thì biết một là do nhiều mà một, nhiều là do một mà nhiều, bốn lai chẳng có gì phân biệt, cho nên “Một tức là nhiều, nhiều tức một.” Ở trong văn tự có nghĩa, văn là hiển nghĩa, nghĩa cũng do văn sinh ra. Văn tự Bát Nhã tức là văn, quán chiếu Bát Nhã là nghĩa. Thật tướng Bát Nhã tức là đạo lý văn và nghĩa, giống như nhiều tức là một, một tức là nhiều, đây là văn tùy nơi nghĩa, nghĩa tùy nơi văn. Những đạo lý này đều liên tục không ngừng, cùng nhau thành tựu, triển chuyển mà thành tựu. Đạo lý sự lý vô ngại, sự sự vô ngại này, Bồ Tát bất thối trụ, đều minh bạch, nên vì chúng sinh mà nói.

**Nếu pháp có tướng và vô tướng
Nếu pháp có tánh và vô tánh
Đủ thứ khác nhau làm quyến thuộc
Người này nghe rồi được rốt ráo.**

Hoặc nói pháp này có tướng, hoặc nói pháp kia vô tướng, hoặc nói pháp này có tánh, hoặc nói pháp này không tánh. Bồ Tát bất thối trụ nghe được những sự nói pháp này, chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển. Đủ thứ sự khác nhau

này, cùng nhau làm quyền thuộc. Bồ Tát bất thời trụ, nghe pháp này rồi, đắc được nghĩa lý rốt ráo.

**Thứ tám Bồ Tát đồng chân trụ
Thân lời ý hành đều đầy đủ
Tất cả thanh tịnh chẳng có lỗi
Tùy ý thọ sinh được tự tại.**

Trụ thứ tám là Bồ Tát đồng chân trụ. Đồng chân tức là chân thể đồng tử thuần dương. Bồ Tát đồng chân trụ, chẳng có tư tưởng bất chánh đáng, cũng chẳng có tập khí không tốt, cho nên thân lời ý ba nghiệp đều đầy đủ thanh tịnh, chẳng có tất cả lỗi lầm. Tùy theo tâm nguyện của mình mà đi thọ sinh, nguyện muốn đến cõi chúng sinh nào, thì đến cõi chúng sinh đó, chẳng bị hạn chế. Do đó có câu: “Du hý nhân gian” đều tự tại, đều hợp pháp.

**Biết các chúng sinh tâm ưa thích
Đủ thứ kiến giải đều khác nhau
Cho đến hết thấy tất cả pháp
Mười phương cõi nước tướng thành hoại.**

Bồ Tát đồng chân trụ, biết sự ưa thích trong tâm của tất cả chúng sinh. Hết thấy chúng sinh, hết thấy tư tưởng, hết thấy kiến giải, đều khác nhau mà chẳng giống nhau. Và tất cả pháp tu hành, bốn tướng thành trụ hoại không trong mười phương cõi nước, Bồ Tát đều biết thấu hiểu rõ ràng.

Đắc được diệu thần thông mau chóng

**Trong khắp mọi nơi tùy niệm đến
Nơi chỗ chư Phật lắng nghe pháp
Khen ngợi tu hành chẳng giải đãi.**

Bồ Tát đồng chân trụ, sớm đắc được thần thông diệu dụng mau chóng, trong tất cả mọi nơi, tùy tâm niệm mà qua đến, đến chỗ đạo tràng của mười phương chư Phật để lắng nghe kinh, nghe pháp. Khen ngợi tu hành, tức là cung hành thật tiến, dũng mãnh tinh tấn. Chẳng giải đãi, tức là không lười biếng, chẳng nhàm mỏi.

**Biết rõ tất cả các cõi Phật
Chấn động gia trì cũng quán sát
Vượt qua cõi Phật không thể lường
Du hành thế giới vô biên số.**

Bồ Tát đồng chân trụ, thấu rõ tất cả cõi nước chư Phật, có lúc chấn động, có lúc gia trì, cũng khéo quán sát. Sự chấn động sự gia trì, vượt qua cõi Phật nhiều không thể lường được. Lại hay hiện ra cảnh giới du hí tam muội, du hành thế giới chẳng có số lượng.

**A tăng kỳ pháp đều thừa hỏi
Chỗ muốn thọ thân đều tự tại
Lời lẽ khéo léo sung mãn khắp
Chư Phật vô số đều hầu hạ.**

Có vô lượng vô số các diệu pháp, Bồ Tát đồng chân trụ, trong một niệm, có thể thừa hỏi. Vì Bồ Tát chẳng sợ

sinh tử, cho nên chỗ muốn thọ thân, đều rất tự tại, chẳng có mọi sự thống khổ. Bồ Tát đồng chân trụ, lời lẽ nói ra đều rất êm tai hòa nhã, khéo diễn nói tất cả diệu pháp, sung mãn khắp pháp giới, và còn đến mười phương thế giới để thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật.

**Thứ chín Bồ Tát vương tử trụ
Thấy được chúng sinh thọ sinh khác
Phiền não hiện tập đều biết hết
Sở hành phương tiện đều khéo rõ.**

Trụ thứ chín là Bồ Tát vương tử trụ. Bồ Tát pháp vương tử trụ, thấy được tất cả chúng sinh thọ sinh khác nhau. Hiện tượng phiền não và tập khí đều biết hết. Sở tu hành tất cả pháp môn phương tiện đều khéo biết rõ.

**Các pháp đều khác oai nghi khác
Thế giới tiền hậu tế đều khác
Như thế tục đế đệ nhất nghĩa
Đều khéo biết rõ chẳng sót thừa.**

Hết thấy tất cả pháp khác nhau, hết thấy tất cả oai nghi cũng khác nhau, hết thấy tất cả thế giới cũng khác nhau, tiền hậu tế cũng khác nhau. Hoặc có tục đế của thế tục, hoặc có chân đế của xuất thế. Những pháp môn này, Bồ Tát pháp vương tử trụ đều hoàn toàn khéo biết rõ, cho nên chẳng có chỗ nào mà không minh bạch.

Pháp Vương khéo léo nơi an lập

**Tùy theo xứ sở hết thầy pháp
Cung điện Pháp Vương hoặc hướng vào
Cho đến quán thầy ở trong đó.**

Pháp Vương khéo giáo hóa chúng sinh, an lập cứu hộ chúng sinh, tùy theo tình hình xứ sở mà dùng phương pháp gì để dạy chúng sinh. Cung điện của Pháp Vương ở, nơi bồ đề đại đạo Pháp Vương hướng vào, cùng với pháp mà đấng Pháp Vương minh bạch, quán thầy đủ thứ các pháp.

**Pháp quán đánh mà Pháp Vương có
Thần lực gia trì chẳng khiếp sợ
Cung thất yên nghỉ và ngợi khen
Dùng đây chỉ dạy Pháp Vương tử.**

Phật là đấng Pháp Vương, Bồ Tát là con của đấng Pháp Vương. Khi Bồ Tát sắp thành Phật, thì trước hết phải thọ pháp quán đánh. Mười phương chư Phật đều đến vì Bồ Tát quán đánh. Phật dùng thần lực gia trì, khiến cho Ngài chẳng có khiếp sợ, thường hành từ bi hỷ xả, bốn tâm vô thượng. Pháp Vương yên nghỉ như thế nào ? Trụ cung điện như thế nào ? Tại cung điện phải làm gì ? Khi Pháp Vương được người khen ngợi thì thế nào ? Những quy cụ này, chư Phật chỉ dạy Pháp Vương tử làm như thế nào ?

**Như vậy vì nói ra hết cả
Mà khiến cho tâm chẳng chấp trước
Nơi đây biết rõ tu chánh niệm**

Tất cả chư Phật hiện ra trước.

Giống như ở trước, Pháp Vương vì Pháp Vương tử nói đủ thứ quy cụ, nói ra hết. Mục đích của Phật nói là phá chấp trước, khiến cho tâm chẳng còn chấp trước. Cải tà quy về chánh, khử thức tồn trí. Biết rõ tu hành chánh niệm như thế nào, mới có chánh tri kiến, đắc được chánh định. Nếu y chánh niệm để tu hành, thì chư Phật sẽ hiện ra ở trước để quán đánh thọ ký.

Thứ mười quán đánh chân Phật tử Thành mãn pháp bậc nhất tối thượng Mười phương vô số các thế giới Thấy đều chấn động quang chiếu khắp.

Trụ thứ mười là Bồ Tát quán đánh trụ. Bồ Tát quán đánh trụ là Phật tử chân chánh, chẳng thối chuyển, thường học theo Phật, thành tựu viên mãn pháp bậc nhất tối thượng. Hay ở trong mười phương vô số thế giới, dùng sáu thứ chấn động, khiến cho chúng sinh phát tâm Bồ đề, lại phóng đại quang minh chiếu khắp mười phương pháp giới, khiến cho chúng sinh học đạo vô thượng.

Trụ trì qua đến cũng không thừa Thanh tịnh trang nghiêm đều đầy đủ Khai thị chúng sinh vô số lượng Quán sát các căn đều biết hết.

Bồ Tát quán đánh trụ, Ngài hay trụ trì thế gian tất cả Phật pháp, lại hay dùng thần thông đến mười phương thế

giới, cúng dường tất cả chư Phật, chẳng có cõi Phật nào mà không đến cúng dường. Phạm là có cõi Phật, thì đều đi đến cúng dường, thanh tịnh trang nghiêm, đầy đủ viên mãn. Khai thị chúng sinh nhiều chẳng có số lượng, tuy độ chúng sinh mà chẳng có tướng độ sinh. Trong kinh Kim Cang có nói:

“Diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh
Thật chẳng có chúng sinh được diệt độ.”

Tại sao ? Vì lìa khỏi sự chấp trước độ sinh. Biết “Bản lai không một vật, chỗ nào dính bụi bặm.” Quán sát tất cả chúng sinh nhân duyên độ được, chẳng độ được, lại quán sát căn tánh của chúng sinh, là lợi căn hay độn căn ? Dùng diệu quán sát trí để quán sát rất rõ ràng, hoàn toàn thấu rõ, chẳng phải quán sát tựa đúng mà sai, chẳng có chỗ nào mà chẳng triệt để, chẳng rốt ráo !

**Phát tâm điều phục cũng vô biên
Đều khiến hướng về đại bồ đề
Tất cả pháp giới đều quán sát
Mười phương cõi nước đều qua đến.**

Bồ Tát quán danh trụ, phát tâm điều phục chúng sinh cang cường. Điều phục vô lượng vô biên chúng sinh, đều khiến cho hướng về bồ đề đại đạo, đi đến quả vị Phật. Hết thấy mười pháp giới, Bồ Tát đều dùng trí huệ để quán sát. Mười phương cõi nước chư Phật, đều đi đến thừa sự cúng dường tất cả chư Phật.

Trong đó thân và thân sở tác

**Thần thông biến hiện khó dò được
Ba đời cõi Phật các cảnh giới
Cho đến vương tử không biết được.**

Bồ Tát quán đánh trụ, thân và thân tác nghiệp, tu tịnh nghiệp; thần thông biến hiện không thể nghĩ bàn, không thể dò được. Mười phương ba đời tất cả chư Phật cõi nước, hết thấy cảnh giới, đều không giống nhau. Cảnh giới này, Bồ Tát trụ ở pháp vương tử trụ cũng chẳng biết được, chỉ có Bồ Tát quán đánh trụ, mới thấu rõ được cảnh giới này.

**Tất cả ai thấy trí ba đời
Nơi các Phật pháp trí thấu rõ
Pháp giới vô ngại vô biên trí
Sung mãn tất cả thế giới trí.**

Tất cả ai thấy có trí huệ ba đời, đối với tất cả Phật có trí huệ thấu rõ. Dùng trí huệ viên dung vô ngại để quán sát pháp giới, trí huệ sung mãn tất cả thế giới, đây là diệu quán sát trí của Bồ Tát quán đánh trụ.

**Trí chiếu sáng thế giới trụ trì
Trí biết rõ chúng sinh các pháp
Và trí biết chánh giác vô biên
Như Lai vì nói ra hết cả.**

Có trí huệ mới có quang minh, có quang minh mới chiếu sáng tất cả thế giới. Trí huệ trụ trì Phật pháp phải

thấu rõ biết nhân duyên và quả báo của tất cả chúng sinh, cho đến khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, các pháp, còn phải biết chánh giác vô biên trí huệ của Phật. Phật vì tất cả Bồ Tát mà nói trí huệ này, hoàn toàn khiến cho minh bạch.

**Như vậy các Bồ Tát Thập Trụ
Đều từ pháp Như Lai hóa sinh
Tùy theo hết thấy hạnh công đức
Tất cả trời người không dò được.**

Tất cả các Bồ Tát Thập Trụ này, đều từ pháp của Phật nói hóa sinh ra. Do đó: “Từ miệng Phật sinh - Từ pháp hóa sinh.” Là vì Pháp Vương tử, tùy theo tất cả hạnh công đức của Bồ Tát. Tất cả chư Thiên và loài người, đều không thể biết được tất cả hạnh công đức của Bồ Tát tu, cũng không thể trắc lường được.

**Đời quá khứ vị lai hiện tại
Phát tâm cầu Phật không bờ mé
Mười phương cõi nước đều sung mãn
Sớm sẽ thành tựu nhất thiết trí.**

Bồ Tát Thập Trụ ở trong ba đời, phát tâm cầu Phật đạo vô thượng, pháp môn tu hành này chẳng có bờ mé. Ở trong mười phương cõi nước, đều sung mãn công đức này, sớm sẽ thành tựu nhất thiết trí, viên mãn quả vị Phật.

**Tất cả cõi nước không bờ mé
Thế giới chúng sinh pháp cũng vậy**

Hoặc nghiệp tâm thích đều khác nhau Nương đó mà phát tâm bồ đề.

Có một núi Tu Di, một mặt trời, một mặt trăng, một bốn đại châu, gọi là một thế giới. Trong thế giới có rất nhiều nước, đây gọi là cõi nước. Cõi nước chẳng có bờ mé, thế giới chẳng có bờ mé, chúng sinh chẳng có bờ mé, chúng sinh vì vô minh mà sinh ra tướng tam tế.

1). Tướng nghiệp: Tức là khởi hoặc tạo nghiệp.

2). Tướng hiện: Hiện ra tướng nghiệp.

3). Tướng chuyển: Tướng nghiệp này triển chuyển luân hồi. Khởi hoặc thì phải tạo nghiệp, tạo nghiệp thì phải thọ quả báo, đây là đạo lý tự nhiên. Trong tâm chúng sinh ưa thích, hoan hỷ, hy vọng, đều khác nhau, vô minh sinh ra hoặc nghiệp khổ, nếu giác ngộ được thì phát tâm bồ đề, nghiên cứu tu hành như thế nào!

Một niệm ban đầu cầu Phật đạo Thế gian chúng sinh và nhị thừa Hết thấy cũng không thể biết được Hà hưởng các hạnh công đức khác.

Ban đầu phát tâm tu Phật đạo, một niệm tâm này, hết thấy chúng sinh thế gian và hàng nhị thừa chẳng cách chi biết được. Hà hưởng là các hạnh công đức dư thừa khác ? Càng không có ai biết được.

Mười phương hết thấy các thế giới Dùng một sợi lông nâng lên được

Người đó biết được Phật tử này Hương về hạnh trí huệ Như Lai.

Thế giới này, thế giới kia, vô lượng các thế giới, Bồ Tát có thể dùng sức thần thông, dùng một sợi lông nâng mười phương hết thấy thế giới lên được. Bồ Tát Thập Trụ mới biết được công đức và năng lực của Phật tử, mới có thể thú hương về hạnh môn trí huệ viên mãn của Phật.

Mười phương hết thấy các biển cả Đều dùng đầu lông chấm khô cạn Người đó biết được Phật tử này Một niệm sở tu hạnh công đức.

Mười phương hết thấy tất cả biển cả, Bồ Tát dùng đầu sợi lông để chấm nước biển, có thể khiến cho nước biển khô cạn. Bồ Tát có thần thông như thế, mới biết được cảnh giới của Bồ Tát Thập Trụ. Một niệm ban đầu phát tâm, hạnh công đức tu hành thành tựu, đều biết được.

Tất cả thế giới nghiền thành bụi Đều phân biệt được biết số lượng Như vậy người đó mới thấy được Sự hành đạo các Bồ Tát này.

Nếu đem tất cả thế giới trong mười phương nghiền thành bụi, thì Bồ Tát cũng phân biệt được cứu kính có bao nhiêu hạt bụi. Bồ Tát có thần thông như thế, mới thấy được con đường tu hành của Bồ Tát Thập Trụ.

**Vị lai hiện tại mười phương Phật
Tất cả Độc Giác và Thanh Văn
Đều dùng đủ thứ diệu biện tài
Khai thị sơ phát bồ đề tâm.**

Mười phương chư Phật quá khứ, mười phương chư Phật vị lai, mười phương chư Phật hiện tại, hết thấy Độc Giác Phật và tất cả Thanh Văn, dùng đủ thứ biện tài vi diệu, để khai thị chỉ dạy cho tất cả chúng sinh, khiến cho phát tâm bồ đề.

**Phát tâm công đức không thể lường
Sung mãn tất cả chúng sinh giới
Chúng trí cùng nói không hết được
Hà hưởng các diệu hạnh khác kia.**

Công đức của Bồ Tát sơ phát tâm trong Thập Trụ, đã là không thể nghĩ bàn, hà hưởng là công đức của trụ Bồ Tát khác, càng không thể nghĩ bàn. Sung mãn khắp tất cả chúng sinh giới. Hết thấy tất cả trí huệ, cùng nhau nói công đức của Thập Trụ, cũng nói không hết. Hà hưởng là các diệu hạnh khác, càng nói không hết được.

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT QUYÊN MƯỜI BẢY

PHẨM PHẠM HẠNH THỨ MƯỜI SÁU

Phạm hạnh là gì ? Chân cảnh là phạm, trí huệ là hạnh. Hoặc Niết Bàn là phạm, tu nhân là hạnh. Tóm lại, phạm hạnh tức là thanh tịnh hạnh. Vì ở trước đã có phẩm tịnh hạnh, cho nên phẩm này gọi là phẩm phạm hạnh. Phạm hạnh dùng gì làm thể ? Dùng giới, tứ đẳng, huệ, ba thứ làm thể. Giới hay ngừa ác phòng quấy. Tứ đẳng tức là từ bi hỷ xả bốn tâm vô lượng. Huệ tức là trí huệ Bát Nhã. Đây là hạnh thanh tịnh tu tập của Bồ Tát. Làm thế nào mới có thể tu tập ? Kinh văn ở dưới sẽ giải thích rõ ràng, phẩm này thuộc về phẩm thứ mười sáu của kinh Hoa Nghiêm, cho nên gọi là Phẩm Phạm Hạnh Thứ Mười Sáu.

Bấy giờ, Thiên Tử Chánh Niệm bạch Bồ Tát Pháp Huệ rằng: Phật tử ! Các chúng Bồ Tát trong tất cả thế giới, nương sự chỉ dạy của Như Lai, nhuộm y xuất gia. Làm thế nào để đắc được phạm hạnh thanh tịnh. Từ bậc Bồ Tát mà chứng đắc đạo bồ đề vô thượng ?

Bồ Tát Pháp Huệ nói xong phẩm Thập Trụ rồi, bây giờ nói Phẩm Phạm Hạnh. Có vị Thiên Tử Chánh Niệm, rất cung kính quỳ xuống chấp tay hướng về Bồ Tát Pháp Huệ nói: “Đại đệ tử của Phật ! Trong tất cả thế giới hết thấy Bồ Tát phát tâm hành đạo Bồ Tát, các Ngài đều y chiếu theo pháp môn của Như Lai giáo hóa, mặc y hoại sắc, y của người xuất gia. Làm thế nào để đắc được pháp tịnh,” tất cả đều thanh tịnh, cho nên gọi là phạm hạnh. Nếu có hành vi chẳng thanh tịnh, thì đó chẳng phải là phạm hạnh. Bất tịnh có năm thứ:

1). Hạt giống bất tịnh: Thân thể của chúng ta là do tinh cha huyết mẹ hòa hợp mà thành, cho nên nói hạt giống chẳng thanh tịnh.

2). Chỗ ở bất tịnh: Ở trong bụng của người mẹ, trong bào thai đều là máu huyết, cho nên nói chỗ ở bất tịnh.

3). Thân chẳng thanh tịnh: Thân thể của mình là do ba mươi sáu thứ hình thành, tức cũng là do đất nước gió lửa hình thành, cho nên nói thân thể bất tịnh.

4). Ngoại tướng bất tịnh: Chín lỗ trong thân thể của chúng ta luôn chảy ra đồ bất tịnh. Hai mắt thì chảy ghèn, nước mắt. Hai tai thì có cứt ráy. Hai mũi thì chảy mũi. Miệng thì có đàm, nước bọt. Đại tiểu tiện chảy ra phân, nước tiểu. Cho nên nói ngoại tướng bất tịnh.

5). Cứu kính bất tịnh: Sau khi người chết rồi, thân thể sinh lên, sinh trùng, máu chảy, cuối cùng biến thành bộ xương khô, cho nên nói cứu kính bất tịnh. Đây là hiện tượng năm thứ bất tịnh.

Thân thể của chúng ta là túi da hôi thối, chẳng có chỗ nào đáng ưa, cho nên người tu đạo, phải luôn tu quán

bất tịnh, tức cũng là quán xương trắng, như thế mới có thể thành tựu đạo nghiệp.

Đó là: Thân, thân nghiệp. Lời, lời nghiệp. Ý, ý nghiệp. Phật, Pháp, Tăng, giới. Nên quán như vậy. Thân là phạm hạnh chăng ? Cho đến giới là phạm hạnh chăng ?

Bồ Tát nên dùng mười pháp để quán, chú ý đề nghiên cứu, nghiên cứu gì là phạm hạnh ? Nói về mười pháp đó là:

1). Thân: Thân có phải là phạm hạnh chăng ?

2). Thân nghiệp: Nghiệp do thân tạo ra có phải là phạm hạnh chăng ? Nếu thân thể là phạm hạnh, nhưng thân thể là vật bất tịnh, sao có thể cho là phạm hạnh ? Vấn đề này phải nghiên cứu tỉ mỉ một phen. Chúng ta chấp trước thân thể, thương tiếc thân thể, có người mắng một câu thì chịu chẳng được, có người đánh một cái thì càng chịu chẳng được. Nếu là phạm hạnh thì sao lại thọ chẳng được ? Sao lại nổi giận ? Sao lại bị cảnh giới chuyển ? Cho nên quán thân chẳng phải là phạm hạnh. Thân chẳng phải là phạm hạnh, thì nghiệp do thân tạo ra cũng chẳng phải là phạm hạnh. Nghiệp có ba thứ: Thiện, ác, chẳng thiện chẳng ác. Nghiệp thiện và nghiệp ác đều chẳng thanh tịnh, cũng chẳng phải phạm hạnh.

3). Lời: Lời nói là phạm hạnh chăng ! Lời nói cũng chẳng phải là phạm hạnh.

4). Lời nghiệp: Ngôn ngữ tạo ra nghiệp là phạm hạnh chăng ? Cũng chẳng phải là phạm hạnh. Tại sao ? Vì miệng hay nói ra lời dối trá, thêu dệt, chưởi mắng và hai chiều, đủ thứ lời bất tịnh.

5). Ý: Ý niệm là phạm hạnh chăng ? Cũng chẳng phải phạm hạnh.

6). Ý Nghiệp: Ý niệm tạo ra nghiệp là phạm hạnh chăng ? Cũng chẳng phải phạm hạnh.

7). Phậ: Phậ là phạm hạnh chăng ? Cũng chẳng phải.

8). Pháp: Pháp là phạm hạnh chăng ? Cũng chẳng phải.

9). Tăng: Tăng là phạm hạnh chăng ? Cũng chẳng phải.

10). Giới: Giới là phạm hạnh chăng ? Cũng chẳng phải. Bồ Tát nên tác ý quán sát như thế. Tác ý tức là chú ý. Bậc A la hán muốn biết việc tiền nhân hậu quả, phải ở trong định quán sát, mới biết rõ nhân quả. Bồ Tát bát địa trở lên, không cần tác ý quán sát, thì lập tức thấu rõ. Nên quán sát như vậy, thân là phạm hạnh chăng ? Cho đến giới là phạm hạnh chăng ? Những vấn đề này, trong kinh văn sẽ có giải đáp.

Nếu thân là phạm hạnh, thì nên biết phạm hạnh tức chẳng phải thiện, tức chẳng phải pháp, tức là hỗn đục, tức là hôi hám, tức là bất tịnh, tức đáng nhàm, tức là trái ngược, tức là tạp nhiễm, tức là tử thi, tức là trùng tích tụ.

Nếu như nói thân là phạm hạnh ? Vậy nên biết phạm hạnh.

1). Tức là chẳng thiện: Thân thì chẳng thanh tịnh, cho nên chẳng thiện. Phạm hạnh là thanh tịnh, cho nên là thiện. Nếu nói phạm hạnh là thân, vậy phạm hạnh tức là chẳng thiện.

2). Tức là phi pháp: Thân thể có lúc làm những chuyện chẳng hợp pháp. Nếu phạm hạnh là thân, thì phạm hạnh cũng là phi pháp.

3). Tức là hỗn đục: Thân thể là vật hỗn đục bất tịnh, phạm hạnh thì thanh tịnh chẳng đơ. Cho nên nói thân chẳng phải là phạm hạnh, phạm hạnh cũng chẳng phải thân.

4). Tức là hôi hám: Thân thể là vật hôi hám. Nếu phạm hạnh là thân thể, thì phạm hạnh biến thành hôi hám.

5). Tức là bất tịnh: Thân thể là bất tịnh, chín lỗ thường chảy ra đồ bất tịnh, nếu phạm hạnh là thân thể, vậy phạm hạnh biến thành chẳng thanh tịnh. Chúng ta nên quán năm thứ bất tịnh. Trong Đại Trí Độ Luận có năm bài kệ hình dung năm thứ bất tịnh.

A. Kệ hạt giống bất tịnh:

“Thị thân chủng bất tịnh
Phi dư diệu bảo vật
Bất do bạch tịnh sinh
Đản tùng uế đạo xuất.”

Vì thân thể là do khi cha mẹ giao cấu thì có nhân duyên nghiệp, có quả báo thức mà đi thọ thai, trở thành thân thể. Cho nên hạt giống là vật bất tịnh. Chứ chẳng phải là báu vật tốt lành thành tựu, mà là do tinh cha huyết mẹ

mà thành tịnh. Nó chẳng phải từ nơi thanh tịnh sinh ra, mà là từ âm căn của người mẹ sinh ra, cho nên nói hạt giống chẳng thanh tịnh.

B. Kệ chỗ ở bất tịnh:

“Thị thân vi uế xú
Bất tùng hoa khai sinh
Diệt bất tùng diêm bạc
Hựu bất xuất bảo sơn.”

Thân thể này là do máu thịt mà thành, vừa bản vừa hôi, lại chẳng thanh tịnh. Thai nhi ở trong bụng mẹ, ở dưới sinh tạng, trên nhiệt tạng, là nơi rất bản thiu. Chẳng phải từ hoa sen sinh ra, do đó “Hoa nở thấy Phật.” Túc chẳng phải từ hương diêm bạc sinh ra, cũng chẳng phải từ núi báu sinh ra, cho nên nói chỗ ở bất tịnh.

C. Bài kệ thân thể bất tịnh:

“Địa thủy hỏa phong chất
Năng biến thành bất tịnh
Khuyh hải lưu thử thân
Bất năng khiến hương khiết.”

Thân thể này do đất nước gió lửa bốn đại vật chất hòa hợp mà thành, hay biến thành vật chẳng thanh tịnh. Dù có dùng nước biển để tắm rửa thân thể hôi hám này, khiến cho nước biển khô cạn hết, cũng không thể rửa sạch được, khiến cho thom tho thanh khiết.

D. Bài kệ ngoại tướng bất tịnh:

“Chúng chúng bất tịnh vật
Sung mãn ư thân trung
Thường lưu xuất bất chi

Như lậu nan thạch vật.’’

Trong thân thể có đủ thứ vật hôi bất tịnh, đầy đầy khắp thân thể. Chín lỗ thường chảy ra vật bất tịnh không ngừng. Thân thể giống như cái túi có lỗ, chứa đầy máu mủ các thứ, luôn luôn chảy ra.

E. Bài kệ cứu kính bất tịnh:

‘’Thảm đê quán thử thân
Tất quy ư tử xứ
Nan nộ vô phản phục
Bội ân như tiểu nhi.’’

Phải suy gẫm tỉ mỉ để quán sát thân thể này: Nó tương lai nhất định sẽ chết, chẳng cách chi không chế được nó không chết. Bất cứ chiều cố thân thể như thế nào ? Đến lúc nó sẽ vong ân bội nghĩa, sẽ bỏ đi, giống như trẻ con, chẳng có cảm tình và đạo nghĩa.

6). Tức là đáng nhàm: Thân thể là vật đáng nhàm chán, khiến cho người chẳng hoan hỷ. Nếu nói thân là phạm hạnh, thì đó chẳng phải phạm hạnh khiến cho người nhàm chán chẳng ? Chẳng phải. Phạm hạnh là khiến cho người hoan hỷ, cho nên nói thân thể chẳng phải là phạm hạnh.

7). Tức là trái ngược: Thân thể luôn luôn làm ra việc trái ngược với tâm ý. Giống như tâm chẳng muốn sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Nhưng thân thể cứ muốn đi làm, chẳng nghe sự chỉ huy và chi phối của tâm, đây tức là hành vi trái ngược. Phạm hạnh chẳng phải như vậy, mà là thuận tình hợp lý đi làm việc, cho nên phạm hạnh tuyệt đối chẳng phải thân thể.

8). Tức là tạp nhiễm: Vì thân là do bốn đại làm thành, cho nên tạp nhiễm. Song, phạm hạnh chẳng phải tạp nhiễm, mà là thanh tịnh, cho nên thân thể chẳng phải là phạm hạnh.

9). Tức là tử thi: Vì thân thể tương lai sẽ chết, tử thi là vật mà người chẳng hoan hỷ, còn phạm hạnh thì khiến cho người hoan hỷ, cho nên phạm hạnh chẳng phải là thân thể. Nếu như nói thân là phạm hạnh, vậy phạm hạnh chẳng phải là tử thi chẳng? Chẳng phải, phạm hạnh là thanh tịnh.

10). Tức là trùng tích tụ: Thân thể này là do nhiều vi trùng tích tụ lại với nhau mà thành. Thân người chúng ta là trùng lớn, ở trong thân thể có ngàn vạn ức trùng nhỏ, tổ chức thành một đoàn thể, cùng nhau sinh sống. Trong luận Đại Sa Ba có nói: “Trong thân người, toàn là trùng tích tụ, đầu trùng ở trong, ăn đồ con người ăn; đuôi trùng ở ngoài biện tác nhân phẫn.” Chúng ta uống nước ăn cơm, tức là trùng lớn thể trùng nhỏ làm việc. Ngàn vạn ức trùng nhỏ ngồi hưởng, chẳng phí sức lực, ăn xong rồi, rất là tiêu dao, rất là tự tại !

Trong kinh Quán Phật Tam Muội Hải có nói: “Khi Phật thành đạo thì ma vương phái ba yêu nữ, đến dưới cội bồ đề, để phá đạo nghiệp của Phật, bèn nói với Phật rằng: Chúng tôi là mỹ nữ ở trên trời, nay hiến thân cho Ngài, hầu hạ Ngài, nguyện vì Ngài phục vụ những gì Ngài cần.” Phật ngồi yên tĩnh tọa chẳng nói gì, thân tâm chẳng động, mà phóng ra luồng hào quang trắng chiếu soi ma nữ. Lúc đó ba con ma nữ, tự quán thân mình, hồi hám vô cùng, chín lỗ chảy ra những thứ dơ bẩn thối tha. Thấy trong bụng mình ruột già ruột non, sinh tạng nhiệt tạng (thực vật chẳng tiêu hóa là sinh tạng, thực vật tiêu hóa là nhiệt tạng). Có rất

nhieu trùng nhỏ du hí ở trong ruột già ruột non, du tới du lui rất tự tại. Ba con yêu nữ thấy như vậy rồi, bèn nhàm chán và bỏ đi.

Nếu thân nghiệp là phạm hạnh, thì phạm hạnh tức là đi đứng nằm ngồi, nhìn ngó phải trái, co duỗi cúi ngược.

Nếu như nói nghiệp do thân làm là phạm hạnh, thì thân có nghiệp đi đứng nằm ngồi, đương nhiên phạm hạnh, tức là đi đứng nằm ngồi. Song, phạm hạnh chẳng phải như thế. Thân có thể nhìn trái phải, xem trước ngó sau. Duỗi ra co vào, nhìn lên cúi xuống, những động tác đó đều là nghiệp thân tạo ra. Nếu thân nghiệp là phạm hạnh thì phạm hạnh cũng là nhìn trái phải, co duỗi ngược cúi. Song, phạm hạnh chẳng phải như thế, chẳng có động tác đó, có thể thấy thân nghiệp chẳng phải là phạm hạnh.

Nếu lời nói là phạm hạnh, thì phạm hạnh tức là âm thanh, gió thổi, môi lưỡi họng mép, nhả ra nuốt vào, đè nén buông ra, cao thấp, trong đục.

Nếu như nói lời nói là phạm hạnh, vậy thì, phạm hạnh tức là lời nói, gió thổi. Song, phạm hạnh chẳng phải âm thanh, cũng chẳng phải gió thổi. Vì lời nói là dùng môi lưỡi họng mép khí quản để phát ra lời nói. Mà phạm hạnh chẳng phải tình hình như vậy. Lời nói có nhả ra nuốt vào, đè nén, buông thả. Song phạm hạnh chẳng phải như vậy. Lời nói có tiếng cao, có tiếng thấp, có âm thanh trong treo,

có âm thanh hỗn đục, cho nên lời nói chẳng phải là phạm hạnh.

Nếu lời nghiệp là phạm hạnh, thì phạm hạnh tức là thưa chào hỏi thăm, nói ban đầu, lược nói rộng, nói ví dụ, nói thẳng, nói khen, nói chê, nói an lập, nói tùy tục, nói hiển rõ.

Nếu như nói nghiệp lời nói là phạm hạnh, vậy thì, phạm hạnh tức là thưa chào hỏi thăm. Song phạm hạnh chẳng phải thưa chào hỏi thăm, cho nên nói nghiệp lời nói chẳng phải là phạm hạnh. Hoặc nói ban đầu lược, hoặc nói rộng, hoặc nói ví dụ, hoặc nói trực tiếp, hoặc nói khen ngợi, hoặc nói chê bai, hoặc nói an lập, hoặc nói tùy tục, hoặc nói hiển rõ, những nghiệp lời nói này đều chẳng phải là phạm hạnh. Nếu nói nghiệp lời là phạm hạnh, thì những điều vừa nói đều biến thành phạm hạnh, song chẳng phải, cho nên nghiệp lời chẳng phải phạm hạnh.

Nếu ý là phạm hạnh, thì phạm hạnh tức là giác, là quán, là phân biệt, là đủ thứ phân biệt, là nghĩ nhớ, là đủ thứ nghĩ nhớ, là suy gẫm, là đủ thứ suy gẫm, là huyền thuật, là ngủ mộng.

Nếu như nói ý là phạm hạnh, vậy thì, phạm hạnh tức là giác, là quán xem. Song phạm hạnh chẳng có giác và quán xem, cho nên ý chẳng phải là phạm hạnh. Ý thức

khéo phân biệt, là đủ thứ phân biệt, mà phạm hạnh chẳng có phân biệt. Ý thức có sự nghĩ nhớ quá khứ, là nghĩ nhớ đủ thứ, mà phạm hạnh chẳng có nghĩ nhớ. Ý thức là suy gẫm, là suy gẫm đủ thứ, mà phạm hạnh chẳng có suy gẫm. Ý là huyền thuật, ý là ngủ mộng, mà phạm hạnh chẳng có huyền thuật và ngủ mộng. Nếu nói ý là phạm hạnh, vậy thì những điều này chẳng phải đã biến thành phạm hạnh chăng ? Song, chẳng phải, cho nên phạm hạnh chẳng phải là ý.

Nếu ý nghiệp là phạm hạnh, thì nên biết phạm hạnh tức là tư tưởng, nóng lạnh đói khát, khổ vui lo mừng.

Nếu như nói nghiệp của ý tạo ra là phạm hạnh, thì phạm hạnh tức là tư tưởng, nóng lạnh, đói khát, khổ vui, lo mừng. Song, chẳng phải. Vì ý hay cảm giác được sự phân biệt tư tưởng, nóng lạnh, đói khát, khổ vui, lo mừng. Nếu nói ý nghiệp là phạm hạnh, vậy thì những điều này biến thành phạm hạnh chăng ? Song, chẳng phải.

Nếu Phật là phạm hạnh, thì sắc là Phật chăng ? Thọ là Phật chăng ? Tưởng là Phật chăng ? Hành là Phật chăng ? Thức là Phật chăng ? Tướng là Phật chăng ? Tốt là Phật chăng ? Thần thông là Phật chăng ? Nghiệp hành là Phật chăng ? Quả báo là Phật chăng ?

Nếu như nói Phật là phạm hạnh, vậy thì sắc uẩn là Phật chăng ? Thọ uẩn là Phật chăng ? Tưởng uẩn là Phật chăng ? Hành uẩn là Phật chăng ? Năm uẩn này là hư vọng, đều là không, đều chẳng phải Phật. Vậy sắc thọ tưởng hành thức đều là không, Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp có phải là Phật chăng ? Chẳng phải. Vì Phật là vô tướng, cho nên chẳng phải là phạm hạnh. Có thần thông là Phật chăng ? Có nghiệp hành là Phật chăng ? Có quả báo là Phật chăng ? Đều chẳng phải. Nếu nói Phật là phạm hạnh thì chẳng phải.

Nếu pháp là phạm hạnh, thì vắng lặng là pháp chăng ? Niết Bàn là pháp chăng ? Không sinh là pháp chăng ? Không khởi là pháp chăng ? Không thể nói là pháp chăng ? Không phân biệt là pháp chăng ? Không chỗ hành là pháp chăng ? Không hợp tập là pháp chăng ? Không tùy thuận là pháp chăng ? Không chỗ đắc là pháp chăng ?

Nếu như nói pháp là phạm hạnh, song pháp là vắng lặng chẳng động, cho nên pháp chẳng phải là phạm hạnh. Phạm hạnh là tu hành mà thành, pháp vốn là vắng lặng. Niết Bàn cũng là pháp. Tuy do tu hành mà đắc được Niết Bàn, song Niết Bàn chẳng tu hành. Phạm hạnh là tu hành thanh tịnh, mà thành phạm hạnh. Cho nên Niết Bàn là pháp; chứ chẳng phải phạm hạnh. Pháp là không sinh, tuy không sinh nhưng chẳng phải là phạm hạnh. Pháp là không sinh, chẳng có thể tánh. Phạm hạnh phải tu hành, mới có

được phạm hạnh thanh tịnh. Không thể nói cũng là pháp, tuy không thể nói, nhưng chẳng phải là phạm hạnh. Không phân biệt cũng là pháp, tuy không phân biệt, nhưng chẳng phải là phạm hạnh. Pháp tuy lìa phân biệt, chẳng có chỗ hành. Không chỗ hành cũng là pháp, nhưng chẳng phải là phạm hạnh. Không tập hợp cũng là pháp, vì pháp là vốn có, không cần hòa hợp mà thành, không cần tạo tác. Song chẳng phải phạm hạnh. Pháp thì chẳng tùy thuận tất cả cảnh giới, cho nên không tùy thuận là pháp, nhưng chẳng phải là phạm hạnh. Pháp vốn không chỗ đắc, nhưng không chỗ đắc chẳng phải là phạm hạnh. Có nhiều lý do vừa nói ở trên, chứng minh pháp chẳng phải là phạm hạnh.

Nhận rằng pháp là phạm hạnh, đây là chẳng thành lập. Vì tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều chẳng phải là phạm hạnh. Tại sao phải nói như vậy ? Vì dạy bạn đừng chấp trước. đừng chấp trước phạm hạnh, có Phật có Pháp có Tăng, hành sở vô sự. Tu hành đừng có sự chấp trước, nếu chẳng có sự chấp trước thì sẽ chứng được thật tướng. Do đó:

“Chứng đắc thật tướng vô nhân pháp
Diệt khứ A tỳ chư nghiệp tội.”

Thật tu đến trình độ không ta, không người, không chúng sinh, không thọ mạng, thì người cũng không, pháp cũng không. Tự tánh liễu liễu, sẽ chứng được thật tướng lý thể. Tội nghiệp vô gián nhiều như số cát sông Hằng bèn lập tức tiêu diệt. Nếu chẳng có chấp trước thì tất cả pháp hữu vi và pháp vô vi đều tồn tại. Pháp được chấp trước thì tất cả đều không. Cảnh giới này như người uống nước, nóng lạnh

tự biết. Đây là chúng được thật tướng lý thể, đắc được thọ dụng chân chính.

Pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, song môn nào cũng đều là số một. Tại sao phải nói như vậy ? Vì Phật đã từng nói: “Pháp thì bình đẳng, chẳng có cao thấp, gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Vô thượng chánh đẳng chánh giác).” Pháp hợp cơ với ai, thì là số một, chẳng hợp với căn cơ, thì phải chăng là số hai ? Cũng chẳng phải. Chẳng hợp với căn cơ bạn, nhưng hợp với căn cơ của tôi; chẳng hợp với căn cơ tôi, mà hợp với căn cơ người khác. Bạn tôi và họ đều có căn cơ khác nhau, hợp cơ là số một, chẳng hợp cơ là bình đẳng. Chẳng cao, chẳng thấp, chẳng hơn, chẳng kém. Tức nhiên như vậy thì mọi người đừng ở nơi pháp sinh ra phân biệt, tự tìm phiền não. Do đó:

“Phân biệt danh tướng chẳng biết nghi
Vào biển đếm cát chỉ tự khôn.”

Phân biệt pháp này, phân biệt pháp kia, phân biệt tất cả danh tướng, chẳng khi nào xong. Trong một đời, phân biệt danh tướng cũng phân biệt chẳng rõ ràng. Giống như xuống đáy biển đếm từng hạt cát thử xem có bao nhiêu ? Vĩnh viễn cũng đếm chẳng được. Vậy phải làm thế nào ? Phải chọn pháp môn tương ưng, pháp môn nào mà mình hoan hỷ, thì y theo pháp mà tu hành, tương lai sẽ có sở thành tựu.

Nếu như nghiên cứu bộ kinh này là thật, bộ kinh kia là giả, nghiên cứu mấy mươi năm, khi đến lúc chết vẫn chẳng biết được rõ ràng. Do đó, cho nên phải lựa chọn một pháp môn, chuyên tâm tu hành, thì có thể sẽ thành tựu đạo nghiệp.

Khi Phật còn ở đời, thì có vị đệ tử ngu si nhất, tên là Chu Lợi Bàn Đà Gia. Anh ta rất ngu si, bất cứ dạy anh ta pháp gì, anh ta cũng đều quên. Phật thương xót anh ta, chỉ dạy anh ta một pháp. Dạy anh ta niệm “chôi quét” hai chữ. Anh ta hằng ngày quét đất, trong miệng niệm “chôi quét.” Niệm tới niệm lui cuối cùng khai ngộ, chứng quả A la hán. Khai ngộ như thế nào ? Một ngày nọ, anh ta đang quét đất, tâm nghĩ, quét đi rác rến bên ngoài, thì cũng phải quét đi rác rến trong tâm, tức cũng là bụi bặm tham sân si chẳng thanh tịnh. Từ công án này nhìn lại thì pháp chẳng định pháp, hợp căn cơ là pháp hay. Cho nên Lục Tổ Huệ Năng nói:

“Pháp vốn chẳng đôn tiệm
Mê ngộ có mau chậm.”

Pháp chẳng có phân biệt đôn (mau), chẳng có phân biệt tiệm (chậm), mê hoặc và khai ngộ, có sớm có muộn. Do đây đủ thấy, pháp giống như chìa khóa, dùng để mở ổ khóa. Nếu đã mở được ổ khóa rồi, thì chìa khóa nên buông bỏ. Nếu chẳng buông bỏ, tức là chấp trước. Do đó:

“Qua sông rồi chẳng cần thuyền nữa.”

Đã đến được bờ sông bên kia, thì không cần vác thuyền đi nữa, phải bỏ thuyền ở trên bờ, đây mới là tự tại, mới được giải thoát. Tu hành thì phải phá chấp trước, nếu vẫn còn chấp cái ta, chấp người, chấp pháp, thì chẳng được giải thoát.

**Nếu Tăng là phạm hạnh, thì hướng dự
lưu là Tăng ? Quả dự lưu là Tăng ? Hướng**

**nhất lai là Tăng ? Quả nhất lai là Tăng ?
Hương bất hoàn là Tăng ? Quả bất hoàn là
Tăng ? Hương A la hán là Tăng ? Quả A la
hán là Tăng ? Tam minh là Tăng ? Lục
thông là Tăng ?**

Nếu như nói Tăng là phạm hạnh, vậy thì:

1). Hương dự lưu là Tăng chăng ? Chẳng phải Tăng. Vì Tăng phải có bốn vị trở lên mới gọi là Tăng, do đó “chúng là Tăng,” vậy phạm hạnh chẳng phải là Tăng. Dự lưu là sơ quả A la hán, tiếng Phạn là Tu Đà Hoàn. Lại dịch là nhập lưu, “Nhập vào dòng pháp tánh Thánh nhân, ngược dòng lục trần phạm phu.” Chẳng nhập vào sắc thanh hương vị xúc pháp. Chưa đoạn sạch tam giới kiến hoặc là hương, tức là thú hương nhân vị Tu Đà Hoàn. Kiến hoặc là gì ? Tức là đối cảnh khởi tham ái. Đối trước cảnh giới sinh khởi tâm tham và tâm ái. Tham tức là chiếm làm của mình. Ví như mắt thấy sắc thì sinh tâm tham sắc trần; tai nghe tiếng thì sinh tâm tham thanh trần; mũi ngửi hương thì sinh tâm tham hương trần; lưỡi nếm vị thì sinh tâm tham vị trần; thân xúc giác thì sinh tâm tham xúc trần; ý biết pháp thì sinh tâm tham pháp trần. Cảnh giới sáu căn đối với sáu trần, bèn sinh ra tâm tham. Thấy vật, nếu hoan hỷ thì sinh tâm ái. Mắt thấy sắc thì ái sắc trần; tai nghe tiếng thì ái thanh trần; mũi ngửi hương thì ái hương trần; lưỡi nếm vị thì ái vị trần; thân xúc giác thì ái xúc trần; ý biết pháp thì ái pháp trần. Đây gọi là kiến hoặc.

2). Quả dự lưu là Tăng chăng ? Chẳng phải, vậy phạm hạnh cũng chẳng phải là Tăng. Dự lưu có thể nói là dự

bị tham gia vào dòng Thánh, có thể làm Thánh nhân. Đoạn sạch tam giới tám mươi tám sử kiến hoặc là quả dự lưu. Chúng đắc kiến đạo vị (quả vị thấy đạo), và là hữu học vị. Gì là tám mươi tám sử ? Vì chúng sinh tam giới, đối với sự lý bốn đế (khổ tập diệt đạo) chẳng thấu hiểu, cho nên mê hoặc, phát sinh mười sử. Mười sử phân làm hai loại, một là lợi sử, tức là phiền não cấp tánh. Hai là độn sử, tức là phiền não mạn tánh. Lợi sử tức là thân kiến, biên kiến, giới thủ, kiến thủ, tà kiến. Độn sử tức là tâm tham, tâm sân, tâm si, tâm mạn, tâm nghi. Cộng lại là mười hoặc, khiến cho chúng sinh lưu chuyển trong tam giới. Tại dục giới có ba mươi hai hoặc, khổ đế có mười hoặc, tập đế có bảy hoặc, diệt đế có bảy hoặc, đạo đế có tám hoặc. Tại sắc giới có hai mươi tám hoặc, khổ đế có chín hoặc, tập đế có sáu hoặc, diệt đế có sáu hoặc, đạo đế có bảy hoặc. Tại vô sắc giới cũng có hai mươi tám hoặc, đồng với sắc giới. Lại có mười sáu tâm, tức là khổ pháp nhãn, khổ pháp trí, khổ loại nhãn, khổ loại trí; tập pháp nhãn, tập pháp trí, tập loại nhãn, tập loại trí; diệt pháp nhãn, diệt pháp trí, diệt loại nhãn, diệt loại trí; đạo pháp nhãn, đạo pháp trí, đạo loại nhãn, đạo loại trí. Đến mười lăm tâm thì gọi là hướng dự lưu, đến mười sáu tâm thì gọi là quả dự lưu. Chúng được sơ quả Thánh nhân, thì đoạn trừ được tám mươi tám phẩm kiến hoặc, đối với cảnh giới chẳng khởi tâm tham ái, song đối với phương diện lý luận vẫn chẳng rõ ràng. Sơ quả Thánh nhân có định lực, chẳng bị cảnh giới làm lay động, mà chuyển được cảnh giới. Do đó:

“Người chuyển được cảnh giới
Cảnh chẳng chuyển được người.”

Lúc này, mắt thấy hình sắc trong chẳng có, tai nghe việc đời tâm chẳng hay, đây tức là nhập vào dòng pháp tánh Thánh nhân, nhưng phải thọ bảy lần sinh tử.

3). Hướng nhất lai là Tăng chẳng ? Chẳng phải, vậy phạm hạnh cũng chẳng phải là Tăng. Nhất lai là nhị quả A la hán, tiếng Phạn là Tư Đà Hàm. Tức là một lần sinh về trời, một lần xuống nhân gian thọ sinh. Đã đoạn được dục giới sáu phẩm tư hoặc trước. Sẽ đoạn một đến năm phẩm là hướng nhất lai, đã đoạn sạch sáu phẩm là quả nhất lai. Gì là tư hoặc ? Tức là mê lý khởi phân biệt. Đối với lý luận chẳng rõ ràng, thì sinh ra tâm phân biệt. Nếu tâm nghĩ: “Họ chẳng có trí huệ, tôi có trí huệ. Họ không thể làm được việc, tôi sẽ làm được việc.” Đây tức là đối với sự lý nhận thức chẳng rõ ràng mà vọng sinh phân biệt.

4). Quả nhất lai là Tăng chẳng ? Chẳng phải. Vậy, phạm hạnh cũng chẳng phải là Tăng. Nhị quả là tu đạo vị, còn là hữu học vị, đã đoạn tư hoặc sáu phẩm. Tư hoặc có tám mươi một phẩm. Tam giới có chín địa, mỗi địa, mỗi địa có chín phẩm tư hoặc. Tại dục giới có một địa, tên gọi là ngũ thú tạp cư địa, có chín phẩm tư hoặc. Tại sắc giới có bốn địa, tên gọi là ly sinh hỷ lạc địa, định sinh hỷ lạc địa, ly sinh diệu lạc địa, xả niệm thanh tịnh địa, cộng lại có ba mươi sáu phẩm tư hoặc. Tại vô sắc giới có bốn địa, tên gọi là không vô biên xứ địa, vô sở hữu xứ địa, phi tướng phi phi tướng xứ địa, cộng có ba mươi sáu phẩm tư hoặc.

5). Hướng bất hoàn là Tăng chẳng ? Chẳng phải. Vậy, phạm hạnh cũng chẳng phải là Tăng. Bất hoàn là tam quả A la hán, tiếng Phạn là A na hàm, còn dịch là bất lai. Vì đã đoạn dục giới ba phẩm tư hoặc sau, cho nên chẳng trở lại dục giới thọ sinh tử. Sẽ đoạn bảy phẩm đến tám

phẩm là hướng bất hoàn, đã đoạn chín phẩm là quả bất hoàn.

6). Quả bất hoàn là Tăng chǎng ? Cũng chǎng phải. Vậy, phạm hạnh cũng chǎng phải là Tăng. Tam quả là tu đạo vị, còn là hữu học vị, từ bậc nhị quả đến bậc tam quả là hướng bất hoàn. Khi đã chứng được bậc tam quả là quả bất hoàn. Tam quả A la hán, đã đoạn sạch chín phẩm tư hoặc.

7). Hướng A la hán là Tăng chǎng ? Cũng chǎng phải. Vậy, phạm hạnh cũng chǎng phải là Tăng. A la hán là tiếng Phạn, có ba ý nghĩa:

I. Sát tặc: Giết hết tất cả tặc phiền não.

II. Bất sinh: Tam quả vĩnh viễn đoạn sinh tử, đã chứng nhập hữu dư Niết Bàn, do đó “Không sinh không diệt.”

III. Ứng cúng: Xứng đáng thọ nhận trời người cúng dường. Sẽ đoạn bảy mươi hai phẩm tư hoặc của tám địa còn lại là hướng A la hán, đã đoạn sạch tám địa bảy mươi hai phẩm tư hoặc là quả A la hán.

8). Quả A la hán là Tăng chǎng ? Cũng chǎng phải. Vậy, phạm hạnh cũng chǎng phải là Tăng. Tứ quả là chứng đạo vị, còn là vô học vị, không cần học nữa. Đến đây chǎng thọ phần đoạn sinh tử, nhưng còn có biến dịch sinh tử. Sơ quả là kiến đạo vị, đến đây không thể tin ý niệm của mình. Vì định lực của mình chưa kiên cố, nếu tin ý niệm của mình thì sẽ sai lầm. Phải cẩn thận coi chừng. Khi nào chứng được tứ quả A la hán, thì mới có thể tin ý niệm của mình. A la hán là quả vị của Tỳ Kheo. Tỳ Kheo là nhân, A la hán là quả. Tại nhân địa gọi là khát sĩ, tại quả địa gọi là ứng cúng. Tại nhân địa khát thực, trên thì khát pháp của chư Phật để nuôi dưỡng pháp thân; dưới thì khát thực nơi

chúng sinh để nuôi dưỡng sắc thân. Tỳ Kheo có ba ý nghĩa:

I. Khất sĩ, sĩ khất thực. Ôm bát đi khất thực, thọ trời người cúng dường để dưỡng mạng sống.

II. Hai là bố ma. Khi Tỳ Kheo thọ giới cụ túc, thì đức giới Hòa Thượng hỏi:

- “Ông phát tâm bồ đề chăng” ?

- Đáp: “Đã phát tâm bồ đề.”

- Lại hỏi: “Ông có phải là đại trượng phu chăng” ?

- Đáp: “Là đại trượng phu.”

Lúc này, tất cả Dạ Xoa cùng truyền báo cho nhau, địa Dạ Xoa truyền báo cho không hành Dạ Xoa, không hành Dạ Xoa lại truyền báo cho Thiên ma, truyền báo gì ? Truyền báo quyến thuộc của Phật tăng thêm một người, còn quyến thuộc của ma thì bớt đi một người. Ma vương nghe rồi thì hoảng hốt lo sợ, tâm nghĩ: “Sức lực của ta càng ngày càng suy yếu, sức lực của Phật càng ngày càng tăng thêm.” Do đó phát sinh tâm sợ hãi, cho nên gọi là bố ma.

III. Phá ác, tức là phá ác phiền não; giết tặc vô minh, vô minh phiền não là gốc rễ làm hại pháp thân huệ mạng, cho nên phải phá ác.

9). Tam minh là Tăng chăng ? Cũng chăng phải. Vậy, phạm hạnh cũng chăng phải là Tăng. Tam minh tức là thiên nhãn minh, túc mạng minh và lậu tận minh. Thiên nhãn minh biết được tướng sinh tử đời quá khứ. Lậu tận minh biết được tướng khổ đời hiện tại, và có trí huệ đoạn tất cả phiền não.

10). Lục thông là Tăng chăng ? Cũng chăng phải. Vậy, phạm hạnh cũng chăng phải là Tăng. Lục thông tức là: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc

mạng thông, thần túc thông, lậu tận thông. Thiên nhãn thông thấy được trên trời, nhân gian, địa ngục. Họ khởi tâm động niệm cũng đều thấy biết được. Thiên nhĩ thông nghe được thần trên trời, quý địa ngục, người thế gian nói chuyện, đều nghe được rất rõ ràng. Tha tâm thông biết được trong tâm của người khác suy nghĩ gì. Túc mạng thông biết được nhân duyên quả báo những người khác trong vô lượng kiếp về trước. Thần túc thông hay toại tâm như ý, du hành thế giới, biến hóa vô cùng, ẩn hiển khó dò, có cảnh giới thần thông như vậy không thể nghĩ bàn. Lậu tận thông hay đoạn tuyệt tất cả tập khí mao bệnh, vô minh phiền não, vọng tưởng dục niệm. Chẳng có chấp trước, tức cũng là vô lậu, vô lậu thì sẽ không đến tam giới để thọ sinh tử nữa.

Nếu giới là phạm hạnh, thì đàn tràng là giới chãng ? Hối thanh tịnh là giới chãng ? Dạy oai nghi là giới chãng ? Ba lần nói Yết Ma là giới chãng ? Hòa thượng là giới chãng ? A Xà Lê là giới chãng ? Cạo tóc là giới chãng ? Mặc y Cà Sa là giới chãng ? Khất thực là giới chãng ? Chánh mạng là giới chãng ?

Giới, tiếng Phạn là Thi La, giới là phòng quấy ngừa ác, tức cũng là cầm thân tâm tạo tội lỗi. Giới có nhiều thứ: Năm giới, tám giới, là giới luật của người tại gia. Mười giới là giới luật của Sa Di. Mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh là giới Bồ Tát, người tại gia và xuất gia đều thọ

được. Còn có giới cụ túc, là giới luật của người xuất gia. Giới Tỳ Kheo có 250 giới; Tỳ Kheo Ni có 348 giới. Những giới này đều là răn dạy đừng làm các điều ác, làm các điều thiện.

Giới còn có bốn thứ, tức là:

- a. Giới pháp.
- b. Giới thể.
- c. Giới hạnh.
- d. Giới tướng.

Giới pháp tức là pháp do Phật chế ra. Giới thể tức là lãnh nạp giới pháp nơi tâm, công năng ngừa ác phòng quấy. Giới hạnh tức là tùy thuận giới thể, mà thân ngữ ý ba nghiệp làm như pháp, chẳng phạm tội lỗi. Giới tướng tức là năm giới, mười giới, giới cụ túc .v.v...

Khi Phật còn ở tại thế, thì dùng Phật làm thầy. Phật vào Niết Bàn rồi, thì lấy giới làm thầy. Cho nên giới rất là quan trọng. Người tu đạo, nhất định phải y chiếu giới luật mà tu trì, không thể đi ngược lại với giới luật. Pháp luật thế gian dùng để ngăn trị thân đã phạm tội rồi, còn giới luật dùng để điều phục trước khi thân phạm tội, khiến cho chánh tâm mà không làm việc phạm pháp. Cho nên Phật giáo hay điều phục chúng sinh cương cường thành nhu hòa, khiến cho họ tin nhân quả, làm người dân tốt, tức cũng là làm Phật giáo đồ kiên thành.

Nếu như nói giới luật là phạm hạnh thì:

1). Đản tràng thọ giới là giới chẳng ? Chẳng phải. Phải có mười phương chư Phật đến truyền giới, thì đó mới là giới.

2). Hối thanh tịnh là giới chẳng ? Chẳng phải. Khi truyền giới thì Yết Ma Hoà Thượng sẽ hỏi người thọ giới

rằng: “Trong quá khứ ông có làm việc chẳng đúng quy cụ chẳng ? Nếu có làm thì có thể sửa lỗi làm mới chẳng ? Khôi phục thanh tịnh chẳng?”? Hỏi thanh tịnh chẳng phải giới, giới luật được truyền mới là giới.

3). Dạy oai nghi là giới chẳng ? Chẳng phải. Khi thọ giới thì Hòa Thượng Giáo Thọ dạy giới tử thọ giới học tập bốn oai nghi lớn đi đứng nằm ngồi. Do đó:

“Hành như phong
Lập như tùng
Tọa như chung
Ngọa như cung.”

Người xuất gia khi đi thì nhẹ như gió thoảng, không để nghiêng đông nhìn tây. Khi đứng thì thân thẳng như cây tùng, chẳng giao động. Khi ngồi thì vững như đại hồng chung, ngồi ngay ngắn. Khi nằm thì phải nằm tư thế cát tường. Tay phải kê dưới đầu, tay trái duỗi thẳng ra, mặt hướng về phía tây, thân nghiêng như cây cung. Oai nghi có ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh. Cho nên người xuất gia, cử chỉ hành động, lời nói đều phải hợp với tiêu chuẩn oai nghi. Tức là có oai đáng sợ, có nghi đáng kính. Tóm lại, bất cứ đi đứng nằm ngồi đều phải hợp với oai nghi, hợp với giới luật.

4). Ba lần nói Yết ma là giới chẳng ? Chẳng phải. Đó chỉ là một thứ nghi thức. Khi truyền giới cụ túc thì Đức giới Hòa thượng hỏi ba lần, yết ma, giáo thọ, tôn chứng đáp ba lần. Đây là ba lần yết ma. Tức cũng là ba lần tuyên đọc trình trọng, cẩn thận ba lần thông qua.

5) Hòa thượng là giới chẳng ? Chẳng phải. Hòa thượng là người thế Phật truyền giới. Hòa thượng dịch ra là

lực sinh, tức là ba thừa đạo lực, năm phần pháp thân, đều do lực này mà sinh.

6). A Xà Lê là giới chăng ? Chăng phải. Hành vi của vị này làm mô phạm cho đệ tử. Xuất gia thọ giới phải trải qua tam đàn đại giới, đàn thứ nhất là thọ giới Sa di, đàn thứ hai là thọ giới cụ túc, chánh thức trở thành Tỳ Kheo hoặc Tỳ Kheo Ni. Đàn thứ ba là thọ giới Bồ Tát. Tại gia hay xuất gia đều có thể thọ giới này. Vẫn phải có tam sư thất chứng, mới hợp pháp. Tam sư tức là: Đức giới Hoà thượng, Yết ma Hoà Thượng, giáo thọ Hoà thượng. Còn phải có bảy vị tôn chứng. Giới đức hòa thượng là người xuất gia được nương tựa. Yết ma hòa thượng là người truyền nghi thức quy cụ. Giáo thọ hòa thượng người giảng dạy quy luật của giới. Thất chứng là bảy vị luật sư đến chứng minh, mới hoàn thành pháp độ giới cụ túc.

7). Cạo tóc là giới chăng ? Chăng phải. Đây là tướng Tỳ Kheo. Khi xuất gia thì phải cử hành lễ xuống tóc, biểu thị chăng có phiền não, chăng có kiêu ngạo, xa lìa pháp hữu vi thế gian, tịnh tu pháp vô vi xuất thế.

8). Mặc y ca sa là giới chăng ? Chăng phải. Cà sa dịch là màu bất chánh, có phân ra y năm điều, y bảy điều và y chín điều .v.v...

9). Khất thực là giới chăng ? Chăng phải. Tỳ Kheo đi khất thực để sống, đó là vì nuôi dưỡng sắc thân, khiến cho chăng có tâm tham.

10). Chánh mạng là giới chăng ? Chăng phải. Tỳ Kheo phải sống một cách chánh đáng. Phải khất thực thanh tịnh để duy trì mạng sống. Không thể dùng năm thứ tà mạng để sống. Năm thứ tà mạng đó là:

A). Trá hiện tướng lạ: Hiện ra hình dạng đặc biệt, khác với mọi người, xí đồ cầu lợi dưỡng.

B). Tự nói công đức: Tự tuyên truyền mình làm những công đức gì ? Mình làm việc thiện gì ? Mục đích của mình mong cho mọi người cúng dường.

C). Chiêm tướng cát hung, và vì người nói: Chiêm bói tướng mặt, phê bát tự, thôi mạng lý, vì người nói cát hung, để cầu lợi dưỡng.

D). Cao thanh hiện oai, khiến người kính sợ: Cố ý nói lớn tiếng, hiện ra vẻ đại oai đức, khiến cho người sinh tâm kính sợ và tâm cung kính, để cầu lợi dưỡng.

E). Rộng nói cúng dường, để động lòng người: Đối với người nói cư sĩ nào đó cúng dường như thế nào ? Cư sĩ nào đó cúng bao nhiêu tiền hương dầu ? Khiến cho người nghe động tâm, tự động dâng cúng. Đây là lối mưu sinh không chính đáng. Phạm là dùng nhân duyên để duy trì mạng sống đều là tà mạng. Phải khát thực hoặc tìm phương thức thọ người cúng dường, mới làm phước điền Tăng.

Một lần nọ, tôn giả Xá Lợi Phất ôm bát vào thành khát thực, được thức ăn rồi, bèn ngồi dưới gốc cây ăn. Lúc đó có một vị Phạm Chí đến tên là Tịnh Mục.

- Hỏi Tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Ngài là hạ khẩu thực chăng?”

- Đáp: “Chẳng phải.”

- Lại hỏi: “Ngài là ngưỡng khẩu thực chăng?”

- Đáp: “Chẳng phải.”

- Lại hỏi: “Ngài là phương khẩu thực chăng?”

- Đáp: “Chẳng phải.”

- Lại hỏi: “Ngài là duy khẩu thực chăng?”

- Đáp: “Chẳng phải.”

- Ông Tịnh Mục lại hỏi: “Thực (ăn) có bốn thứ, nay tôi hỏi Ngài, Ngài đều nói chẳng phải. Tôi thật chẳng hiểu, xin Ngài từ bi, giải thích có được chăng?”

- Tôn giả Xá Lợi Phất nói: “Người xuất gia, hợp thang dược, trồng ngũ cốc, trồng cây quả để sinh sống, đây là nuôi mạng sống bất tịnh, gọi là hạ khẩu thực. Quán xem tinh tú mặt trời mặt trăng, gió mưa sấm chớp, nói cát hung để sinh sống, đây là nuôi mạng sống bất tịnh, gọi là ngưỡng khẩu thực. Đi khắp nơi phan duyên, nịnh bợ kẻ có quyền có thế, hoặc thông sử bốn phương, khéo ăn khéo nói, đây là nuôi mạng sống bất tịnh, gọi là phương khẩu thực. Học tập chú thuật, bói toán cát hung, để duy trì đời sống, đây là nuôi mạng sống bất tịnh, gọi là duy khẩu thực.” Lại nói: “Tôi chẳng rơi vào bốn thứ thực này, mà là khát thực thanh tịnh để nuôi mạng sống.”

Phạm chí Tịnh Mục nghe rồi sinh tâm đại hoan hỷ, tin hiểu pháp của tôn giả Xá Lợi Phất nói mà chứng đắc quả Tu Đà Hoàn, tức cũng là sơ quả A la hán. Tỳ Kheo chẳng có bốn thứ thực này, mới là chánh mạng. Tỳ Kheo phải tu bát chánh đạo. Tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Tu các pháp đều là chánh, cho nên chẳng đọa vào trong năm tà mạng. Giữ giới thanh tịnh mới thật là phạm hạnh. Phạm hạnh thanh tịnh chẳng thuộc về mười pháp vừa nói ở trên. Vì nhân duyên này, cho nên phải xem giới tướng là không, đừng có chấp trước.

Quán như vậy rồi, thì đối với thân chẳng thủ lấy, sự tu chẳng chấp trước, nơi pháp chẳng chỗ trụ. Quá khứ đã diệt, vị lai

chưa đến, hiện tại vắng lặng, chẳng ai tạo nghiệp, chẳng ai thọ quả báo, đời này chẳng di động, đời khác chẳng biến đổi.

Như ở trên vừa đưa ra mười pháp quán.

1). Đối với thân chẳng thủ lấy: Quán sát nơi thân mình, cũng tìm chẳng ra chỗ của phạm hạnh.

2). Sự tu chẳng chấp trước: Nếu tu hành thì không nên trụ ở phạm hạnh. Nếu trong tâm có chấp trước rằng: Tôi tu phạm hạnh, như thế thì chẳng đến được cảnh giới người không và pháp không.

3). Nơi pháp chẳng chỗ trụ: Đối với tất cả pháp cũng chẳng có chấp trước.

4). Quá khứ đã diệt: Đời quá khứ đã diệt rồi, chẳng tồn tại.

5). Vị lai chưa đến: Đời vị lai thì chưa đến.

6). Hiện tại vắng lặng: Đời hiện tại gì cũng chẳng có.

7). Chẳng ai tạo nghiệp: Tức nhiên ba đời đều không, thân cũng không, tâm cũng không, thế giới cũng không, hết thảy tất cả đều không, thì đương nhiên chẳng có ai tạo nghiệp.

8). Chẳng ai thọ báo: Đã chẳng có ai tạo nghiệp, thì lại có ai thọ báo ? Cho nên chẳng có ai thọ báo.

9). Đời này chẳng di động: Thế giới này cũng chẳng di động.

10). Đời khác không biến đổi: Thế giới khác cũng chẳng biến đổi, vẫn như thế.

Trong đây pháp nào gọi là phạm hạnh ? Phạm hạnh từ đâu đến ? Thuộc sở hữu của ai ? Thể là ai ? Do ai làm ? Là có ? Là không ? Là sắc ? Là chẳng phải sắc ? Là thọ ? Là chẳng phải thọ ? Là tướng ? Là chẳng phải tướng ? Là hành ? Là chẳng phải hành ? Là thức ? Là chẳng phải thức.

Ở trong đây pháp nào là phạm hạnh ? Chẳng có, đều là không, tất cả các pháp đều chẳng phải là phạm hạnh. Vậy, phạm hạnh từ đâu sinh ra ? Phạm hạnh này thuộc về sở hữu của ai ? Ai là chủ nhân của nó ? Đều chẳng có. Bản thể của phạm hạnh này đáo để là ai ? Ai tạo ra phạm hạnh này ? Lại quán sát phạm hạnh này có chăng ? Vẫn không có. Sắc thọ tướng hành thức là pháp năm uẩn. Sắc thuộc về sắc pháp, thọ tướng hành thức thuộc về tâm pháp. Phạm hạnh có thuộc về sắc uẩn chăng ? Trong sắc uẩn chẳng có phạm hạnh. Phạm hạnh có thuộc về thọ uẩn chăng ? Trong thọ uẩn chẳng có phạm hạnh. Phạm hạnh có thuộc về tướng uẩn chăng ? Trong tướng uẩn chẳng có phạm hạnh. Phạm hạnh có thuộc về hành uẩn chăng ? Trong hành uẩn chẳng có phạm hạnh. Phạm hạnh có thuộc về thức uẩn chăng ? Trong thức uẩn chẳng có phạm hạnh.

Quán sát như vậy: Vì pháp phạm hạnh không thể được. Vì pháp ba đời đều vắng lặng. Vì ý chẳng chấp lấy. Vì tâm chẳng chướng ngại. Vì chỗ tu hành không

hai. Vì phương tiện tự tại. Vì thọ pháp không tướng. Vì quán pháp không tướng. Vì biết Phật bình đẳng. Vì đủ tất cả Phật pháp. Như vậy gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Quán sát như vậy:

1). Vì pháp phạm hạnh không thể được: Vì pháp phạm hạnh là không chẳng chỗ có, vì pháp này là không thể đắc được.

2). Vì pháp ba đời đều vắng lặng: Vì đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, tất cả pháp đều vắng lặng, chẳng có một thật thể.

3). Vì ý chẳng chấp lấy: Vì trong ý thức cũng chẳng chấp lấy, cũng chẳng có chấp trước.

4). Vì tâm chẳng chướng ngại: Vì trong tâm cũng chẳng có tất cả mọi chướng ngại.

5). Vì chỗ tu hành không hai: Vì chỗ tu hành đều là pháp môn không hai và trung đạo liễu nghĩa.

6). Vì phương tiện tự tại: Vì pháp phương tiện này tự tại.

7). Vì thọ pháp không tướng: Vì tất cả đều không tướng. Sắc thọ tướng hành thức năm uẩn, đều là không.

8). Vì quán pháp không tướng: Vì hay quán sát pháp không tướng.

9). Vì biết Phật pháp bình đẳng: Vì biết Phật pháp, tâm pháp, chúng sinh pháp, đều là bình đẳng.

10). Vì đủ tất cả Phật pháp: Vì tất cả chúng sinh đầy đủ tất cả Phật tánh, tất cả pháp tánh, không thiếu không

thừa. Như vậy chẳng chấp trước, quét tất cả pháp, lia hết thảy tướng, đó mới là phạm hạnh thanh tịnh chân chánh.

Khi chúng ta tu hành, thì cần phải đạt đến một niệm không sinh. Một niệm đều chẳng có, lại có pháp gì để được ? Nếu một niệm không sinh thì đầy đủ tất cả pháp. Tất cả pháp đều vắng lặng, đây tức là phạm hạnh thanh tịnh.

Lại nên tu tạo mười pháp. Những gì là mười ? Đó là: Trí xứ phi xứ. Trí quá hiện vị lai nghiệp báo. Trí các thiên giải thoát tam muội. Trí các căn thắng liệt. Trí đủ thứ giải. Trí đủ thứ giới. Trí nhất thiết chí xứ đạo. Trí thiên nhãn vô ngại. Trí túc mạng vô ngại. Trí vĩnh viễn đoạn tập khí.

Ở trên nói về phạm hạnh là hư vọng chẳng có thật thể. Phạm hạnh Bồ Tát tu là thanh tịnh quang minh chẳng có hình tướng. Song, minh bạch đạo lý này rồi, lại nên tu tập mười pháp môn trí huệ. Mười pháp môn này còn gọi là Thập lực của Như Lai. Vì có trí huệ này, cho nên mới có sức lực này. Có sức lực này rồi, thì mới có thể đoạn hoặc chứng chân. Đoạn hoặc chứng chân được, là vì có mười lực này. Những gì là mười trí pháp? Đó là:

1). Trí xứ phi xứ: Phật là xứ, địa ngục là phi xứ. Phật là giác xứ, địa ngục là mê xứ. Tại giác xứ đắc được quang minh, tại mê xứ thì đắc được đen tối. Lại có lối nói khác, có đại trí huệ chiếu soi các pháp thật tướng, đây là xứ. Chẳng có trí huệ thì ở trong ba cõi chẳng biết thoát khỏi, đây là phi xứ. Lại có một lối nói khác, xứ tức là xứ sở giác

ngộ, phi xứ tức là xứ sở mê hoặc. Tóm lại, chúng được Thánh quả, tức là xứ. Đọa lạc ba đường ác, tức là phi xứ. Minh bạch tất cả các pháp thật tướng là xứ, chẳng minh bạch tất cả các pháp thật tướng là phi xứ. Đoạn vọng chứng chân là xứ, mê hoặc chẳng ngộ là phi xứ. Có trí huệ thì phân tích được vô lượng đạo lý. Phật có trí huệ biết được thị xứ phi xứ.

2). Trí quá hiện vị lai nghiệp báo: Bồ Tát nên tu tập pháp này, quán sát trong quá khứ tạo nghiệp ác, đời này thọ ác báo; đời quá khứ tạo nghiệp thiện, thì đời này thọ quả báo thiện; đời hiện tại tạo nghiệp ác, thì đời sau thọ ác báo; đời hiện tại tạo nghiệp thiện, thì đời sau thọ báo thiện; đời vị lai cũng đồng đạo lý này.

Tóm lại, tạo nghiệp gì thì thọ báo đó, tư hào chẳng sai. Tại sao phải tạo nghiệp ? Vì khởi hoặc. Tại sao khởi hoặc ? Vì vô minh tác quái. Một niệm vô minh bất giác, thì sinh ra tướng nghiệp, tướng chuyển và tướng hiện, đây là tướng tam tế. Tam tế sinh ra rồi, thì tạo ra đủ thứ nghiệp, thì phải thọ đủ thứ báo. Do đó:

“Muốn biết nhân đời trước
Đời này mình đang thọ
Muốn biết quả đời sau
Đời này mình đang làm.”

Đây là nói rõ ràng nhất về nhân quả. Phật có trí huệ biết được nghiệp báo ba đời phải thọ.

3). Trí các thiên giải thoát tam muội: Các thiên tức là hết thấy tất cả thiên na. Thiên na dịch là tư duy tu. Tư duy tu tức là tham. Thế nào gọi là tham ? Giống như dùng khoan để khoan lỗ. Khoan lỗ thông rồi, đây gọi là tham,

tức cũng là tham suốt qua. Gì là tham suốt qua ? Tham suốt qua Phật tánh vốn có. Tức cũng là phá được vô minh. Phá được vô minh rồi thì thấy được trí huệ quang minh. Vô minh tức là không thấu rõ, phàm là cảnh giới đến, nhìn chẳng thấu, buông chẳng đặt, chấp trước cảnh giới, thì bị cảnh giới lay chuyển, đây là chẳng có tham thấu đặt. Nếu chuyên được cảnh giới thì tức là có định lực. Tham đến một niệm chẳng sinh, vốn chẳng có một vật thì có tin tức tốt, đã gần kề khai ngộ.

Chúng ta học Phật, dù học bao nhiêu năm, nếu chẳng phá được chấp trước thì học bao nhiêu cũng vô dụng, chỉ trở thành khẩu đầu thiên, do đó có câu:

‘‘Hay nói mà chẳng hay làm
Tức giống như người đá.’’

Tu hành thì đừng chấp trước cảnh giới. Bất cứ cảnh giới gì đến, đều phải nhận thức nó. Cảnh thuận cũng tốt, cảnh nghịch cũng tốt, đều vô sở vị, đây gọi là ‘‘cửa ải trước mặt.’’ Nếu ‘‘cửa ải trước mặt’’ chẳng phá được, thì chẳng có công phu định lực; nếu cửa ải trước mặt phá được, tức là có công phu định lực. Gì là cửa ải trước mặt ? Tức là có người ở trước mặt bạn khen ngợi bạn, hoặc phỉ báng bạn, mà bạn chẳng động tâm. Đây tức là cảnh giới của Bồ Tát Thập Trụ.

Cảnh giới thiên có tứ thiên. Chứng được cảnh giới ban đầu thiên, thì lúc nào nơi nào cũng đều có thể nhập định. Nhập định thì mạch máu sẽ ngừng lại, giống như ‘‘hoạt tử nhân.’’ Chứng được cảnh giới nhị thiên, thì một khi ngồi sẽ nhập định, chẳng những mạch máu ngừng lại mà hô hấp cũng ngừng lại. Tuy nhiên bộ hô hấp bên ngoài

ngừng, nhưng bộ hô hấp bên trong vẫn hoạt động, tức cũng là hơi thở ở lỗ mũi ngừng, nhưng tại lỗ chân lông sẽ bắt đầu hô hấp. Chúng được cảnh giới tam thiên, thì cho đến niệm cũng chẳng còn nữa, song vẫn biết mình đang ngồi thiền. Lúc này, chân chánh một niệm chẳng sinh. Sơ thiền rất hoan hỷ, nhị thiền ở trong định rất hoan hỷ, tam thiên thì xả bỏ hoan hỷ, đắc được một thứ diệu lạc chẳng không chẳng sắc. Tứ thiền gọi là xả niệm thanh tịnh địa. Đây là một thứ cảnh giới trong thiền định, chứ chẳng phải là chứng được quả vị. Có vị Tỳ Kheo vô tri nhận lầm tứ thiền là tứ quả, đây là quan niệm hoàn toàn sai lầm. Vì chẳng minh bạch quá trình tu hành, chưa chứng quả mà nói chứng quả; chưa đắc được trí huệ mà nói đắc được trí huệ; chưa khai ngộ mà nói đã khai ngộ. Kết quả phạm tội đại vọng ngữ, đoạ vào địa ngục cắt lưỡi.

Giải thoát có tám giải thoát, còn gọi là tám bối xả, trái với phiền não tam giới mà xả ly. Tám giải thoát là gì ?

- a). Trong có sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
- b). Trong không sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
- c). Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.
- d). Không vô biên xứ giải thoát.
- e). Thức vô biên xứ giải thoát.
- f). Vô sở hữu xứ giải thoát.
- g). Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.
- h). Diệt thọ tưởng định tác chứng cụ túc trụ.

Diệt thọ tưởng định hay khiến cho sáu thức của tâm diệt mà chẳng khởi.

Tam muội dịch là chánh định, chánh thọ. Lìa tán loạn là định, tức là một lòng chú ý nơi tịnh cảnh, khiến cho

tâm chẳng tán loạn. Phật có trí huệ biết được các thiên giải thoát tam muội.

4). Các căn thắng liệt: Các căn tức là mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu căn, đều có thắng liệt. Phật có mười lực trí huệ, hay quán sát được các căn thắng liệt của tất cả chúng sinh. Căn tánh của tất cả chúng sinh, ai nên trồng căn lành ? Căn lành của ai đang tăng trưởng ? Căn lành của ai đã chín mùi ? Căn lành của ai được giải thoát ? Phật đều biết rất rõ ràng, Ngài có trí huệ này.

5). Trí đủ thứ giải: Tất cả chúng sinh, đều có trí huệ khác nhau, tư tưởng, kiến giải. Chúng sinh mình bạch pháp gì ? Thì Phật dùng pháp phương tiện để giáo hóa. Do đó “Biết mình biết người, bách chiến bách thắng.” Trước hết phải biết mình, sau đó biết người, như thế mới giáo hóa chúng sinh được. Phật có trí huệ đủ thứ giải.

6). Trí đủ thứ giới: Phật có trí lực đủ thứ giới. Biết chúng sinh có giới hạn ngàn sai vạn biệt, cảnh giới của mỗi loài chúng sinh đều khác nhau. Dù khác nhau như thế nào, Phật cũng đều nhận chứng được, Ngài có lực trí huệ này.

7). Trí tất cả chí xứ đạo: Phật biết tu hành đạo gì ? Đến được nơi nào ? Nghĩa là tu pháp gì thì chứng được quả vị đó. Đây là trí huệ tất cả rốt ráo. Phật có lực trí huệ này.

8). Trí thiên nhãn vô ngại: Thiên nhãn thông thì chẳng chướng ngại, quán sát được ba ngàn đại thiên thế giới, quán sát chúng sinh trên trời và chúng sinh ở nhân gian, căn tánh của họ là thiện, là ác ? Hoặc là sinh, là tử ? Chẳng có chướng ngại. Phật có lực trí huệ vô ngại này.

9). Trí túc mạng vô ngại: Túc mạng tức là nhân duyên đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. Căn lành sâu hay cạn ? Trong một đời học Phật pháp, hay nhiều đời học Phật

pháp ? Hiểu rõ đủ thứ nhân duyên rồi, thì biết nên dùng pháp gì để giáo hóa chúng sinh. Phật có lực trí huệ này.

10). Trí vĩnh viễn đoạn tập khí: Tập khí tức là mao bệnh. Trong đời đời kiếp kiếp, học rất là nhiều tập khí ô nhiễm, muốn đoạn cũng chẳng đoạn được. Tại sao ? Vì chẳng có trí huệ. Ví như, tham mặc quần áo đẹp, tham ăn vật ngon, tham ở nhà tốt, tham ngồi xe mới. Phạm là cầu hưởng thụ đều là tập khí. Tập khí ở trong ruộng thức thứ tám, chứa rất nhiều, chẳng cách chi nói hết được. Giống như người chẳng có tập khí tham tiền tài, mà có tập khí ham sắc đẹp; có người chẳng có tập khí ham sắc đẹp, mà có tập khí ham xe mới; có người chẳng có tập khí ham xe mới, mà có tập khí ham uống rượu. Tóm lại, tuy chẳng có tập khí tham quần áo, ăn uống, chỗ ở, nhưng có tập khí rượu, sắc, tiền tài. Hết thấy tập khí đều gọi là lậu. Nếu có tập khí thì có hữu lậu. Có lậu thì làm mất đi bảo bối của mình. Cho nên người tu đạo phải cẩn thận coi chừng, thời khắc giữ gìn cẩn thận bảo bối thân mình, đừng để mất đi ! Phật có lực trí huệ vĩnh viễn đoạn tất cả tập khí, chẳng những mình sớm đã đoạn, mà còn khiến cho tất cả chúng sinh cũng học tập Phật pháp, vĩnh viễn đoạn sạch tất cả tập khí.

Nơi thập lực của Như Lai, mỗi mỗi quán sát. Trong mỗi mỗi lực, có vô lượng nghĩa, đều phải hồi han.

Bồ Tát tu tập phạm hạnh thanh tịnh, đối với mười lực trí huệ của Như Lai, phải mỗi mỗi quán sát, nghiên cứu kỹ càng. Trong mỗi lực trí huệ đều có vô lượng vô biên

nghĩa lý. Mỗi thứ nghĩa lý đều phải tự mình quán sát nghiên cứu. Nên hỏi han chính mình, nghĩa là hồi quang phản chiếu, cầu nơi chính mình.

Nghe rồi nên khởi tâm đại từ bi quán sát chúng sinh mà chẳng lìa bỏ. Suy gẫm các pháp, chẳng có ngừng nghỉ. Thực hành nghiệp vô thượng, chẳng cầu quả báo. Biết rõ cảnh giới, như huyễn như mộng, như bóng, như tiếng vang, cũng như biến hóa.

Bồ Tát tu phạm hạnh thanh tịnh, minh bạch thấu rõ vô lượng nghĩa lý và pháp môn, tự mình nghiên cứu kỹ càng. Hoặc ở nơi chư Phật nghe rồi, thì nên sinh tâm vô duyên đại từ đồng thể đại bi. Chư Phật Bồ Tát chẳng thấy lỗi lầm của chúng sinh. Tại sao ? Vì các Ngài xem lỗi lầm của chúng sinh như lỗi lầm của chính mình, cho nên đầy đủ tâm đại bi, nghĩa là ban vui cho chúng sinh, cứu khổ của chúng sinh. Quán sát hết thấy chúng sinh, chẳng màng căn tánh chúng sinh thẳng hay liệt, đều bình đẳng mà giáo hóa. Chúng sinh lợi căn thì dạy pháp Bát Nhã, chúng sinh độn căn thì dạy pháp nhân quả, chẳng có chúng sinh nào bị xả bỏ. Tôn giả A Nan nói: “Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, sẽ không thủ chúng quả vị Nê Hoàn.” Đây là đại nguyện rất vô thượng. Nguyện độ chúng sinh, chẳng phân biệt chúng sinh, cho nên chẳng xả bỏ chúng sinh. Phải suy gẫm nghĩa lý tất cả pháp, tám vạn bốn nghìn pháp môn đều phải nghiên cứu minh bạch. Vì cầu đạo vô thượng, lúc nào cũng tinh tấn, cho nên chẳng ngừng nghỉ.

Tu hành nghiệp vô thượng (Phật đạo) mà làm công đức vô thượng, vun bồi phước huệ vô thượng. Mà chẳng cầu quả báo tốt, khi đắc được công đức lành, hoàn toàn hồi hướng cho tất cả chúng sinh; mình chẳng có xí đồ quả báo tốt. Do đó “Thi ân bất cầu báo,” đây là tâm từ bi của Bồ Tát. Bồ Tát thấu rõ cảnh giới, nhận thức rất rõ ràng, chẳng có chấp trước, cho nên biết tất cả cảnh giới, đều là pháp hữu vi, như huyền hóa, như mộng tưởng, như hình bóng, như tiếng vang, đều là hư vọng không thật. Cũng như biến hóa, tự không hóa có, tự có hóa không. Do đó “biến hóa vô cùng,” tất cả cảnh giới đều như vậy.

Nếu các Bồ Tát hay quán hành tương ứng như vậy. Ở trong các pháp chẳng sinh hai kiến giải, thì tất cả Phật pháp sẽ sớm được hiện tiền.

Nếu như các Bồ Tát hay quán sát đủ thứ pháp ở trước, mà được tương ứng với các pháp. Tương ứng là gì? Tức là cứu kính minh bạch nghĩa lý của bản thể, chiếu thấu tất cả pháp, tương ứng hợp mà làm một thể, chẳng phân ra đó đây. Đây là đạo lý hai mà chẳng hai, chẳng hai mà hai. Lúc này, đối với tất cả pháp môn chẳng sinh hai kiến giải, môn nào cũng đệ nhất nghĩa. Tuy chẳng có hai thứ giải pháp, nhưng lại sinh ra vô lượng nghĩa. Tuy sinh vô lượng nghĩa, vẫn là pháp môn không hai. Nếu hay quán hành như thế thì hết thấy các pháp môn, lập tức chiếu thấu minh bạch. Đó sẽ tương ứng với pháp, chẳng sinh hai kiến giải. Như vậy, tất cả Phật pháp sẽ sớm hiện tiền.

Lúc ban đầu phát tâm, liền được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Biết tất cả pháp, tức tâm tự tánh, thành tựu huệ thân, chẳng do người khác mà khai ngộ.

Lúc ban đầu phát tâm bồ đề, liền chứng được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. A dịch là vô, nậu đa la dịch là thượng, tam dịch là chánh, miệu dịch là đẳng, bồ đề dịch là giác. Tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chánh giác là địa vị của hàng nhị thừa, hàng nhị thừa với phàm phu khác nhau. Phàm phu thì không giác, là người chẳng có giác ngộ. Hàng nhị thừa là tự giác, là người tự mình giác ngộ. Chánh đẳng là địa vị của Bồ Tát. Bồ Tát khác với hành nhị thừa. Hàng nhị thừa tuy tự giác, mà không thể giác ngộ kẻ khác. Song, Bồ Tát đã tự giác rồi, lại giác ngộ kẻ khác, có tâm từ bi hơn hàng nhị thừa, cho nên thật hành đạo Bồ Tát. Vô thượng là địa vị của Phật. Phật khác với Bồ Tát. Bồ Tát tuy đã viên mãn tự giác và giác tha, nhưng giác hạnh chưa viên mãn. Phật thì ba giác đều viên mãn, cho nên xưng là Phật. Và chẳng có ai cao hơn Phật. Cho nên vô thượng chánh đẳng chánh giác là quả vị của Phật.

Lúc đó, Bồ Tát biết tất cả pháp duy tâm tạo. Trong bản kinh có nói:

“Nếu ai muốn biết rõ
Tất cả Phật ba đời
Hãy quán tánh pháp giới
Tất cả do tâm tạo.”

Cho nên nói tất cả pháp đều không lìa khỏi tự tánh. Nếu lìa khỏi tự tánh thì chẳng có tất cả pháp. Nếu có thể

quán sát nghiên cứu như thế, thì chiếu thấu các pháp thật tướng, liền thành tự trí huệ thân. Huệ thân này chẳng phải từ bên ngoài mà đắc được, mà là do mình giác ngộ cảnh giới này, mới chứng được huệ thân tam muội. Lục Tổ Huệ Năng có nói:

“Khi mê thì thầy độ
Khi ngộ thì tự độ.”

Tức là đạo lý này. Lúc khai ngộ thì có cảnh giới không thể nghĩ bàn. Cảnh giới này chẳng phải cầu bên ngoài mà là tự chứng. Nếu có cảnh giới khai ngộ, thì phải nhờ bậc thiện trí thức ấn chứng, bằng không thì không thể thành lập. Song, thiện trí thức ấn chứng, phải là người khai ngộ. Khi Lục Tổ ở núi Huỳnh Mai, thì Ngũ Tổ chứng minh Ngài khai ngộ, cho nên đến Quảng Đông hoàng dương Phật Pháp, truyền Phật tâm ấn, giáo hóa chúng sinh. Các vị chú ý ! Khai ngộ chẳng phải tự mình thừa nhận, mà là do bậc thiện trí thức đã khai ngộ ấn chứng, mới gọi là khai ngộ. Trong Phật giáo, phải giữ quy cụ, tất cả hết thảy đều phải hợp với pháp độ, dần dần xu hướng tiến về con đường khai ngộ mà đi. Không giữ quy cụ thì chẳng hợp với pháp độ, tự xưng làm tổ sư thì không thể được.

Cảnh giới của Bồ Tát, vượt qua cảnh giới của A la hán. Cảnh giới của A la hán đã phá được ngã chấp, mà chưa phá được pháp chấp. Ngã không pháp chẳng không, còn chấp trước tất cả pháp là thật có. Cảnh giới của Bồ Tát là ngã, pháp, đều không. Vốn chẳng biết có mình. Chẳng biết có, chẳng biết không, chẳng biết trái, chẳng biết phải, tất cả chấp trước đều phá. A la hán đã dứt được phần đoạn sinh tử (nhục thể), nhưng chưa dứt được biến dịch sinh tử

(tinh thân). Bồ Tát thì hai tử nói trên đã dứt được, mà nhập Vô Dư Niết Bàn.

Gì là phần đoạn sinh tử ? Tức là bạn có phần của bạn, tôi có phần của tôi; bạn có hình đoạn của bạn, tôi có hình đoạn của tôi. Mỗi người đều có một phần, có một đoạn, cho nên gọi là phần đoạn sinh tử. Cũng có thể nói, tất cả chúng sinh trong ba cõi đều theo nghiệp mà thọ sinh. Trồng nghiệp thiện thì sinh về đường lành, gieo nghiệp ác thì sinh về đường ác. Nhân duyên gì thì chịu quả báo đó, mà chuyển biến tuổi thọ và hình thể, thấy đều khác nhau, cho nên có phần đoạn sinh tử.

Gì là biến dịch sinh tử ? Tức là niệm niệm trôi qua, niệm niệm biến đổi. Tức cũng là địa vị tu hành biến đổi, hình tướng cũng biến đổi, càng biến thì càng dễ. Lại có thể nói, khi Bồ Tát tu hành thì tâm cảnh trước, khác với tâm cảnh sau. Tức là sinh tử của tâm, chứ không phải sinh tử của thân. Do đó: “Biến thân thô thành chất tế, đổi mạng ngắn thành trường thọ.” Cho nên gọi là biến dịch sinh tử.

Phần đoạn sinh tử là sinh tử trong ba cõi, chứng được tứ quả A la hán mới chấm dứt được. Biến dịch sinh tử là sinh tử ngoài ba cõi, chứng được Bát địa Bồ Tát thì mới chất dứt được. Phần đoạn sinh tử là sinh lý sinh tử. Biến dịch sinh tử là tâm lý sinh tử.

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

PHẨM CÔNG ĐỨC BAN ĐẦU PHÁT TÂM THỨ MƯỜI BẢY

Lúc ban đầu phát tâm liền thành chánh giác. Đây là pháp môn đốn ngộ. Đốn ngộ tức là chẳng tu trì mà liền chứng được chánh giác. Tại sao lại như vậy ? Vì trong quá khứ đã từng phát tâm tu hành Bồ Tát đạo, hiện tại công đức viên mãn, căn lành chín mùi cho nên khai ngộ.

Ban đầu phát tâm tức là hiện tại bắt đầu phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng. Trong quá khứ chẳng có phát tâm bồ đề, tức cũng là một niệm tin Phật ban đầu, một niệm học Phật pháp ban đầu, một niệm nghĩ xuất gia ban đầu. Bồ Tát ban đầu phát tâm rất nhiều, nhưng Bồ Tát dũng mãnh tinh tấn thì rất ít. Thành tựu quả vị Bồ Tát lại càng ít.

Bồ đề dịch là giác đạo. Chúng ta người tu đạo, nhất định phải phát tâm giác đạo, tức cũng là tâm bồ đề. Tâm bồ đề là gì ? Nói đơn giản tức là trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Nói rộng ra là giữ năm giới, siêng tu lục độ vạn hạnh, đây đều là phát tâm bồ đề. Quy y Tam Bảo, gần gũi Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo, đây cũng là phát tâm bồ đề. Không làm các điều ác, làm các việc lành. Siêng tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si, đây đều là phát tâm bồ đề. Thậm chí không giữ tiền bạc, phiên dịch kinh điển, đây cũng là phát tâm bồ đề. Tóm lại, lợi ích kẻ khác, mà mình chẳng có ích kỷ lợi mình, đây tức là bồ đề tâm. Do đó:

“Phát tâm bồ đề lớn
Thì thành tựu quả lớn;
Phát tâm bồ đề nhỏ
Thì thành tựu quả nhỏ.”

Phát tâm bồ đề lớn, thì tức thân thành Phật, phát tâm bồ đề nhỏ, thì phải trải qua số kiếp mới thành đạo.

Công đức tức là làm việc lợi ích cho chúng sinh. Ví như làm cầu, làm đường, xây chùa, xây tháp, đều là công đức. Làm việc thiện viên mãn thì có công đức. Do đó: “Công đức vô lượng.” Song, Bồ Tát đem hết tất cả công đức hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Công đức ban đầu phát tâm không thể nghĩ bàn, tức là suốt thưở vị lai cũng nói không hết. Vì một khi phát tâm thì liền có thể thành Phật. Tức nhiên thành Phật, cho nên công đức vô cùng vô tận. Phẩm này là phẩm thứ mười bảy trong Kinh Hoa Nghiêm.

Bấy giờ, trời Đế Thích bạch Bồ Tát Pháp Huệ rằng: Phật tử ! Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, đắc được bao nhiêu công đức ?

Lúc đó, vị trời Đế Thích đối với Bồ Tát Pháp Huệ nói: Phật tử ! Xin hỏi Ngài, lúc Bồ Tát mới phát tâm bồ đề, thì cứu kính đắc được công đức, số lượng bao nhiêu ? Xin Ngài từ bi khai thị.

Trời Đế Thích gọi là Nhân Đà La, còn gọi là Thích Đề Hoàn Nhân. Sao ông ta lại được làm chủ trời Đạo Lợi ? Trong quá khứ, ông ta là một phụ nữ rất nghèo, nhưng có

tâm lành lớn. Một ngày nọ, đi ngang qua một ngôi chùa, thấy chánh điện dột nát sập xệ, mái chùa chẳng còn nữa. Tượng Phật bị mưa gió, màu vàng trên thân chẳng còn nữa, mất đi sự trang nghiêm. Do đó, cô ta phát tâm muốn tu sửa lại, nhưng chẳng có tiền, biết làm sao ? Người có chí việc tất thành. Cô ta đi các nơi hóa duyên, cảm động ba mươi hai người nữ, đến trợ giúp cô ta hoàn thành tâm nguyện, chẳng bao lâu công đức viên mãn, thân Phật vàng óng ánh chói mắt, chánh điện tu sửa lại rất trang nghiêm. Sau khi cô ta chết đi, vì nhờ công đức đó, cho nên được sinh về cõi trời Đạo Lợi làm Thiên tử. Còn ba mươi hai người nữ kia, cũng làm Thiên chủ ba mươi hai trời. Do đó có thể biết, phàm là phát tâm làm công đức, thì nhất định sẽ được quả báo thiện. Do đó:

“Trồng nhân lành được quả lành.”

Bồ Tát Pháp Huệ nói: Nghĩa này rất thâm sâu, khó nói, khó biết, khó phân biệt, khó tin hiểu, khó chứng, khó hành, khó thông đạt, khó suy gẫm, khó độ lượng, khó hướng vào.

Vị Bồ Tát Pháp Huệ đối với trời Đê Thích nói: Nghĩa lý của công đức này rất thâm áo, chẳng dễ gì nói ra, cũng chẳng dễ gì biết được, càng chẳng dễ gì phân biệt được. Số lượng công đức này, nói ra bạn cũng không thể tin, cũng không thể hiểu đặng. Công đức này cũng chẳng dễ gì chứng thật, cũng chẳng dễ gì tu hành. Khó thông đạt vô ngại, khó suy gẫm trắc lường. Không thể dùng thước để

độ lượng, cũng không thể dùng cân để cân lường. Công đức này chẳng dễ gì hướng vào, số lượng rốt ráo có bao nhiêu ? Chẳng cách chi biết được.

Tuy nhiên tôi sẽ nương sức oai thần của Phật để vì ông mà nói.

Bồ Tát Pháp Huệ lại nói: Tuy nhiên công đức ban đầu phát tâm Bồ đề rất thâm sâu, chẳng dễ gì biết được. Song, tôi (Bồ Tát Pháp Huệ) sẽ nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật để vì các ông đại chúng nói ra, công đức của Bồ Tát ban đầu phát tâm có bao nhiêu ?

Tâm lý của chúng sinh đều có hiện tượng biến thái. Tin tà chẳng tin chánh, tin ác chẳng tin thiện. Giảng Phật pháp chân chánh cho họ nghe, thì họ chẳng muốn nghe. Giảng tà pháp cho họ nghe, thì họ thích nghe. Tại sao ? Vì tâm của chúng sinh có ô nhiễm do bản, cho nên hoan hỷ nghe pháp ô nhiễm, do đó:

“Căn lành sâu thì nghe lời thiện
Tội nghiệt nặng thì nghe lời ác.”

Người có căn lành đến chùa Kim Sơn, thì giống như đến được nhà của mình. Song, người chẳng có căn lành, đến được chùa Kim Sơn, thì cảm thấy ở trong hầm băng, toàn thân chẳng thoải mái. Cho nên người đến chùa Kim Sơn để nghe kinh, đều là người có căn lành lớn. Song, có người tuy đến chùa Kim Sơn, nhưng chẳng hiểu quy cụ của chùa Kim Sơn, vẫn tùy tiện. Tập khí ở nhà cũng chẳng bỏ, mao bệnh cũng chẳng thay đổi. Mọi người phải biết, nếu tập khí mao bệnh chẳng trừ khử sạch, thì trí huệ không thể hiện tiền.

Phật tử ! Nếu như có người dùng tất cả nhạc cụ, cúng dường hết thầy chúng sinh ở phương đông A tăng kỳ thế giới, trải qua một kiếp. Sau đó dạy khiến cho họ giữ năm giới thanh tịnh. Phương nam, tây, bắc, bốn hướng, trên dưới, cũng lại như thế.

Bồ Tát Pháp Huệ đưa ra một ví dụ để nói rõ công đức ban đầu phát tâm có bao nhiêu ? Là mười một cái ?

- 1). Dụ lợi lạc chúng sinh.
- 2). Dụ mau chóng bộ sát.
- 3). Dụ biết kiếp thành hoại.
- 4). Dụ khéo biết thắng giải.
- 5). Dụ khéo biết các căn.
- 6). Dụ khéo biết dục lạc.
- 7). Dụ khéo biết phương tiện.
- 8). Dụ khéo biết tâm kẻ khác.
- 9). Dụ khéo biết tướng nghiệp.
- 10). Dụ khéo biết phiền não.
- 11). Dụ cúng Phật và Tăng.

Bồ Tát Pháp Huệ gọi một tiếng Phật tử ! Nếu như có người dùng đủ thứ nhạc cụ, để cúng dường hết thầy chúng sinh ở phương đông A tăng kỳ thế giới (vô lượng số thế giới), trải qua thời gian một kiếp. Sau đó dạy khiến cho vô lượng vô số vô biên chúng sinh, giữ gìn năm giới thanh tịnh. Ở phương nam, phương tây, phương bắc, bốn hướng (đông bắc, đông nam, tây nam, tây bắc, bốn phương),

phương trên, phương dưới, chín phương này cũng đều như vậy.

Một kiếp là gì ? Lấy tuổi thọ con người tám vạn bốn ngàn tuổi làm tiêu chuẩn, mỗi một trăm năm giảm xuống một tuổi, thân cao giảm đi một tấc, giảm đến tuổi thọ con người mười tuổi là ngừng. Sau đó mỗi một trăm năm, tuổi thọ lại tăng lên một tuổi, thân cao tăng lên một tấc. Tăng cho đến tám vạn bốn ngàn tuổi là ngừng, một lần tăng một lần giảm như vậy gọi là một kiếp.

Phật tử ! Ý của ông thế nào ? Công đức của người đó có nhiều chăng ?

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Ý nghĩ cảm giác của ông như thế nào ? Công đức của người đó có nhiều chăng ? Ông hãy nói cứu kính có bao nhiêu ?

Đế Thích nói: Phật tử ! Công đức của người đó, chỉ có Phật mới biết được. Ngoài ra, tất cả chẳng có ai lường được.

Trời Đế Thích đối với Bồ Tát Pháp Huệ nói rằng: Phật tử ! Công đức của người đó, cứu kính có bao nhiêu ? Chúng tôi chẳng biết được, ngoài ra, tất cả chúng sinh đều không thể nào lường được công đức đó có bao nhiêu ?

Bồ Tát Pháp Huệ nói: Phật tử ! Công đức người đó, so với công đức Bồ Tát ban đầu phát tâm, chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn, chẳng bằng

một phần trăm ngàn. Như vậy một phần ức, một phần trăm ức, một phần ngàn ức, một phần trăm ngàn ức, một phần Na do tha ức, một phần trăm Na do tha ức, một phần ngàn Na do tha ức, một phần trăm ngàn Na do tha ức, một phần số, một phần ca la, một phần toán, một phần dụ, một phần ưu ba ni sa đà.

Bồ Tát Pháp Huệ lại nói: Phật tử ! Công đức của người đó, tuy nhiều không thể nói, nhưng nếu so với công đức Bồ Tát ban đầu phát tâm, thì chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn, một phần ức, một phần trăm ức, một phần ngàn ức, một phần trăm ngàn ức, một phần Na do tha, một phần trăm Na do tha, một phần ngàn Na do tha, một phần trăm ngàn Na do tha, một phần số, một phần ca la, một phần toán, một phần dụ, một phần ưu ba ni sa đà, có công đức nhiều như vậy cũng chẳng bằng một phần công đức Bồ Tát ban đầu phát tâm.

Phật tử ! Đừng nói đến ví dụ này. Nếu như có người, đem tất cả nhạc cụ, cúng dường cho hết thấy chúng sinh trong mười phương mười A tăng kỳ thế giới, trải qua trăm kiếp. Sau đó dạy khiến cho họ tu mười điều lành.

Phật tử ! Hãy tạm ngừng ví dụ ở trên. Bây giờ đưa ra một ví dụ khác nữa. Nếu như có người dùng đủ thứ nhạc cụ, để cúng dường hết thảy chúng sinh trong mười phương mười A tăng kỳ thế giới, trải qua thời gian một trăm kiếp. Sau đó dạy khiến cho họ tu học mười điều lành. Mười điều lành là gì ? Tức là pháp ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, thân nghiệp chẳng phạm sát sinh, trộm cắp, tà dâm; khẩu nghiệp chẳng phạm nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói chửi mắng; ý nghiệp chẳng phạm tham, sân, si. Đây là mười điều lành.

Cúng dường như vậy, trải qua ngàn kiếp, sau đó dạy họ trụ ở tứ thiên. Trải qua trăm ngàn kiếp, dạy họ trụ ở bốn tâm vô lượng. Trải qua ức kiếp, dạy họ trụ ở bốn định vô sắc. Trải qua trăm ức kiếp, dạy họ trụ ở quả Tu đà hoàn. Trải qua ngàn ức kiếp, dạy họ trụ ở quả Tư đà hàm. Trải qua trăm ngàn ức kiếp, dạy họ trụ ở quả A na hàm. Trải qua Na do tha ức kiếp, dạy họ trụ ở quả A la hán. Trải qua trăm ngàn Na do tha ức kiếp, dạy họ trụ ở quả Bích Chi Phật.

Như vậy, cúng dường nhạc cụ cho hết thảy chúng sinh trong mười phương mười A tăng kỳ thế giới, trải qua thời gian một ngàn kiếp. Sau đó giáo hóa tất cả chúng sinh,

trụ ở bốn thiên định (Sơ thiên, nhị thiên, tam thiên và tứ thiên), tu tập pháp bốn thiên định. Trải qua trăm ngàn kiếp thời gian, để giáo hóa tất cả chúng sinh, trụ ở bốn tâm vô lượng.

Trải qua thời gian ức kiếp để giáo hóa tất cả chúng sinh, trụ ở bốn định vô sắc (không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ), tu tập pháp bốn không định. Công đức này có thể nói là rất lớn. Song, cũng chẳng bằng một phần công đức Bồ Tát ban đầu phát tâm. Trải qua trăm ức kiếp thời gian để giáo hóa tất cả chúng sinh, trụ ở quả Tu Đà Hoàn (sơ quả A la hán), dịch là dự lưu hoặc nghịch lưu. Dự vào dòng Thánh nhân pháp tánh, nghịch dòng phàm phu lục trần, còn có bảy lần sinh tử. Khi chúng được sơ quả thì mắt chẳng tham sắc, tai chẳng tham tiếng, mũi chẳng tham hương, lưỡi chẳng tham vị, thân chẳng tham xúc, ý chẳng tham pháp. Chẳng bị cảnh giới sáu trần lay chuyển, tâm định như núi. Lúc đó, ngày ngày mưu đạo chẳng mưu thực. Chẳng mưu tức là chẳng nghĩ, chỉ nghĩ tu đạo, chẳng nghĩ ăn vật ngon, nếu bạn muốn trắc lượng mình có chứng quả hay không ? Thì hỏi chính tâm của mình: Có muốn ăn vật ngon chẳng ? Nếu có tâm tham này, thì đó là chúng mình chẳng chứng quả, vẫn còn ở trong giai đoạn phàm phu tục tử. Sơ quả A la hán đi đường, thì chân chẳng dính đất, giống như đi trong hư không. Tại sao phải như vậy ? Vì có tâm từ bi; rất sợ đạp chết kiến và trùng nhỏ. Ai có thể đi được như vậy, thì người đó chứng được sơ quả A la hán. Chẳng có cảnh giới này mà nói chứng quả, là phạm tội đại vọng ngữ, tương lai chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Trải qua thời gian dài ngàn ức kiếp, để giáo hóa tất cả chúng sinh, trụ ở quả Tư Đà Hàm (nhị quả A la hán), dịch là nhất lai, một lần sinh về trời, một lần sinh xuống nhân gian, thọ hai phen sinh tử, mới vào được Hữu dư Niết Bàn.

Trải qua thời gian lâu dài trăm ngàn ức kiếp, để giáo hóa tất cả chúng sinh, trụ ở quả A na hàm (tam quả A la hán), dịch là bất lai, hoặc bất hoàn. Tức là chẳng đến dục giới thọ sinh tử, ở sắc giới, hoặc vô sắc giới, thọ một lần sinh tử, mới vào được Hữu dư Niết Bàn.

Trải qua thời gian lâu dài Na do tha ức kiếp, để giáo hóa tất cả chúng sinh, trụ ở quả A la Hán, dịch là vô sinh. Tức là chẳng sinh chẳng diệt, đã chấm dứt phần đoạn sinh tử, chứng được Hữu dư Niết Bàn. Lúc này chúng được bậc vô học, học đạo đã viên mãn, chẳng cần tu học nữa.

Trải qua thời gian lâu dài trăm ngàn Na do tha ức kiếp, để giáo hóa tất cả chúng sinh, trụ ở Bích Chi Phật. Thế gian chẳng có Phật mà khai ngộ thì gọi là Độc Giác, có Phật mà khai ngộ thì gọi là Duyên Giác. Công đức của người đó tuy rất rộng lớn, nhưng chẳng bằng một phần công đức ban đầu phát tâm.

Phật tử ! Ý ông thế nào ? Công đức của người đó có nhiều chăng ?

Đế Thích nói: Phật tử ! Công đức của người đó, chỉ có Phật mới biết được.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng Phật tử ! Theo ý của ông như thế nào ? Người đó trải qua vô lượng kiếp, cúng dường các thứ nhạc cụ cho tất cả chúng sinh và dạy

khiến cho họ trụ ở tứ thiên, tứ vô lượng tâm, cho đến Bích Chi Phật .v.v... Công đức của người đó có nhiều chăng ? Đế Thích nói: Phật tử ! Công đức của người đó được bao nhiêu ? Chúng ta chẳng cách chi biết được, chỉ có Phật mới biết được.

Bồ Tát Pháp Huệ nói: Phật tử ! Công đức của người đó, so với Bồ Tát ban đầu phát tâm, chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn, cho đến chẳng bằng một phần ưu ba ni sa đà.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng Phật tử ! Công đức của người đó, so với Bồ Tát ban đầu phát tâm chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn, chẳng bằng một phần trăm ngàn, cho đến chẳng bằng một phần ưu ba ni sa đà.

Tại sao ? Phật tử ! Vì tất cả chư Phật ban đầu phát tâm, thì chẳng những đem tất cả nhạc cụ cúng dường hết thảy chúng sinh trong mười phương A tăng kỳ thế giới. Trải qua trăm kiếp, cho đến trăm ngàn Na do tha ức kiếp, mà phát bồ đề tâm. Chẳng những vì dạy những chúng sinh đó tu năm giới, mười điều lành. Giáo hóa họ trụ ở bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc,

cho đến chúng quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, quả Bích Chi Phật, mà phát tâm bồ đề.

Ở trước đưa ra đủ thứ ví dụ, để hình dung công đức Bồ Tát ban đầu phát tâm, song chẳng có công đức nào sánh bằng. Là nhân duyên gì ? Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng Phật tử ! Mười phương ba đời tất cả chư Phật, lúc ban đầu phát tâm bồ đề, thì chẳng những đem tất cả nhạc cụ để cúng dường hết thảy chúng sinh trong mười phương mười A tăng kỳ thế giới, trải qua trăm kiếp cho đến trăm ngàn Na do tha ức kiếp thời gian, vì đây để phát tâm bồ đề. Chẳng những vì giáo hóa hết thảy những chúng sinh đó, khiến cho họ tu năm giới mười điều lành. Hoặc vì dạy họ trụ ở bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Hoặc giáo hóa họ chúng được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A na hàm, quả A la hán, quả Bích Chi Phật mà phát tâm bồ đề.

Mà vì khiến cho chúng tánh của Như Lai chẳng dứt. Vì đầy khắp tất cả thế giới. Vì độ thoát tất cả thế giới chúng sinh. Vì biết hết tất cả thế giới thành hoại. Vì biết hết chúng sinh cấu tịnh trong tất cả thế giới. Vì biết hết tất cả thế giới tự tánh thanh tịnh. Vì biết hết tất cả tâm chúng sinh sở thích phiền não tập khí. Vì biết hết

tất cả chúng sinh chết đây sinh kia. Vì biết hết các căn phương tiện của tất cả chúng sinh. Vì biết hết tâm hành của tất cả chúng sinh. Vì biết hết trí ba đời của tất cả chúng sinh. Vì biết hết cảnh giới bình đẳng của tất cả chư Phật, mà phát tâm vô thượng bồ đề.

Tại sao Bồ Tát phải phát tâm bồ đề ?

1). Vì muốn tiếp nối huệ mạng của Phật, khiến cho chủng tánh của Phật chẳng dứt. Nghĩa là khiến cho huệ mạng của Phật tiếp tục tồn tại vĩnh viễn, khiến cho đèn trí huệ của Phật chiếu sáng mãi mãi, chiếu soi tất cả thế giới, vì khiến cho hạt giống Phật vĩnh viễn trụ thế.

2). Vì khiến cho Phật pháp đầy khắp hết thảy tất cả thế giới. Phật thấy tất cả chúng sinh ở thế giới Ta Bà và thế giới khác đều khổ nhiều vui ít, trầm mê chẳng ngộ, cho nên khiến cho chúng sinh quay lưng trần lao hợp với giác ngộ, mới có thể lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử.

3). Vì độ thoát hết thảy chúng sinh trong tất cả thế giới, cho nên Phật mới phát tâm bồ đề.

4). Vì hết tất cả thế giới thành trụ hoại không bốn tướng. Trái đất có thành trụ hoại không, con người có sinh già bệnh chết, vật có sinh trụ dị diệt, nhất định là có lý do.

5). Vì biết hết tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới, nhiệm như thế nào ? Được thanh tịnh như thế nào ? Nếu nhiệm pháp thế gian tức là nhiệm ô. Nếu xả bỏ pháp thế gian, bỏ mê về giác, trở về nguồn cội, tức là thanh tịnh.

6). Vì biết hết tất cả thế giới tự tánh là thanh tịnh.

7). Vì muốn biết sự ưa thích, sự phiền não, hết thấy tập khí ở trong tâm của tất cả chúng sinh.

8). Vì muốn biết hết thấy chúng sinh, nguyên nhân gì, ở nơi này chết ? Lại sinh ra ở nơi khác.

9). Vì biết hết đủ thứ căn tánh của tất cả chúng sinh, dùng pháp môn phương tiện gì có thể giáo hóa chúng sinh.

10). Vì biết hết tâm nghĩ, biểu hiện hành động ở trong tâm của tất cả chúng sinh. Vì chúng sinh mê hoặc quá sâu, chẳng biết trở về nguồn cội, cho nên Bồ Tát mới phát tâm bồ đề.

11). Vì biết hết trí huệ ba đời của tất cả chúng sinh. Ba đời là đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Cũng có thể nói hôm qua, ngày nay, ngày mai. Và cũng có thể nói năm qua, năm nay, năm tới. Tóm lại, bất cứ nói như thế nào cũng đều có thể thành lập ba đời. Do đó “pháp vô định pháp,” pháp chẳng có nhất định, đừng chấp trước. Nhất là cảnh giới Hoa Nghiêm, là viên dung vô ngại, nói ngang nói dọc cũng đều có lý.

12). Vì muốn biết cảnh giới của tất cả chư Phật, cảnh giới của chúng sinh, cảnh giới của tâm, đều là bình đẳng. Do đó: “Tâm, Phật và chúng sinh, cả ba chẳng khác biệt.” Vì muốn biết đủ thứ nhân duyên, cho nên mới phát tâm vô thượng bồ đề, đây là ví dụ thứ nhất, dụ lợi lạc chúng sinh.

Người phát tâm bồ đề, chẳng phải Phật, cũng chẳng phải Bồ Tát mà là chúng ta người tu đạo. Vì Phật, Bồ Tát đã phát tâm bồ đề. Tức đã biết đủ thứ cảnh giới vừa nói ở trên, đủ thứ đạo lý, thì phải dừng mãnh tinh tấn, đừng giải đãi, hoặc phóng dật.

Phật tử ! Hãy miễn ví dụ này. Nếu như có người, trong một niệm, có thể đi qua phương đông A tăng kỳ thế giới. Niệm niệm như vậy, hết số kiếp A tăng kỳ. Các thế giới đó không có ai hiểu được.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng Phật tử ! Ví dụ vừa nói ở trên hãy tạm gạt lại. Bây giờ đưa ra một ví dụ khác nữa: Nếu như có người, ở trong một niệm thời gian rất ngắn, trải qua các thế giới nhiều như số A tăng kỳ ở phương đông. Ở trong mỗi niệm đều trải qua các thế giới nhiều như vậy, trải qua suốt A tăng kỳ kiếp thời gian. Những thế giới đó, chẳng có ai biết được bờ mé. Tại sao ? Vì trong một niệm, trải qua vô lượng thế giới, trong một niệm, trải qua vô lượng vô biên vô số thế giới, hà huống là trải qua vô lượng số kiếp thời gian ? Thật chẳng có ai biết được cứu kính có bao nhiêu ? Chẳng cách chi tính được.

Và người thứ hai, ở trong một niệm trải qua các thế giới, mà người ở trước đã trải qua A tăng kỳ kiếp. Như vậy cũng hết số kiếp A tăng kỳ. Lần lượt cho đến người thứ mười. Phương nam, tây, bắc, bốn hướng trên dưới, cũng lại như thế.

Và người thứ hai, cũng ở trong một niệm, trải qua các thế giới mà người thứ nhất đã trải qua A tăng kỳ. Cứ lần lượt như vậy, cho đến người thứ mười. Ở phương đông

tình hình như vậy, ở phương nam, tây, bắc, bốn hướng trên dưới chín phương này cũng đều như vậy.

Phật tử ! Trong mười phương này, phàm là có một trăm người, mỗi người cũng đều như vậy, trải qua các thế giới. Các thế giới đó, có thể biết được bờ mé, còn Bồ Tát ban đầu phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, đắc được căn lành, chẳng có ai biết được bờ mé.

Bồ Tát Pháp Huệ nói: Phật tử ! Trong mười phương này, dù có một trăm người. Mỗi người đều trải qua các thế giới như vậy. Các thế giới đó sẽ tính biết được bờ mé của nó. Nhưng Bồ Tát ban đầu phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề (Vô thượng chánh đẳng chánh giác), công đức và căn lành đắc được, chẳng có ai biết được bờ mé của nó.

Tại sao ? Phật tử ! Vì Bồ Tát chẳng giới hạn, nhưng vì biết rõ các thế giới đã trải qua, mà phát tâm bồ đề. Vì muốn biết rõ mười phương thế giới, mà phát tâm bồ đề.

Tại sao không thể biết bờ mé công đức và căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề ? Phật tử ! Vì Bồ Tát tu pháp vô sở định. Nhưng Bồ Tát tĩnh cực tự động, muốn qua các thế giới nhiều như vậy để tìm chúng sinh có thể độ

được, vì thấu rõ thế giới như thế nào ? Vì Bồ Tát có câu biết dục, cho nên muốn đến nhiều thế giới để quán sát nhân duyên, mà phát tâm bồ đề. Tức cũng là tu đạo, y theo Phật pháp tu hành, mới đắc được giác đạo. Bồ Tát không việc tìm việc làm, việc không nên biết, Ngài muốn biết. Muốn thấu rõ mười phương thế giới mà phát tâm bồ đề. Tức cũng là muốn tu hành. Tu hành là chức nghiệp của Bồ Tát, Bồ Tát chẳng tu hành thì thất nghiệp.

Phật pháp là gì ? Chỉ tóm tắt một lời đó là chìa khóa. Hiện tại giảng kinh, tức là giảng chìa khóa. Hiện tại thuyết pháp, tức là nói chìa khóa. Vốn chẳng mất đi, nhưng không biết dùng nó. Khi nào tìm được chìa khóa trí huệ này, thì lúc đó sẽ khai mở được cửa vô minh. Đó tức là lúc khai ngộ. Mong các vị chuyên nhất để tìm chìa khóa trí huệ này.

Đó là: Muốn biết rõ diệu thế giới, tức là thế giới thô, thế giới thô tức là diệu thế giới. Thế giới ngửa tức là thế giới úp, thế giới nhỏ tức là thế giới lớn. Thế giới lớn tức là thế giới nhỏ. Thế giới rộng tức là thế giới hẹp, thế giới hẹp tức là thế giới rộng. Một thế giới tức là bất khả thuyết thế giới, bất khả thuyết thế giới tức là một thế giới. Bất khả thuyết thế giới vào một thế giới, một thế giới vào bất khả thuyết thế giới. Thế giới dơ tức là thế giới sạch, thế giới sạch tức là thế giới dơ.

Đó là muốn biết rõ, diệu thế giới tức là thế giới thô; thế giới thô tức là thế giới diệu, mà phát tâm bồ đề. Gì là diệu thế giới ? Tức là thế giới trang nghiêm thanh tịnh, giống như thế giới Cực Lạc. Gì là thế giới thô ? Tức là thế giới năm trược (kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược), như thế giới Ta Bà. Muốn kiến lập thế giới thanh tịnh trang nghiêm, thì phải ở trong thế giới năm trược mà kiến lập. Muốn chuyển biến thế giới năm trược thành thế giới tốt đẹp, thì phải ở tại đây dụng công phu, cho nên thế giới thanh tịnh trang nghiêm có thể biến thành thế giới thô xấu, thế giới năm trược có thể biến thành thế giới tốt đẹp. Có thể tốt đẹp như thế nào ? Có thể thô xấu như thế nào ? Thì quyết định ở tại tư tưởng của mình. Trong tâm chẳng có tư tưởng nhiễm ô, tức là thế giới diệu (tốt đẹp); nếu trong tâm có rất nhiều vọng tưởng, dục niệm, tham sân si .v.v... tức là thế giới thô xấu. Tóm lại, thế giới diệu và thế giới thô, chẳng lìa khỏi tâm thế giới của bạn. Tâm thế giới chẳng lìa khỏi một tâm niệm. Một tâm niệm có thể trở thành thế giới thanh tịnh trang nghiêm; một tâm niệm có thể trở thành thế giới thô năm trược.

Thế giới ngửa tức là thế giới úp; thế giới úp tức là thế giới ngửa. Gì là thế giới ngửa ? Tức là thế giới cao. Gì là thế giới úp ? Tức là thế giới thấp. Thế giới cao thấp là một thể. Tại sao thành tựu thế giới ngửa ? Tại sao thành tựu thế giới úp ? Cơ sở của thế giới úp tức là thế giới ngửa, căn bản của thế giới ngửa tức là thế giới úp.

Thế giới nhỏ tức là thế giới lớn; thế giới lớn tức là thế giới nhỏ. Thế giới nhỏ tụ tập nhỏ mà thành lớn, có thể

trở thành thế giới lớn. Thế giới lớn phân ra, tức cũng là một bộ phận của thế giới nhỏ, cho nên lớn nhỏ vô ngại.

Thế giới rộng tức là thế giới hẹp; thế giới hẹp tức là thế giới rộng. Thế giới hẹp mà mở rộng ra, tức là thế giới rộng. Thế giới rộng mà thu hẹp lại thì trở thành thế giới hẹp.

Một thế giới tức là bất khả thuyết thế giới; bất khả thuyết thế giới tức là một thế giới. Tại sao nói như vậy ? Vì thế giới với thế giới có mối quan hệ với nhau. Mỗi hạt bụi và mỗi thế giới, đều thông đạt với nhau. Giống như sóng điện radar, tâm điện của chúng ta chúng sinh thông đạt với nhau. Tại sao đắc được tha tâm thông ? Vì có sóng điện tâm linh tác dụng cảm ứng. Trong mỗi lỗ chân lông, đều có thiết bị máy radar (máy ra đa), tu hành thành công thì máy ra đa của lỗ chân lông đều phát sinh tác dụng, máy ra đa và máy ra đa cùng nhau thông đạt vô ngại, sóng điện và sóng điện cùng nhau thông đạt vô ngại. Cho nên nói tha tâm thông là việc rất bình thường, chẳng có gì lạ lùng. Giống như bây giờ có người chẳng biết sử dụng máy vi tính và máy ra đa. Nếu học qua cách thức sử dụng thì mới sử dụng được. Hiện tại chúng ta tu hành, tức là học kỹ thuật máy vi tính và máy ra đa trong tâm linh.

Không thể nói thế giới vào được trong một thế giới, một thế giới cũng có thể vào trong bất khả thuyết thế giới. Tại sao ? Vì nó cùng nhau thông đạt vô ngại.

Thế giới dơ tức là thế giới sạch; thế giới sạch tức là thế giới dơ. Thế giới dơ bản có thể biến thành thế giới sạch sẽ. Biến như thế nào ? Do đó “Tất cả do tâm tạo.” Tâm thanh tịnh rồi, thì thế giới sẽ thanh tịnh, thấy gì cũng đều thanh tịnh, giống như người thấy nước là nước, Phật Bồ

Tát thấy nước là lưu ly, quý đỏi thấy nước là lửa ngọn. Cùng tình hình như vậy, thế giới thanh tịnh cũng có thể biến thành dơ bẩn. Biến như thế nào ? Tâm có tư tưởng nhiễm dơ bẩn, thì thấy gì cũng đều chẳng thanh tịnh. Dù đến được thế giới thanh tịnh trang nghiêm, cũng cảm thấy là thế giới năm trước. Vì trong tâm chẳng sạch sẽ. Do đó: “Mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm.”

Vì muốn biết trong một đầu sợi lông, tất cả thế giới tánh khác biệt, trong tất cả thế giới một đầu sợi lông một thể tánh. Muốn biết trong một thế giới sinh ra tất cả thế giới. Muốn biết tất cả thế giới không thể tánh. Muốn dùng một tâm niệm biết hết tất cả thế giới rộng lớn, chẳng chướng ngại, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Bồ Tát muốn biết tánh khác biệt của tất cả thế giới trong một đầu sợi lông, đều có quan hệ với nhau. Một thể tánh một đầu sợi lông trong tất cả thế giới. Bồ Tát muốn biết trong một thế giới sinh ra tất cả thế giới, cho nên hay sinh ra vô lượng thế giới. Mỗi hạt bụi trong mỗi thế giới, có thể thành tựu vô lượng vô biên thế giới. Bồ Tát muốn biết tất cả thế giới chẳng có một thể tánh. Đều là nhân duyên mà sinh ra, nhân duyên mà diệt. Thành tựu hoại không chẳng phải là một thể tánh cứu kính bất hoại. Bồ Tát muốn dùng một tâm niệm, biết hết thế giới rộng lớn vô

biên, mà chẳng có chướng ngại, cho nên phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là ví dụ thứ hai, dụ mau chóng bộ sát.

Phật tử ! Hãy miễn ví dụ này. Nếu như có người, nơi một tâm niệm, biết được kiếp số thành hoại A tăng kỳ thế giới ở phương đông. Niệm niệm như vậy hết A tăng kỳ kiếp. Các số kiếp đó, chẳng có ai biết được bờ mé.

Phật tử ! Hãy tạm gác lại ví dụ ở trước vừa nói. Hiện tại lại đưa ra một ví dụ khác. Nếu như có người, ở trong một niệm, biết được kiếp số thành trụ hoại không A tăng kỳ thế giới ở phương đông. Trong mỗi niệm đều như thế, hết số kiếp A tăng kỳ, trải qua thời gian dài như vậy. Kiếp số nhiều như vậy, cứu kính có bao nhiêu ? Chẳng có ai biết được bờ mé của nó.

Có người thứ hai, nơi một tâm niệm, biết được kiếp số của người thứ nhất biết trong A tăng kỳ kiếp. Nói rộng như vậy, cho đến người thứ mười. Phương nam, tây, bắc, bốn hướng trên dưới, cũng lại như thế.

Lại có người thứ hai, cũng trong một tâm niệm, biết được kiếp số của người thứ nhất biết trong A tăng kỳ kiếp thời gian. Tức cũng là trong khoảng một niệm, liền trải qua thời gian dài nhất của người ở trước. Nói rộng như vậy,

cho đến người thứ mười. Chín phương kia còn lại cũng đều như vậy.

Phật tử ! Kiếp số thành hoại trong mười phương A tăng kỳ thế giới đó, có thể biết được bờ mé, còn công đức căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chẳng có ai biết được bờ mé.

Phật tử ! Kiếp số thành trụ hoại không trong mười phương A tăng kỳ thế giới, còn có thể biết được bờ mé của nó, song Bồ Tát ban đầu phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đắc được công đức và căn lành, chẳng có ai biết được bờ mé của nó.

Tại sao ? Vì Bồ Tát chẳng giới hạn, nhưng vì muốn biết kiếp số thành hoại của các thế giới đó, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Vì muốn biết kiếp số thành hoại, của hết thảy tất cả thế giới không còn sót, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Tại sao vậy ? Bồ Tát chẳng có bờ mé nhất định, chẳng có pháp độ nhất định. Nhưng vì muốn biết các thế giới đó thành, trụ, hoại, không, như thế nào ? Vì bốn tướng kiếp số này, cho nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng

chánh giác. Bồ Tát vì muốn biết hết kiếp số thành trụ hoại không của tất cả thế giới, không còn sót thừa, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đó là: Biết kiếp dài và kiếp ngắn bình đẳng, kiếp ngắn và kiếp dài bình đẳng. Một kiếp và vô số kiếp bình đẳng, vô số kiếp và một kiếp bình đẳng. Kiếp có Phật và kiếp không có Phật bình đẳng, kiếp không có Phật và kiếp có Phật bình đẳng. Trong kiếp một vị Phật có bất khả thuyết vị Phật bình đẳng, trong kiếp bất khả thuyết vị Phật có một vị Phật bình đẳng. Kiếp hữu lượng và kiếp vô lượng bình đẳng, kiếp vô lượng và kiếp hữu lượng bình đẳng. Kiếp bất khả thuyết và một niệm bình đẳng, một niệm và kiếp bất khả thuyết bình đẳng. Tất cả kiếp vào phi kiếp, phi kiếp vào tất cả kiếp.

Đó là Bồ Tát muốn biết kiếp dài và kiếp ngắn là bình đẳng; kiếp ngắn và kiếp dài cũng là bình đẳng. Kiếp dài chẳng lìa một niệm, kiếp ngắn cũng chẳng lìa một niệm. Trong một niệm dài ngắn bình đẳng vô ngại. Giống như nước tức là nước, nước tức là băng. Lại giống như phiền não tức bờ đê, bờ đê tức phiền não, đều bình đẳng.

Một kiếp và nhiều kiếp là bình đẳng; nhiều kiếp và một kiếp cũng là bình đẳng. Một kiếp cũng là kiếp, nhiều kiếp cũng là kiếp. Trong đó vốn chẳng có quan hệ thời gian, cho nên nói là bình đẳng.

Kiếp có Phật và kiếp không có Phật là bình đẳng; kiếp không có Phật và kiếp có Phật cũng là bình đẳng. Kiếp có Phật ra đời và kiếp chẳng có Phật ra đời đều là bình đẳng, chẳng có phân biệt.

Trong kiếp một vị Phật có bất khả thuyết vị Phật ra đời; trong kiếp bất khả thuyết vị Phật có một vị Phật ra đời đều là bình đẳng, chẳng có phân biệt.

Kiếp hữu lượng và kiếp vô lượng là bình đẳng; kiếp vô lượng và kiếp hữu lượng cũng là bình đẳng. Kiếp hữu tận và kiếp vô tận là bình đẳng; kiếp vô tận và kiếp hữu tận là bình đẳng. Đây tức là chẳng có tâm phân biệt. Nếu có tâm phân biệt, thì tất cả đều chẳng bình đẳng.

Kiếp bất khả thuyết thời gian và kiếp một niệm thời gian bình đẳng; kiếp thời gian một niệm và kiếp bất khả thuyết thời gian cũng bình đẳng. Tất cả kiếp vào được trong phi kiếp; phi kiếp vào được trong tất cả kiếp, đều là bình đẳng, chẳng có chướng ngại.

Muốn ở trong một niệm, biết hết tiền tế hậu tế và kiếp thành hoại tất cả thế giới hiện tại, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Đây gọi là ban đầu phát tâm đại thế trang nghiêm, biết rõ tất cả kiếp thần thông trí.

Bồ Tát muốn ở trong một niệm, biết hết kiếp số thành trụ hoại không, của tất cả thế giới quá khứ vị lai hiện tại, cho nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây gọi là ban đầu phát tâm đại thệ nguyện trang nghiêm. Trí huệ thấu rõ biết tất cả kiếp thân thông diệu dụng. Đây là ví dụ thứ ba, dụ biết kiếp thành hoại.

Phật tử ! Hãy thôi ví dụ này. Nếu như có người, nơi một tâm niệm, biết được đủ thứ kiến giải khác nhau, của hết thầy chúng sinh trong A tăng kỳ thế giới ở phương đông. Niệm niệm như vậy, hết số kiếp A tăng kỳ.

Phật tử ! Hãy tạm ngừng lại ví dụ vừa nói ở trên. Hiện tại đưa ra một ví dụ khác nữa. Nếu như có người, trong một tâm niệm, biết được đủ thứ kiến giải khác nhau, của hết thầy chúng sinh trong A tăng kỳ thế giới ở phương đông. Trong niệm niệm đều biết được, đủ thứ kiến giải khác nhau của hết thầy chúng sinh trong A tăng kỳ thế giới, mà trải qua thời gian số kiếp A tăng kỳ.

Có người thứ hai, nơi một tâm niệm, biết được người ở trước biết các kiến giải của chúng sinh trong A tăng kỳ kiếp. Như vậy cũng hết A tăng kỳ kiếp. Lần lượt cho đến người thứ mười. Phương nam, tây, bắc, bốn hướng trên dưới, cũng lại như thế.

Lại có người thứ hai, có thể ở trong một niệm, biết được người ở trước biết các kiến giải khác nhau của chúng sinh trong A tăng kỳ kiếp. Cũng như vậy hết A tăng kỳ kiếp thời gian, lần lượt đến người thứ mười ở chín phương kia cũng lại như thế.

Phật tử ! Đủ thứ kiến giải khác nhau của chúng sinh trong mười phương đó, có thể biết được bờ mé. Công đức căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm, chẳng có ai biết được bờ mé.

Các vị Phật tử ! Đủ thứ các kiến giải của tất cả chúng sinh trong mười phương, đều có thể biết được cứu kính có bao nhiêu ? Nhưng công đức và căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chẳng có ai biết được bờ mé của nó.

Tại sao ? Phật tử ! Vì Bồ Tát chẳng giới hạn, nhưng vì muốn biết kiến giải của chúng sinh đó, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Vì biết hết đủ thứ kiến giải khác nhau, của hết thấy chúng sinh trong tất cả thế giới, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Tại sao vậy ? Phật tử ! Bồ Tát tu pháp bất định, nhưng vì muốn biết các kiến giải khác nhau của nhiều

chúng sinh đó, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát vì muốn biết hết đủ thứ kiến giải khác nhau, của hết thảy chúng sinh trong tất cả thế giới, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đó là: Vì muốn biết vô biên kiến giải khác nhau. Vì một chúng sinh kiến giải và vô số chúng sinh kiến giải bình đẳng. Vì muốn được bất khả thuyết kiến giải khác biệt phương tiện trí quang minh. Vì muốn biết hết mỗi mỗi kiến giải khác nhau của biển chúng sinh không thừa sót. Vì muốn biết đủ thứ vô lượng kiến giải thiện bất thiện của quá khứ hiện tại vị lai. Vì muốn biết kiến giải tương tợ chẳng tương tợ. Vì muốn biết tất cả kiến giải tức là một kiến giải, một kiến giải tức là tất cả kiến giải. Vì muốn được sức kiến giải của Như Lai.

Bồ Tát vì muốn biết biết tất cả kiến giải khác nhau, chẳng có bờ mé. Vì một chúng sinh kiến giải và nhiều chúng sinh kiến giải là bình đẳng. Bồ Tát vì muốn đắc được bất khả thuyết kiến giải khác nhau, phương tiện trí huệ quang minh. Bồ Tát vì muốn biết hết biển chúng sinh mỗi mỗi kiến giải khác biệt, không thừa sót. Bồ Tát vì muốn biết đủ thứ vô lượng kiến giải, thiện, bất thiện của đời quá khứ hiện tại vị lai. Bồ Tát vì muốn biết kiến giải

tương tự (kiến giải thể gian) và kiến giải chẳng tương tự (kiến giải xuất thể). Bồ Tát vì muốn biết tất cả kiến giải tức là một kiến giải; một kiến giải tức là tất cả kiến giải. Bồ Tát vì muốn đắc được giải thoát thập lực của Như Lai, cho nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Vì muốn biết hữu thượng kiến giải, vô thượng kiến giải, hữu dư kiến giải, vô dư kiến giải, đẳng kiến giải, bất đẳng kiến giải khác nhau.

Bồ Tát vì muốn biết hữu thượng kiến giải, tức là trí huệ kiến giải của Bồ Tát. Vô thượng kiến giải, tức là trí huệ kiến giải của Phật. Hữu dư kiến giải, tức là kiến giải của chín pháp giới chúng sinh. Vô dư kiến giải, tức là kiến giải của Phật pháp giới. Đẳng kiến giải, tức là tất cả đẳng đẳng kiến giải. Bất đẳng kiến giải, tức là kiến giải bất tương đồng. Vì có đủ thứ kiến giải khác nhau, cho nên Bồ Tát phát tâm vô thượng bồ đề.

Vì muốn biết hữu y kiến giải, vô y kiến giải, cộng kiến giải, bất cộng kiến giải, hữu biên kiến giải, vô biên kiến giải, sai biệt kiến giải, vô sai biệt kiến giải, thiện kiến giải, bất thiện kiến giải, thể gian kiến giải, xuất thể gian kiến giải khác nhau.

Bồ Tát vì muốn biết kiến giải có sở y, kiến giải vô sở y; kiến giải cộng đồng, kiến giải chẳng cộng đồng; kiến

giải hữu biên, kiến giải vô biên; kiến giải có khác biệt, kiến giải chẳng khác biệt; kiến giải thiện, kiến giải chẳng thiện; kiến giải thế gian, tức là sự hiểu biết của phàm phu. Kiến giải xuất thế gian, tức là sự hiểu biết của Thánh nhân. Có đủ sự khác biệt, cho nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Vì muốn ở nơi tất cả diệu kiến giải, đại kiến giải, vô lượng kiến giải, chánh lập kiến giải trung, đắc được trí không chướng ngại giải thoát của Như Lai.

Bồ Tát vì muốn ở trong tất cả diệu kiến giải, đại kiến giải, vô lượng kiến giải, chánh lập kiến giải trung, đắc được trí không chướng ngại giải thoát của Như Lai, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Vì muốn dùng vô lượng phương tiện, thấy đều biết tất cả cõi chúng sinh trong mười phương. Mỗi mỗi chúng sinh hiểu thanh tịnh, hiểu ô nhiễm, hiểu rộng lớn, hiểu giản lược, hiểu vi tế, hiểu thô, không thừa sót.

Bồ Tát vì muốn dùng vô lượng phương tiện, thấy đều biết hết tất cả cõi chúng sinh trong mười phương, mỗi một chúng sinh hiểu thanh tịnh, hiểu nhiễm ô, hiểu rộng lớn, hiểu hạn hẹp, hiểu vi tế, hiểu thô, mà triệt để mình

bạch, chẳng thừa sót mà phát tâm Vô thượng chánh chảnh chánh giác.

Vì đều muốn biết giải thâm mật, giải phương tiện, giải phân biệt, giải tự nhiên, giải theo nhân mà khởi lên, giải theo duyên mà khởi lên. Tất cả lưới giải, đều không thừa sót. Mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Bồ Tát vì muốn biết hoàn toàn về kiến giải thâm mật, tức là kiến giải chân thật. Kiến giải phương tiện, tức là phương tiện khéo léo, tức là nhân sự chế nghi, nhân địa chế nghi, nhân nhơn chế nghi. Kiến giải phân biệt, tức là phân tích tử tế tất cả đạo lý. Kiến giải tự nhiên, tức là rất tự nhiên mà minh bạch. Kiến giải theo nhân khởi lên, tức là tùy theo đủ thứ nhân mà khởi lên đủ thứ kiến giải. Kiến giải theo duyên khởi lên, tức là tùy theo đủ thứ duyên khởi lên đủ thứ kiến giải. Tất cả kiến giải, giống như tấm lưới. Nếu minh bạch thì đắc được giải thoát. Nếu chẳng minh bạch thì vĩnh viễn bị khốn ở trong lưới. Vì minh bạch hết hoàn toàn, chẳng thừa sót mà phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là ví dụ thứ tư, dụ khéo biết thắng giải.

Phật tử ! Hãy ngưng ví dụ này. Nếu như có người nơi một tâm niệm, biết được các căn khác nhau của tất cả chúng sinh

trong vô số thế giới ở phương đông. Niệm niệm đều như vậy, trải qua số kiếp A tăng kỳ.

Phật tử ! Hãy tạm gác lại ví dụ ở trên. Hiện tại lại đưa ra một ví dụ khác nữa. Ví như có người ở trong một tâm niệm, biết được các căn (sáu căn) khác nhau của hết thảy chúng sinh trong vô số thế giới ở phương đông. Trong niệm niệm đều như vậy, trải qua thời gian dài A tăng kỳ kiếp.

Có người thứ hai, nơi một tâm niệm biết được người ở trước biết các căn lành khác nhau trong niệm niệm trải qua số kiếp A tăng kỳ. Nói rộng ra như vậy, cho đến người thứ mười, phương nam tây bắc, bốn hướng trên dưới, cũng lại như vậy.

Lại có người thứ hai, trong một tâm niệm, biết được người thứ nhất mỗi mỗi tâm niệm biết các căn khác nhau của hết thảy tất cả chúng sinh thời gian dài A tăng kỳ kiếp. Nói rộng ra như vậy, cho đến người thứ mười. Chín phương kia cũng đều như vậy.

Phật tử ! Các căn khác nhau của hết thảy chúng sinh trong mười phương thế giới đó, có thể biết được bờ mé. Còn công đức căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chẳng có ai biết được bờ mé.

Các vị Phật tử ! các căn khác nhau của hết thầy chúng sinh trong mười phương thế giới đó, có thể biết được bờ mé của nó. Song, công đức căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác đắc được, chẳng có ai biết được bờ mé của nó.

Tại sao ? Vì Bồ Tát chẳng giới hạn, chỉ vì muốn biết căn tánh của chúng sinh ở trong các thế giới đó, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Vì muốn biết hết đủ thứ căn tánh khác nhau của tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới, nói rộng ra cho đến muốn biết hết tất cả lưới các căn tánh, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Tại vì sao ? Vì Bồ Tát chẳng có pháp độ nhất định, cho nên chẳng có giới hạn. Nhưng vì muốn biết các căn tánh của hết thầy tất cả chúng sinh trong vô số thế giới đó, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát vì muốn biết hết đủ thứ các căn tánh khác nhau của hết thầy tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới. Có người lợi căn, thì có trí huệ. Có người độn căn, thì ngu si. Có người có căn lành, có người có căn ác. Có đủ thứ sự khác nhau. Nói rộng ra, cho đến muốn biết hết tất cả lưới các căn, mà phát tâm

Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là ví dụ thứ năm, dụ khéo biết các căn.

Phật tử ! Hãy ngưng ví dụ này. Nếu như có người, nơi một tâm niệm, biết được đủ thứ sự ưa thích của hết thủy chúng sinh, trong vô số thế giới ở phương đông. Niệm niệm đều như vậy, hết số kiếp A tăng kỳ. Lần lượt nói rộng ra, cho đến người thứ mười. Phương nam, tây, bắc, bốn hướng trên dưới, cũng lại như thế.

Phật tử ! Hãy tạm gác lại ví dụ vừa nói ở trên. Lại đưa ra một ví dụ khác. Nếu như có người, trong một tâm niệm, biết được đủ thứ sự ưa thích của hết thủy tất cả chúng sinh, trong vô số thế giới ở phương đông. Nghĩa là một loại chúng sinh đó ưa thích thứ đó, đều hoàn toàn biết hết. Trong mỗi tâm niệm cũng đều như vậy, hết thời gian A tăng kỳ kiếp. Từng người từng người, cho đến người thứ mười. Chín phương kia cũng tình hình như vậy.

Hết thủy sự ưa thích của chúng sinh trong mười phương, có thể biết được. Công đức căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chẳng có ai biết được bờ mé.

Hết thầy sự ưa thích của chúng sinh trong mười phương, có thể biết được bờ mé của nó. Song, công đức căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác đắc được, chẳng có ai biết được bờ mé của nó.

Tại sao ? Phật tử ! Vì Bồ Tát chẳng giới hạn. Nhưng Bồ Tát vì muốn biết sự ưa thích của chúng sinh đó, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Vì muốn biết hết đủ thứ sự ưa thích của hết thầy chúng sinh trong tất cả thế giới, nói rộng ra cho đến vì muốn biết lưới tất cả sự ưa thích, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Tại vì sao ? Phật tử ! Bồ Tát chẳng có pháp nhất định, chẳng có phạm vi nhất định. Nhưng Bồ Tát vì muốn biết sự ưa thích của hết thầy chúng sinh trong nhiều thế giới đó, cho nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát vì muốn biết hết đủ thứ sự ưa thích của hết thầy chúng sinh trong tất cả thế giới. Nếu nói rộng ra thì cho đến muốn biết tất cả lưới sự ưa thích mà phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là ví dụ thứ sáu, dụ khéo biết sự ưa thích.

Phật tử ! Hãy ngưng ví dụ này. Nếu như có người, nơi một tâm niệm, biết được

đủ thứ phương tiện của hết thảy chúng sinh trong vô số thế giới ở phương đông. Nói rộng ra như vậy, cho đến người thứ mười. Phương nam, tây, bắc, bốn hướng, trên dưới, cũng lại như vậy.

Phật tử ! Hãy ngưng ví dụ vừa nói ở trước. Lại đưa ra một ví dụ khác. Nếu như có người, trong một niệm, biết được đủ thứ phương tiện của hết thảy chúng sinh trong vô số thế giới ở phương đông. Tình hình như vậy nói rộng ra cho đến người thứ mười. Chín phương kia còn lại cũng giống như vậy.

Đủ thứ phương tiện của chúng sinh trong mười phương đó, có thể biết được bờ mé. Công đức căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chẳng ai biết được bờ mé.

Đủ thứ phương tiện của hết thảy chúng sinh trong mười phương thế giới đó, có thể biết được bờ mé của nó. Song, công đức và căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chẳng ai biết được bờ mé của nó.

Tại sao ? Phật tử ! Vì Bồ Tát chẳng giới hạn. Nhưng vì muốn biết đủ thứ phương tiện của chúng sinh trong những

thế giới đó, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Vì muốn biết hết đủ thứ phương tiện của hết thầy chúng sinh trong tất cả thế giới, nói rộng ra cho đến vì muốn biết tất cả lưới phương tiện, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Tại sao vậy ? Phật tử ! Bồ Tát chẳng có pháp nhất định, chẳng có giới hạn nhất định. Nhưng vì muốn biết đủ thứ phương tiện của hết thầy chúng sinh trong nhiều thế giới đó, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát vì muốn biết hết đủ thứ phương tiện, của hết thầy chúng sinh trong nhiều thế giới, nói rộng ra cho đến vì muốn biết hết tất cả lưới phương tiện, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là ví dụ thứ mười, dụ khéo biết phương tiện.

Phật tử ! Hãy ngưng ví dụ này. Nếu như có người, nơi một tâm niệm, biết được đủ thứ tâm khác biệt, của hết thầy chúng sinh trong vô số thế giới ở phương đông. Nói rộng cho đến mười phương thế giới, đủ thứ tâm niệm của hết thầy chúng sinh, đều biết được bờ mé.

Phật tử ! Hãy tạm gác lại ví dụ vừa nói ở trước. Lại đưa ra một ví dụ khác. Nếu như có người, trong một tâm niệm, biết được đủ thứ tâm khác nhau của hết thầy chúng

sinh trong vô số thế giới ở phương đông. Nói rộng ra cho đến mười phương thế giới, đủ thứ tâm khác nhau của hết thảy chúng sinh, cũng biết được bờ mé.

Công đức căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chẳng có ai biết được bờ mé. Tại sao ?

Công đức và căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chẳng có ai biết được bờ mé của nó. Tại sao không thể biết được bờ mé của nó?

Phật tử ! Bồ Tát không giới hạn, nhưng vì muốn biết tâm của những chúng sinh đó, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì muốn biết hết đủ thứ tâm khác biệt của vô biên chúng sinh trong pháp giới, cho đến muốn biết tất cả lưới tâm, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Phật tử ! Bồ Tát chẳng có pháp nhất định, chẳng có pháp độ nhất định. Nhưng vì muốn biết tâm của nhiều chúng sinh đó, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát vì muốn biết hết đủ thứ tâm niệm của vô biên vô số chúng sinh, trong tận cùng pháp giới hư không giới, cho đến muốn biết tất cả lưới tâm, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là ví dụ thứ tám, dụ khéo biết tâm của kẻ khác.

Phật tử ! Hãy ngưng ví dụ này. Nếu như có người, nơi một tâm niệm, biết được đủ thứ nghiệp khác biệt của hết thầy chúng sinh, trong vô số thế giới ở phương đông. Nói rộng cho đến mười phương chúng sinh đủ thứ nghiệp khác biệt, đều có thể biết được bờ mé.

Phật tử ! Hãy tạm gác lại ví dụ vừa nói ở trên. Lại đưa ra một ví dụ khác. Nếu như có người, nơi một niệm, biết được đủ thứ nghiệp khác nhau, của hết thầy chúng sinh trong vô số thế giới ở phương đông. Nói rộng ra, cho đến trong mười phương thế giới, đủ thứ nghiệp khác nhau của hết thầy chúng sinh. Bồ Tát có thể biết được bờ mé của nó.

Công đức căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chẳng có ai biết được bờ mé. Tại sao ?

Công đức và căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác đắc được là bao nhiêu ? Chẳng có ai biết được bờ mé. Tại sao không thể biết được ?

Phật tử ! Bồ Tát không giới hạn, nhưng vì muốn biết nghiệp của các chúng sinh đó, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Vì muốn biết nghiệp của tất cả

chúng sinh trong ba đời, cho đến muốn biết tất cả lưới nghiệp, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Bồ Tát chẳng có pháp nhất định, chẳng có giới hạn nhất định. Nhưng vì muốn biết nghiệp báo của bao nhiêu chúng sinh đó, cho nên phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát vì muốn biết nghiệp báo của tất cả chúng sinh ba đời, cho đến muốn biết tất cả lưới nghiệp, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là ví dụ thứ chín, dụ khéo biết tướng nghiệp.

Phật tử ! Hãy ngưng ví dụ này. Nếu như có người, nơi một tâm niệm, biết được đủ thứ phiền não, của hết thảy chúng sinh trong vô số thế giới ở phương đông. Niệm niệm đều như vậy, cho đến hết số kiếp A tăng kỳ. Đủ thứ các phiền não khác biệt đó, chẳng có ai biết được bờ mé.

Phật tử ! Hãy tạm ngưng ví dụ vừa nói ở trên. Lại đưa ra một ví dụ khác. Nếu như có người, trong một tâm niệm, biết được đủ thứ phiền não của hết thảy chúng sinh trong vô số thế giới ở phương đông. Trong niệm niệm đều như vậy, hết số kiếp A tăng kỳ thời gian. Đủ thứ các phiền não khác biệt đó, chẳng có người nào biết được bờ mé của nó.

Có người thứ hai, nơi một tâm niệm, biết được người thứ nhất biết các phiền não khác biệt của chúng sinh trong A tăng kỳ kiếp. Như vậy lại hết số kiếp A tăng kỳ. Lần lượt nói rộng ra cho đến người thứ mười. Phương nam, tây, bắc, bốn hướng, trên dưới, cũng lại như thế.

Lại có người thứ hai, trong một tâm niệm, biết được người thứ nhất biết phiền não của chúng sinh trải qua thời gian số kiếp A tăng kỳ. Cứ như vậy, lại hết số kiếp A tăng kỳ. Nói rộng ra cho đến người thứ mười. Chín phương kia còn lại, cũng đều như vậy.

Phật tử ! Phiền não khác biệt của chúng sinh trong mười phương đó, có thể biết được bờ mé. Công đức căn lành của Bồ Tát phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chẳng có ai biết được bờ mé. Tại sao ?

Phật tử ! Trong vô số thế giới ở mười phương, hết thấy chúng sinh, đều có phiền não khác nhau. Chúng sinh có vô lượng vô biên, phiền não cũng có vô lượng vô biên, cho nên có đủ thứ khác nhau. Tuy có nhiều phiền não như vậy, nhưng cũng có thể biết được bờ mé của nó. Song, công đức căn lành của Bồ Tát ban đầu phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác đắc được, cứu kính có bao nhiêu ?

Bờ mé của nó đến đâu ? Chẳng có người nào biết được. Tại sao không biết được bờ mé của căn lành?

Phật tử ! Bồ Tát chẳng giới hạn, nhưng vì muốn biết phiền não của chúng sinh trong những thế giới đó, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Vì muốn biết phiền não khác biệt của hết thảy chúng sinh trong tất cả thế giới, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Phật tử ! Bồ Tát chẳng có pháp nhất định, cho nên chẳng giới hạn. Nhưng vì muốn biết phiền não của hết thảy chúng sinh trong những thế giới đó, cho nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát vì muốn biết hết đủ thứ phiền não khác nhau, của hết thảy chúng sinh trong tất cả thế giới, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Phiền não là gì ? Tức là phiền tâm nào thân. Nói rộng ra thì có đến tám vạn bốn ngàn, quy về tức là tham sân si. Phiền não của tham, tham chẳng biết chán, tham mà chẳng được, đều có phiền não. Vật chẳng có thì tìm đủ ngàn phương vạn kế để cho được. Đã có rồi thì lại sợ mất đi, đây đều là phiền não. Phiền não của sân, tham được thì vui mừng, tham chẳng được thì sinh tâm sân hận, tức cũng là nóng giận. Một khi nổi nóng thì sẽ thiêu sạch tất cả công đức. Do đó:

“Ngàn ngày nhật củi
Một đóm lửa nhỏ thiêu sạch.”

Phiền não của ngu si, tức là vô minh tác quái. Có vô minh thì sanh ra tâm ái. Ái gì ? Thích hưởng thụ, thích vui năm dục. Vì muốn hưởng thụ, nên bất cứ những gì, cũng đều muốn lấy làm của riêng mình. Như vậy thì sẽ làm việc điên đảo, chẳng phân trắng đen, chẳng rõ thiện ác. Đây tức là biểu hiện của ngu si.

Đó là vì muốn biết phiền não nhẹ, phiền não nặng, phiền não ẩn tàng, phiền não sinh khởi, mỗi mỗi chúng sinh có vô lượng phiền não, đủ thứ khác biệt, đủ thứ giác quán, tịnh trị tất cả các tạp nhiễm.

Bồ Tát muốn biết nguyên lai của tất cả phiền não, phiền não nhẹ, tức là phiền não chẳng trọng yếu, tức cũng là phiền não nhỏ của mười hoặc. Phiền não nặng, tức là phiền não rất trọng yếu, tức cũng là đại phiền não của tám hoặc. Phiền não ẩn tàng ở bên trong. Phiền não sinh khởi, tức là phiền não sinh ra tất cả. Mỗi chúng sinh, đều có vô lượng vô biên phiền não, có đủ thứ khác nhau; có đủ thứ giác quán khác nhau. Thanh tịnh tu trị tất cả phiền não biến thành bồ đề, biến tất cả tư tưởng nhiễm ô thành tư tưởng thanh tịnh. Vì nguyên nhân đó, cho nên Bồ Tát phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Vì muốn biết hết vô minh phiền não nương tựa, phiền não ái tương ưng. Dứt trừ tất cả phiền não kết trong các loài.

Bồ Tát muốn biết vô minh phiền não nương tựa, trong đó có hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái .v.v... phiền não tương ưng. Phải chặt đứt tất cả phiền não kết trong các cõi, cho nên Bồ Tát phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Phiền não kết có ba thứ: Một là dục kết, tức là tất cả ái của dục giới. Hai là hữu kết, tức là tất cả ái sở hợp thành của sắc giới và vô sắc giới. Ba là vô minh kết, tức là vô minh ba cõi. Tam kết tức là ba lậu, nếu si ái chặt đứt, thì vĩnh viễn đoạn trừ dòng sinh tử.

Vì muốn biết phần phiền não tham, phần phiền não sân, phần phiền não si, phiền não đẳng phần. Đoạn trừ tất cả gốc rễ phiền não.

Tại sao Bồ Tát phát tâm bồ đề ? Vì muốn giáo hóa chúng sinh, cho nên phát tâm tu hành. Tu hành thành tựu thì mới giáo hóa được chúng sinh. Nếu muốn giáo hóa chúng sinh, thì trước hết phải biết căn tánh của chúng sinh. Nếu muốn biết căn tánh của chúng sinh, thì trước hết phải biết dục (lòng ưa muốn) của chúng sinh. Tức cũng là chúng sinh hoan hỷ gì ? Dục tức là tham dục, tham dục nhiều thì phiền não nhiều, tham dục ít thì phiền não ít. Bồ Tát muốn biết mỗi chúng sinh có bao nhiêu tham dục ? Cho nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phần phiền não tham: Ai ai cũng đều có phần, không tham danh thì tham lợi. Tham danh thì chết vì lửa, tham lợi thì chết vì nước. Danh là thứ hại người, lợi cũng là thứ hại người, song ai ai cũng chẳng nhận thức nó, cho nên đều

tham. Có người tham tài, có người tham sắc, có người tham ăn, có người tham ngủ. Do đó:

“Tài sắc danh thực thù
Địa ngục năm căn dành sẵn.”

Khi tham thì cho rằng là điều tốt, chẳng biết tham tới tham lui, cuối cùng sẽ đọa vào địa ngục. Trên thế giới chỉ có hai hạng người, một hạng người là vì danh, một hạng người là vì lợi. Lấy người xuất gia mà nói, thì muốn làm đại hòa thượng, đại pháp sư, tham đến già thì muốn làm lão hòa thượng, lão pháp sư. Tham đồ muốn làm pháp sư có danh vọng nhất thế giới, làm hòa thượng có thế lực nhất, song mình vẫn chẳng biết, tham làm lão pháp sư thì lia tham tử pháp sư chẳng bao xa; tham làm lão hòa thượng thì tham tử hòa thượng chẳng bao xa. Tham tới tham lui tham chết rồi thì hai tay hoàn không, tùy theo nghiệp mà đi. Phải biết, tham tiền tài thì có thể chết về tiền tài; tham sắc đẹp thì sẽ chết vì sắc đẹp; tham danh lợi thì sẽ chết vì danh lợi, tham ăn thì sẽ chết vì ăn; tham ngủ thì sẽ chết vì ngủ. Người tham ngủ thì càng ngủ càng hồ đồ, càng hồ đồ thì càng muốn ngủ, ngủ tới ngủ lui thì ngủ chết luôn, thật là đáng thương xót !

Phân phiền não sâu: Tức là nóng giận. Vì tâm tham không thể mãn nguyện thì sinh ra tâm sân hận. Nếu nhẹ thì ôm hận trong tâm, nếu nặng thì phát sinh chiến tranh. Bạn tham tôi đoạt, thậm chí bạn chết tôi sống. Ví như nước này với nước kia đánh nhau, đều do tâm sân của vị lãnh tụ nguyên thủ mà ra. Nếu chẳng có tâm sân thì hai nước chẳng có chiến tranh, nhân dân được bình an vô sự. Tại sao thế giới có chiến tranh ? Vì do nguyên thủ quốc gia khởi

tâm tham, muốn xâm lược đất đai của nước khác, chiếm lợi ích của nước khác. Nguyên thủ của nước khác, vì giữ gìn quốc gia, chẳng muốn lợi ích bị đoạt lấy đi, bèn phát sinh xung đột với nước khác, hoặc là chiến tranh. Dẫn đến dân của hai nước gặp nạn, chết vô số, làm than khổ cực. Nghiên cứu tỉ mỉ sự phát sinh chiến tranh, đều vì nguyên thủ của hai nước giận dữ mà đưa đến chiến tranh, người dân chết vô số, tổn thất vô số của cải tài sản. Đây là phiền não sân.

Phiền não si: Tức là ngu si, chẳng rõ sự lý. Người ngu si chẳng có lý tánh, chẳng cứ tất cả, thậm chí giết người phóng lửa cũng dám làm, chẳng suy nghĩ, chẳng lường hậu quả.

Phiền não đẳng phân: Tức là tham sân si ba phần đều nhiều. Ví như phiền não tham có bao nhiêu ? Phiền não sân có bao nhiêu ? Phiền não si có bao nhiêu ? Lại phân chia nó ra thì biến thành ngàn vạn phiền não, không thể đếm được. Ở trên là lược nói về tham sân si các phiền não.

Vì muốn biết hết phiền não của ngã, phiền não của ngã sở, phiền não ngã mạn. Giác ngộ tất cả phiền não hết không thừa.

Vì Bồ Tát muốn biết phiền não của ngã. Vì có ngã (cái ta), mới có phiền não. Nếu chẳng có cái ta thì chẳng có phiền não. Đạo lý này ai ai cũng biết, song ai ai cũng buông xả chẳng đặng cái ta, cho nên sinh ra quá nhiều phiền não. Bồ Tát muốn biết phiền não của ngã sở. Vì có ngã, đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta, con cái sở hữu của tôi, tài sản sở hữu của tôi. Tóm lại, tất cả tất cả đều

là sở hữu của tôi, đây đều là phiền não. Bồ Tát muốn biết phiền não ngã mạn. Mạn tức là kiêu mạn, xem ai cũng chẳng ra gì. Điều cảm thấy mình đều giỏi hơn người. Có tâm lý ngã mạn thì sẽ sinh ra đủ thứ phiền não. Ba thứ phiền não này hại người không ít, vì nó mà có sinh tử.

Có phiền não thì có chấp trước, có chấp trước thì có tạo nghiệp, tạo nghiệp thì thọ quả báo. Nếu phiền não không, thì nghiệp cũng không, quả báo cũng không, tất cả đều không, thì chẳng còn sinh tử. Bồ Tát muốn giác ngộ tất cả phiền não hết không thừa sót, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Vì muốn biết hết từ điên đảo phân biệt mà sinh ra gốc rễ phiền não. Tùy phiền não. Vì thấy thân mà sinh ra sáu mươi hai kiến, điều phục tất cả phiền não.

Bồ Tát vì muốn biết tất cả phiền não, là từ điên đảo phân biệt mà sinh ra gốc rễ phiền não. Có gốc rễ phiền não thì có tùy phiền não. Gốc rễ phiền não tức là tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ kiến. Tùy phiền não phân làm (đại trung tiểu) lớn, vừa, nhỏ, ba thứ. Đại phiền não là hôn trầm, trạo cử, chẳng tin, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất tri, tám thứ. Trung phiền não là không hổ, không thẹn, hai thứ. Tiểu phiền não là phần, hận, phú, não, ky, xan, xiêm, cuống, hại, kiêu, mười thứ. Vì thấy thân mà sinh ra sáu mươi hai kiến. Sáu mươi hai kiến này vốn chẳng có, là vọng chấp mà có sáu mươi hai kiến. Phạm là hư vọng chấp trước, đều chẳng phải chánh quyết. Chỉ có tên mà chẳng có nghĩa. Gì là sáu

mười hai kiến ? Trong mỗi năm uẩn có bốn kiến. Ví như “Cho rằng sắc là tôi, tôi ở trong sắc.” Thọ tướng hành thức bốn uẩn cũng như thế. Đây là hai mươi. Trải qua ba đời, thành là sáu mươi. Lại thêm đoạn kiến và thường kiến là sáu mươi hai kiến. Do thân thấy phân biệt mà sinh ra sáu mươi hai kiến, cho nên Phật thuận theo chúng để phá phiền não của chúng. Bồ Tát vì điều phục tất cả phiền não, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Vì muốn biết hết phiền não che đậy, phiền não chướng, phát tâm đại bi cứu hộ, dứt trừ tất cả lưới phiền não, khiến cho tất cả trí tánh thanh tịnh, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Bồ Tát vì muốn biết hết phiền não che đậy. Giống như mây che mặt trời, tức cũng là vô minh che đậy trí huệ quang minh. Che đậy có năm thứ:

1). Tham dục che đậy (cái): Chẳng biết tại sao ? Người nam muốn tìm người nữ, người nữ muốn tìm người nam, đi tìm khắp nơi, tìm chẳng được thì sinh phiền não. Đây tức là tham dục đang tác quái, khiến cho bạn sinh phiền não.

2). Sân hận che đậy: Vì tham dục chẳng đắc được, thì sinh ra phiền não sân hận. Sân là hình dáng lộ trên mặt, hận là tâm hận ẩn trong tâm. Hai thứ hiện tượng này, khiến cho người cảm tình hành động, thậm chí không có lý trí thì phát sinh chuyện điên đảo, cho đến giết người phóng lửa, chẳng có gì mà không làm.

3). Ngủ che đây: Vì có sân hận bực tức, thì đi ngủ để giải cơn sầu. Nhưng càng ngủ thì càng hồ đồ, tâm cũng hôn mê, thân cũng nặng nề, thì che lấp tâm tánh.

4). Trạo hối che đây: Sau khi ngủ mê thì trạo hối, chẳng biết đâu là đúng, đâu là không đúng, bèn mê hoặc.

5). Nghi pháp che đây: Trạo hối rồi thì gì cũng chẳng tin, đối với tất cả pháp đều sinh ra tâm hoài nghi, do dự chẳng quyết định mà che lấp tâm tánh. Vì chẳng mãn túc mà sinh ra năm thứ che đây, che đến nổi trời đất u ám, chẳng biết đông tây nam bắc. Hoặc lấy tài sắc danh thực thùỳ làm năm thứ che đây, tham tài thì che lấp trí huệ, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ, đều che lấp trí huệ.

Bồ Tát muốn biết phiền não chướng. Chướng tức là chướng ngại. Chướng có hai thứ:

1). Phiền não chướng: Do ngã chấp mà sinh, hay chướng ngại chân lý Niết Bàn tịch tĩnh.

2). Sở tri chướng: Do pháp chấp mà sinh, hay chướng ngại các pháp thật tướng trí bồ đề. Lại có ba thứ:

2a) Phiền não chướng: Tức là tham sân si mạn nghi các hoặc.

2b). Nghiệp chướng: Tức là ngũ nghịch thập ác các hoặc.

2c). Báo chướng: Tức là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh khổ báo. Còn có rất nhiều thứ chướng, tạm ngừng không bàn.

Vì phiền não che đây và phiền não chướng là phiền não nặng, cho nên Bồ Tát phải phát tâm đại bi cứu hộ. Đại bi tức là tâm đại từ bi, tức cũng là tâm đồng tình, tâm thương xót. Tâm đại bi tức là Bồ Tát chẳng thấy chúng

sinh lỗi lầm. Chúng sinh dù có khó điều khó phục như thế nào, Bồ Tát vẫn không ngừng nghỉ để giáo hóa. Đây tức là biểu hiện của tâm đại bi. Tâm cứu hộ tất cả chúng sinh, khiến cho đoạn tuyệt tất cả lưới phiền não. Phiền não của người với người, giao kết với nhau mà thành lưới. Bất quá, nhục nhãn phàm phu chúng ta nhìn chẳng thấy mà thôi. Lưới phiền não này rất là lợi hại, bạn giăng bủa tôi, tôi giăng bủa bạn, bạn chẳng dạy tôi thoát khỏi ba cõi, tôi cũng chẳng nhường bạn thoát khỏi ba cõi, mọi người giăng bủa với nhau, đều không thể thoát khỏi sáu nẻo luân hồi. Nếu chặt đứt lưới phiền não, thì thoát khỏi ba cõi, được giải thoát. Vậy dùng gì để chặt đứt lưới phiền não ? Dùng kiếm báu giới định huệ, nhẹ mà dễ cầm thì sẽ chặt đứt được. Bồ Tát vì khiến cho tất cả gốc rễ trí huệ tánh thanh tịnh khôi phục lại diệu minh chân tâm, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là ví dụ thứ mười, dụ khéo biết phiền não.

Phật tử ! Hãy tạm ngưng ví dụ này. Nếu như có người, nơi một tâm niệm, dùng đủ thứ thức ăn uống thượng hạng, hương hoa y phục, tràng phan dù lọng và Tăng già lam, cung điện tốt đẹp, màn lưới báu võng, đủ thứ tòa báu sư tử, và các báu đẹp, cúng dường vô số chư Phật ở phương đông, và vô số thế giới hết thấy chúng sinh. Cung kính tôn trọng, lễ lạy khen ngợi, cúi mình chiêm ngưỡng, liên tục không ngừng, trải

qua vô số kiếp. Lại khuyên những chúng sinh đó, đều khiến như vậy, cúng dường chư Phật.

Bồ Tát Pháp Huệ nói: Phật tử ! Hãy tạm gác lại ví dụ ở trước. Hiện tại đưa ra một ví dụ khác. Nếu như có người, noi một tâm niệm, dùng đủ thứ thức ăn thơm ngon thượng hạng, hoặc dùng đủ thứ hương hoa, y phục, tràng phan, dù lọng và vườn rừng nơi ở của chư Tăng. Và cung điện trang nghiêm tốt đẹp, dùng màn làm bằng bảy báu, võng báu, lưới báu đủ thứ, để trang nghiêm tòa sư tử. Lại dùng đủ thứ báu đẹp, để cúng dường vô số chư Phật ở phương đông, và hết thầy chúng sinh vô số thế giới ở phương đông. Sau đó cung kính chư Phật, tôn trọng chư Phật, lễ kính Tam Bảo, khen ngợi Tam Bảo, trải qua thời gian dài vô số kiếp. Lại phát tâm khuyên dạy hết thầy chúng sinh trong vô số thế giới, cũng cúng dường mười phương ba đời tất cả chư Phật.

Cho đến sau khi Phật diệt độ, mỗi vị Phật đều xây tháp cho rộng. Vô số thế giới đều có tạo thành các bảo tháp bảy báu, có đủ thứ sự trang nghiêm. Trong mỗi tháp đều có vô số hình tượng Như Lai. Quang minh chiếu khắp vô số thế giới, trải qua vô số kiếp. Phương nam, tây, bắc, bốn hướng, trên dưới, cũng lại như thế.

Cho đến sau khi Phật diệt độ, vì mỗi vị Phật đều tạo một ngôi tháp báu, cúng dường xá lợi Phật. Tòa tháp báu đó, cao lớn vĩ đại. Trong vô số thế giới, đều có tạo thành tháp báu làm bằng bảy báu, có đủ thứ sự trang nghiêm, rất là mỹ lệ. Trong mỗi tháp lại có vô số hình tượng Phật, tượng Phật dùng bảy báu trang nghiêm, cho nên phóng ra đại quang minh, chiếu soi khắp vô số thế giới, trải qua thời gian dài vô số kiếp, quang minh đó cũng chẳng giảm đi. Ở phương nam tây bắc, bốn hướng, trên dưới chín phương cũng lại như thế.

Phật tử ! Ý ông thế nào ? Công đức của người đó có nhiều chăng ? Đê Thích nói: Công đức của người đó, chỉ có Phật mới biết được, ngoài ra chẳng có ai lường được.

Bồ Tát Pháp Huệ nói với Đê Thích rằng: Phật Tử ! Ý của ông thế nào ? Cảm tưởng như thế nào ? Công đức của người đó có nhiều chăng ? Đê Thích trả lời: Công đức của người đó, tôi chẳng biết được cứ kính là bao nhiêu ? Chỉ có đức Phật mới biết được. Ngoài ra hết thầy Bồ Tát e rằng cũng không thể dò lường được.

Phật tử ! Công đức của người đó, so với công đức Bồ Tát ban đầu phát tâm, chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn, chẳng bằng một phần trăm

ngàn, cho đến chẳng bằng một phần ưu ba ni sa đà.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng Phật tử ! công đức của người đó, tuy rất nhiều, nhưng so với công đức Bồ Tát ban đầu phát tâm thì thua xa lắm, chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn, chẳng bằng một phần trăm ngàn. Cho đến chẳng bằng một phần ưu ba ni sa đà. Bất cứ ví dụ như thế nào, cũng đều chẳng bằng một phần công đức Bồ Tát ban đầu phát tâm.

Phật tử ! Hãy ngưng ví dụ này. Nếu như lại có người thứ hai, nơi một tâm niệm, làm được như người ở trước và cúng dường hết thầy chúng sinh trong vô số thế giới trải qua vô số kiếp. Niệm niệm như vậy. Dùng vô lượng các thứ đồ cúng dường, cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai, và hết thầy chúng sinh trong vô số thế giới, trải qua vô lượng kiếp.

Phật tử ! Hãy tạm gác lại ví dụ ở trên. Hiện tại đưa ra một ví dụ khác. Nếu như có người thứ hai. Trong một tâm niệm, làm được như người ở trước và cúng dường hết thầy chúng sinh vô số thế giới, trong vô số kiếp. Một niệm là như vậy, niệm niệm cũng đều như vậy. Dùng vô lượng vô biên đồ cúng dường, để cúng dường vô lượng chư Phật và

vô lượng thế giới hết thảy chúng sinh, cũng trải qua thời gian dài vô lượng kiếp.

Người thứ ba, cho đến người thứ mười cũng đều như vậy. Nơi một tâm niệm, đều đem các đồ cúng dường như người thứ nhất. Niệm niệm cũng đều như vậy. Dùng vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết đồ cúng dường. Cúng dường vô biên cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết chư Phật, và hết thảy chúng sinh trong vô số thế giới, trải qua vô biên cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp.

Người thứ ba, cũng cúng dường vô số chư Phật và vô số chúng sinh như vậy, cho đến người thứ mười cũng như vậy. Trong một niệm, đem các đồ cúng dường như người thứ nhất. Một niệm như vậy, niệm niệm cũng như vậy. Chẳng có bờ mé, chẳng có tương đồng, không thể dùng số mục để đếm nó, không thể dùng thước để đo lường nó, không thể dùng lời để hình dung nó, nói thẳng là bất khả thuyết bất khả thuyết, nói không ra các thứ đồ cúng dường, để cúng dường vô biên các Đức Phật. Cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết các đức Phật, và hết thảy chúng

sinh trong vô lượng vô số thế giới. Trải qua vô biên kiếp, cho đến số kiếp nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết.

Sau khi Phật diệt độ, đều xây tháp báu. Tháp báu đó cao rộng, cho đến kiếp trụ, cũng lại như thế.

Đời sau khi Phật diệt độ, đều xây dựng tháp báu. Tháp báu đó chẳng những cao đến tận mây mà còn rộng lớn vô cùng. Cho đến trải qua kiếp trụ, cũng vì chư Phật tạo dựng tháp báu như vậy, cúng dường xá lợi và hình tượng của chư Phật.

Phật tử ! Công đức của những người cúng dường ở trên, so với công đức Bồ Tát ban đầu phát tâm, chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn, chẳng bằng một phần trăm ngàn. Cho đến chẳng bằng một phần ưu ba ni sa đà. Tại sao ?

Phật tử ! công đức của những người cúng dường chư Phật ở trên, so với công đức của Bồ Tát ban đầu phát tâm, chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn, chẳng bằng một phần trăm ngàn. Cho đến chẳng bằng một phần ưu ba ni sa đà. Tóm lại, Bồ Tát phát một chút tâm bồ đề cũng vượt qua công đức của những người cúng dường vô số chư Phật. Tại sao vậy ?

Phật tử ! Bồ Tát chẳng giới hạn, nhưng vì cúng dường bao nhiêu chư Phật đó, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Vì cúng dường hết pháp giới hư không giới, bất khả thuyết bất khả thuyết mười phương vô lượng quá khứ vị lai hiện tại, hết thấy các đức Phật, mà phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trong Bồ Tát phát tâm bồ đề chẳng giới hạn. Cảnh giới của Bồ Tát, chẳng có bờ mé nhất định. Nhưng vì cúng dường hết thấy bao nhiêu các đức Phật, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát vì cúng dường tận hư không khắp pháp giới, bất khả thuyết bất khả thuyết, mười phương vô lượng số quá khứ vị lai hiện tại ba đời hết thấy các đức Phật, mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là ví dụ thứ mười một, dụ cúng Phật và chúng sinh.

Phát tâm bồ đề rồi, sẽ biết được quá khứ tất cả chư Phật ban đầu thành Chánh giác và vào Niết Bàn. Sẽ tin hết thấy căn lành của tất cả chư Phật vị lai. Biết được hết thấy trí huệ của tất cả chư Phật hiện tại.

Đại Bồ Tát phát tâm bồ đề rồi, sẽ biết được quá khứ tất cả chư Phật do ban đầu phát tâm, cho đến thành Chánh giác và vào Niết Bàn. Lại biết được hết thủy căn lành của tất cả chư Phật thưở vị lai. Lại biết được hết thủy trí huệ của tất cả chư Phật đời hiện tại.

Hết thủy công đức của chư Phật đó, Bồ Tát này hay tin, hay thọ trì, hay tu tập, hay đắc được, hay biết được, chứng được, thành tựu được, bình đẳng một tánh với chư Phật.

Hết thủy công đức của tất cả chư Phật ba đời, Bồ Tát ban đầu phát tâm hay tin nói, hay thọ trì, hay tu tập, thành tựu được. Hay tu hành pháp môn này thì bình đẳng một tánh với chư Phật.

Tại sao ? Vì Bồ Tát này, chẳng dứt tất cả chủng tánh Như Lai mà phát tâm. Vì sung mãn tất cả thế giới mà phát tâm. Vì độ thoát tất cả thế giới chúng sinh mà phát tâm. Vì biết hết tất cả thế giới thành hoại mà phát tâm. Vì biết hết tất cả chúng sinh cấu tịnh mà phát tâm. Vì biết hết tất cả thế giới ba cõi thanh tịnh mà phát tâm. Vì biết hết tất cả chúng sinh tâm ưa thích phiền não tập khí mà phát tâm. Vì biết hết tất cả

chúng sinh chết đây sinh kia mà phát tâm. Vì biết hết tất cả chúng sinh các căn phương tiện mà phát tâm. Vì biết hết tất cả chúng sinh tâm hạnh mà phát tâm. Vì biết hết tất cả chúng sinh trí ba đời mà phát tâm.

Vì sao ? Bồ Tát ban đầu phát tâm, hay phát tâm bồ đề mà tu đạo ? Vì muốn tiếp nối huệ mạng Phật. Vì chẳng dứt chủng tánh Như Lai mà phát tâm bồ đề. Vì sung mãn tất cả thế giới mà phát tâm bồ đề. Vì độ thoát tất cả thế giới hết thấy chúng sinh mà phát tâm bồ đề. Vì biết hết thành trụ hoại không của tất cả thế giới mà phát tâm bồ đề. Vì biết hết tất cả chúng sinh nhiễm cấu bản như thế nào, mà chuyển biến thành thanh tịnh, mà phát tâm bồ đề. Vì biết tất cả thế giới ba cõi, làm thế nào mới được thành thanh tịnh, mà phát tâm bồ đề. Vì biết hết tất cả chúng sinh tâm ưa thích và phiền não tập khí, mà phát tâm bồ đề. Vì biết hết tất cả chúng sinh chết ở thế giới này, lại sinh về ở thế giới kia, mà phát tâm bồ đề. Vì biết hết các căn phương tiện của tất cả chúng sinh mà phát tâm bồ đề. Vì biết hết tâm hành của tất cả chúng sinh mà phát tâm bồ đề. Vì biết hết trí huệ ba đời của tất cả chúng sinh mà phát tâm bồ đề.

Vì phát tâm bồ đề, nên thường được tất cả chư Phật ba đời nghĩ nhớ. Sẽ đắc được vô thượng bồ đề của tất cả chư Phật ba đời. Liên được tất cả chư Phật ba đời

ban cho diệu pháp. Liên bình đẳng thể tánh với tất cả chư Phật ba đời. Đã tu pháp trợ đạo của tất cả chư Phật ba đời, thì thành tựu sức vô sở úy của tất cả chư Phật ba đời. Trang nghiêm bất cộng Phật pháp của tất cả chư Phật ba đời. Đắc được pháp giới tất cả chư Phật nói pháp trí huệ.

Vì phát tâm Bồ đề, nên thường được tất cả chư Phật ba đời tương niệm, sẽ đắc được vô thượng Bồ đề của tất cả chư Phật ba đời. Lập tức thọ các thứ diệu pháp của chư Phật ba đời nói. Lập tức bình đẳng thể tánh của tất cả chư Phật ba đời. Tức cũng là đã tu hành pháp trợ đạo của tất cả chư Phật ba đời. Cũng thành tựu mười lực và bốn vô sở úy của tất cả chư Phật ba đời. Cũng trang nghiêm mười tám bất cộng Phật pháp của tất cả chư Phật ba đời. Bồ Tát ban đầu phát tâm sẽ đắc được trí huệ pháp giới tất cả chư Phật nói pháp. Dùng đủ thứ phương tiện pháp môn để giáo hóa chúng sinh.

Tại sao ? Vì nhờ phát tâm này mà sẽ được thành Phật. Nên biết người đó liền đồng với chư Phật ba đời. Liên bình đẳng cảnh giới với chư Phật Như Lai ba đời. Liên bình đẳng công đức với chư Phật Như Lai ba đời, đắc được một thân vô lượng

thân của Như Lai, cứu kính bình đẳng trí huệ chân thật.

Tại sao vậy ? Vì nhờ sự phát tâm này, nên sẽ được thành quả vị Phật. Nên biết vị Bồ Tát ban đầu phát tâm đó, lập tức đồng với chư Phật ba đời. Lập tức bình đẳng cảnh giới với chư Phật Như Lai ba đời. Lập tức bình đẳng công đức với chư Phật Như Lai ba đời. Đắc được một thân Phật, thì cũng đắc được vô lượng thân Phật. Bài kệ trong phẩm Quang Minh Giác của kinh này có nói:

“Một thân làm vô lượng thân
 Vô lượng lại làm một
 Biết rõ các thế gian
 Hiện hình khắp tất cả
 Thân này chẳng từ đâu
 Cũng chẳng chỗ tích tụ
 Vì chúng sinh phân biệt
 Thấy Phật đủ thứ thân.”

Một thân có thể làm vô lượng thân, vô lượng thân là từ một thân mà thành tựu. Thấu rõ biết tất cả thế gian, hiện ra đủ thứ thân, đầy khắp mọi nơi. Thân này chẳng từ đâu đến, cũng chẳng phải tích tụ mà thành. Vì chúng sinh phân biệt, nên Phật mới hiện đủ thứ thân, khiến cho chúng sinh tùy duyên mà thấy thân Phật. Bồ Tát ban đầu phát tâm, đắc được đại trí huệ bình đẳng cứu kính của Phật, đại trí huệ chân thật.

Lúc vừa phát tâm, liền được tất cả chư Phật mười phương cùng khen ngợi. Liền có

thể nói pháp, giáo hóa điều phục hết thầy chúng sinh tất cả thế giới. Liên chấn động tất cả thế giới. Liên phóng quang minh chiếu tất cả thế giới. Liên tiêu diệt các đường ác khổ của tất cả thế giới. Liên trang nghiêm thanh tịnh tất cả cõi nước. Liên có thể thị hiện thành Phật trong tất cả thế giới. Liên có thể khiến cho tất cả chúng sinh đều được hoan hỷ. Liên nhập vào tất cả tánh pháp giới. Liên giữ gìn tất cả chủng tánh Phật. Liên đắc được nhất thiết trí huệ quang minh của Phật.

Bồ Tát ban đầu phát tâm, mới hành đạo Bồ Tát, thì lập tức được tất cả chư Phật trong mười phương cùng tán thán khen ngợi: “A ! Trên thế giới, lại có một người phát tâm bồ đề, tương lai nhất định sẽ thành Phật quả. Lành thay ! Lành thay ! Vị nam tử này rất có chí khí, phát tâm hành Bồ Tát đạo, đáng mừng, đáng mừng.” Bồ Tát ban đầu phát tâm, lập tức được chư Phật mười phương gia bị, mà khai mở đại trí huệ, được biện tài vô ngại, vì chúng sinh nói pháp, giáo hóa điều phục hết thầy chúng sinh trong tất cả thế giới. Lúc đó, tất cả thế giới đều phát sinh sáu thứ chấn động, tức là: Chấn, hồng, kích, động, dũng, khởi, sáu hiện tượng. Lập tức trí huệ quang minh chiếu sáng tất cả thế giới. Lập tức tiêu diệt đủ thứ khổ trong các đường ác của tất cả thế giới. Lập tức trang nghiêm thanh tịnh tất cả cõi

nước chư Phật. Lập tức có thể thị hiện thành Phật trong tất cả thế giới. Lập tức khiến cho tất cả chúng sinh đều được hoan hỷ vui mừng. Lập tức nhập vào tất cả tánh pháp giới, đầy khắp mười phương. Lập tức giữ gìn tất cả chủng tánh Phật không đoạn diệt. Lập tức đắc được nhất thiết trí huệ quang minh của Phật.

Bồ Tát ban đầu phát tâm đó, chẳng có chút sở đắc nơi ba đời, như là: Chư Phật, hoặc pháp chư Phật. Hoặc Bồ Tát, hoặc pháp Bồ Tát. Hoặc Độc Giác, hoặc pháp Độc Giác. Hoặc Thanh Văn, hoặc pháp Thanh Văn. Hoặc thế gian, hoặc pháp thế gian. Hoặc xuất thế gian, hoặc pháp xuất thế gian. Hoặc chúng sinh, hoặc pháp chúng sinh. Chỉ cầu nhất thiết trí. Nơi các pháp giới, tâm chẳng chấp trước.

Vị Bồ Tát ban đầu phát tâm đó, sở đắc của Ngài với mười phương ba đời chư Phật như nhau. Tức là tất cả chư Phật nói, pháp của chư Phật nói. Tất cả Bồ Tát, pháp của Bồ Tát nói. Tất cả Độc Giác, pháp của Độc Giác nói. Tất cả Thanh Văn, pháp của Thanh Văn nói. Tất cả thế gian, pháp hữu vi của thế gian. Tất cả xuất thế gian, pháp vô vi của xuất thế gian. Tất cả chúng sinh, pháp của chúng sinh. Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, chỉ cầu nhất thiết trí huệ, ở trong tất cả pháp giới, tất cả hết thảy tâm chẳng dính mắc.

Bảy giờ, do thần lực của Phật, mỗi phương trong mười phương, đều có các thế giới, nhiều như số hạt bụi một vọn cõi Phật, đều sáu thứ chấn động. Đó là: Động, biến động, đẳng biến động. Khởi, biến khởi, đẳng biến khởi. Dũng, biến dũng, đẳng biến dũng. Chấn, biến chấn, đẳng biến chấn. Hống, biến hống, đẳng biến hống. Kích, biến kích, đẳng biến kích. Mưa xuống các hoa trời, hương trời, hương bột trời, tràng hoa trời, y trời, báu trời, đồ trang nghiêm cõi trời, tấu âm nhạc trời, phóng quang minh trời, và âm thanh trời.

Lúc bảy giờ, nhờ thần thông oai lực của Phật. Mỗi phương trong mười phương, có các thế giới nhiều như số hạt bụi một vọn cõi Phật, đều có sáu thứ chấn động phát sinh. Tức là động: Tại một nơi động; biến động: Tại một thế giới biến động khắp; đẳng biến động: Tại hết thảy thế giới đều đồng thời chấn động. Khởi, dũng, chấn, hống, kích, cũng như vậy. Nơi nơi đều có tình hình như vậy phát sinh, trở thành mười tám thứ chấn động.

Cùng lúc đó, từ trên trời mưa xuống tất cả hoa trời, hương trời, hương bột trời, tràng hoa trời, y trời, báu trời, đồ trang nghiêm trời .v.v... lại diễn tấu âm nhạc trời, lại phóng ánh sáng trời, lại vang âm thanh trên trời.

Lúc đó, mỗi phương trong mười phương, qua các thế giới nhiều như số hạt bụi mười cõi Phật, có các vị Phật nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, đều đồng danh hiệu là Pháp Huệ, thấy đều hiện thân, ở trước Bồ Tát Pháp Huệ, nói như vậy: Lành thay ! Lành thay ! Pháp Huệ ! Ông hôm nay nói pháp này. Chúng ta trong mười phương, mỗi phương có các vị Phật nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, cũng nói pháp này, tất cả chư Phật đều nói pháp này.

Lúc bấy giờ, mỗi phương trong mười phương, trải qua các thế giới nhiều như số hạt bụi mười cõi Phật, lại có các vị Phật nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật. Danh hiệu của những vị Phật đó, đều là Pháp Huệ Phật. Mỗi vị Phật Pháp Huệ, đều hiện thân ở trước Bồ Tát Pháp Huệ, khác miệng cùng lời nói: Lành thay ! Lành thay ! Pháp Huệ ! Hiện tại ông ở đây nói pháp công đức ban đầu phát tâm bồ đề. Chúng ta trong mười phương, mỗi phương có các vị Phật nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, cũng đều nói pháp này. Tất cả chư Phật cũng đều nói pháp công đức ban đầu phát tâm bồ đề.

Khi ông nói pháp này, thì có các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, phát tâm bồ đề. Hôm nay chúng ta đều thọ ký

cho họ, trong đời vị lai, trải qua ngàn bất khả thuyết vô biên kiếp, cùng ở trong một kiếp mà được thành Phật, xuất hiện ra đời, đều hiệu là Thanh Tịnh Tâm Như Lai. Ở các thế giới, đều khác nhau. Chúng ta đều đang hộ trì pháp này, khiến cho đời vị lai, tất cả Bồ Tát, chưa từng được nghe, thấy đều được nghe.

Phật Pháp Huệ nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật lại nói: Pháp Huệ ! Hiện tại ông nói pháp công đức ban đầu phát tâm bồ đề thì các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, đồng thời phát tâm bồ đề. Hiện tại chúng ta thọ ký cho họ, tương lai sẽ thành Phật, trải qua ngàn bất khả thuyết vô biên kiếp, đồng ở trong một kiếp, thấy đều thành Phật, xuất hiện ra đời. Phật hiệu đều là Thanh Tịnh Tâm Như Lai. Ở các thế giới đều khác nhau. Chúng ta đều hộ trì pháp này, khiến cho đời vị lai Bồ Tát phát tâm bồ đề, chưa từng được nghe qua pháp này thì hoàn toàn được nghe pháp này.

Như trên đỉnh núi Tu Di tứ thiên hạ thế giới Ta Bà này, nói pháp như vậy. Khiến cho các chúng sinh được nghe rồi, thọ sự giáo hóa của Phật. Như vậy mười phương trăm ngàn ức, Na do tha, vô số, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả

xung, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, tận pháp giới hư không giới, trong các thể giới cũng nói pháp này, giáo hóa chúng sinh.

Giống như tại điện Diệu Thắng của trời Đế Thích, trên đỉnh núi Tu Di, ở tứ thiên hạ thể giới Ta Bà này, diễn nói pháp công đức ban đầu phát tâm. Khiến cho tất cả chúng sinh nghe rồi, được thọ Phật giáo hóa. Như vậy trong mười phương trăm ngàn ức, Na do tha, vô số lượng, vô đẳng biên, bất khả số, bất khả xung, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết bất khả thuyết, tận hư không biến pháp giới. Trong tất cả thể giới cũng đều nói pháp này, để giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho họ bỏ mê về giác ngộ, phát tâm Bồ đề thành vô thượng đạo.

Những người nói pháp đều đồng danh hiệu là Pháp Huệ. Vì đều nhờ thần lực của Phật. Vì sức bốn nguyện của Thế Tôn. Vì muốn hiển bày Phật pháp. Vì dùng trí huệ quang minh chiếu khắp. Vì muốn khai triển thật nghĩa. Vì khiến cho chúng được pháp tánh. Vì khiến cho chúng hội đều hoan hỷ. Vì muốn khai thị Phật pháp nhân. Vì được tất cả Phật bình đẳng. Vì thấu rõ pháp giới chẳng hai, mà nói pháp như vậy.

Bồ Tát diễn nói pháp công đức ban đầu phát tâm Bồ đề, đều đồng một danh hiệu là Bồ Tát Pháp Huệ. Vì các Ngài đều nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật. Vì bốn nguyện của mười phương chư Phật trong quá khứ đã phát. Vì muốn hiển bày Phật pháp để khai thị cho chúng sinh. Vì dùng trí huệ quang minh để chiếu khắp tất cả thế giới. Nghĩa là đem hết thấy trí huệ nói cho chúng sinh, khiến cho họ khai ngộ. Vì muốn khai xiển diễn nói chân lý đạo lý. Vì khiến cho tất cả chúng sinh chúng được pháp tánh mà thành Phật. Vì khiến cho đại chúng trong pháp hội thấy đều hoan hỷ vui mừng. Vì muốn mở bày cho tất cả chúng sinh minh bạch Phật pháp nhân. Phật pháp nhân là gì ? Tức là nhân lành. Vì khiến cho tất cả chúng sinh đắc được quả vị chư Phật bình đẳng, tức cũng là Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thấu rõ mười phương pháp giới đều là một. Vì có mười nhân duyên này, mà nói pháp công đức ban đầu phát tâm.

Bấy giờ, Bồ Tát Pháp Huệ, quán sát khắp tận hư không giới, mười phương cõi nước tất cả chúng hội. Vì muốn thành tựu các chúng sinh. Vì muốn tịnh trị các nghiệp quả báo. Vì muốn khai thị hiển bày pháp giới thanh tịnh. Vì muốn dứt trừ gốc rễ tạp nhiễm. Vì muốn tăng trưởng tin hiểu rộng lớn. Vì muốn khiến cho biết vô lượng căn tánh chúng sinh. Vì muốn khiến cho biết pháp ba đời bình đẳng. Vì muốn khiến cho

quán sát Niết Bàn giới. Vì muốn tăng trưởng căn lành thanh tịnh của mình, bèn nương oai lực của đức Phật mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Pháp Huệ, quán sát khắp tận hư không giới, mười phương hết thấy chúng hội trong cõi nước Phật. Đây là vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều thành tựu quả vị Phật. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh tịnh trị tất cả nghiệp ác tạp nhiễm, đắc được nghiệp lành thanh tịnh, minh bạch đạo lý trồng nhân kết quả. Vì muốn hoàn toàn khiến cho pháp giới hiện ra nguồn gốc thanh tịnh. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, dứt trừ vô minh phiền não tất cả gốc rễ tạp nhiễm. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh tăng trưởng sự tin hiểu rộng lớn. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, biết vô lượng căn tánh của chúng sinh. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, biết pháp ba đời là bình đẳng. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, quán sát Niết Bàn giới là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, tăng trưởng căn lành thanh tịnh của mình. Vì những nhân duyên đó, Bồ Tát Pháp Huệ nương đại oai thần lực gia trì của Phật Thích Ca Mâu Ni, mà nói ra một trăm hai mươi một bài kệ.

**Vì lợi thế gian phát tâm lớn
Tâm đó khắp cùng nơi mười phương
Chúng sinh cõi nước pháp ba đời
Phật và Bồ Tát biến tối thắng.**

Tại sao Bồ Tát phát tâm bồ đề ? Vì muốn lợi ích hết thảy chúng sinh thế gian, cho nên mới phát tâm lớn. Tâm lớn lượng khắp cùng mười phương thế giới. Hết thảy chúng sinh, cõi nước, pháp ba đời, Phật, Bồ Tát và tối thắng hải hội đại chúng nghe pháp.

**Cứu kính hư không khắp pháp giới
Hết thảy tất cả các thế gian
Như các Phật pháp đều qua đến
Như vậy phát tâm chẳng thối chuyển.**

Cứu kính hư không khắp pháp giới, hết thảy mười phương tất cả thế gian. Dù ở thế giới nào ? Dù ở cõi nước nào ? Phạm là chỗ có Phật, có pháp, thì Bồ Tát đều đi đến đó, rộng tu cúng dường mười phương chư Phật, phát tâm đại bồ đề như vậy, thì vĩnh viễn chẳng thối chuyển.

**Từ niệm chúng sinh chẳng tạm rời
Lìa các não hại lợi ích khắp
Quang minh chiếu đời làm chỗ tựa
Thập Lực hộ niệm khó nghĩ bàn.**

Bồ Tát phát tâm đại bồ đề, thường thường từ niệm tất cả chúng sinh, chẳng tạm thời quên chúng sinh. Muốn làm cho lìa khỏi não hại chúng sinh, khắp lợi ích cho tất cả chúng sinh. Bồ Tát phóng quang minh chiếu tất cả thế giới, khiến cho tất cả chúng sinh đến quy y Tam Bảo. Dùng thập lực của Phật để hộ niệm tất cả chúng sinh, tu hạnh môn không thể nghĩ bàn.

**Mười phương cõi nước đều hướng vào
Tất cả sắc hình đều thị hiện
Như Phật phước trí rộng vô biên
Tùy thuận tu nhân chẳng chấp trước.**

Bồ Tát đến hết thấy cõi nước trong mười phương, đễ cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sinh, đều thị hiện tất cả hình sắc. Ngài có phước đức và trí huệ giống như Phật, rộng lớn vô biên, lại hay tùy thuận tất cả Phật pháp mà tu hành, luôn luôn thuận chúng sinh, hành Bồ Tát đạo. Tại nhân địa tu đủ thứ hạnh môn, lại phải đừng chấp trước. Chỗ diêu của Phật pháp là phá chấp trước của chúng sinh.

Tại sao chúng sinh ích kỷ ? Nhìn chẳng thấu ? Buông chẳngặng ? Là vì có sự chấp trước, chấp trước đất nước, chấp trước nhà, chấp trước thân, chấp trước tất cả của cải sở hữu của mình, do đó mà có vô lượng phiền não.

**Có cõi hình ngựa hoặc nghiêng úp
Thô tốt rộng lớn vô lượng thứ
Bồ Tát khi phát tâm tối thượng
Đều hay qua đến chẳng chướng ngại.**

Có thể giới là hình trạng ngựa; hoặc hình trạng nghiêng úp. Có thể giới thô, tức là đời ác năm trước, có thể giới tốt, tức là thế giới Cực Lạc. Có thể giới rộng lớn, có thể giới nhỏ bé. Thế giới vô lượng vô biên loại. Bồ Tát một khi phát tâm bồ đề, thì hay qua đến hết thấy thế giới, rộng tu cúng dường, giáo hóa chúng sinh, mà chẳng có mọi chướng ngại.

**Bồ Tát thắng hạnh không thể nói
Đều siêng tu tập chẳng chấp trước
Thấy tất cả Phật thường vui mừng
Khấp vào trong biển pháp thâm sâu.**

Bồ Tát tu hạnh môn thù thắng, là không thể nói. Ngài đều siêng tu tập đủ thứ hạnh môn, mà chẳng có sự chấp trước. Thấy được tất cả Phật thì tâm luôn vui mừng, khấp vào trong biển trí huệ thâm sâu của Phật.

**Thương xót năm nẻo các quần sinh
Khiến trừ dơ bẩn được thanh tịnh
Tiếp tục giống Phật không đoạn tuyệt
Phá tan cung ma chẳng còn sót.**

Bồ Tát từ bi thương xót địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, Tu la, loài người, năm nẻo chúng sinh khổ não nhất. Tại sao chúng ta đọa vào trong năm nẻo ? Vì tâm tham sân si quá nặng, dơ bẩn quá sâu dày, cho nên phải quét sạch dơ bẩn, khôi phục lại sự thanh tịnh vốn có. Phải tiếp tục giống Phật, khiến cho đừng đoạn tuyệt, phải phá tan cung điện của ma vương, khiến chẳng còn sót thừa.

**Đã trụ Như Lai tánh bình đẳng
Khéo tu đạo phương tiện vi diệu
Nơi cảnh giới Phật khởi tâm tin
Được Phật quán đánh tâm chẳng chấp.**

Bồ Tát phát tâm bồ đề, đã trụ ở trong biển tánh bình đẳng của Phật, khéo tu hành đủ thứ pháp môn phương tiện vi diệu. Đối với hết thảy cảnh giới của Phật và pháp nói ra, tin sâu chẳng nghi, cho nên được chư Phật quán đánh thì tâm chẳng chấp trước. Tại sao ? Vì đã là một thể với pháp giới hư không giới, cho nên chẳng dính mắc.

**Nghĩ nhớ báo ân đấng Lương Túc
Tâm như kim cương không thể hoại
Nơi Phật tu hành chiếu thấu được
Tự nhiên tu tập hạnh bồ đề.**

Đấng Lương Túc tức là Phật. Vì phước huệ đều đầy đủ, thọ trời người tôn kính. Trong niệm niệm báo ân Phật, ân chúng sinh. Tâm tu đạo Bồ Tát kiên cố như kim cương, có sức kiên cố quang minh sắc bén, bất cứ sức lực gì cũng chẳng hoại được, tức có nghĩa là không thể thay đổi tư tưởng tu đạo. Người tu đạo Bồ Tát, thì ban đầu phát tâm đến niệm cuối cùng đều phải như kim cương, tức chẳng thối chuyển tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu đạo phải có tinh thần quán triệt thủy chung, không thể lúc nóng lúc lạnh. Đối với pháp của Phật tu hành thì dùng trí huệ quang chiếu thấu, tự nhiên sẽ thường tu tập pháp môn hạnh bồ đề.

Người tu đạo phải càng ngày càng tinh tấn, càng ngày càng nhẫn nại. Tu đạo giống như thuyền đi ngược dòng, chẳng nỗ lực tinh tấn, thì bị cảnh giới ngược dòng làm lay chuyển mà thối lùi. Nhẫn nại là pháp môn tu đạo bậc nhất, không thể nhẫn cũng phải nhẫn, không thể thọ cũng phải thọ, làm được như thế thì mới thành tựu hạnh bồ đề.

**Các cõi khác nhau nghĩ vô lượng
Nghiệp quả và tâm cũng chẳng một
Cho đến căn tánh đủ thứ thù
Khi phát tâm lớn đều thấy rõ.**

Các cõi có đủ thứ sự khác nhau, mỗi loại chúng sinh, nghĩ tưởng vô lượng vô biên. Chúng sinh khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, cũng chẳng giống nhau, tâm niệm cũng khác nhau, cũng chẳng phải một. Cho đến căn tánh của chúng sinh cũng có đủ thứ khác nhau. Khi Bồ Tát phát tâm bồ đề, thì nghiệp báo, tâm niệm, căn tánh đều thấy rõ.

**Tâm đó rộng lớn đồng pháp giới
Không nương không đổi như hư không
Hương về Phật trí chẳng chấp lấy
Thấu rõ thật tế lìa phân biệt.**

Bồ Tát phát tâm bồ đề, tâm của các Ngài rộng lớn vô biên, đồng với pháp giới. Chẳng chỗ nương tựa, chẳng chỗ thay đổi, như hư không. Ngài hương về trí huệ của Phật, nhưng chẳng thủ lấy. Do đó: “Vô trí diệc vô đắc” Ngài thấu rõ lý thể chân thật, lìa khỏi tất cả sự phân biệt.

**Biết tâm chúng sinh không sinh tưởng
Thấu đạt các pháp không pháp tướng
Tuy khắp phân biệt chẳng phân biệt
Ức Na Do cõi đều qua đến.**

Bồ Tát phát tâm bồ đề, biết tâm của chúng sinh, nhưng không vọng tưởng chúng sinh. Vì Bồ Tát là lia tướng, Bồ Tát là thâm nhập kinh tạng, cho nên trí huệ như biển. Thấu đạt đạo lý các pháp thật tướng, nhưng chẳng có chấp trước, chẳng có chúng sinh tướng, chẳng có ngã tướng, cũng chẳng có pháp tướng. Tuy nhiên vào khắp tất cả thế giới, giáo hóa tất cả chúng sinh, nhưng chẳng có phân biệt. Nếu có một ức Na do tha cõi Phật, thì Bồ Tát đều đi đến gần gũi chư Phật, lễ bái chư Phật, cúng dường chư Phật.

**Vô lượng chư Phật diệu pháp tạng
Tùy thuận quán sát đều vào được
Chúng sinh căn hạnh thấy đều biết
Đến nơi như vậy như Thế Tôn.**

Vô lượng diệu pháp tạng của chư Phật, Bồ Tát đều tùy thuận quán sát mà thâm nhập trong pháp tánh Như Lai. Hết thấy căn tánh và hành vi của chúng sinh, Bồ Tát đều biết hết. Bồ Tát hay sinh vào nhà Pháp vương, đến được địa vị tôn quý nhất.

**Thanh tịnh đại nguyện luôn tương ưng
Ưu cúng Như Lai chẳng thối chuyển
Trời người thấy được chẳng nhàm đủ
Thường được chư Phật luôn hộ niệm.**

Bồ Tát phát đại nguyện đại hạnh thanh tịnh, luôn luôn tương ưng. Nghĩa là tu hành theo nguyện mà mình đã

phát, ưa tu pháp môn cúng dường. Cúng dường mười phương ba đời tất cả chư Phật, vĩnh viễn chẳng thối tâm cúng dường. Trời và người thấy được vị Bồ Tát đó phát tâm bồ đề, thì luôn sinh tâm hoan hỷ, mà chẳng có tâm nhàm mỏi biết đủ, cho nên thường được mười phương chư Phật hộ niệm.

**Tâm đó thanh tịnh chẳng chỗ nương
Tuy quán pháp sâu mà chẳng chấp
Suy gẫm như vậy vô lượng kiếp
Ở trong ba đời chẳng chấp trước.**

Trong tâm Bồ Tát thường thanh tịnh, chẳng có chút tư tưởng nhiễm ô nào. Tuy nhiên hay quán sát pháp vi diệu thâm sâu, nhưng chẳng thủ trước, minh bạch tất cả pháp mà chẳng chấp trước tất cả pháp, suy gẫm nghĩa sâu tất cả pháp như vậy, trải qua vô lượng kiếp thời gian. Đối với pháp chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại, chư Phật vị lai nói, đều chẳng chấp trước.

**Tâm đó kiên cố khó phá hoại
Hương Phật bồ đề chẳng chướng ngại
Chỉ cầu diệu đạo trừ mê hoặc
Đi khắp pháp giới chẳng mệt nhọc.**

Bồ Tát phát tâm bồ đề, tâm đó rất kiên cố, như kim cang, chẳng cách chi phá hoại được. Ngài thú hương về chư Phật bồ đề đại đạo, chẳng có chướng ngại. Lập chí truy cầu đạo quả vi diệu, trừ khử đủ thứ ngu tối mê hoặc. Đi

khấp pháp giới, đến hết thấy thể giới để giáo hóa chúng sinh, chịu khổ chịu nhọc, tuyệt đối chẳng nhàm khổ nhọc.

**Biết pháp lời lẽ đều vắng lặng
Nhưng vào chân như dứt hiểu khác
Cảnh giới chư Phật đều thuận quán
Thông đạt ba đời tâm chẳng ngại.**

Bồ Tát biết pháp lời lẽ đều vắng lặng, nhưng Ngài vào lý thể chân như, lia bạt tri kiến chẳng chánh quyết, hết thấy cảnh giới của mười phương chư Phật, Ngài đều tùy thuận quán sát, thông đạt pháp của chư Phật ba đời, trong tâm chẳng có quái ngại.

**Bồ Tát mới phát tâm rộng lớn
Liên qua đến được mười phương cõi
Pháp môn vô lượng không thể nói
Trí quang chiếu khắp đều thấy rõ.**

Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, khi mới bắt đầu phát tâm rộng lớn, thì hóa thân của Bồ Tát, liên qua đến được mười phương cõi Phật để cúng dường chư Phật. Tuy pháp môn nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết, nhưng đại trí huệ quang minh của Bồ Tát chiếu khắp tất cả các pháp thật tướng, thấy đều thấu suốt.

**Đại bi rộng độ chẳng gì bằng
Tâm từ khắp cùng đồng hư không
Mà nơi chúng sinh chẳng phân biệt**

Thanh tịnh như vậy du thể gian.

Bồ Tát có tâm đại bi. Bi hay diệt trừ tất cả khổ chúng sinh và hay rộng độ tất cả chúng sinh thoát ba cõi. Tâm đại bi đó cao thượng nhất, chẳng gì sánh bằng. Từ hay ban cho tất cả chúng sinh an vui, dùng tâm từ để cứu hộ khắp tất cả chúng sinh, đồng như hư không. Đối với chúng sinh một luật bình đẳng chẳng có phân biệt. Bất luận chúng sinh có căn lành, hoặc chẳng có căn lành, đều xem bình đẳng, giáo hóa khắp. Bồ Tát dùng hành vi thanh tịnh như vậy, du hóa tất cả thế giới.

Mười phương chúng sinh đều an ủi Tất cả việc làm đều chân thật Luôn dùng tâm tịnh lời chẳng khác Thường được chư Phật cùng gia hộ.

Mười phương chúng sinh đều được an ủi, chẳng có khó khăn, chẳng có chướng ngại. Tất cả việc làm đều chân thật, chẳng có hư vọng. Tâm của Bồ Tát luôn luôn thanh tịnh, chẳng nói hai lời, cho nên thường được mười phương chư Phật cùng đến để gia bị và bảo hộ.

Trong kinh Phương Đẳng, có một đoạn kinh văn rằng: Phật Thích Ca nói với Bồ Tát Lô Ím: Thử xưa có vị Phật, danh hiệu là Đản Hoa Phật, vị Phật đó vào Niết Bàn rất lâu. Thời đó, ta và ngươi như nhau, đều là Bồ Tát. Đương thời lại có một vị Bồ Tát hiệu là Thượng Thủ Bồ Tát, hóa làm khát sĩ (Tỳ Kheo), vào trong thành ôm bát

khất thực, lại có một vị Tỳ Kheo khác, hiệu là Hằng Già Tỳ Kheo. Ông ta hỏi vị khất sĩ:

- “Xin hỏi Ngài từ đâu đến?”

- Vị khất sĩ đáp: “Tôi từ trong chân thật đến.”

- Tỳ Kheo Hằng Già lại hỏi: “Gi là chân thật?”

- Vị khất sĩ đáp: “Tướng vắng lặng gọi là chân thật.”

- Tỳ Kheo Hằng Già lại hỏi: “Trong tướng vắng lặng, có chỗ cầu? Không chỗ cầu?”

- Vị khất sĩ đáp: “Không chỗ cầu.”

- Tỳ Kheo Hằng Già lại hỏi: “Không chỗ cầu, tại sao phải cầu?”

- Vị khất sĩ đáp: “Có sở cầu, tất cả đều không. Được cũng không, trước cũng không, thật cũng không, cầu cũng không, lời cũng không, hỏi cũng không. Vắng lặng Niết Bàn, tất cả hư không, tất cả thế giới, cũng đều là không. Ta vì pháp không thứ lớp như vậy mà cầu chân thật.”

- Tỳ Kheo Hằng Già lại hỏi: “Bồ Tát cầu nơi nào?”

- Vị khất sĩ đáp: “Cầu trong cầu lục độ Ba La Mật.”

Tỳ Kheo Hằng Già nghe vị khất sĩ đáp như vậy rồi, bèn sinh tâm đại hoan hỷ, mới đem thân mình đi bán, được số tiền mang đến cúng dường vị khất sĩ (hóa thân của Bồ Tát Thượng Thủ). Có thể thấy người thời xưa, vì pháp mà quên mình, nghe pháp bán thân, phát tâm rộng lớn, để cúng dường Tam Bảo. Tinh thần như vậy thật là đáng quý!

Quá khứ hết thủy đều nghĩ nhớ

Vị lai tất cả đều phân biệt

Khấp vào trong mười phương thế giới

Vì độ chúng sinh khiến thoát khỏi.

Quá khứ chư Phật, thường nghĩ nhớ Bồ Tát ban đầu phát tâm. Vị lai chư Phật cũng thường phân biệt để gia hộ Bồ Tát ban đầu phát tâm. Khấp vào trong mười phương tất cả thế giới. Vì độ chúng sinh thoát khỏi biên khổ, đắc được an vui.

**Bồ Tát đầy đủ diệu trí quang
Khéo rõ nhân duyên chẳng hoài nghi
Tất cả mê hoặc đều dứt trừ
Như vậy du hành nơi pháp giới.**

Bồ Tát ban đầu phát tâm, đầy đủ trí huệ quang minh vi diệu, khéo thấu rõ tất cả nhân duyên quả báo, đối với nhân quả báo ứng chẳng có hoài nghi. Vì thấy sự việc gì thì thấu hiểu sự việc đó, cho nên dứt trừ tất cả sự mê hoặc. Bồ Tát có đại trí huệ như thế, nên du hóa nơi pháp giới.

**Cung điện ma vương đều phá tan
Chúng sinh màn lừa đều trừ diệt
Lìa các phân biệt tâm chẳng động
Khéo rõ cảnh giới của Như Lai.**

Hay khiến cho cung điện của ma vương hoàn toàn phá tan. Vô minh của chúng sinh, giống như màn mắt bị lừa, cho nên nhìn chẳng thấy rõ. Phải trừ diệt nó thì mới khôi phục được quang minh. Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, chẳng có tâm phân biệt. Vì lìa khỏi chấp trước, cho nên

tâm chẳng động. Ngài khéo thấu rõ tất cả cảnh giới của Như Lai đắc được.

**Lưới nghi ba đời đều đã trừ
Ở chỗ Như Lai khởi tin tịnh
Nhờ tin được thành trí bất động
Vì trí thanh tịnh hiểu chân thật.**

Lưới nghi hoặc ba đời, đã hoàn toàn tiêu trừ. Ở trong đạo tràng của Phật, sinh ra tâm tin thanh tịnh, nhờ tâm tin thanh tịnh mà đắc được thành tựu trí huệ bất động. Vì có trí huệ thanh tịnh bất động, cho nên mới thấu hiểu đạo lý chân thật.

**Vì khiến chúng sinh được thoát khỏi
Tận thuở vị lai khắp lợi ích
Mãi mãi cần khổ tâm chẳng mõi.
Cho đến địa ngục cũng an thọ.**

Vì khiến cho tất cả chúng sinh thoát khỏi ba cõi, đắc được khoái lạc. Tận thuở vị lai, khắp lợi ích tất cả chúng sinh, bất cứ trải qua thời gian dài bao lâu ? Chẳng màng thọ khổ bao nhiêu ? Tâm cũng chẳng nhàm mõi, cho đến vào địa ngục thọ khổ, tâm cũng an nhiên tiếp thọ. Như Bồ Tát Địa Tạng hiện tại vẫn ở trong địa ngục, cứu thoát chúng sinh thọ khổ. Tại sao phải như vậy ? Vì Bồ Tát Địa Tạng phát đại nguyện:

“Địa ngục chẳng trống không,
Thề không thành Phật.”

Tinh thần như vậy thật là vĩ đại !

**Phước huệ vô lượng đều đầy đủ
Căn dục chúng sinh đều biết rõ
Và các nghiệp hành đều thấy hết
Như chỗ họ thích vì nói pháp.**

Bồ Tát tu vô lượng vô biên phước huệ, cho nên phước huệ đều đầy đủ. Căn tánh và dục vọng của chúng sinh, Bồ Tát đều hoàn toàn biết rõ. Hết thấy nghiệp báo và hành vi của chúng sinh đều nhìn thấy hết. Như có chỗ chúng sinh hoan hỷ, thì vì họ bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Bồ Tát dùng bốn pháp nhiếp này, để giáo hóa chúng sinh.

**Biết rõ tất cả không vô ngã
Từ niệm chúng sinh luôn chẳng bỏ
Dùng một âm đại bi vi diệu
Vào khắp thế gian để diễn nói.**

Bồ Tát biết rõ tất cả đều là không, chẳng có cái ta tồn tại, cho nên chẳng có mọi sự chấp trước. Ngài từ bi nghĩ nhớ tất cả chúng sinh, chẳng xả bỏ tất cả chúng sinh. Dùng một âm thanh đại bi vi diệu, vào khắp tất cả thế gian, để vì chúng sinh diễn nói tất cả diệu pháp.

**Phóng đại quang minh đủ thứ màu
Chiếu khắp chúng sinh trừ đen tối**

Trong quang Bồ Tát ngồi hoa sen Vì chúng xiển dương pháp thanh tịnh.

Phóng ra đủ thứ đại quang minh, trong đại quang minh lại có đủ thứ màu. Quang minh màu đỏ chiếu khắp tất cả chúng sinh, khiến cho họ tiêu trừ đen tối. Trong quang minh có Bồ Tát ngồi trên hoa sen báu lớn, vì chúng sinh khai xiển tuyên dương diệu pháp thanh tịnh.

Nơi đầu sợi lông hiện các cõi Các đại Bồ Tát đều đầy đầy Chúng hội trí huệ đều khác nhau Thấy đều thấu rõ tâm chúng sinh.

Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, nương đại oai thần lực của chư Phật, có thể ở đầu một sợi lông, hiện ra cõi nước chư Phật mười phương. Ở trong các cõi Phật có các đại Bồ Tát đầy đầy pháp giới. Trong chúng hội chư Phật, có biển chúng Bồ Tát thanh tịnh, trí huệ của mỗi vị Bồ Tát đều khác nhau. Hết thấy Bồ Tát hoàn toàn hiểu rõ tâm niệm của tất cả chúng sinh hoan hỷ gì ?

Mười phương thế giới không thể nói Một niệm đi khắp hết tất cả Lợi ích chúng sinh cúng dường Phật Nơi chỗ chư Phật hỏi nghĩa sâu.

Mười phương thế giới, tuy nhiều không thể nói hết được, nhưng Bồ Tát trong một niệm, đều có thể du hành

khắp hết thủy thổ giới, chẳng có nơi nào mà không đến. Tại sao ? Vì Ngài muốn lợi ích chúng sinh và cúng dường chư Phật. Do đó:

‘‘Trên cầu Phật đạo
Dưới độ chúng sinh.’’

Nên đến mười phương chỗ các Đức Phật, để thưa hỏi diệu nghĩa thâm sâu.

**Nơi các Như Lai nghĩ cha lành
Vì lợi chúng sinh tu giác hạnh
Trí huệ khéo léo thông pháp tạng
Vào chỗ trí sâu chẳng chấp trước.**

Bồ Tát ban đầu phát tâm, đối với mười phương chư Phật nghĩ là cha lành. Vì lợi ích chúng sinh, mới tu hành tất cả giác hạnh. Còn gọi là giác quán, tức là do giác ngộ để quán sát. Trí huệ nhiều rồi thì sẽ dùng phương tiện khéo léo, thông đạt tất cả các pháp thật tướng, vào môn Bát Nhã thâm sâu của Bồ Tát mà chẳng chấp trước.

Giác có tám thứ.

1). Dục giác: Tức là thường nghĩ muốn đắc được cảnh giới hoan hỷ trong tâm.

2). Sân giác: Tức là lửa vô minh quá lớn, tự mình không chế chẳng đặng, đến lúc chẳng giữ được nữa thì nổi giận với người.

3). Não giác: Tức là não hại kẻ khác, xúc phạm đến tự do của kẻ khác, phỉ báng danh dự của kẻ khác.

4). Thân lý giác: Tức là thường nghĩ nhớ thân nhân bà con bạn bè.

5). Quốc độ giác: Tức là thường nghĩ thế giới bình an, hoặc chẳng bình an.

6). Bất tử giác: Không thể giác ngộ mình sẽ chết, cho nên liều mạng tích của cải đồ ăn.

7). Tộc tánh giác: Thường phân biệt sang hèn trong tộc tánh.

8). Khinh mạn giác: Tức là công cao ngã mạn, đều cảm thấy mình cao mình hơn người khác.

Tám thứ giác này chẳng tương ưng với đạo, nên chuyển biến nó lại thì mới tương ưng với đạo.

**Tùy thuận suy gẫm nói pháp giới
Trải vô lượng kiếp không thể lường
Tuy trí khéo vào chẳng xứ sở
Chẳng có mỗi nhàm chẳng chấp trước.**

Tùy thuận sự suy gẫm của chúng sinh để nói đạo lý pháp giới, trải qua thời gian vô lượng kiếp, cũng chẳng thể nói hết được. Trí huệ tuy khéo vào tạng pháp, nhưng cũng chẳng có xứ sở. Tuy chẳng có xứ sở, nhưng cũng chẳng mỗi nhàm, cũng chẳng chấp trước. Tại sao ? Vì có sở đắc vô sở đắc, đều chẳng chấp trước.

**Sinh trong nhà chư Phật ba đời
Chứng được diệu pháp thân Như Lai
Khắp vì quần sinh hiện các màu
Ví như huyễn sư biến hết thấy.**

Bồ Tát làm con của đấng Pháp Vương trong nhà chư Phật ba đời, chứng được diệu pháp thân của Như Lai. Khắp vì tất cả chúng sinh hiện ra đủ thứ sắc thân, giống như nhà huyền thuật ngàn biến vạn hóa, chẳng có gì mà chẳng biến hóa được.

**Hoặc hiện ban đầu tu thắng hạnh
Hoặc hiện sơ sinh và xuất gia
Hoặc hiện dưới cây thành Chánh Giác
Hoặc vì chúng sinh hiện Niết Bàn.**

Bồ Tát hoặc hiện ra ban đầu tu hành hạnh môn thù thắng, hoặc hiện ra ban đầu sinh ra đời, hoặc hiện ra xuất gia tu đạo, hoặc hiện ra ở dưới cội bồ đề thành tựu quả Phật chánh đẳng chánh giác, hoặc thị hiện vào Niết Bàn .v.v... tám tướng thành đạo.

**Bồ Tát trụ chỗ pháp hi hữu
Chỉ cảnh giới Phật chẳng nhị thừa
Thân lời ý tưởng đều đã trừ
Đủ thứ tùy nghi đều hiện được.**

Sở trụ của Bồ Tát đều là pháp ít có, làm gì cũng đều là cảnh giới của Phật, chứ chẳng phải là cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác nhị thừa. Thân, khẩu, ý ba nghiệp đều thanh tịnh, đều đã đoạn trừ ba nghiệp ác. Ngài dùng đủ thứ phương tiện pháp môn, tùy nghi nói pháp, thị hiện tất cả thứ thân hình.

Bồ Tát đắc được các Phật pháp

**Chúng sinh suy gẫm phát cuồng loạn
Trí vào thật tế tâm vô ngại
Khấp hiện Như Lai tự tại lực.**

Bồ Tát đắc được tất cả Phật pháp, chúng sinh suy gẫm cảnh giới đó, thì tâm sẽ phát cuồng loạn. Trí huệ của Bồ Tát hay vào lý thể Bát Nhã chân thật, tâm chẳng quái ngại. Khấp thị hiện tự tại thần lực của Phật.

**Đây nơi thế gian chẳng gì bằng
Hà hưởng lại thêm hạnh thù thắng
Tuy chưa đầy đủ nhất thiết trí
Đã được sức tự tại Như Lai.**

Cảnh giới đó, ở tại thế gian chẳng có gì sánh bằng, hà hưởng càng ngày càng tăng thêm hạnh thù thắng. Tuy Bồ Tát chưa đầy đủ tất cả trí huệ của Phật, nhưng đã đắc được thần lực tự tại của Phật.

**Đã trụ một thừa đạo cứu kính
Vào sâu pháp tối thượng vi diệu
Khéo biết chúng sinh thời phi thời
Vì lợi ích mà hiện thân thông.**

Đã trụ nơi một thừa Phật đạo cứu kính, vào sâu pháp môn tối thượng vi diệu không thể nghĩ bàn, khéo biết tâm chúng sinh, lúc nào cơ duyên thành thực độ được ? Lúc nào cơ duyên chẳng thành thực, không thể độ được ? Hoàn toàn

biết rõ. Vì lợi ích chúng sinh, cho nên thị hiện đủ thứ thân thông.

**Phân thân đầy khắp tất cả cõi
Phóng tịnh quang minh diệt đời tối
Ví như Long Vương nổi mây lớn
Mưa khắp pháp vũ đều thấm nhuần.**

Bồ Tát hay phân thân vô lượng, đầy khắp tất cả cõi Phật. Phóng đại trí huệ quang minh, phá trừ tất cả đen tối của thế gian. Ví như Long vương ở trong hư không nổi vàng mây lớn, khắp mưa xuống pháp vũ vi diệu, khiến cho chúng sinh đều được thấm nhuần pháp vũ.

**Quán sát chúng sinh như huyễn mộng
Vì nghiệp lực nên thường lưu chuyển
Đại bi thương xót đều cứu vớt
Vì nói pháp tánh tịnh vô vi.**

Bồ Tát quán sát tất cả chúng sinh như huyễn mộng. Vì chúng sinh khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, cho nên chuyển đi chuyển lại trong sáu nẻo luân hồi, chẳng được giải thoát. Bồ Tát có tâm đại bi thương xót tất cả chúng sinh, cho nên cứu vớt tất cả chúng sinh thoát khổ được vui. Vì chúng sinh mà nói pháp tánh thanh tịnh vô vi.

**Phật lực vô lượng đây cũng thế
Ví như hư không chẳng bờ mé
Vì khiến chúng sinh được giải thoát**

Ức kiếp siêng tu chẳng nhàm mỏi.

Sức lực của Phật vô lượng vô biên, sức lực của Bồ Tát giáo hóa chúng sinh cũng vô lượng vô biên. Ví như hư không chẳng có bờ mé. Vì khiến cho tất cả chúng sinh được giải thoát, cho nên trong ức kiếp, siêng tu Phật pháp chẳng nhàm mỏi.

Đủ thứ suy gẫm diệu công đức Khéo tu nghiệp bậc nhất vô thượng Nơi các thắng hạnh luôn không bỏ Chuyên niệm họ thành nhất thiết trí.

Dùng đủ thứ thiên định tam muội để tu hành tất cả diệu công đức, đắc được cảnh giới thiên duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. Khéo tu hành nghiệp bậc nhất vô thượng, nghĩa là phát tâm Bồ đề, hành Bồ Tát đạo. Tu tất cả pháp môn thù thắng, luôn luôn chẳng xả bỏ hành Bồ Tát đạo, chuyên nghĩ tất cả chúng sinh, chuyển hóa tất cả chúng sinh, thành tựu tất cả trí huệ.

Một thân thị hiện vô lượng thân Tất cả thế giới đều đến khắp Tâm Ngài thanh tịnh chẳng phân biệt Một niệm sức tư nghì như vậy.

Một thân hay thị hiện vô lượng thân, vô lượng thân lại thị hiện ra một thân. Thân thông này hay dùng đầy khắp tất cả thế giới. Tâm của Bồ Tát thanh tịnh, cho nên lúc hành Bồ Tát đạo, hoặc lúc giáo hóa chúng sinh, chẳng có

phân biệt. Chẳng màng chúng sinh thiện hay ác, Ngài là một luật bình đẳng, chẳng phân chia đó đây, xem như nhau. Mà trong một niệm đi khắp mười phương thế giới. Hết thấy các cõi nước chư Phật, sức không thể nghĩ bàn, tức là như vậy.

**Nơi các thế gian chẳng phân biệt
Nơi tất cả pháp chẳng vọng tưởng
Tuy quán các pháp chẳng thủ lấy
Luôn cứu chúng sinh chẳng chỗ độ.**

Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, trong tất cả thế gian, dùng trí quang để chiếu soi căn tánh của tất cả chúng sinh, mà chẳng phân biệt chúng sinh thiện ác. Đối với tất cả pháp, đều chẳng sinh ra vọng tưởng: Tôi dùng pháp gì để giáo hóa chúng sinh ? Tuy dùng trí huệ để quán sát các pháp, nhưng chẳng thủ lấy các pháp. Luôn luôn cứu độ chúng sinh mà chẳng chấp trước tướng độ chúng sinh.

Chúng ta người tu đạo, đừng có tư tưởng tuyên truyền cái ngã của mình: “Ồ ! Anh biết không ! Tôi đang hành Bồ Tát đạo, tôi đang giáo hóa chúng sinh, tôi đang cứu độ chúng sinh .v.v...” Do đó:

“Suốt ngày độ chúng sinh, mà chẳng độ.”

Phải có tinh thần như vậy. Trong thiên tông có nói:

“Suốt ngày ăn cơm,
Chưa ăn một hạt gạo.
Suốt ngày mặc áo,
Chưa mặc một sợi tơ.”

Tại sao phải nói như vậy ? Là vì dạy người đừng chấp trước, đừng giữ lấy tướng.

**Tất cả thế gian chỉ là tướng
Trong đó đủ thứ đều khác nhau
Biết cảnh giới tướng hiểm lại sâu
Vì họ hiện thân thông cứu thoát.**

Do vọng tướng của chúng sinh mà tạo thành thế gian hư vọng, cho nên nói tất cả thế gian chỉ là tướng. Trong thế gian có đủ thứ vọng tướng, mỗi loại chúng sinh có mỗi loại vọng tướng, đều khác nhau. Bồ Tát biết cảnh giới vọng tướng là nguy hiểm, lại vừa sâu vừa rộng, cho nên thị hiện thân thông để cứu thoát tất cả chúng sinh thoát khỏi ba cõi.

Mục đích của chúng ta tu đạo là đối trị vọng tướng, phải tu dứt trừ vọng tướng. Làm thế nào để dứt trừ vọng tướng? Như là đã thất đói (không ăn cơm), tức là đánh chết vọng tướng. Tôi thường hỏi các vị đã chết chưa? Chẳng phải nói là người chết chưa? Mà là hỏi vọng tướng đã chết chưa? Có còn lòng tham không? Có biết đã mấy ngày tâm không ăn cơm chẳng? Nếu còn cái tâm này, thì đó là vọng tướng. Đó là chứng minh tâm tham vẫn chưa dừng lại. Đã thất đói là phương pháp đối trị tâm tham. Bạn (vọng tướng) muốn ăn vật gì chẳng? Thì không cho nó ăn. Bạn muốn uống sữa chẳng? Thì không cho nó uống. Đó là đấu tranh với vọng tướng. Đó là một thứ sức lực không gì so sánh của người tu đạo, để chinh phục vọng tướng, điều phục vọng tướng, để không thể nhiễu loạn tâm thanh tịnh của người tu đạo.

**Ví như huyễn sư sức tự tại
Thần biến Bồ Tát cũng như vậy
Thân khắp pháp giới và hư không
Tuỳ tâm chúng sinh đều thấy được.**

Thần thông chẳng phải là chân thật. Giống như nhà huyễn thuật, có thể từ không hoá có, từ có hoá không. Lại có thể lúc lớn lúc nhỏ, lúc ẩn lúc hiện, có một thứ sức tự tại, do đó: “Biến hoá khó dò”, tức cũng là biến hoá vô cùng. Bồ Tát dùng thần thông biến hoá, cũng như thế, một thân có thể sung mãn khắp cùng hết thấy pháp giới và hư không giới, tuỳ tâm niệm của chúng sinh mà thị hiện, thấy đều nhìn thấy Bồ Tát thị hiện thân.

**Năng sở phân biệt hai đều là
Tạp nhiễm thanh tịnh chẳng thủ lấy
Hoặc trói hoặc mở trí đều mất
Nhưng nguyện ban vui khắp chúng sinh.**

Chẳng có cái năng phân biệt, cũng chẳng có cái sở phân biệt. Năng sở phân biệt đều là. Tâm của Bồ Tát chẳng có tạp nhiễm, cũng chẳng có thanh tịnh, cho nên gọi bất cấu bất tịnh, đều chẳng thủ lấy. Chẳng chấp trước dơ, cũng chẳng chấp trước sạch. Hoặc bị nghiệp ràng buộc, hoặc đắc được giải thoát. Bất luận là trói buộc, hoặc giải thoát, cả hai trí huệ này đều hoàn toàn mất đi. Nhưng nguyện ban vui cho chúng sinh, lợi ích khắp chúng sinh. Tại sao thế giới có chiến tranh ? Vì mọi người tranh giành lợi ích. Bọn tranh tôi giành thì phát sinh chiến tranh. Người

ngu si thì bị người thông minh gạt gẫm. Người thông minh chẳng những gạt người, mà còn gạt chính mình. Do đó: “Thông minh ngược lại bị thông minh lừa.” Chiến tranh trên thế gian, hoặc chiến tranh là vì danh, hoặc vì lợi. Nếu buông xả danh lợi thì chẳng có tranh, cũng chẳng có giành, nhân loại hòa bình với nhau, thì biến thành thế giới thanh tịnh. Cho nên Bồ Tát đem tất cả lợi ích hồi hướng cho tất cả chúng sinh, chính mình một chút cũng chẳng cần. Chỉ cần có lợi ích đối với chúng sinh, hay khiến cho chúng sinh hoan hỷ thì Bồ Tát mãn nguyện. Do đó: “Quên người không ta.” Bồ Tát có tư tưởng này, thì còn có ai đến chiến tranh với Bồ Tát chẳng ? Dù ma vương thấy Bồ Tát cũng sinh tâm hoan hỷ mà chẳng chiến tranh. Người người đều học tinh thần của Bồ Tát, tất cả vì người chẳng vì mình, thì trên thế giới tuyệt đối chẳng có chiến tranh, vĩnh viễn hòa bình.

**Tất cả thế gian do sức tưởng
Dùng trí mà vào tâm chẳng sợ
Suy gẫm các pháp cũng như thế
Ba đời thôi cầu chẳng thể được.**

Tất cả thế gian hư vọng, là do sức vọng tưởng mà thành tựu. Bồ Tát dùng trí huệ để minh bạch thế gian tất cả hư vọng, thì tâm chẳng sợ hãi, sẽ nhìn xuyên thấu, buông xả đặng. Suy gẫm tất cả pháp đều như vậy. Tu thiền định tu duy tu, tu trí huệ vẫn tu tu, cũng như thế. Đời quá khứ không thể được, đời hiện tại không thể được, đời vị lai không thể được. Tại sao ? Vì thời gian quá khứ đã qua rồi; thời gian hiện tại cũng chẳng ngừng; thời gian vị lai thì

chưa đến, cho nên ba đời thối cầu, tất cả không thể được, tất cả chẳng có thật thể. Thối cầu thế nào cũng tìm chẳng được, vì rõ là không thể được !

**Hay vào quá khứ xong thuở trước
Hay vào vị lai xong thuở sau
Hay vào hiện tại tất cả nơi
Thường siêng quán sát chẳng chỗ có.**

Suy gẫm các pháp ba đời không thể được, hay vào quá khứ thì thuở trước cũng chẳng có. Hay vào vị lai thì thuở sau cũng chẳng có. Hay vào hiện tại thì tất cả thời gian và không gian, tất cả mọi nơi cũng chẳng có. Thường thường quán sát tất cả các pháp, đều rõ là không thể được.

**Tùy thuận Niết Bàn pháp vắng lặng
Trụ nơi vô tránh chẳng chỗ nương
Tâm như thật tế chẳng gì bằng
Chuyên hướng bồ đề vĩnh bất thối.**

Tại sao tất cả các pháp chẳng thể được ? Vì tùy thuận pháp Niết Bàn vắng lặng, cho nên rõ không thể được. Trụ ở trong tam muội vô tránh và chẳng có tranh luận với ai, cũng chẳng nương tựa hết thảy pháp. Tâm tức là thật tướng, thật tướng tức là tâm. Thật tướng này chẳng gì sánh bằng, chỉ là hướng về đạo bồ đề mà đi, vĩnh viễn chẳng quay đầu lại, tức cũng là chẳng sinh tâm thối chuyển. Người tu hành, nhất định tiến về trước, đừng lùi về sau, bằng không sẽ cách rất xa đạo bồ đề.

**Tu các thắng hạnh chẳng thối sợ
An trụ bờ đề chẳng lay động
Phật và Bồ Tát hiện ra đời
Tận nơi pháp giới đều thấu rõ.**

Bồ Tát tu hành tất cả hạnh thù thắng, thì chẳng sợ tất cả gian nan khốn khổ. An trụ ở đạo bờ đề, thì chẳng bị tư tưởng khác làm giao động. Nghĩa là vĩnh viễn có đạo tâm kiên cố, chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển, chẳng bị ma kháo nghiệm mà sinh tâm thối lui. Chư Phật Bồ Tát ở tại thế gian, hết thấy đạo lý pháp giới đều hoàn toàn thấu rõ minh bạch.

**Muôn được đạo đệ nhất tối thắng
Được nhất thiết trí vua giải thoát
Hãy mau chóng phát tâm bờ đề
Vĩnh sạch các lậu lợi quần sinh.**

Bồ Tát tu hành, muốn đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cho nên đắc được nhất thiết trí huệ, trở thành vua giải thoát trong sự giải thoát. Làm thế nào để đắc được cảnh giới này ? Hãy mau cấp tốc phát tâm đại bờ đề, vĩnh viễn dứt sạch tập khí ma bệnh, vô minh phiền não của mình. Nếu được như vậy thì chẳng còn lậu. Lậu tức là có tâm dục. Tâm dục tức là gốc rễ của sinh tử. Nói cho dễ hiểu là ai có lậu, thì người đó không thể thoát khỏi ba cõi. Tu đạo tức là phải vĩnh viễn sạch các lậu. Nhất là tâm dâm dục, rất là quan trọng. Nếu tâm niệm dấy lên thì có lậu, lậu đi vào trong ba cõi thọ sinh tử. Nếu như vĩnh viễn dứt sạch

các lậu, thì sẽ lợi ích quần sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được lợi ích diệu dụng.

**Hương về bồ đề tâm thanh tịnh
Công đức rộng lớn không thể nói
Vì lợi chúng sinh nên khen thuật
Các ông hiền nhân khéo lắng nghe.**

Thường thường hương về đạo bồ đề, thì trong tâm sẽ thanh tịnh. Công đức phát tâm bồ đề rộng lớn vô biên không thể nói hết được. Tức nhiên không thể nói ra, vậy tại sao lại phải nói ? Vì muốn khiến cho chúng sinh đồng phát tâm bồ đề, đồng thành đạo vô thượng, cho nên trong sự không thể nói lại nói công đức này. Các ông (chỉ chúng đại hội Hoa Nghiêm) các vị hiền nhân, nên chú ý nghe đạo lý tôi nói.

**Vô lượng thế giới làm bụi hết
Trong mỗi hạt bụi vô lượng cõi
Trong đó chư Phật đều vô lượng
Thấy đều thấy rõ chẳng thủ lấy.**

Ví như đem vô lượng vô biên thế giới, đều nghiền nát thành từng hạt bụi. Trong mỗi hạt bụi, lại hiện ra vô lượng vô biên chư Phật đang ở trong đó giáo hóa chúng sinh. Song, Bồ Tát ban đầu phát tâm, đối với số mục rộng lớn, phân tích được rất rõ ràng, mà chẳng chấp trước số mục, cho nên nói thấy đều thấy rõ chẳng thủ lấy.

Khéo biết chúng sinh không sinh tưởng

**Khéo biết lời lẽ chẳng lời tưởng
Nơi các thế giới tâm vô ngại
Đều khéo biết rõ chẳng chấp trước.**

Vì Bồ Tát có tha tâm thông, cho nên khéo biết sự nghĩ tưởng trong tâm chúng sinh. Ngài dùng phương tiện khéo léo để giáo hóa chúng sinh, song chẳng chấp trước có giáo hóa chúng sinh. Bồ Tát đối với tất cả lời lẽ, hoàn toàn thấu rõ, chẳng những nói được mà còn viết được, bất cứ loại ngôn ngữ nào, Ngài đều có thể không thầy mà tự biết. Cho nên dùng đủ thứ lời lẽ để giáo hóa đủ loài chúng sinh, song chẳng chấp trước lời lẽ. Đối với hết thảy tất cả trong tất cả thế giới, đều minh bạch, tâm chẳng quái ngại. Bất cứ pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian đều thấu triệt mà chẳng chấp trước.

**Tâm lượng rộng lớn như hư không
Sự việc ba đời đều thông đạt
Tất cả nghi hoặc đều trừ diệt
Chánh quán Phật pháp chẳng thủ lấy.**

Tư tưởng và hành vi của Bồ Tát, rộng lớn vô biên như hư không. Đối với sự việc ba đời đều hoàn toàn thấu rõ, thông đạt vô ngại. Hết thảy tất cả vô minh và mê hoặc đều trừ sạch, tuy tu trì tất cả Phật pháp, chung chẳng chấp trước tất cả pháp.

**Mười phương vô lượng các cõi nước
Một niệm qua đến tâm chẳng chấp**

Thông đạt thế gian các pháp khổ Đều trụ vô sinh chân thật tế.

Mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật, Bồ Tát có thể trong một niệm, đều qua đến mười phương các cõi Phật để cúng dường chư Phật, giáo hóa tất cả chúng sinh. Bất cứ đến nước nào, tâm đều chẳng chấp trước. Thấu rõ thông đạt tất cả vui của thế gian, đều là nhân của các khổ. Do đó: “Các khổ đốt nhau, các ma đầy đầy.” Ngài thường trụ ở thật tướng lý thể, pháp chân thật vắng lặng.

Vô lượng nan tư chỗ chư Phật Đều đến hội đó chiêm lễ Phật Thường làm thượng thủ hội Như Lai Các hạnh nguyện tu của Bồ Tát.

Chỗ các đức Phật nhiều không thể suy lường được, không thể nói được. Bồ Tát thấy đều qua đến pháp hội đạo tràng của chư Phật, lễ bái chư Phật, chiêm ngưỡng chư Phật, làm thượng thủ, đại biểu đại chúng hướng Phật thỉnh pháp, đây là tất cả nguyện, tất cả hạnh của Bồ Tát tu hành.

Tâm thường nghĩ nhớ mười phương Phật Mà chẳng chỗ nương chẳng thủ lấy Luôn khuyên chúng sinh trồng căn lành Trang nghiêm cõi nước khiến thanh tịnh.

Bồ Tát phát tâm bồ đề, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Cho nên trong tâm thường nghĩ nhớ mười

phương chư Phật. Tuy nhiên nghĩ nhớ, nhưng chẳng ý lại, cũng chẳng thủ lấy. Tại sao ? Vì Bồ Tát biết Phật là Phật đã thành, chúng sinh là Phật chưa thành, mình sẽ thành Phật, cho nên chẳng chấp trước. Bồ Tát thường dùng phương tiện pháp môn, đủ thứ lời lẽ để khuyên tất cả chúng sinh trồng nhiều căn lành, vun bồi căn lành, khiến cho tăng trưởng, khiến cho chín mùi, đắc được giải thoát. Ngài lại trang nghiêm mười phương cõi nước chư Phật, khiến cho thanh tịnh.

**Tất cả hướng sinh nơi ba cõi
Dùng mắt vô ngại để quán sát
Hết thấy tập tánh các căn hiểu
Vô lượng vô biên đều thấy rõ.**

Tất cả chúng sinh, hướng về chỗ sinh, nơi ba cõi, Bồ Tát dùng mắt trí huệ vô ngại để quán sát nhân duyên của tất cả chúng sinh. Hết thấy đủ thứ tập khí, căn tánh, tri giải của chúng sinh nhiều vô lượng vô biên, song Bồ Tát đều hoàn toàn thấy rõ.

**Chúng sinh tâm thích đều biết rõ
Như vậy tùy nghi vì nói pháp
Nơi các nhiễm tịnh đều thông đạt
Khiến họ tu trị vào trong đạo.**

Chúng sinh có đủ thứ tâm ưa thích, Bồ Tát thấy đề biết rõ. Vì Bồ Tát minh bạch căn tánh và ưa muốn của chúng sinh mà nói pháp phương tiện khéo léo. Bồ Tát đối

với pháp nhiệm ô và pháp thanh tịnh đều thông đạt vô ngại, minh bạch thấu rõ. Khiến cho tất cả chúng sinh y pháp tu hành, đối trị tất cả tập khí mao bệnh, khiến cho vào đạo vô thượng.

**Vô lượng vô biên các tam muội
Bồ Tát một niệm đều vào được
Trong đó tưởng trí và sở duyên
Đều khéo biết rõ được tự tại.**

Vô lượng vô số tam muội giải thoát, Bồ Tát có thể trong một niệm, đều vào được vọng tưởng, trí huệ, phan duyên .v.v... tất cả ở trong tam muội, đều thấu triệt rất rõ ràng, biết tỷ mỉ, đặc được chân chánh tự tại thanh tịnh.

**Bồ Tát được trí rộng lớn này
Mau hướng bồ đề chẳng chướng ngại
Vì muốn lợi ích các quần sinh
Nơi nơi tuyên dương pháp đại nhân.**

Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, đặc được trí huệ rộng lớn này, thấu rõ tất cả cảnh giới, mau hướng về đạo bồ đề, chẳng có gì chướng ngại. Bồ Tát vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh, cho nên khắp nơi đều tuyên dương pháp đại nhân, pháp đại nhân là tám pháp giác nói ở trong kinh Bát Đại Nhân Giác.

- 1). Giác thế gian vô thường.
- 2). Giác nhiều tham dục là khổ.
- 3). Giác tâm chẳng nhàm đủ.

- 4). Giác giải đãi đọa lạc.
- 5). Giác ngu si sinh tử.
- 6). Giác nghèo khổ nhiều oán.
- 7). Giác năm dục họa hoạn.
- 8). Giác sinh tử thiêu đốt, khổ não vô lượng.

Tám việc này là pháp giác ngộ của Phật Bồ Tát đại nhân.

Trong kinh Di Giáo (kinh Niết Bàn) cũng nói tám thứ pháp.

1). Thiểu dục: Tức là chẳng có háo danh, cũng chẳng có háo lợi, chẳng có ham muốn làm lãnh tụ, cũng chẳng có ham tranh luận. Tóm lại, chẳng có tham dục gì.

2). Tri túc: Tức là tâm không tham. Do đó:

“Tri túc thường lạc, năng nhẫn tự an.”

Người biết đủ thì luôn luôn an lạc. Người chẳng biết đủ thì luôn luôn khổ đau. Do đó: “Tham tâm bất túc xà thôn tượng.” mọi thời mọi nơi, luôn luôn biết đủ thì chẳng có phiền não.

3). Tịch tĩnh: Lìa khỏi phiền não là tịch, đoạn tuyệt khổ họa là tĩnh. tức là chẳng có tiếng ồn ào. Pháp của bậc đại nhân giác là ưa thích vắng lặng, không tiếng động.

4). Tinh tấn: Tức là siêng học dũng mãnh tinh tấn, do đó “nghiệp tinh ư siêng,” nghề nghiệp giỏi nhờ siêng năng. Người tu đạo, dụng một phần công thì có một phần giá trị. Thời gian của người tu đạo rất quý báu, có thể nói một tắc thời gian là một tắc vàng. Phải thân tâm đều tinh tấn, ngày đêm sáu thời luôn tinh tấn, phải vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển.

5). Chánh niệm: Tức là niệm chánh đáng thanh tịnh, chứ chẳng phải là tà niệm. Chánh niệm tức là tâm thanh tịnh, tà niệm tức là tâm nhiễm ô.

6). Chánh định: Chẳng lệch chẳng tà là chánh, chẳng suy chẳng nghĩ là định. Tức cũng là biểu hiện chẳng động tâm. Người tu đạo phải có mắt chọn pháp, tu chánh định chẳng tu tà định.

7). Chánh huệ: Tức là trí huệ chân chánh, biện rõ thị phi, rõ thiện ác, phân tích sự lý, mười phần chánh quyết. Không thể có tiểu thông minh thế trí biện thông, đó là trí huệ tà.

8). Chẳng hý luận: Phật Bồ Tát thì chẳng nói tiểu, đều là nói lời chân thật, chẳng có pháp hý luận. Tám pháp này là pháp của bậc đại nhân tu.

**Khéo biết thế gian kiếp dài ngắn
Một tháng nửa tháng và ngày đêm
Cõi nước khác nhau tánh bình đẳng
Thường siêng quán sát chẳng phóng dật.**

Bồ Tát có thể quán sát nhân duyên ngoài tám vạn đại kiếp, A la hán chỉ có thể quán sát nhân duyên trong vòng tám vạn đại kiếp. Vị Bồ Tát này chẳng những quán sát được sự vật tám vạn đại kiếp, mà dù kiếp dài nhất và kiếp ngắn nhất, cũng đều có thể biết rất rõ ràng. Mỗi thế giới có thành trụ hoại không bốn kiếp làm một đại kiếp. Trong một đại kiếp có hai mươi tiểu kiếp. Tóm lại, trong kiếp dài, có vô số kiếp thành trụ hoại không. Trong kiếp ngắn, có một tháng, hoặc nửa tháng, thậm chí thời gian ngắn một ngày đêm. Cõi nước tuy khác nhau, nhưng tánh cõi nước đều

bình đẳng. Bồ Tát thường siêng tu học đủ thứ trí huệ, quán sát nhân duyên thành trụ hoại không, lúc nào cũng tinh tấn, chẳng phóng dật, cũng chẳng giải đãi.

**Đến khắp mười phương các thế giới
Mà các nơi đến chẳng thủ lấy
Nghiêm tịnh cõi nước đều không thừa
Cũng chẳng sinh phân biệt thanh tịnh.**

Bồ Tát đến khắp mười phương các thế giới, đi lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu cúng dường. Đến các thế giới mà chẳng chấp trước, cũng chẳng có tâm phân biệt. Ngài chỉ biết đến mười phương để gần gũi chư Phật, đi trang nghiêm thanh tịnh hết thấy cõi nước chư Phật. Tuy nghiêm tịnh cõi nước, mà chẳng sinh tưởng phân biệt thanh tịnh trang nghiêm cõi nước.

**Chúng sinh thị xứ hoặc phi xứ
Cùng với các nghiệp cảm báo khác
Tùy thuận tu đi vào Phật lực
Nơi đó tất cả đều biết rõ.**

Bồ Tát chẳng màng chúng sinh ở thiên đường cũng tốt, tại địa ngục cũng tốt, và ba nghiệp cảm báo khác biệt. Ngài đều tùy cơ nói pháp, tức cũng là quán cơ thí pháp. Tóm lại, vì người nói pháp, theo bệnh cho thuốc. Tùy thuận tư duy mà dùng đủ thứ sức phương tiện của chư Phật, đối với chúng sinh nên dùng pháp gì để giáo hóa được, thì Bồ Tát đều thấy rõ.

**Tất cả thế gian đủ thứ tánh
Đủ thứ chỗ làm trụ ba cõi
Lợi căn cùng với trung hạ căn
Như vậy tất cả đều quán sát.**

Tất cả thế gian hết thảy chúng sinh, có đủ thứ căn tánh, vì chúng sinh có đủ thứ nghiệp tạo tác, cho nên trụ ở trong ba cõi, luân chuyển không ngừng, bất luận là lợi căn, hoặc trung căn, hay hạ căn. Căn tánh như vậy, Bồ Tát đều quán sát được rất rõ ràng.

**Tịnh và bất tịnh đủ thứ hiểu
Thắng liệt và trung đều thấy rõ
Tất cả chúng sinh chỗ đi đến
Ba cõi liên tục đều nói được.**

Căn tánh của chúng sinh hoặc là thanh tịnh ? Hoặc chẳng thanh tịnh, tình hình như vậy, Bồ Tát đều thấu rõ, hoặc là thắng căn, hay liệt căn, hoặc trung căn, hay trung căn ? Bồ Tát đều thấy rõ hết. Tất cả chúng sinh trồng nhân gì ? Kết quả gì ? Tu pháp môn gì ? Thành tựu quả vị gì ? Tất cả đều tự mình tu hành. Tại sao chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử luân hồi ? Lại liên tục chẳng đoạn tuyệt ? Bồ Tát lại có tâm từ bi, vì chúng sinh giải thích tỉ mỉ, khiến cho họ biết nguồn gốc sinh tử.

**Thiên định giải thoát các tam muội
Nhiễm tịnh nhân khởi đều khác nhau
Cùng với khổ vui thù đời trước**

Tịnh tu Phật lực đều thấy được.

Thiền định có chín thứ đệ định. Tức là tứ thiền, tứ không xứ và diệt thọ tưởng định, đây là định chỉ tức tất cả tâm thức. Giải thoát có tám giải thoát, tức là :

- 1). Trong có sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
- 2). Trong không sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
- 3). Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.
- 4). Không vô biên xứ giải thoát.
- 5). Thức vô biên xứ giải thoát.
- 6). Vô sở hữu xứ giải thoát.
- 7). Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.
- 8). Diệt thọ tưởng định thân tác chứng cụ túc trụ.

Tam muội dịch là định. Tâm dừng nơi một cảnh, chẳng khiến cho tán động, đây gọi là định. Tam muội có nhiều thứ, ví như niệm Phật tam muội, Pháp Hoa tam muội, Hải ấn tam muội, Duy tâm tam muội, An thuyền tam muội, Du hí tam muội .v.v... tức cũng là tất cả định. Nếu trông nhân nhiễm ô, thì chẳng dễ gì được định. Nếu trông nhân thanh tịnh, thì dễ dàng được định, cũng dễ dàng được giải thoát. Cho nên nói nhiễm tịnh nhân khởi đều khác nhau. Hoặc đời trước thọ nhiều khổ, hoặc hưởng nhiều vui, đều do nhân trông khác nhau, cho nên Bồ Tát thanh tịnh tu tập thập lực của Phật, đối với tất cả nhân duyên đều thấy được rất rõ ràng.

**Chúng sinh nghiệp hoặc tục các cõi
Đứt các cõi này được vắng lặng
Đủ thứ pháp lậu vĩnh chẳng sinh**

Và tập chúng đó đều biết rõ.

Tại sao chúng sinh luân hồi trong sáu nẻo ? Vì nghiệp hoặc liên tục. Do đó: “Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo,” cho nên liên tục không ngừng. Nếu dứt trừ được sáu nẻo luân hồi thì đắc được vắng lặng, thoát khỏi ba cõi. Nếu dứt trừ được tập khí ma bệnh, vô minh phiền não .v.v... thì vĩnh viễn chẳng sinh nữa, và tập tánh chủng tử đó, Bồ Tát cũng đều biết rõ.

**Như Lai phiền não đều trừ sạch
Đại trí quang minh chiếu thế gian
Bồ Tát ở trong Phật thập lực
Tuy chưa chứng được cũng chẳng nghi.**

Phật đã dứt trừ sạch tất cả phiền não, cho nên trí huệ vốn có hiện tiền. Đại trí huệ quang minh đó, chiếu khắp nơi thế gian. Bồ Tát ở trong mười thứ trí huệ lực của Phật, tuy chưa chứng được mười lực của Phật, nhưng tư hào chẳng có hoài nghi.

**Bồ Tát ở trong một lỗ lông
Hiện khắp mười phương vô lượng cõi
Hoặc có tạp nhiễm hoặc thanh tịnh
Đủ thứ nghiệp làm đều rõ được.**

Bồ Tát có thần thông diệu dụng, có thể ở trong một lỗ chân lông, khắp hiện ra mười phương vô lượng các cõi nước chư Phật. Hoặc có cõi nước tạp nhiễm, hoặc có cõi

nước thanh tịnh. Chúng sinh khởi đủ thứ nghiệp, thọ đủ thứ quả báo, Bồ Tát đều thấu rõ được.

**Trong một hạt bụi vô lượng cõi
Vô lượng chư Phật và Phật tử
Các cõi khác nhau chẳng tạp loạn
Như một tất cả đều thấy rõ.**

Ở trong một hạt bụi, hiện ra được vô lượng cõi nước chư Phật. Ở trong vô lượng cõi nước chư Phật, lại có vô lượng chư Phật ở trong đó diễn nói diệu pháp. Ở trong đạo tràng của mỗi vị Phật, lại có vô lượng đại Bồ Tát đang ở trong đó, nghe Phật diễn nói diệu pháp. Ở trong một hạt bụi, hoặc ở một lỗ chân lông, hiện ra vô lượng cõi Phật có hàng lồi chẳng tạp loạn. Bồ Tát thấy được mỗi cõi Phật, cho đến hết thấy cõi Phật đều thấy rõ ràng.

**Nơi một lỗ lông thấy mười phương
Tận hư không các thế gian
Chẳng có nơi nào không có Phật
Như vậy cõi Phật đều thanh tịnh.**

Bồ Tát có thể trong một lỗ chân lông, nhìn thấy mười phương hết thấy thế giới. Tận hư không biến pháp giới, các thế gian đều hoàn toàn nhìn thấy được, chẳng có một nơi nào mà chẳng thấy Phật ở đó chuyển đại pháp luân, giáo hóa tất cả chúng sinh. Trong mỗi lỗ lông đều hiện ra mười phương thế giới, trong mỗi thế giới, có vô

lượng chư Phật đang diễn nói diệu pháp, những cõi Phật đó đều thanh tịnh trang nghiêm.

**Ở trong lỗ lông thấy cõi Phật
Lại thấy tất cả các chúng sinh
Ba đời sáu nẻo đều khác nhau
Ngày đêm tháng giờ có buộc giải.**

Bồ Tát có thể ở trong một lỗ chân lông, thấy được mười phương các cõi nước Phật. Chẳng những thấy được các cõi Phật mà còn thấy được tất cả chúng sinh. Trong ba đời sáu nẻo đều có nghiệp báo khác nhau. Ngày đêm tháng giờ đều khác nhau, hoặc bị nghiệp ràng buộc hoặc được giải thoát.

**Như vậy các Bồ Tát đại trí
Chuyên tâm hướng về bậc Pháp Vương
Chỗ của Phật trụ thuận tư duy
Mà được vô biên đại hoan hỷ.**

Như vậy có các Bồ Tát đại trí huệ, chuyên tâm hướng về quả vị Pháp Vương. Tức là tu pháp lục độ vạn hạnh, mới có thể trụ ở chỗ Đức Phật, tùy thuận tư duy của Phật, mà đắc được vô biên đại hoan hỷ.

**Bồ Tát phân thân vô lượng ức
Cúng dường tất cả các Như Lai
Thần thông biến hiện thắng vô tỉ
Chỗ hành của Phật đều trụ được.**

Bồ Tát phát tâm bồ đề, hay phân thân thành vô lượng ức, đến khắp mười phương chư Phật, để cúng dường tất cả chư Phật. Thần thông biến hiện của Bồ Tát rất thù thắng, chẳng gì sánh bằng. Phàm là nơi có Phật giáo hóa chúng sinh, Bồ Tát đều đến cúng dường. Vì Bồ Tát rộng tu pháp môn cúng dường.

**Chỗ vô lượng Phật đều suy ngưỡng
Hết thấy tạng pháp đều nếm vị
Thấy Phật nghe pháp siêng tu hành
Nhu uống cam lồ tâm hoan hỷ.**

Bồ Tát ở chỗ của vô lượng chư Phật, suy xét nghiên cứu nghĩa lý pháp của chư Phật nói, kính ngưỡng Phật pháp, dụng công tu tập. Hết thấy tạng pháp của Phật, Bồ Tát đều tìm pháp vị ở trong đó. Thấy được Phật, nghe được pháp bèn siêng năng tu hành, nghiên cứu pháp lý. Giống như uống nước cam lồ ngon ngọt, giải trừ đi sự khô khát, tiêu trừ hết tham sân si, cho nên tâm sinh đại hoan hỷ.

**Đã được Như Lai thắng tam muội
Khéo vào các pháp trí tăng trưởng
Tâm tin chẳng động như Tu Di
Khắp làm quần sinh công đức tạng.**

Bồ Tát ban đầu phát bồ đề tâm, thì đã đắc được định thù thắng của chư Phật. Khéo vào các pháp, diễn nói các pháp, thì trí huệ càng ngày càng tăng trưởng, tâm tin càng

ngày càng vững chắc, tuyệt đối chẳng giao động, như núi Tu Di. Khấp vì chúng sinh mà làm công đức tạng.

**Tâm từ rộng lớn khấp chúng sinh
Đề nguyện sớm thành nhất thiết trí
Mà luôn chẳng chấp chẳng chỗ nương
Lìa các phiền não được tự tại.**

Tâm từ bi của Bồ Tát rộng lớn vô bờ, khấp cứu hộ tất cả chúng sinh, nguyện chúng sinh sớm được thành tựu tất cả trí huệ. Tuy đắc được trí huệ, nhưng chẳng chấp trước, cũng chẳng chỗ nương tựa, lìa khỏi tất cả phiền não mà đắc được tự tại.

Tại sao chúng sinh làm chúng sinh ? Vì chẳng có lìa khỏi tất cả phiền não. Nếu lìa khỏi phiền não thì sẽ được giải thoát, đắc được tự tại. Tại sao Bồ Tát làm Bồ Tát ? Vì chẳng có phiền não. Bất luận việc gì ? Đề nghĩ đến chúng sinh, chẳng có chút tâm ích kỷ lợi mình nào, chỉ muốn lợi ích cho chúng sinh, Ngài cam tâm tình nguyện hy sinh tánh mạng của mình để phục vụ cho chúng sinh, tinh thần này thật là vĩ đại.

**Thương xót chúng sinh trí rộng lớn
Khấp nhiếp tất cả đồng như mình
Biết không vô tướng chẳng chân thật
Mà hành tâm nguyện chẳng giải thối.**

Bồ Tát có trí huệ rộng lớn, thương xót tất cả chúng sinh, cho nên khấp nhiếp thọ tất cả chúng sinh, như đồng

niếp thọ chính mình. Bồ Tát biết các pháp đều không, chẳng có thật tánh. Nhưng hành tâm nguyện của Bồ Tát đạo, vĩnh viễn chẳng giải đãi, chẳng thối lùi.

**Bồ Tát phát tâm công đức lượng
Ức kiếp khen ngợi không hết được
Vì sinh tất cả các Như Lai
Độc Giác Thanh Văn đều an lạc.**

Lượng công đức của Bồ Tát ban đầu phát tâm, dùng ức kiếp thời gian dài để khen ngợi tán thán, cũng nói không hết được. Mười phương chư Phật thuở xưa đều hành Bồ Tát đạo, đây là khiến cho hàng Thanh Văn và Độc giác đều đắc được an lạc.

**Mười phương cõi nước các chúng sinh
Thấy đều thí an vô lượng kiếp
Khuyến giữ năm giới và thập thiện
Tứ thiên tứ đẳng các định xứ.**

Bồ Tát trong mười phương các cõi nước, thường hành bố thí, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được an lạc, trải qua thời gian vô lượng kiếp. Lại khuyến nói hướng dẫn tất cả chúng sinh giữ năm giới, tu mười điều lành, và tu tứ thiên định và tứ đẳng định. Tứ đẳng tức là tứ không định, diệt thọ tướng định, đây là các định xứ.

**Lại trong nhiều kiếp thí an lạc
Khiến dứt các hoặc thành La Hán**

**Các phước đức đó tuy vô lượng
Chẳng bằng công đức phát tâm này.**

Bồ Tát lại ở trong nhiều đời nhiều kiếp, bố thí tất cả an lạc cho chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh dứt hoặc, chứng chân, trở thành quả vị A la hán. Phước đức đó tuy vô lượng vô biên, nhưng chẳng bằng so với công đức phát bồ đề tâm.

**Lại dạy ức chúng thành Duyên Giác
Được vô tánh hành đạo vi diệu
Dùng đó mà sánh tâm bồ đề
Tính đếm ví dụ chẳng bằng được.**

Bồ Tát lại dạy trăm ngàn vạn ức chúng sinh, thành tựu quả vị Duyên Giác. Đắc được tam muội vô trính, hành đạo vi diệu không thể nghĩ bàn. Công đức đó vô lượng vô biên. Song, so sánh với công đức ban đầu phát tâm bồ đề, dùng sự tính đếm ví dụ để hình dung, cũng chẳng bằng được.

**Một niệm qua được cõi số bụi
Như vậy trải qua vô lượng kiếp
Các cõi đó đếm còn lường được
Công đức phát tâm chẳng biết được.**

Trong một niệm, có thể đi qua các cõi Phật nhiều như số hạt bụi. Cảnh giới như vậy, trải qua vô lượng kiếp thời gian, cõi Phật đó đếm cũng chẳng cách chi biết được.

Song, tính đếm còn có thể biết được số lượng, nhưng công đức ban đầu phát tâm, chẳng có ai biết được là bao nhiêu ?

**Quá khứ vị lai và hiện tại
Hết thấy kiếp số vô biên lượng
Các kiếp đó đếm có thể biết
Công đức phát tâm không dò được.**

Kiếp quá khứ, kiếp vị lai, kiếp hiện tại, hết thấy kiếp số vô lượng vô biên, chẳng biết được có bao nhiêu ? Những kiếp số đó còn có thể biết được, song công đức ban đầu phát tâm Bồ đề, chẳng có ai có thể dò lường được cứu kính là bao nhiêu ?

**Dùng tâm Bồ đề khắp mười phương
Hết thấy phân biệt đâu chẳng biết
Một niệm ba đời đều thông đạt
Vì lợi ích vô lượng chúng sinh.**

Dùng tâm Bồ đề rộng lớn, đầy khắp mười phương thế giới. Hết thấy căn tánh và tri giải của chúng sinh đâu mà chẳng biết. Trong một niệm, thời gian ba đời đều thông đạt vô ngại. Bồ Tát phát tâm Bồ đề, vì lợi ích vô lượng chúng sinh, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử.

**Mười phương thế giới các chúng sinh
Muốn hiểu phương tiện ý hành vi
Với Bồ đề không dò được**

Công đức phát tâm khó biết được.

Mười phương thế giới hết thầy chúng sinh, Bồ Tát đều muốn minh bạch phương tiện trí huệ và ý niệm hành vi của họ, cùng với bờ mé của hư không có thể dò lường được, nhưng công đức Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề khó dò lường biết được.

Bồ Tát chí nguyện đồng mười phương Tâm từ nhuần khắp các quần sinh Khiến họ tu thành công đức Phật Cho nên lực đó chẳng bờ mé.

Bồ Tát ban đầu phát tâm, chí nguyện đầy khắp mười phương. Dùng tâm từ bi độ khắp chúng sinh, khiến cho họ bỏ mê về giác, tu thành công đức của Phật. Vì nhân duyên đó, cho nên sức lực công đức ban đầu phát tâm chẳng có bờ mé.

Chúng sinh muốn hiểu tâm ưa thích Các căn phương tiện hành khác nhau Ở trong một niệm đều thấu rõ Nhất thiết trí trí tâm đồng nhau.

Sự ưa muốn của chúng sinh, sự hiểu biết của chúng sinh, tâm ưa thích của chúng sinh, các căn và sở hành phương tiện pháp môn của chúng sinh đều khác nhau, mà chẳng giống nhau. Tuy rất phức tạp, nhưng Bồ Tát có thể trong một niệm đều biết được. Vì nhất thiết trí và nhất thiết chủng trí tâm đều đồng nhau, chẳng có khác biệt.

**Phát tâm hay lìa nghiệp phiền não
Cúng dường tất cả các Như Lai
Nghiệp hoặc sẽ lìa dứt liên tục
Khắp nơi ba đời được giải thoát.**

Phát tâm Bồ đề hay lìa khỏi tất cả nghiệp phiền não, mà hay rộng tu cúng dường tất cả chư Phật. Nghiệp và mê hoặc mà chúng sinh đã tạo ra đều đã dứt tuyệt. Quả sinh tử cũng đoạn tuyệt, chẳng còn liên tục nữa. Khắp nơi ba đời đều đắc được giải thoát.

**Một niệm cúng dường vô biên Phật
Cũng cúng vô số các chúng sinh
Cũng cúng hương hoa và màn đẹp
Tràng phan lọng báu y phục tốt.**

Bồ Tát dùng sức thần thông, ở trong một niệm, cúng dường mười phương vô số chư Phật. Cũng cúng dường vô số các chúng sinh. Dùng gì để cúng dường ? Dùng đủ thứ hương thơm, hoa đẹp, màn quý và tràng báu, phan báu, lọng báu, y phục tốt đẹp để cúng dường.

**Thức ngon tòa quý nơi kinh hành
Đủ thứ cung điện đều nghiêm đẹp
Tỳ Lô Giá Na châu báu đẹp
Như ý ma ni phát quang chiếu.**

Bồ Tát dùng thức ăn uống thơm ngon, tòa sư tử trân quý để cúng dường Phật, và chỗ đi kinh hành đều dùng bảy báu để trang nghiêm. Lại dùng đủ thứ cung điện để cúng dường chư Phật và tất cả chúng sinh, đều là trang nghiêm tốt đẹp. Châu báu đẹp Tỳ Lô Giá Na Phật, châu như ý, châu ma ni, đều phát ra ánh sáng chiếu soi mười phương thế giới.

**Niệm niệm như vậy đem cúng dường
Trải vô lượng kiếp không thể nói
Phước đức người đó tuy rất nhiều
Chẳng bằng đại công đức phát tâm.**

Trong niệm niệm, dùng đủ thứ bảy báu để cúng dường chư Phật và tất cả chúng sinh, trải qua vô lượng kiếp thời gian không thể nói. Phước báo của người đó tuy rất nhiều, nhưng chẳng bằng đại công đức ban đầu phát tâm Bồ đề.

**Đủ thứ các ví dụ nói ra
Đều không bằng phát tâm Bồ đề
Bởi các Nhân Trung Tôn ba đời
Đều từ phát tâm mà sinh ra.**

Bất cứ ví dụ nào, cũng đều không bằng công đức ban đầu phát tâm Bồ đề. Mười phương ba đời tất cả chư Phật, đều từ phát tâm Bồ đề mà sinh ra. Ai phát tâm Bồ đề thì người đó là Phật.

Phát tâm vô ngại chẳng bờ mé

**Muôn biết lượng đó không thể được
Nhất thiết trí trí thế tất thành
Hết thấy chúng sinh vĩnh viễn độ.**

Công đức phát tâm Bồ đề, chẳng có bờ mé nhất định, là viên dung vô ngại. Muôn biết công đức ban đầu phát tâm là bao nhiêu ? Không thể biết được, chẳng cách chi dò lường được. Nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, Bồ Tát cũng phải phát thế, tất sẽ được thành tựu. Bồ Tát phát tâm là vĩnh viễn độ thoát hết thấy chúng sinh, khiến cho họ thoát khỏi ba cõi, đắc được Niết Bàn khoái lạc.

**Phát tâm rộng lớn đồng hư không
Sinh các công đức đồng pháp giới
Sở hành phổ khắp như chẳng khác
Vĩnh lià chấp trước Phật bình đẳng.**

Bồ Tát là tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới. Phát tâm Bồ đề rộng lớn đồng với hư không. Phát tâm Bồ đề này, sinh ra công đức bình đẳng đồng với pháp giới. Bồ Tát sở hành, tuy nhiên phổ khắp pháp giới, nhưng vĩnh viễn lià khỏi tất cả sự chấp trước, và bình đẳng với sự giải thoát của chư Phật, chẳng có gì khác biệt.

**Tất cả pháp môn thấy đều vào
Tất cả cõi nước đều qua đến
Tất cả trí cảnh đều thông đạt
Tất cả công đức đều thành tựu.**

Hết thấy tám vạn bốn ngàn pháp môn, Bồ Tát thấy đều nhập vào, mười phương tất cả chư Phật cõi nước, Bồ Tát thấy đều nhập vào mười phương tất cả chư Phật cõi nước, Bồ Tát đều đi đến cúng dường chư Phật. Tất cả cảnh giới trí huệ của chư Phật, Bồ Tát đều thông đạt vô ngại. Hết thấy tất cả công đức của chư Phật, Bồ Tát đều thành tựu.

**Tất cả xả được luôn liên tục
Tịnh các giới phẩm chẳng chấp trước
Đầy đủ đại công đức vô thượng
Thường siêng tinh tấn chẳng thôi lui.**

Bồ Tát có tâm trạng từ bi khó xả bỏ mà xả bỏ được, cho nên luôn luôn bố thí liên tục không ngừng. Bồ Tát chẳng những tu pháp môn bố thí, mà còn tu pháp môn trì giới. Tu giữ tất cả giới phẩm thanh tịnh, mà chẳng chấp trước. Do đó, đầy đủ đại công đức vô thượng, Bồ Tát siêng tu pháp môn nhẫn nhục và pháp môn tinh tấn, vĩnh viễn chẳng thôi chuyển.

**Vào sâu thiền định luôn suy gẫm
Trí huệ rộng lớn cùng tương ưng
Đây là bậc Bồ Tát tối thắng
Sinh ra tất cả đạo Phổ Hiền.**

Bồ Tát siêng tu thiền định thâm sâu, tức cũng là tư duy tu. Luôn luôn tư duy tu, thì sẽ tương ưng với đại trí huệ. Tóm lại, trí huệ là từ trong thiền định sinh ra, ngồi

thiền ngồi đến lúc một niệm không sinh, thì đại trí huệ tự nhiên sẽ hiện tiền, tức cũng là trí huệ hơn người. Nói nông cạn cho dễ hiểu tức là thần thông, biết việc người chẳng biết, thấy việc người chẳng thấy. Lục độ này là hạnh môn tối thắng của Bồ Tát, do sự quan hệ phát tâm bồ đề, mà sinh ra tất cả đạo tu hành của Bồ Tát Phổ Hiền.

**Ba đời tất cả các Như Lai
Thấy đều hộ niệm sơ phát tâm
Đều dùng tam muội đà la ni
Thần thông biến hóa cùng trang nghiêm.**

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, chẳng có vị Phật nào mà chẳng hộ niệm Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề. Mười phương chư Phật dùng đủ thứ sức tam muội để gia trì Bồ Tát ban đầu phát tâm, lại dùng đủ thứ đà la ni và thần thông biến hóa cùng để trang nghiêm.

**Mười phương chúng sinh vô số lượng
Thế giới hư không cũng như vậy
Phát tâm vô lượng quá hơn đó
Cho nên hay sinh tất cả Phật.**

Mười phương thế giới chúng sinh, nhiều vô lượng vô biên. Thế giới cũng vô lượng, hư không cũng vô lượng. Phát tâm bồ đề cũng vô lượng, song vượt qua chúng sinh, thế giới, hư không, đủ thứ vô lượng. Tại sao ? Vì phát tâm bồ đề hay sinh ra tất cả chư Phật.

Tâm bồ đề là gốc mười lực

**Cũng là gốc bốn biện vô úy
Mười tám bất cộng cũng từ đó
Thấy đều từ phát tâm mà được.**

Tâm bồ đề là mẹ của tất cả chư Phật, cho nên sinh ra tất cả chư Phật. Lại là gốc mười lực của Phật, lại là gốc của bốn biện tài vô ngại. Lại là gốc của bốn vô sở úy, lại là gốc của mười tám pháp bất cộng. Tóm lại, tất cả pháp đều từ ban đầu phát tâm bồ đề mà chứng được.

**Thân sắc tướng trang nghiêm chư Phật
Cùng với diệu pháp thân bình đẳng
Trí huệ vô trước sở ứng cúng
Đều nhờ phát tâm mà đắc được.**

Thân sắc tướng trang nghiêm của mười phương chư Phật, tức cũng là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Thân bình đẳng, thân trí huệ, thân diệu pháp, thân vô trước, thân ứng cúng, đều từ sự phát tâm bồ đề mà đắc được đủ thứ thân đó.

**Tất cả Độc Giác Thanh Văn thừa
Các thiên tam muội vui cõi sắc
Và các tam muội cõi vô sắc
Đều nhờ phát tâm làm cơ bản.**

Tất cả Độc Giác thừa và Thanh Văn thừa, ở cõi sắc đắc được khoái lạc tam muội tứ thiên. Do đó: “Thiền duyệt vi thực, pháp hy sung mãn.” Ở cõi vô sắc đắc được khoái

lạc tam muội tứ không. Sự khoái lạc đó, chẳng cách chi hình dung được, đều là từ ban đầu phát tâm mà chứng được, cho nên ban đầu phát tâm làm cơ sở của các thiền tam muội.

**Tất cả trời người tự tại vui
Cùng với các cõi đủ thứ vui
Tấn định căn lực thấy các vui
Hết thấy đều do sơ phát tâm.**

Hết thấy người ở trên trời và người ở thế gian, đắc được sự an vui tự tại, cùng với đủ thứ sự an vui trong các cõi. Sự an vui của tín, tấn, niệm, định, huệ, năm căn và sự an vui của tín, tấn, niệm, định, huệ, năm lực (năm căn hay sinh ra năm lực). Đủ thứ sự an vui đó, đều từ ban đầu phát tâm mà đắc được.

**Nhờ nhân phát sinh tâm rộng lớn
Tất hay tu hành hạnh lục độ
Khuyên các chúng sinh hành chánh hạnh
Ở trong ba cõi thọ an vui.**

Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, lúc ở tại nhân địa thì phát tâm nguyện rộng lớn. Nguyện tất cả chúng sinh đoạn trừ tất cả phiền não, nguyện tất cả chúng sinh học tất cả Phật pháp, nguyện tất cả chúng sinh thành Phật đạo vô thượng. Vì phát thệ rộng lớn, cho nên mới tu hành hạnh lục độ. Công việc của Bồ Tát là khuyên nói tất cả chúng sinh

tu hành bồ đề chánh hạnh, ở trong ba cõi luôn thọ sự an lạc.

**Trụ Phật vô ngại trí thật nghĩa
Hết thấy diệu nghiệp đều khai xiển
Hay khiến vô lượng các chúng sinh
Đều dứt hoặc nghiệp hướng Niết Bàn.**

Bồ Tát hay trụ ở trí huệ viên dung vô ngại chân thật nghĩa lý của chư Phật, hết thấy nghiệp vi diệu đều vì chúng sinh khai diễn xiển dương diệu pháp, hay khiến cho vô lượng chúng sinh đều dứt trừ sạch hoặc thô, hoặc tế, hoặc thấy, hoặc suy nghĩ, cùng với hoặc trần sa và hoặc vô minh, để hướng về Niết Bàn.

**Khấp phát vô biên nguyện công đức
Đều ban vui tất cả chúng sinh
Suốt thưở vị lai nương nguyện hành
Thường siêng tu tập độ chúng sinh.**

Bồ Tát khấp phát nguyện công đức rộng lớn vô biên, nguyện ban cho tất cả chúng sinh an vui, nguyện đời đời kiếp suốt thưở vị lai, y chiếu nguyện của mình đã phát mà tu hành, thường siêng học tập pháp môn rộng độ chúng sinh.

**Vô lượng đại nguyện khó nghĩ bàn
Nguyện khiến chúng sinh đều thanh tịnh
Không vô tướng nguyện chẳng chỗ nương**

Nhờ nguyện lực nên đều hiểu rõ.

Bồ Tát phát vô lượng đại nguyện đều không thể nghĩ bàn, Ngài nguyện khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được pháp thanh tịnh, mà chẳng có tư tưởng nhiễm ô. Bồ Tát tu hành hạnh môn chẳng có chấp trước. Tại sao ? Vì tất cả pháp đều là không, chẳng có thật tướng. Tuy nhiên phát nguyện độ chúng sinh, nhưng chẳng chấp trước nguyện, cũng chẳng nương tựa vào nơi nào. Do nhờ phát nguyện lực, cho nên tất cả đều hiển hiện ra rõ ràng.

Rõ pháp tự tại như hư không Tất cả vắng lặng đều bình đẳng Pháp môn vô số không thể nói Vì chúng sinh nói chẳng chấp trước.

Bồ Tát thấu rõ tất cả tự tánh của tất cả các pháp như hư không. Bản thể của pháp là vắng lặng, pháp vắng lặng này là bình đẳng. Pháp môn có rất nhiều vô lượng không thể nói. Vì giáo hóa chúng sinh, ở trong sự không thể nói, vẫn phải nói pháp này. Tuy vì chúng sinh nói pháp, nhưng chẳng có sự chấp trước.

Như số chúng sinh bao kiếp số Nói công đức đó không hết được Nhờ ở nhà Như Lai rộng lớn Ba cõi các pháp không thể dụ.

Dù có dùng thời gian nhiều đại kiếp như số lượng chúng sinh, để nói công đức của Bồ Tát ban đầu phát tâm

bồ đề, cũng không thể nói hết được. Đã ở trong nhà rộng lớn của Như Lai, thì dùng tất cả các pháp trong ba cõi, để ví dụ công đức ban đầu phát tâm, cũng không thể ví dụ được.

**Muốn biết tất cả các Phật pháp
Hãy mau phát tâm bồ đề
Công đức tâm này tối thắng nhất
Sẽ được trí Như Lai vô ngại.**

Muốn biết hết thấy các pháp của mười phương chư Phật, thì hãy mau phát tâm bồ đề. Công đức của tâm bồ đề là tối thù thắng trong công đức, tất sẽ đắc được trí huệ chẳng chướng ngại của chư Phật.

**Tâm hành chúng sinh đếm biết được
Hạt bụi cõi nước cũng như thế
Bờ mé hư không có thể lường
Công đức phát tâm không dò được.**

Tâm niệm và hành vi của chúng sinh, có thể đếm biết được có bao nhiêu. Hết thấy hạt bụi trong mỗi cõi nước cũng có thể đếm biết được có bao nhiêu. Bờ mé của hư không cũng có thể độ lượng lớn bao nhiêu. Song, công đức của Bồ Tát ban đầu phát tâm, chẳng cách chi dò lường được.

**Sinh ra ba đời tất cả Phật
Thành tựu thế gian tất cả vui**

Tăng trưởng tất cả thắng công đức Vĩnh dứt tất cả các nghi hoặc.

Tâm bồ đề hay sinh ra ba đời tất cả chư Phật, tâm bồ đề hay thành tựu tất cả khoái lạc an vui của thế gian. Tâm bồ đề hay tăng trưởng tất cả công đức thù thắng. Tâm bồ đề hay vĩnh viễn dứt trừ tất cả nghiệp chướng nghi hoặc, nói chung, phát tâm bồ đề, mới có thể thành Phật đạo.

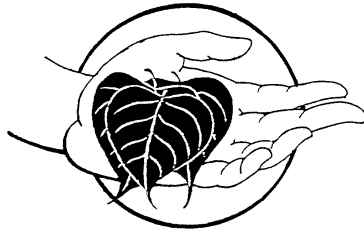
Mở bày tất cả diệu cảnh giới Trừ sạch tất cả các chướng ngại Thành tựu tất cả cõi thanh tịnh Sinh ra tất cả trí Như Lai.

Công đức của tâm bồ đề, hay mở bày tất cả diệu cảnh giới, hay trừ sạch tất cả các chướng ngại, hay thành tựu tất cả các cõi nước, hay thanh tịnh tất cả các cõi nước, hay sinh ra nhất thiết trí huệ của Phật.

Muốn thấy mười phương tất cả Phật Muốn thí vô tận tạng công đức Muốn diệt phiền não của chúng sinh Hãy nên mau phát tâm bồ đề.

Muốn thấy được mười phương ba đời tất cả chư Phật chăng ? Vậy thì phải phát tâm bồ đề. Muốn thành tựu tạng công đức vô cùng tận chăng ? Vậy thì phải phát tâm bồ đề. Muốn diệt trừ tất cả phiền não của chúng sinh chăng ? Vậy

thì phải phát tâm bồ đề. Hãy nên mau phát tâm bồ đề, mới đạt được mục đích hy vọng là cứu kính Niết Bàn.



Hồi hướng công đức

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tông Kinh diễn bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tông, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thầy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.





Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

Kệ hồi hương công đức

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liên phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những Kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 2.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5 (trọn bộ).
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 5.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 6.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 7.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 8.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 9.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 10.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 11.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 12.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 13.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 14.

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây sẽ tiếp tục lần lượt in ra những tập kế tiếp Kinh Hoa Nghiêm giảng giải.



Tất cả pháp không sinh
Tất cả pháp không diệt
Nếu hiểu được như vậy
Chư Phật thường hiện tiền.